NĂM THỨ NĂM • SỐ 47 • THÁNG BA, 1993 • GIÁ 3 MK

THẾ KỶ 21

PO BOX 2228-260 • WESTMINSTER, CA 92683 • ĐT : (714) 894-9021 • FAX: (714) 894-2752

QUÂN TỬ: Tổng Kết Kinh Tế Việt Nam Hậu Cấm Vận

NGÔ THANH TÙNG: Yosemite Và Giai Điệu Ánh Sáng

HÀ KỲ LAM: Con Chó Đại Đan Mạch

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC
GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:
Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

DINH DƯỠNG TRỊ LIỆU

Quyển sách biên khảo quan trọng nhất trong năm đã phát hành:

Tác giả:

Bác Sĩ NGUYỄN THẾ THỨ

Bác Sĩ Chiropratic
Thạc Sĩ Dinh Dưỡng
Thạc Sĩ Chỉnh Hình

DINH DƯỠNG TRỊ LIỆU

Lần đầu tiên từ 17 năm qua, một quyển sách y học bằng Việt ngữ chỉ dẫn cặn kẻ những phương thức trị bệnh bằng dinh dưỡng, ngừa bệnh bằng dinh dưỡng và tạo dựng một thế hệ trẻ, khỏe, sống lâu hơn. Một quyển sách mà tất cả mọi gia đình đều phải có để có thể tham khảo trong mọi trường hợp.
Sách thực hiện thật công phu và tốn kém gồm:

- Trình bày những chất căn bản để nuôi sống con người
- Trình bày những nguyên lý biến sinh trong cơ thể
- Trình bày những bất bình thường trong sự dinh dưỡng cho khoảng gần 100 loại bệnh.
- Sách dầy 928 trang, khổ lớn (8.1/2" x 11"), bìa cứng giấy láng, gồm 264 hình ảnh và hình vẽ cùng 6 phụ bản màu (full color)
- Sách tham khảo về dinh dưỡng cho các Bác sĩ và Đông y sĩ
- Sách phát hành đúng ngày mồng 4 tháng 1 năm 1993.

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Bà NGÔ XUÂN PHƯƠNG
7891 Westminster Blvd
Westminster, CA 92683
(714) 891-7775
Fax: (714) 891-2596

MỤC LỤC TỔNG QUÁT

Phần I:	**Nguyên tắc căn bản của dinh dưỡng**	**1-154**
Chương 1:	Dẫn nhập	3
Chương 2:	Chất dưỡng	13
Chương 3:	Chất đạm	27
Chương 4:	Chất béo	41
Chương 5:	Vitamin	53
Chương 6:	Khoáng chất	111
Chương 7:	Nước và chất điện giải	141
Phần II:	**Nguyên lý sinh hóa trong cơ thể con người**	**155-286**
Chương 8:	Đặc tính sinh hóa trong tế bào	157
Chương 9:	Sự sinh hóa của dinh dưỡng trong tế bào	179
Chương 10:	Chất điều tố và kích thích tố	209
Chương 11:	Hệ thống miễn nhiễm	219
Chương 12:	Đời sống của tế bào	233
Chương 13:	Điều hòa dinh dưỡng trong cơ thể	261
Phần III:	**Ảnh hưởng nguyên sinh trong sự mất quân bình dinh dưỡng**	**287-288**
Chương 14:	Bất bình thường biến năng chất đường	289
Chương 15:	Bất bình thường biến năng chất đạm và chất béo	301
Chương 16:	Phản ứng của thuốc với dinh dưỡng	307
Chương 17:	Gia chất và sự nhiễm độc trong thực phẩm	313
Chương 18:	Giá trị thực phẩm biến chế và bảo tồn	323
Phần IV:	**Quân bình dinh dưỡng trong cuộc sống**	**331-402**
Chương 19:	Dinh dưỡng cho thời kỳ thai nghén và cho con bú	335
Chương 20:	Dinh dưỡng cho hài nhi, ấu nhi và thiếu niên	345
Chương 21:	Dinh dưỡng và thể thao	361
Chương 22:	Dinh dưỡng và tuổi già	375
Chương 23:	Dinh dưỡng cho người bệnh không thể ăn được	389
Phần V:	**Dinh dưỡng trị bệnh**	**403-718**
Chương 24:	Dinh dưỡng trị bệnh thần kinh	405
Chương 25:	Dinh dưỡng trị bệnh về mắt	435
Chương 26:	Dinh dưỡng trị bệnh về răng, lợi, miệng	449
Chương 27:	Dinh dưỡng và bệnh đau thực quản	461
Chương 28:	Dinh dưỡng và bệnh đau bao tử	471
Chương 29:	Dinh dưỡng và bệnh viêm lá lách	481
Chương 30:	Dinh dưỡng và bệnh đau tim	489
Chương 31:	Dinh dưỡng bệnh đau gan	521
Chương 32:	Dinh dưỡng và bệnh đau ruột	541
Chương 33:	Dinh dưỡng và bệnh bại thận	561
Chương 34:	Dinh dưỡng và bệnh phổng	579
Chương 35:	Dinh dưỡng và huyết áp cao	593
Chương 36:	Dinh dưỡng và bệnh cứng thành động mạch	609
Chương 37:	Dinh dưỡng và bệnh tiểu đường	619
Chương 38:	Dinh dưỡng và bệnh ung thư	635
Chương 39:	Dinh dưỡng và bệnh nghiện rượu	647
Chương 40:	Dinh dưỡng và bệnh phong thấp	657
Chương 41:	Dinh dưỡng và bệnh xốp xương	675
Chương 42:	Dinh dưỡng và bệnh mềm xương	681
Chương 43:	Ảnh hưởng độc hại khi dùng quá nhiều Vitamin	687
Chương 44:	Chẩn lý tình trạng dinh dưỡng	695
Chương 45:	Dinh dưỡng cho chúng ta	709
Phần VI:	**Phụ lục**	**719-880**
Phụ bản 1:	Diễn nghĩa	721
Phụ bản 2:	Danh từ Mỹ Việt đối chiếu	741
Phụ bản 3:	Giá trị dinh dưỡng	747
Phụ bản 4:	Bảng tóm tắt đề nghị nhu cầu dinh dưỡng của Mỹ	812
Phụ bản 5:	Bảng đề nghị Nhu Cầu Dưỡng Sinh của Nhật Bản. 1984†	813
Phụ bản 6:	Bảng tóm tắt đề nghị nhu cầu dinh dưỡng, Gia Nã Đại 1983	815
Phụ bản 7:	Danh sách thực phẩm thay đổi cho người bệnh tiểu đường	816
Phụ bản 8:	Cách tính khẩu phần cho người bệnh Tiểu Đường/ ăn kiêng	820
Phụ bản 9:	Danh sách thực phẩm đổi món cho người ăn chay	822
Phụ bản 10:	Ước lượng số Vitamin và khoáng chất bổ túc	824
Phụ bản 11:	Nhu cầu năng lượng hàng ngày và số lượng chất đạm	825
Phụ bản 12:	Bảng năng lượng chiều cao, sức nặng của Hoa Kỳ	826
Phụ bản 13:	Công dụng của các loại thuốc	827
Phụ bản 14:	Phản ứng của thuốc với dinh dưỡng	828
Phụ bản 15:	Ước lượng năng lượng căn thiết để lên cân	833
Phụ bản 16:	Đề nghị số lượng dinh dưỡng ăn vào theo WHO, 1974	834
Phụ bản 17:	Năng lượng tiêu thụ trung bình & số lượng ăn WHO, 1971	835
Phụ bản 18:	Năng lượng tiêu thụ trong 24 giờ và hiệu quả của công việc	836
Phụ bản 19:	Mức độ trung bình thử nghiệm Y Khoa	837
Phụ bản 20:	Số năng lượng căn bản hàng ngày cho vị thành niên	841
Phụ bản 21:	Số năng lượng căn bản hàng ngày cho người lớn	842
Phụ bản 22:	Cách tính năng lượng căn thiết cho trẻ sơ sinh đến 1 tuổi	843
Phụ bản 23:	Số năng lượng trung bình theo nhu cầu mỗi ngày cho trẻ em	844
Phụ bản 24:	Cân nặng lý tưởng cho đàn ông và đàn bà từ 25 tuổi trở lên	845
Phụ bản 25:	Bảng hướng dẫn bổ túc dinh dưỡng và trị liệu	845
Phụ bản 26:	Bảng đối chiếu nhiệt độ Celsius *(bách phân)* và Fahrenheit	846
Phụ bản 27:	Lũy thừa tăng và giảm của hệ thống Metric	848
Phụ bản 28:	Các đơn vị đo lường	849
Phụ bản 29:	Bảng hệ số đổi các đơn vị đo lường dùng trong dinh dưỡng	851
Phụ bản 30:	Bảng đối chiếu hệ thống đo lường	853
Phụ bản 31:	Chữ Hy Lạp	856
Phụ bản 32:	Nhịn ăn để rửa ruột lọc gan và thận	857
PHỤ TRANG MÀU:	Hồng huyết cầu Bạch huyết cầu	310A, B, C, D, E, F
DANH MỤC		859

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

P.O.BOX 2228-260
Westminster, CA 92683
Đ.T: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752

Chủ Nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ Bút:
Vương Hữu Bột

Tổng Thư Ký
Nguyễn Xuân Hoàng

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$ 15; 12 số US$ 28; 24 số US$ 54, First class trong nước Mỹ 6 số US$ 22; 12 số US$ 42; 24 số US$ 82. Canada: 6 số US$ 23; 12 số US$44; 24 số US$ 86. Các nơi khác: *Âu Châu;* 6 số US$ 32; 12 số US$ 62; 24 số US$ 122; *Á, Úc, Phi:* 6 số US$ 37; 12 số US$ 72; 24 số US$ 142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về P.O.Box 2228-260, Westminster, CA 92683. Đ.T: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ CHỦ NHIỆM

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Đang cầm tờ báo Xuân 152 trang, cầm tờ báo số 47 này, 96 trang, chắc hẳn người đọc thấy... hẫng. Tòa báo cũng vậy. Anh chị em trong nhóm thực hiện tờ Thế Kỷ 21 *rất mong "báo nhà" tháng nào cũng dày như báo Xuân! Để cầm lên thấy nặng tay, để đọc cả tháng mới hết bài, để chuyên chở hết những đóng góp của cộng tác viên và thân hữu.*

Sẽ có một ngày, Thế Kỷ 21 *mỗi tháng đều dày như báo Xuân - nhưng phải đi từ từ và cần nhiều nỗ lực, của nhóm chủ trương, và sự yểm trợ của tất cả bạn đọc và thân hữu của tờ báo.*

Về mặt hình thức và nội dung cũng phải tăng tiến, chớ không chỉ có số trang và số lượng phát hành. Từ số này, Thế Kỷ 21 *đổi kiểu và cỡ chữ. Nhiều độc giả - kể cả các bạn trẻ, chưa phải đeo... kính lão - than phiền chữ của tờ báo nhỏ quá, đọc mỏi mắt. Hy vọng với chữ mới, người đọc thấy thoải mái hơn. Tăng cỡ chữ thì phải giảm lượng bài. Muốn không giảm lượng bài thì phải tăng trang.*

Mặt khác, nhu cầu đưa nội dung tờ báo đến với những thành phần độc giả bên ngoài cộng đồng người Việt, và người Việt thế hệ thứ hai ở hải ngoại, ngày một bức thiết. Tòa báo đang nghiên cứu để có thể thực hiện sớm phần Anh ngữ trong mỗi số báo. Mong quý vị - nhất là các giáo sư, nhà nghiên cứu, và sinh viên - có tin tức, bài vở bằng tiếng Anh, gửi ngay về tòa soạn.

Cũng kể từ số này, bài đăng trên Thế Kỷ 21 *sẽ có nhuận bút. Trường hợp các tác giả không muốn lấy nhuận bút, tòa báo sẽ tặng sách, báo, băng nhạc, hoặc phiếu nhận báo dài hạn để quý vị tặng lại thân nhân, bằng hữu của mình.*

Thân ái chào và mong nhận được ý kiến, tin tức, bài vở cũng như phiếu mua báo của quý vị và các bạn.□

Mục lục

Thư Chủ nhiệm, **Lê Đình Điểu**, 2 ● Thư độc giả, 4 ● Tư hữu hóa, **Vương Hữu Bột**, 8 ● Viễn ảnh kinh tế Việt Nam, **Quân Tử**, 18 ● Hơn nửa thế kỷ hội họa Việt Nam qua phòng triển lãm mùa Xuân 93, **Trần Hồng**, 26 ● Chống thì cứ chống, **Hứa Trúc**, Thư Saigon, 32 ● Phấn trắng, giấy trắng, hai bàn tay trắng...Câu chuyện giáo dục ở Việt Nam, **Trần Tri**, 34 ● Tường trình từ một thành phố bị bao vây, thơ **Zbigniew Herbert**, **Hoàng Ngọc Biên** dịch, 36 ● Lại Hữu Đức trong nhiếp ảnh, hội họa và điêu khắc, **Đông Nguyên**, 38 ● Tin Việt Nam, 43 ● Tin Mỹ, 54 ● Lỗ đen, khoa học, **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**, 55 ● Thư gửi Christina, **Phạm Xuân Đài**, 58 ● Vỡ tổ, truyện, **Hoàng Khởi Phong**, 62 ● Cuối năm, thơ **Hà Trung**, 64 ● Chân dung, Sợi thời gian, thơ **Trần Mộng Tú**, 66 ● Khúc nhạc xưa, thơ **Thiện Hỷ**, 68 ● Yosemite và giai điệu ánh sáng, **Ngô Thanh Tùng**, 70 ● Đoán thơ, **Nguyễn Văn Ngọc**, 74 ● Con Chó Đại Đan Mạch, truyện, **Hà Kỳ Lam**, 75 ● Nguyệt lãng, thơ **Huệ Thu**, 79 ● Những ngày muốn quên của Đoàn Thêm, **Nguyễn Mạnh Hùng** đọc, 82 ● Chữ và nghĩa, **Kim Bồng**, 84 ● Khi chia tay ở một ngã rẽ của cuộc đời, và xin chia buồn một khoảng đời tha phương lạc lõng, thơ **Huỳnh Liễu Ngạn**, 86 ● Hành lang mật Bắc Bộ Phủ, **Tư Rà Rà**, 88 ● Sách báo trong tháng, **Lê Tam Ca & Nguyễn Nam Anh**, 90 ● Ô chữ, **Cao Tùng**, 94 ● Trong cõi người ta, **Tư Rà Rà**, 96.

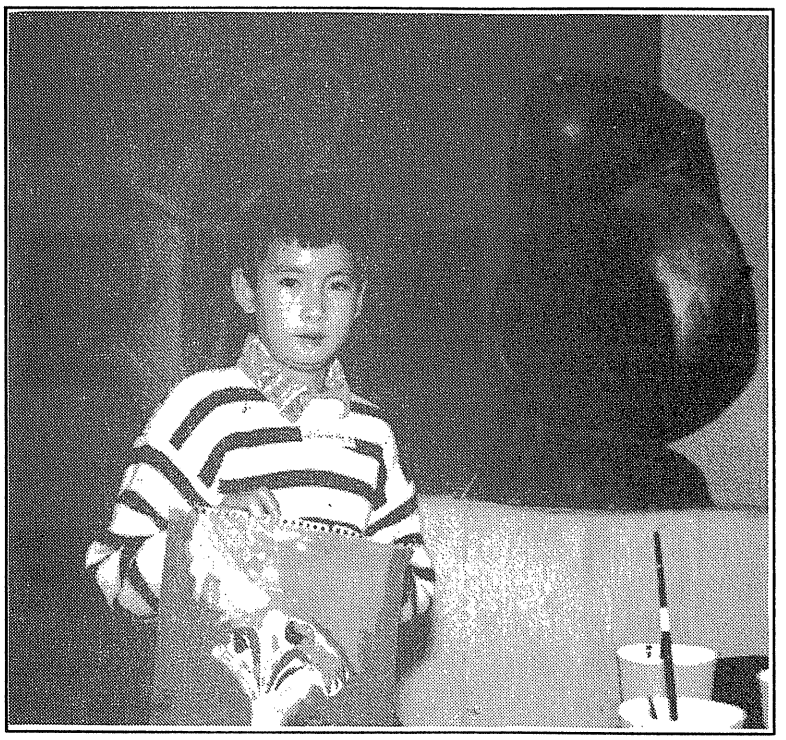

Tác giả tranh bìa của *Thế Kỷ 21* số 47: Nguyễn Trần Việt Hùng, 10 tuổi. Với tranh này, Việt Hùng đoạt giải nhất (cấp 2, lứa tuổi 8 tới 10) cuộc thi vẽ Thiếu Nhi do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức ngày 24 tháng Giêng 1993, tại Phòng Triển Lãm Thế Kỷ (cũng là báo quán *Thế Kỷ 21*), đường Moran. thị xã Westminster.

Hình trên, Nguyễn Trần Việt Hùng và tranh dự thi, chụp ngay khi em vừa vẽ xong. Ảnh Lý Kiến Trúc.

Thư độc giả

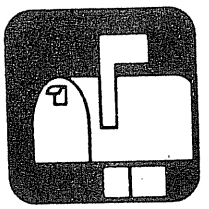

Gặp lại

Tôi rất vui khi được cầm lại tờ *Thế Kỷ 21* sau một thời gian bặt tin. Mặc dù tôi rất bận trong nhiều công tác nhưng cũng phải dành thì giờ đọc và quảng bá nữa. Từ nội dung đến hình thức của tờ *Thế Kỷ 21* đã nói lên công nhọc nhằn của quý vị để thành hình mỗi tháng một số báo hầu đáp ứng món ăn tinh thần cho đồng bào mình ở hải ngoại và đương nhiên là quê nhà nữa.

Tôi cầu chúc Ơn Trên ban mọi ân lành cho ông, quý quyến và toàn thể quý vị trong Ban điều hành đều được mạnh khỏe, vui tươi và đoàn kết để phát triển tờ *Thế Kỷ 21* mỗi ngày mỗi vững mạnh hơn.

Mục sư Trần Quang Vinh
Michigan

TK21 cám ơn lòng ưu ái của Mục sư, và xin cố gắng hơn nữa.

Báo Xuân TK21

Báo Xuân 1993 rất khá. Hãy theo đường lối như vậy. Hãy đặt quyền lợi 60 triệu đồng bào lên trên hết. Chế độ Cộng Sản sẽ chết. Nhưng tự do và đa đảng bây giờ quá sớm. Hãy coi "Tự Do" và "Đa Đảng" ở Bolsa và Silicon Valley!!!

Jimmy F.
San Jose

TK21 thấy Bolsa và Silicon Valley cũng... vui đấy chứ! Mình dẹp mấy cái đó thì mình lại độc tài ở đâu kia mất rồi!

Ảnh tác giả

Trong số báo *Thế Kỷ 21* Xuân Quý Dậu, tôi tâm đắc nhất là bài "Rồi cũng qua đi" của Du Li. Tác giả có một kiến thức sâu sắc về tư tưởng Phật Giáo. Có một nhân sinh quan rất rộng rãi, và nhất là có một quan niệm rất đúng đắn về sự hòa hợp hòa giải của dân tộc Việt Nam sau này.

Tôi muốn tìm hiểu thêm tác giả vậy mong anh cho ít dòng tiểu sử tác giả (có ảnh càng tốt) như quí báo thường làm ở cuối mỗi bài, và cần nhất là những bài Du Li đã viết.

Hoàng Mai
Michigan

TK21 không được quyền tiết lộ "thân thế và sự nghiệp" của tác giả nếu không có sự đồng ý của "đương sự." Sẽ chuyển thơ của bạn tới Du Li.

Thế Kỷ 21 ơi!

Độc giả thắc mắc xin *TK21* giải thích giùm:

1- Xem bức tranh *Đình Làng* của Dương Phước Luyến trong *TK21* số 44 kẻ xem tranh này còn đang thắc mắc chưa biết hỏi ai thì đến bài "Vẻ đẹp của nền điêu khắc dân gian cổ" của Huỳnh Hữu Ủy làm cho cái thắc mắc ấy càng lớn thêm (TK21 số 45 + 46). Trang 90 cột 1 giòng thứ 7 từ dưới lên "*Ngôi đình thường thân yêu núp bóng dưới những cây đại thụ...*"

Cách đây vài chục năm, thấy các nhà văn lúc đó tả cảnh dân đinh trong làng thiếu sưu, thiếu thuế, bị bắt giải ra sân đình, bị tra khảo đánh đập và nhất là bị đứng bêu nắng giữa sân đình, có kẻ say nắng chết ngất, tôi có tò mò hỏi ông tôi sao không trồng cây che mát sân đình. Ông tôi, một người thuộc lớp "nho cuối mùa," giải thích: "quanh đình chùa thường trồng cây hoa đại, hoa ngâu, hoặc một số cây không có tàn lớn, rễ to ăn rộng, mà cũng không được trồng quá gần vì đình chùa là nơi linh thiêng. Rễ to, ăn lan làm vỡ gạch sân đình, động thổ đình làng là điều kiêng kỵ. Cây cao, tán to mà mưa bão, đổ gẫy làm sập mái đình chùa cũng là điều phải tránh. Vì thế đình làng luôn thiếu bóng mát. Lớn lên, tôi cũng đi nhiều nơi, xem nhiều đình chùa. Quả là tôi chưa ghi nhận mái đình nào núp bóng dưới những cây đại thụ. Đình làng thường có cột đình cao, bề thế. Sân đình thường cao hơn đường cái quan vài bậc. Từ sân đình, còn vài bậc nữa mới là thềm đình. Chẳng thế sao ngày xưa, việc làng mới có chỗ gọi là "chiếu trên." Ngay cây đa đầu làng cũng đâu có để cho mái đình núp bóng được. Nam Cao từng tả "Ông Cửu Đoành *bước xuống* thềm đình giữa tiếng cười, tiếng vỗ tay tán thưởng của bọn đàn em nổ như xe phành phạch." Như đình làng trong tranh của ông Dương Phước Luyến mà còn bước xuống nữa chắc chắn là rơi tõm xuống nước.

Tôi nghĩ: Bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh hoàn toàn có lý, khi bà lo ngại về cái khả năng dân Bách Việt nói tiếng "Bách ngữ," kể cả ngôn ngữ của Hội họa.

2- Ngày bé, nghe lỏm ông tôi nói chuyện với bạn đồng học về Tử vi lý số. Chẳng hiểu gì, tôi

cũng ghi nhận lời các cụ nói "Nhâm biến vi vương" và

"Trai nhâm đinh quý thì tài
Gái nhâm đinh quý phải hai lần đò."

Nay thấy tác giả Thanh Nguyễn (*TK21* số 45, 46 trang 34) bảo "*con gái sinh nhằm năm quý cũng lại tốt*" thì tôi không hiểu tốt thế nào. Phải chăng số ở đất Tây thì lấy nhiều đời chồng (nhiều lần đò) "tốt" hơn chỉ có một lần???

Kẻ Bưởi

TK21 cám ơn Kẻ Bưởi đã góp ý xây dựng. Riêng chi tiết liên quan đến bức tranh Đình Làng của Dương Phước Luyến, tòa soạn nhận lỗi về mình, chứ không phải họa sĩ vẽ "ẩu." Đúng ra, bức tranh của DPL trang 83, số 44, góc trên bên trái, là "Lăng Khải Định." Còn bức "Đình Làng" không in trong số báo này. Tòa soạn trân trọng cáo lỗi cùng độc giả và họa sĩ Dương Phước Luyến.

Chuyện "chữ và nghĩa"

Thế Kỷ 21, số 42 có bài viết của Đàm Trung Pháp về những uyển ngữ được sử dụng để làm đẹp lòng người. Tác giả đưa thí dụ: "thay vì dùng chữ *janitor* để diễn tả một chức vụ không được trọng vọng cho lắm, người Mỹ dùng từ ngữ *building engineer* nghe dễ thương hơn nhiều."

Có lẽ ông Đàm đã lầm chữ *building engineer* với chữ *custodian*? Mỹ từ để gọi *janitor* là chữ *custodian*. Cũng như thay vì gọi *maid*, hay *butler* (người giúp việc trong nhà), người ta gọi rất hoa mỹ là *domestic engineers* (!). *Building Engineering* là ngành khác, và người hành nghề này phải có một trình độ kỹ thuật tối thiểu, thường phải được chấp nhận bởi một hội đồng giám khảo của thành phố hay là tiểu bang nơi hành nghề. *Building engineer* (nhiều tiểu bang vẫn còn gọi là *stationary engineer*) là những nhân viên bảo trì, sử dụng máy móc trong nhà máy phát điện, hệ thống điện lạnh, máy hơi nước (*steam boiler*) có áp lực nhỏ như trong một building, hay lớn như trong một nhà máy phát điện (dùng để chạy turbine phát điện). Những thành phố lớn như New York, Washington, D.C., Houston, Austin... đòi cá nhân phải có giấy phép hành nghề. Mười năm trước đây nhiều tiểu bang bắt ứng cử viên phải là công dân Mỹ mới được phép thi lấy giấy phép hành nghề. Điều này cho thấy sự quan trọng của *building engineer* trong kỹ nghệ phát điện, hay điều khiển nhà máy phát điện.

Ta không thể gọi *janitor* là *building engineer* dù muốn làm đẹp lòng quí ông *janitors* cách mấy. Nhất là khi có một *building engineer* nào đó đang đứng gần!

NKP
Virginia

TK21 hỏi lại thì được biết NKP nói đúng, nhưng ông Đàm cũng không sai: ở Texas, nhiều người dùng từ building engineer *thay cho* custodian.

Tiếng vọng từ Liên Xô cũ

Chắc các anh chị cũng hiểu và thông cảm cho những khó khăn về vật chất và tinh thần mà chúng tôi gặp phải bên này. Rất mong nhận được *Thế Kỷ 21* thường xuyên mà chẳng biết có được không. Chúng tôi xin chân thành cám ơn các anh chị. Và dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cảm tình của chúng tôi đối với *Thế Kỷ 21* cũng luôn nguyên vẹn. Cuối cùng xin kính chúc các anh chị và tạp chí *Thế Kỷ 21* tất cả những lời chúc tốt đẹp nhất!

Phạm Trí Dũng
Moldova (CIS)

TK21 cám ơn các bạn ở Nga, và rất thông cảm hoàn cảnh kinh tế khó khăn của các bạn. Đã nhận được thơ và bài cảm nghĩ về thơ TTY. Sẽ đăng.

Cần săn sóc kỹ hơn nữa

Lúc này bìa *Thế Kỷ 21* đẹp, màu sắc và tranh chọn đều trang nhã, có giá trị, các trang trong cũng ngày một sáng sủa hơn.

Các phần thời sự, chính trị, ở phía trước, văn nghệ ở phía sau rất đúng (vì báo nhắm vào quảng đại quần chúng), tuy nhiên trong mỗi phần, sự sắp xếp đôi khi không hợp lý, còn hơi... "lộn xộn," và nhất là những quảng cáo chen vào giữa khiến tờ báo bị "loãng" đi. Ngoài ra có một số tin tức, tài liệu quá ngắn và rời rạc, chưa đủ đào sâu, một số tài liệu khác lại quá dài. Một số bài đăng chỉ vừa gọn trong một trang trọn như một chủ ý để không có phần dư, kéo dài... nhưng thật ra một trang rất ngắn, nếu trúng chủ đề hay, đáng chú ý, thì quả thật đọc... không đã. Các tài liệu có được của *Thế Kỷ 21* về Việt Nam lúc này rất hấp dẫn, có giá trị.

Ngọc Khôi
Paris

TK21 cám ơn bạn đã phê bình xây dựng. Vẫn liên tục cố gắng và từ từ thay đổi đấy. Cám ơn luôn vụ giới thiệu thân hữu. Đã gửi báo cho quý vị đó rồi. Nhờ bạn nhắc cho một câu! Chúc vui.

Những lỗi in sai làm mất nghĩa

Đề nghị ban biên tập "nghiên cứu" cách nào

để tránh những lỗi in sai làm mất nghĩa của bài hoặc thư độc giả gửi tới. *TK21* số 45 & 46, trang 7, mục "Thư Độc Giả", có hai câu chữ Hán:

Khách bất đáo lai môn hộ *tục*
Thi thư bất độc tử tôn ngu.

Tòa báo cho in là *môn* hệ *tục*, chẳng có nghĩa gì cả.

Rồi đến bài thơ tiếng Đức của Heinrich Heine cũng nhiều chữ sai.

Gần cuối, có thành ngữ Hán-Việt "thiểu năng *trí tuệ*" in thành "thiểu năng *tri túc*"!

T.H.

TK21 có ông... Đồ Tỉnh chuyên lo việc "chữ nghĩa," nhưng đôi khi (hay nhiều khi?!) ông ấy cũng... không tỉnh cho lắm (trái với tỉnh thì có say, hoặc... ngủ gật)! Sẽ "đánh thức" ông ấy, hoặc cho ông ấy uống nước chanh không đường.

Giới thiệu tổ chức văn hóa của thân hữu ở Na Uy

Hội Bạn Đọc Sách Báo Việt Nam Na Uy, từ 1990 đến nay, đã trở thành Trung tâm Sinh hoạt Văn hóa Việt Nam Na Uy, thông qua việc đọc sách báo, mang tên là NOVIB.

Nhiệm vụ chính của NOVIB, trong Khu vực Sách báo Việt ngữ, ngoài việc trao đổi văn hóa Đông Tây, còn:

1- Thông báo cho các hội viên, cùng nhiều bạn đọc khác, những tin tức mới về sách báo Việt ngữ và sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam tại Hải ngoại. Bao gồm các hoạt động sáng tác, xuất bản, phát hành, phê bình và giới thiệu sách báo trong tháng.

2- Tìm kiếm và phổ biến các nguồn cung cấp sách báo Việt ngữ cho phần lớn bạn đọc Việt Nam và một số bạn đọc Na Uy muốn nghiên cứu, học hỏi và giải trí hoặc sưu tầm sách báo.

Trên chiều hướng đó, bước sang năm 1993, NOVIB mở rộng tầm hoạt động ra toàn cõi Bắc Âu: Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch và Thụy Điển.

Với chương trình MỖI NHÀ MỘT TỦ SÁCH BÁO, NOVIB may mắn được sự hưởng ứng mạnh mẽ của quý bạn đọc tại Bắc Âu, đặc biệt là giới sinh viên học sinh Việt Nam. Nhờ thế, sách báo sẽ được mang đến tận nhà, từng bạn đọc một, ở các địa phương. Phương thức này đã được NOVIB thực hiện tại Na Uy trong ba năm qua, kết quả hết sức khả quan.

Nhưng NOVIB sẽ khó thành công trong toàn cõi Bắc Âu, rất khó, nếu không được sự hướng dẫn của Ông Bà về kinh nghiệm phát hành sách báo, đặc biệt là sự khích lệ của quý nhà văn, nhà báo, nhà xuất bản và nhà phát hành báo Việt ngữ tại Hải ngoại.

Do đó, NOVIB thành thực mong Ông Bà vui lòng cung cấp cho NOVIB các tài liệu, dữ kiện cùng tin tức về sinh hoạt văn học nghệ thuật và sách báo của Ông Bà, càng nhiều càng tốt, để:

1/ Quý bạn đọc ở Bắc Âu sẽ sớm được biết những tin tức đúng về tình hình sách báo mới xuất bản, tái bản hoặc tục bản, kể cả việc phát hành, ra mắt và quảng cáo.

2/ Cũng thông qua NOVIB, quý bạn đọc sẽ nhận được các thư mục số tựa sách (đầu sách) hiện có hoặc sắp xuất bản, bất kể số sách báo đó ít hoặc nhiều, cũ hay mới.

Nguyễn Thị Vinh
Na Uy

TK21 trân trọng giới thiệu NOVIB với các nhà xuất bản, phát hành, các tòa báo và các tác giả - để quý vị yểm trợ NOVIB, qua đó phát huy sinh hoạt văn hóa Việt Nam tại hải ngoại. Sau đây là địa chỉ liên lạc của NOVIB (do hai văn hữu Nguyễn Thị Vinh và Nguyễn Hữu Nhật chủ trương):

KALBAKKVN. 17
0953 OSLO
NORWAY
TEL: 47-2 165607 & 47-2 711268

THÔNG BÁO

Để tiện cho quý độc giả, và cũng tiết kiệm được cho tòa báo, xin quý vị trả tiền báo dài hạn bằng tiền địa phương cho các đại diện phát hành ở quốc gia mà quý vị cư trú. Hiện nay, *Thế Kỷ 21* đã có các đại diện ở Pháp, Đức, Na Uy, Úc, Nhật và Canada. Bạn đọc và thân hữu ở các nước khác muốn làm đại diện xin liên lạc với tòa báo để cùng bàn về các điều kiện.

Xin gửi ngân phiếu, lệnh phiếu, đề tên vị đại diện và gửi về địa chỉ vị đó:

- *Tại Pháp:* Mme Lê Tất Luyện, 56 Place Souham, 75013 Paris.
- *Tại Đức:* M. Trần Hưng, Krim Str. 9, 46 Dortnumd 1.
- *Tại Na Uy:* NOVIB, Kalbakkvn .17, 0953 Oslo.
- *Tại Úc:* * Mr. Gia Du, 37 Wolseley St., Fairfield NSW 2165.
  hoặc * Vietnam Language & Culture Pub., PO BOX 133 Pascoe Vale, S. VIC 3044.
- *Tại Nhật:* Thằng Bờm, 1 Shinowada 262 Ichodanchi 72-918, Yamatoshi Kanagawaken.
- *Tại Canada:* M. Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot Brossard, Quebec J4Z 2W8.

Nếu gửi thẳng về tòa báo ở California, xin quý vị dùng *international money order* và Mỹ Kim *(US Dollar)* mà thôi.

Trân trọng cảm tạ sự ủng hộ và hợp tác của quý vị.

THẾ KỶ 21

Tòa soạn và bạn đọc

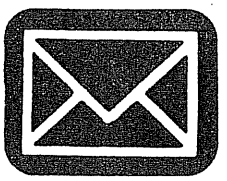

● **Nguyễn C. Bằng** (*Pennsylvania*) - Cám ơn lời chúc Tết, cũng như lời chúc "báo thành công." Xin cho địa chỉ các thân hữu để gửi biếu một vài số.

● **Đặng Văn Hiền** (*Virginia*) - Đã xem lại, và điều chỉnh ngay. Chắc ông đã nhận được bốn số (ba tờ)? Chúc vui.

● **Vũ Thị An** (*Cleveland, OH*) - Thư rất vui, và thơ cũng hay. Xin cho gửi lời thăm tất cả những người "trong thư." Thân ái.

● **Thanh Tuệ** (*Paris*) - Nhận được đủ cả, thư, thiệp và mẫu quảng cáo. Khung "chúc Tết" không đến kịp cho báo Xuân. Sách PQ đi kỳ này, với "góp ý" của anh Tiết. Chúc vui.

● **Nguyễn Hòa** (*Cộng hòa Tiệp*) - Sẽ gửi báo về địa chỉ mới cho đến hết tháng Sáu. Mong tin luôn.

● **Nguyễn Đức Nam** (*Virginia*) - Cám ơn nhiều. Ủng hộ như vậy là hết xẩy! Giới thiệu thêm nhé.

● **Thu & Đạt** (*Ventura*) - Đang cố gắng cho bớt phần "nặng đầu," hay vọng dần dần sẽ đáp ứng yêu cầu của nhiều người hơn. Hẹn một ngày sẽ lên đó. Thân ái.

● **Hiếu Đệ** (*Michigan*) - Sẽ gửi theo yêu cầu. Rất nhiều người thích tranh bìa báo Xuân TK21. Nhưng bức sơn mài bày ở Triển lãm mùa xuân để giá hơi cao (vào mùa suy thoái của kinh tế Mỹ), nên còn chờ... tri kỷ tới vào mùa sau vậy. Kính chúc vạn an.

● **Trần Trinh** (*California*) - Đã gửi báo tới Trần Tân. Hy vọng các độc giả khác cũng làm như bạn thì TK21 chẳng bao lâu sẽ... in không kịp bán! Thân chào.

● **Tô Cao Hoan** (*San Jose*) - Cả hai bài đều hay, nên đăng luôn cả hai! Không có "búa rìu" nào ở TK21 - nhưng quả thực cũng có cái... kéo nhỏ của ông Đồ Tỉnh! Mong nhận được tiếp bài và thư. Cám ơn và chúc vui.

● **Triều Đông** (*San Jose*) - Cám ơn đã tặng ba tập thơ của Dương Huệ Anh. Mấy vị nhắc đến trong thư, xin cứ gửi tòa báo sẽ chuyển. Thân chào.

● **Trần Lộc** (*Washington*) - Cám ơn ông đã quá khen. Còn phải cố gắng nhiều. Đã gửi báo tới các thân hữu do ông giới thiệu. Kính.

● **Đỗ Quyên** (*Đức*) - Đã nhận được thư, thơ và báo. Rất thông cảm với những khó khăn về xếp chữ và in ấn. Mong tin luôn. Thân ái.

● **Ann P. Công Tằng** (*OK*) - Cám ơn anh chị đã gửi thiệp và báo. Có giới thiệu *Trung Mỹ Việt Báo* trên *TK21* rồi. Nhờ anh chị tiếp tay phổ biến *TK21* ở vùng đó. Chúc vui luôn.

● **Vũ Ký** (*Bruxelles*) - Đã gửi thư riêng để nói rõ về việc in sách. Cám ơn anh và các bạn ở Bỉ. Lần gặp anh Cang ở tòa báo NV hóa ra là lần cuối cùng. Thân.

● **Kim Quân** (*California*) - Rất mừng là sách đã tới nơi và ông vui lòng. Kính.

● **Đỗ Linh** (*Texas*) - Báo Xuân là hai số liền gộp lại, nên giá báo gấp đôi. Số 47 là báo tháng Ba. Độc giả dài hạn không phải trả thêm tiền cho báo Xuân. Cám ơn sự ủng hộ của quý vị. Thân chào.

● **Nguyễn Nguyên Thanh** (*Berlin*) - Đã nhận được *Tia Sáng*. Cám ơn nhiều. Sẽ đăng bài đọc sách MĐLNNM. Chắc đã nhận được báo qua TG? Mong tin và bài. Thân ái.

● **An Khê** (*Marignane, Pháp*) - Đã chuyển lời thăm hỏi tới các họa sĩ. Vẫn nhớ có lần bàn chuyện in feuilleton của anh. Kính chúc vạn an.

● **Phạm Tự Lập** (*Baton Rouge, LA*) - Rất vui khi biết báo tới kịp, đúng ngày mùng Một Tết! Nhờ anh giới thiệu thêm. Cám ơn anh lắm.

● **Trương Ngọc Tích** (*Dallas, TX*) - Đã nhận được "đủ thứ." Báo của Cộng đồng, bài nói chuyện, thư cám ơn, và ngân phiếu. Chúc vui.

● **Nguyễn Xuân Thuyên** (*Garden Grove, CA*) - Nhà XB Văn Nghệ là thân hữu của TK21, không thuộc chung một cơ sở, nên mới có cảnh "xin ông gửi bưu điện..." Nếu ông ghé tòa báo, gặp ông Vũ Duy Tự, mọi sự sẽ giản dị ngay! Kính.

● **Anh Tôn Trang** (*Orléans, Pháp*) - Cháu LD đã liên lạc. Xin anh chị cứ an tâm. Lần sau sang, thế nào cũng ghé. Thân ái.

● **Đinh Công Thịnh** (*Tokyo*) - Ông có thể mua qua cơ sở TB. Nếu mua thẳng thì nhanh hơn, nhưng cũng đắt hơn. Cám ơn ông, và nhờ ông giới thiệu thêm thân hữu. Thân chào.

● **Sơn Tùng** (*Virginia*) - Cám ơn anh đã tặng sách. Có giới thiệu trong mục SBTT. Vẫn đọc bài anh viết trên NN. Việc sửa mo-rát vẫn là một "vấn nạn" của báo chí và xuất bản Việt ngữ. Nhiều khi sửa rồi, quên "save," máy vẫn in ra chữ cũ! Thân chào.

● **Khanh Dương** (*Houston*) - Có lẽ do địa chỉ thay đổi nên báo thất lạc. Đã gửi tờ khác về địa chỉ mới. Thân chào.■

TƯ HỮU HÓA

(Bài đi hai kỳ)

VƯƠNG HỮU BỘT

Thế Kỷ 21

Việc tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh không được phép công khai thảo luận ở Việt Nam, vì Cương Lĩnh của đảng Cộng Sản cũng như Hiến Pháp của nhà nước vẫn lấy Chủ Nghĩa Xã Hội làm nền tảng; trong đường lối kinh tế vẫn lấy quyền sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể làm chính yếu (1). Khi muốn bán một phần các xí nghiệp quốc doanh cho tư nhân, như Bộ Tài Chánh định bán cổ phần của bẩy xí nghiệp thí điểm trong năm 1992 cho các doanh nhân ngoại quốc, người ta gọi việc đó là Cổ phần hóa, Công ty hóa (coporatisation) mà tránh dùng chữ Tư hữu hóa (privatisation). Nhưng thí nghiệm rụt rè này cũng không thành công. Dự án trên bị tờ *Quân Đội Nhân Dân* chỉ trích là đi sai đường lối XHCN, ngả theo lối tư bản chủ nghĩa. Công nhân và ban quản lý bốn xí nghiệp thí điểm yêu cầu rút họ ra khỏi dự án. Công ty Legamex ở vùng Sài Gòn cũng bị rút ra khỏi dự án dù bà giám đốc ủng hộ việc bán cổ phần cho một hãng Hồng Kông để trừ nợ, nhưng bị dư luận phản đối, ngay cả trên báo chí do đảng kiểm soát. (2)

Do đó, thảo luận về vấn đề tư hữu hóa một cách nghiêm chỉnh, đầy đủ là chuyện hiện nay ở Việt Nam không ai được làm. Nhưng chúng ta lại biết rằng tư hữu hóa là việc sẽ không tránh được, thế nào rồi cũng phải làm. Nếu trì hoãn bây giờ, mai sau rồi cũng phải làm, trong khi chờ đợi sẽ xẩy ra bao nhiêu lạm dụng. Tư hữu hóa không phải là bước sau cùng trong quá trình đổi mới kinh tế, mà thực sự là bước đầu tiên phải làm để thay đổi nền kinh tế. Quá trình đổi mới ở Đông Âu (1990) và Nga (1992) bắt đầu ngay với việc tư hữu hóa, và chương trình tư hữu hóa kéo dài nhiều năm. Chính vì việc tư hữu hóa rất phức tạp và đòi hỏi một khoảng thời gian lâu dài cho nên người ta cần thực hiện càng sớm càng tốt. Và chắc chắn phải nghiên cứu, thảo luận càng sớm càng tốt. Cuộc thảo luận càng mở rộng và đào sâu, với nhiều người tham dự, thì càng tránh được các sai lầm, thiếu sót. Vấn đề tư hữu hóa có các khía cạnh chính trị, xã hội, pháp chế, lịch sử và kinh tế, mà chỉ những hiểu biết thực tế mới giúp cho cuộc bàn cãi được sáng tỏ. Một người ở hải ngoại thật khó đem vấn đề ra mổ xẻ. Việc này thực sự chỉ các nhà trí thức và chuyên gia ở trong nước mới làm chu đáo được.

Nhưng vì việc thảo luận vấn đề tư hữu hóa bị cấm đoán ở trong nước, cho nên cuối cùng người ở hải ngoại lại phải tự gánh lấy trách nhiệm nêu vấn đề. Chúng tôi chỉ hy vọng nêu lên các câu hỏi cần giải đáp, còn việc tìm ra các giải đáp hợp tình hợp lý chắc chắn phải do các chuyên gia ở trong nước thực hiện. Bài viết sau đây mong gây ra một cuộc thảo luận mà quý vị ở trong nước sẽ cùng nhau tiến hành, dù không được phép thảo luận công khai. Ở trong nước Việt Nam hiện nay có biết bao công cuộc chuẩn bị âm thầm như vậy, chỉ chờ ngày được trở thành công khai, để xây dựng đất nước.

Việc tư hữu hóa ruộng đất sẽ được bàn trước tiên vì vấn đề tương đối giản dị hơn, và liên quan đến đa số nhân dân. Sau đó là vấn đề tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh, trong nông nghiệp, thương nghiệp, công nghệ,v.v... Các khía cạnh chính trị và xã hội cũng sẽ được nêu lên, dù mục tiêu chính là kinh tế.

Tư hữu hoá là một yêu cầu kinh tế

Chính quyền Việt Nam hiện nay công nhận kinh tế đa

thành phần, có cả lãnh vực tư. Bảo đảm quyền sở hữu tư các phương tiện sản xuất là điều kiện không thể thiếu nếu muốn xây dựng kinh tế thị trường và phát triển kinh tế. Có bảo đảm quyền sở hữu tư mới thúc đẩy được việc gia tăng vốn đầu tư vào các tích sản cố định, cải thiện lề lối quản lý các xí nghiệp, và cải tiến kỹ thuật sản xuất hay phục vụ. Ba điều kiện trên là ba tiêu điểm phải đạt tới nếu muốn phát triển kinh tế ở nước ta: 1) phải có máy móc, thiết bị, cơ sở mới, 2) phải có cách làm kinh doanh mới, và 3) học hỏi kỹ thuật mới. Không cần nói đến các thành tựu ở Đông Âu hay Nga Sô, chỉ cần nhìn vào kinh nghiệm của nước ta cũng thấy: chỉ ở các xí nghiệp nào mà tư nhân làm chủ thì người ta mới hăng hái đầu tư thêm, học hỏi thêm. Động cơ của việc tự cải thiện là tư lợi, điều đó không ai chối cãi được, dù một nhà tu khổ hạnh cũng phải công nhận định luật kinh tế khách quan này.

Do đó việc tư hữu hóa một xí nghiệp quốc doanh có mục đích đầu tiên là để cải thiện chính xí nghiệp đó, và sau là góp phần vào việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Nhược điểm lớn nhất của nền kinh tế các nước XHCN là thiếu tác động thích hợp cho người ta làm việc. Người thợ không làm hết sức, không lo bảo trì máy móc, tiết kiệm nguyên liệu và nhiên liệu, v.v... Người đốc công không thấy có lợi gì cho mình khi thúc đẩy công nhân. Ban giám đốc cũng không lo lắng gì nếu đốc công làm việc kém hữu hiệu. Nếu may mắn có một xưởng sản xuất làm việc tốt, thì lại bị bế tắc ở khâu phân phối, tồn trữ hay chuyên chở. Tinh thần "cha chung không ai khóc" tiêm nhiễm ở từng tế bào của xã hội: từng người, từng đơn vị sản xuất, từng guồng máy hành chánh. Bài học thực tế từ các nước XHCN là dùng khẩu hiệu chính trị không đủ thúc đẩy người ta cải thiện công việc, họ phải dùng bạo lực chính trị, hoặc dùng tư lợi. Việc dùng tư lợi để thúc đẩy phải thực hiện từ cấp thấp (tăng lương, chia lợi nhuận, sợ cắt lương hay mất việc) cho đến cấp cao nhất. Trong một đơn vị kinh tế, cấp cao nhất là chủ nhân của xí nghiệp tư, hay là ban quản đốc do nhà nước bổ nhiệm ở một xí nghiệp quốc doanh. Ai cũng biết rằng chủ nhân một xí nghiệp tư thế nào cũng hăng hái thúc đẩy sự cải thiện của xí nghiệp hơn là các quản trị viên được bổ nhiệm nhờ lý lịch chính trị, vì mối quan tâm của các cán bộ chính trị là làm vừa lòng cấp trên chứ không phải là làm cho xí nghiệp phát đạt.

Các xí nghiệp quốc doanh là những gánh nặng mà các nước Đông Âu cũng như ở Nga hiện đang muốn trút bỏ. Việc tư hữu hóa là một nhu cầu kinh tế chứ không phải chỉ là do chủ trương chính trị. Trong 100 xí nghiệp quốc doanh có 90 xí nghiệp làm ăn kém cỏi, sai lầm, lãng phí, thì chỉ có một cách duy nhất là dần dần biến các xí nghiệp đó thành của tư nhân. Nếu mười người cùng đẩy một cái xe mà chỉ có một, hai người gắng sức, còn bảy, tám người lơ là thì chúng ta biết phải làm gì. Trong nền kinh tế nếu chỉ một hai người làm việc thật sự thì tám người kia không những lười biếng trốn việc mà còn cản trở công việc của hai người muốn làm, thọc gậy bánh xe khiến họ không thể cố gắng hết sức và hữu hiệu được.

Vì vậy việc tư hữu hóa là điều cần thiết. Phải tư hữu hóa mới hy vọng lôi cuốn vốn đầu tư vào các cơ sở kinh tế hạ tầng, nhà cửa, máy móc, thiết bị; mới hy vọng thúc đẩy các đơn vị kinh tế cải thiện lề lối quản lý, và cải tiến kỹ thuật. Không có vốn mới, không thay đổi cách làm việc thì không thể phát triển kinh tế. Không có doanh nhân thì không có thị trường năng động.

Việc tư hữu hóa là điều kiện cần, nhưng cũng phải nằm trong kế hoạch chung phát triển nền kinh tế quốc dân, không thể thực hiện một cách lẻ loi. Năm ngoái khi bộ Tài Chánh ở Hà Nội cho phép bán cổ phần các xí nghiệp sản xuất diêm, công ty sản xuất thức ăn gia súc, xà phòng, công ty dệt, v.v... quyết định tư hữu hóa được đưa ra thiếu một ý kiến, tư tưởng chỉ đạo, một chương trình dài hạn và toàn bộ. Thí dụ nhà nước nghĩ các xí nghiệp quốc doanh bán được cổ phần sẽ thâu một số tiền để bớt thâm thủng ngân sách . Xí nghiệp Legamex nợ các ngân hàng 14 triệu Mỹ Kim (USD) cần bán bớt cổ phần để lấy tiền trả nợ. Legamex nợ hãng Chiap Hua ở Hồng Kông 700 ngàn USD, nếu bán được cho Chiap Hua một số cổ phần sẽ dùng tiền đó trả nợ, giống như công tác biến nợ (debt) thành vốn góp (equity) mà các nước vỡ nợ ở Châu Mỹ La Tinh đã thực hiện. Việc tư hữu hóa thí điểm được đưa ra vội vã, không có một chính sách toàn bộ và lâu dài, thiếu một ý chí chính trị cũng như thảo luận chuyên môn về kinh tế; cho nên những người đưa ra chương trình tư hữu hoá thí nghiệm này không thể tự bào chữa khi bị đem ra chỉ trích, tấn công.

Do đó chương trình tư hữu hóa ở Việt Nam cần bắt đầu với một quyết tâm chính trị.

Phải công bố việc tư hữu hóa là bước cần thiết của công cuộc thay đổi cơ cấu kinh tế mà mục tiêu sau cùng là làm cho dân giầu nước mạnh. Sau quyết định đó cần phải đề ra những bước thực hiện của chương trình tư hữu hóa, song song với các thay đổi khác trong cơ cấu, để phát triển kinh tế thị trường. Ngay cả những người muốn tỏ ra trung thành với cương lĩnh của CSVN vẫn có thể chứng minh có kế hoạch, có kiểm tra và phê phán một cách công khai, rút kinh nghiệm của các nước Đông Âu và Nga. Việc tư hữu hóa do nhu cầu kinh tế thúc đẩy, không cần mang mầu sắc chính trị hay ý thức hệ. Đó là điều mà các đảng viên CS tiến bộ có thể dùng làm luận cứ để bênh vực chương trình tư hữu hóa của họ. Và tất nhiên họ chỉ thuyết phục được mọi người nếu họ biết phải làm những việc gì, và biết đặt đó nên tiếp tục với chính sách công khai minh bạch và công bằng đối với tất cả mọi người.

Trong bài này chúng tôi sẽ bàn đến việc tư hữu hóa ruộng đất do nông dân (cá nhân hoặc gia đình) đang canh tác, và các xí nghiệp quốc doanh trong các lãnh vực canh nông, công nghiệp, thương nghiệp. Trước hết là trả ruộng đất lại cho người cầy, một nguyện vọng thiết tha của mọi nông dân Việt Nam.

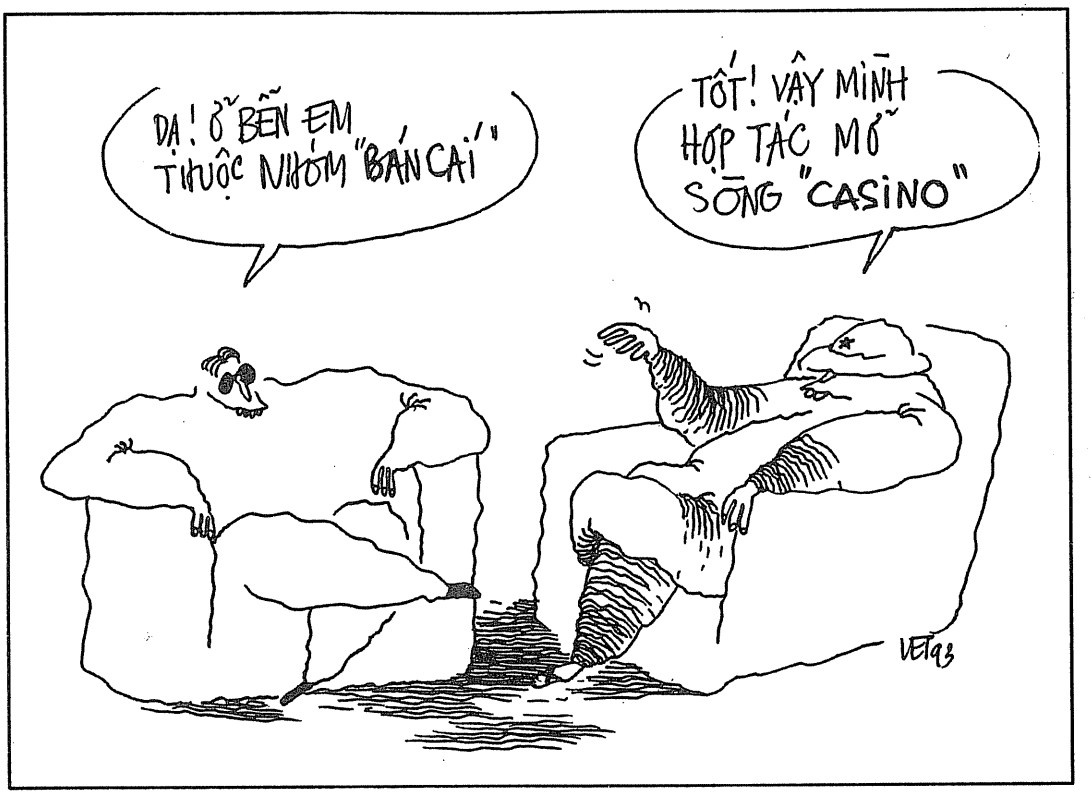

tư hữu hóa là chuyện làm được trong khuôn khổ của việc "dân chủ hóa đời sống kinh tế, phát triển các lực lượng sản xuất, giải phóng mọi tiềm năng, mở rộng phân công lao động xã hội và nâng cao hiệu quả kinh tế" mà đảng CSVN vẫn kêu gọi từ đại hội VI. Muốn thực hiện việc "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần" với các mục tiêu mà từ đại hội VI đã nêu ra thì không cách nào tốt hơn là một chương trình tư hữu hóa có trình tự, chương trình tư hữu hóa nằm trong toàn bộ việc phát triển kinh tế, thị trường hóa cơ cấu kinh tế Việt Nam.

Việc tư hữu hóa nên làm ngay trong lãnh vực nhà ở. Việc hóa giá nhà cửa để bán cho người cư trú đã gây xáo trộn ở Việt Nam vì thiếu ý chí chính trị cũng như không có một chương trình toàn quốc có nghiên cứu cho hợp tình hợp lý mọi mặt, chỉ thi hành một cách tuỳ tiện, sinh ra các vụ lạm dụng và tham nhũng. Nhưng trên nguyên tắc việc

Tư hữu hoá ruộng đất để gia tăng năng suất

Việc đầu tiên phải làm là tư hữu hóa ruộng đất. Thí nghiệm đổi mới kinh tế ở Việt Nam và ở Trung Quốc cho thấy khi nông dân được hưởng hoa lợi do họ làm ra thì cả nước sẽ đủ gạo ăn, và có khi còn dư để xuất cảng. Động lực thúc đẩy họ làm việc là có làm có hưởng, không bị ai cướp công.

Hiện nay nông dân Việt Nam chưa có quyền sở hữu

ruộng đất mà mới chỉ có quyền sử dụng với thời hạn từ 15 năm đến 50 năm. Ngoài ra còn ruộng đất thuộc các nông trường quốc doanh và hợp tác xã. Nhiều hợp tác xã đã chia lại đất đai cho thành viên. Chính sách mới từ năm 1988 đã làm gia tăng sản lượng nông nghiệp trong các năm 1988, 1989, nhưng lại giảm sút vào năm 1990 và 1991 vì thời tiết và thiếu phân bón. Tình trạng giảm sút các năm sau này cho thấy một quy luật là việc đổi mới kinh tế cục bộ, không toàn diện, là một việc sai lầm. Nông dân có quyền sử dụng và tự do bán sản phẩm nhưng các nguồn tiếp liệu cho họ như phân bón, nông cơ, máy móc vẫn nằm trong tay các cơ sở quốc doanh. Mặt khác nông sản đưa ra thị trường cần phải có các khâu chuyên chở, tồn trữ, biến chế, mà các khâu đó còn nằm trong tay các cơ quan, xí nghiệp quốc doanh thì còn trì trệ. Mà sự trì trệ ở một khâu này sẽ ngăn cản sự năng động ở khâu khác.

Khi đã thấy hiệu quả việc trao quyền sử dụng đất cho nông dân là gia tăng năng suất nông nghiệp, ta càng thấy cần phải trả lại quyền làm chủ ruộng đất cho nông dân, để cả nông nghiệp và công nghệ mở ra ở nông thôn được phát đạt.

Lý do thứ nhất là có làm chủ ruộng đất thì nông dân mới tính đến chuyện đầu tư và cải tiến kỹ thuật nông nghiệp. Việc áp dụng kỹ thuật tân tiến gia tăng năng suất của nông dân, để, thay vì một người làm đủ thực phẩm cho năm người ăn thì sẽ tiến tới một người làm thực phẩm đủ cho 10, 20 người ăn. Nhưng áp dụng kỹ thuật tân tiến đòi hỏi đầu tư. Nếu nông dân không làm chủ thật sự ruộng đất thì ngay việc bảo trì đất đai chưa chắc họ đã thiết tha, đừng nói việc đầu tư thêm sức người và vốn liếng dành dụm để đất đai tăng năng suất. Quyền sở hữu bao gồm quyền sử dụng, cộng thêm quyền chuyển nhượng, mua, bán, và quyền để lại cho con cháu. Chưa có quyền sở hữu thì người ta dễ quen ăn xổi ở thì, không đầu tư cho tương lai, không thiết tha cải thiện chính mảnh đất mình canh tác.

Lý do thứ hai là nếu thiếu quyền sở hữu ruộng đất thì người nông dân sẽ khó đổi ngành, bị ràng buộc vào lãnh vực nông nghiệp, việc phát triển các ngành khác sẽ bị trở ngại. Nông nghiệp nước ta hiện nay vẫn còn dựa vào sức người rất nhiều, sẽ tới lúc dùng nhiều máy móc hơn để tăng năng suất. Khi năng suất lên cao, một nông dân làm việc đủ thức ăn cho 10 người thay vì năm người, thì có thêm một người dư ra để chuyển sang ngành hoạt động khác. Các lãnh vực công nghiệp nhẹ ở thôn quê cần được mở mang để thu hút nhân lực thặng dư từ nông nghiệp. Nếu nông dân làm chủ ruộng đất, họ có thể quyết định bán lại ruộng đất để đổi nghề. Công lao họ bảo trì và cải thiện ruộng đất được đền bù khi bán ruộng với giá cao. Nếu họ không có quyền làm chủ, việc đổi nghề của họ sẽ chỉ khiến họ mất quyền sử dụng ruộng đất. Đổi nghề là một quyết định rủi ro, không ai chịu mất tất cả quyền lợi đang có để đổi lấy rủi ro. Ngược lại cũng không ai cố tăng năng suất canh tác, dành dụm vốn liếng để mua lại ruộng đất của người khác, mở mang diện tích canh tác của mình, nếu quyền sở hữu không được bảo đảm. Quyền sở hữu ruộng đất không bảo đảm sẽ ngăn cản người nông dân yêu nghề tăng năng suất, ngăn cản cả người nông dân trẻ có tham vọng đổi nghề khiến họ không dám bỏ nghề, vì ai cũng bị thiệt. Những quyết định này không được khích lệ khi thiếu quyền sở hữu như hiện nay.

Tóm lại không trả quyền tư hữu ruộng đất cho nông dân thì kìm hãm cả việc phát triển năng suất nông nghiệp lẫn việc "giải phóng các tiềm năng, phát triển các lực lượng sản xuất" cho các ngành kinh tế khác. Năng suất lúa của Việt Nam hiện nay thấp hơn ba phần tư năng suất lúa của Indonesia, Quảng Đông, Hà Nam (3). Chúng ta còn rất nhiều khả năng cải thiện năng suất, không nên chậm trễ.

Bên cạnh việc tư hữu hóa ruộng đất trồng hoa màu, các ngành hoạt động liên quan đến nông nghiệp cũng phải được tư hữu hóa, vì một lãnh vực được cởi trói mà lệ thuộc các khâu khác còn nằm trong hệ thống quốc doanh thì hiệu quả sẽ bị giảm sút. Chứng cớ hiển nhiên nhất là sản lượng lúa gia tăng 13% năm 1988, 11% năm 1989, nhờ cởi trói trong chính sách nông nghiệp, sang năm 1990 và 1991 chỉ còn 1% (4). Nếu tìm nguyên nhân thì người ta sẽ thấy các nghành nhập khẩu nông cơ, phân bón, phân phối phân bón, thuốc sát trùng, rồi tới ngành chuyên chở, tồn trữ, xuất khẩu nông sản còn nằm trong tay nhà nước. Như vậy là cả đầu ra, đầu vào đều bị ngăn trở, bao cố gắng gia tăng năng suất của nông dân thành phí uổng vì tình trạng trì trệ lãng phí ở các lãnh vực liên hệ khác.

Nhưng việc tư hữu hóa các ngành liên quan đến nông nghiệp cũng như các nông trại trồng cây và lâm nghiệp sẽ được thực hiện ngoài phạm vi của việc tư hữu hóa ruộng đất. Vì tính chất của các cơ sở này giống như các xí nghiệp quốc

doanh về công nghệ, sẽ bàn chung với các vấn đề của các xí nghiệp quốc doanh khác.

Ngay trong việc tư hữu hóa ruộng đất cho nông dân, nhiều vấn đề chính trị và xã hội cũng đặt ra. Phương pháp giản dị nhất là người đang canh tác thửa ruộng nào trở thành chủ nhân của thửa ruộng đó. Nhưng từ khi chế độ khoán sản được thiết lập, việc phân phối ruộng đất đã gây ra nhiều oan ức, bất công và tranh tụng, cần phải duyệt xét lại. Cách giản dị nhất là trao quyền phân phối cho chính quyền xã, ấp. Nhưng đó lại là đầu mối của mọi bất công, và có thể gây xáo trộn xã hội, gây đổ máu ở từng thôn, xã vì đối với nông dân "hôn nhân, điền thổ, vạn cổ chi thù." Muốn ngăn ngừa rối loạn và đổ máu thì cần hai điều kiện. Thứ nhất là một đạo luật minh bạch, công bằng, soạn thảo sau khi thăm dò tình trạng ở khắp các vùng nông thôn. Đạo luật đó được quốc hội phê chuẩn biểu lộ ý chí chính trị của toàn dân. Thứ hai là một guồng máy tài phán nằm ngoài guồng máy chính quyền địa phương để phân xử các vụ tranh tụng chuyện lạm dụng quyền hành của các viên chức. Guồng máy tài phán đó có thể thuộc vào quyền tư pháp, viện giám sát, hay một cơ quan trung ương tạm lập nên để giải quyết việc thi hành đạo luật về tư hữu hoá ruộng đất. Luật lệ công bằng, giản dị và phổ biến rộng rãi, thi hành nghiêm minh với quyền kháng tố của nông dân được tôn trọng, có như vậy mới thỏa mãn nguyện vọng của dân cầy và giúp họ cơ hội góp phần phát triển quốc gia.

Cần tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh

Các xí nghiệp quốc doanh, trong lãnh vực canh nông, công nghệ hay dịch vụ là nguyên nhân của sự trì trệ, sơ cứng trong nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa. Điều này không cần phải thảo luận, vì một cuộc thảo luận lý thuyết là điều vô ích. Trên lý thuyết thì bất cứ xí nghiệp nào, quốc doanh hay tư hữu, đều có thể gia tăng năng suất, đầu tư hữu hiệu cho tương lai để gia tăng lợi nhuận và tài sản xí nghiệp. Nhưng trên thực tế thí nghiệm ở Liên Xô (cũ) và Đông Âu cho thấy ngay khi họ chấp nhận thay đổi toàn bộ nền kinh tế để thiết lập kinh tế thị trường, việc đầu tiên là họ tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh. Không ai có thể nói bướng rằng là tất cả các dân tộc trên, trong phút chốc, bỗng trở nên dại dột, ngu ngốc, nhắm mắt tuân theo "các thế lực đế quốc phản động" sai khiến. Tại sao họ phải đổi quốc doanh thành tư doanh? Vì xí nghiệp quốc doanh thường làm thiệt hại cho cả nền kinh tế, hại cả nước.

Điều dễ thấy nhất là ban quản đốc và công nhân các xí nghiệp QD lo cho họ trước tiên, chứ không phải lo cho lợi ích chung của xí nghiệp. Vì vậy họ chỉ bòn rút của cải,trở thành các đơn vị "giảm trị giá" (value-substracted) thay vì "gia tăng trị giá" (value-added), ngay cả khi trên giấy tờ các XN đó có lời. Vì

Hóa giá nhà kiểu Matxcơva

Việc thành phố H.C.M. hóa giá nhà cũng giống như việc thành phố Matxcơva tư hữu hoá nhà cửa năm 1990. Lúc đó còn Liên Bang Xô Viết, có cả chính phủ cộng hòa Nga, nhưng thành phố tự ý làm, chẳng cần các ông bà ở trên.

Tháng 7 năm 1990 họ bắt đầu tư hữu hóa 3 triệu đơn vị gia cư. Vấn đề là bán thế nào? Nếu cho không thì còn các kẻ vô gia cư, và những người ở nhà lớn, nhà nhỏ sao công bằng được?

Thành phố Matxcơva quyết định phát cho mỗi người dân một phiếu mua, mỗi phiếu có thể đổi lấy 20 thước vuông chỗ ở. Có thể mua, bán phiếu, nhưng phiếu chỉ dùng để mua nhà. Thí dụ một gia đình bốn người có bốn phiếu, có thể đổi được 80 mét vuông. Nếu họ đang ở căn nhà 100 mét vuông, họ có thể a) đi tìm căn nhà 80 mét vuông mà mua bằng bốn phiếu, hoặc b) mua thêm một phiếu trên thị trường để dùng năm phiếu mua căn nhà mình đang ở, 100 mét vuông.

Một ý kiến khác là phát tiền để dân mua nhà, thay vì phiếu mua, thí dụ mỗi người 2000 đến 3000 rúp. Nhưng thành phố thiếu tiền, vả lại sợ dân dùng tiền mua thứ khác.

Ý kiến nữa là định giá nhà rồi hoặc người đang ở phải trả thêm tiền nếu nhà mình rộng quá, hoặc được bồi thường tiền mặt nếu nhà mình chật quá. Nhưng làm vậy dân không nhà bị thiệt.

Nhưng một điều chắc chắn là chỉ khi là chủ căn nhà của mình người ta mới lo sửa sang, tu bổ, thành phố có bộ mặt đẹp đẽ hơn.■

XNQD có thể sử dụng các nhập lượng (input) không theo giá thị trường, bán các xuất lượng (output) cũng theo giá độc quyền cho nên bảng kê khai lời lỗ của họ hoàn toàn là giả tạo. Thí dụ XNQD mua điện, dầu, hơi đốt, than theo giá rẻ, vay mượn tiền của ngân hàng với lãi suất ưu tiên cũng rẻ hơn giá thị trường. Sau đó họ bán hàng hóa hay dịch vụ theo giá đắt. Thế là họ có lời. Nhưng nếu tính giá nhập lượng và xuất lượng theo giá thị trường quốc tế thì người ta thấy tổng số phí tổn về các nhập lượng cao hơn trị giá của các xuất lượng. Thí dụ ở Ba Lan một công ty trồng hoa để xuất cảng rất phát đạt, dù Ba Lan là một xứ ôn đới, mà thường chỉ các xứ nhiệt đới mới xuất cảng hoa. Chuyện đó xảy ra vì công ty trồng hoa kia dùng điện với giá quá rẻ để sưởi trong nhà kính (green house), gần như miễn phí. Người cầm quyền lúc đó lại rất cần ngoại tệ để trả nợ nên khuyến khích xuất cảng với bất cứ giá nào, nên cho công ty hoa giá điện ưu tiên. Nếu số điện đó dùng cho ngành khác có thể lợi ích hơn nhiều. Đây là một thí dụ điển hình của sự phí phạm tài nguyên vì không theo quy luật thị trường. Hiện tượng "giảm trị giá" của các XNQD người Nga và Đông Âu nay đã nhận ra. Ngoài ra phương pháp kế toán họ dùng khiến lời lỗ khó phân biệt. Thí dụ một xí nghiệp lỗ 8 triệu, khi được ngân hàng cho vay 10 triệu lại để con số 10 triệu đó vào khoản thu nhập, thế là sổ sách của họ có thể ghi 2 triệu tiền lời.

Các chương trình Đổi Mới Kinh Tế ở Hungary (từ 1968) và Balan (1980) cố cải thiện các xí nghiệp quốc doanh bằng cách thả nổi giá cả tự do một phần và trao nhiều quyền tự trị cho ban quản đốc các xí nghiệp khi mua nhập lượng hay bán xuất lượng. Giá cả tự do là một bước tiến về đổi mới, bó buộc các XN chịu trách nhiệm về lời lỗ thật sự của họ. Đó cũng là các biện pháp đã được đem áp dụng ở Việt Nam từ 1987. Nếu các biện pháp đó có hiệu quả thì chắc người Hungary và người Ba Lan đã không phải phát động các cuộc cách mạng để thay đổi toàn diện các XNQD như họ đang làm thay vì tiếp tục đổi mới từ từ như cũ.

Nhưng tại sao các biện pháp đó thất bại? Lý do là thiếu quyền tư hữu, nghĩa là vẫn không có ai làm chủ thực sự để lãnh hậu quả nếu giá trị của xí nghiệp tăng hay giảm, từ trên xuống dưới không có "kỷ luật thị trường."

Vì ngay khi có nhiều quyền tự trị hơn thì ban quản đốc và công nhân các xí nghiệp QD lại càng có thêm động cơ và cơ hội để "bòn rút của cải" thay vì "gia tăng của cải" cho xí nghiệp. Và được phép tính giá cả tự do thì họ chỉ tự do bóc lột người tiêu thụ, vì họ thường độc quyền trong một thị trường. Ở trên ép xuống thì họ sẽ dùng các thủ đoạn che mắt như xưa nay họ vẫn làm.

Một xí nghiệp tư bao giờ cũng nhắm gia tăng của cải cho chính xí nghiệp. Trong một thị trường tài chánh tự do, mục tiêu của việc quản lý là gia tăng trị giá của xí nghiệp, tiêu biểu là giá cổ phần (value maximization). Giá trị của xí nghiệp không phải là giá mua các tích sản hay trị giá của lợi nhuận hoặc thu nhập tức thời. Giá trị của xí nghiệp là hiện giá (present value - valeur actualisée) của lợi nhuận hy vọng tạo ra trong tương lai. Thí dụ như công ty IBM, từ năm 1987 đến tháng Giêng 1993, trị giá toàn thể giảm mất hơn 70 tỷ USD, vì giá cổ phần sụt từ hơn 170 USD xuống dưới 50 USD. Hiện tượng sụt giá bắt đầu từ 1988, 89 khi thị trường tài chánh nhận thấy thu nhập của công ty sẽ giảm bớt trong tương lai do hậu quả của các quyết định sai lầm trước đó về máy PC. Các năm 90, 91 sự cạnh tranh ráo riết hơn càng báo hiệu lợi nhuận tương lai sẽ sút giảm, giá cổ phần lại xuống thêm. Giá cổ phần giảm sút là tín hiệu của thị trường cho ban quản đốc biết phải thay đổi.

Trong nền kinh tế thị trường, để bảo vệ trị giá xí nghiệp ban quản đốc lo bỏ vốn đầu tư, nghiên cứu thị trường, canh cải lối làm việc và kỹ thuật sản xuất để lo gia tăng lợi nhuận lâu dài. Chính viễn tượng về lợi nhuận tương lai tạo nên trị giá xí nghiệp.

Ngược lại, ban quản đốc và công nhân của XNQD không có động cơ tự nhiên nào để gia tăng giá trị lâu dài của xí nghiệp bằng các hành động trên, vì họ không nhất thiết thụ hưởng các thành quả trong tương lai. Bất cứ một người bình thường nào (không phải các tu sĩ khổ hạnh) cũng nghĩ rằng họ phải lo gia tăng lợi nhuận tức thời của họ trước đã. Và cách giản dị nhất là bòn rút của cải của xí nghiệp bằng cách tăng lương, tăng tiền thưởng, vay nợ thật nhiều nhờ ngân hàng cho lãi suất thấp hay lãi suất âm. Còn chuyện tương lai họ không quan tâm; nếu có vỡ nợ thì nhà nước sẽ phải lo gánh vác. Ngay cả khi ban quản đốc của xí nghiệp gồm toàn các tu sĩ khổ hạnh, họ cũng không cưỡng lại được áp lực của đông đảo nhân viên của xí nghiệp, gồm các con người bình thường, có lòng tham bình thường. Cưỡng lại có lợi gì cho họ ?

Ví thử có một XNQD mà từ trên xuống dưới gồm các tu sĩ sẵn lòng sống "thiểu tư quả dục" để gia tăng tài sản xí nghiệp thì kết quả họ cũng không được tưởng thưởng mà họ chỉ giúp nuôi dưỡng các xí nghiệp yếu kém. Thuế đánh trên XNQD do nhà nước định, là hình thức nhà nước lấy lại vốn và lời của XNQD, cho nên khi một XNQD có lợi nhuận thì nhà nước sẽ rút lợi nhuận đó về, để còn có tiền bao cấp cho các XNQD khác bị lỗ lã. Tuy trên giấy tờ ai cũng nói bãi bỏ bao cấp, nhưng hình thức bao cấp phổ biến nhất là cho vay với lãi suất âm thì không bỏ được. Ở Trung Quốc các xí nghiệp QD lỗ lã vay 80% tín dụng của các ngân hàng dù tổng cộng họ chỉ sử dụng 115 triệu nhân công trong số hơn một tỷ dân. Đó là chưa kể 20% ngân sách quốc gia dùng để trợ cấp cho họ. Kết quả là trong thực tế nhà nước tịch thâu lợi nhuận của các XNQD làm ăn giỏi để nuôi các XNQD làm ăn kém. Đó là nhược điểm nội tại lớn nhất trong cơ cấu vi mô, khiến ai làm ăn giỏi và "thiểu tư quả dục" đến đâu thì một, hai năm sau cũng phải thôi, vì không có động cơ tự nhiên để tiếp tục hy sinh mãi như vậy.

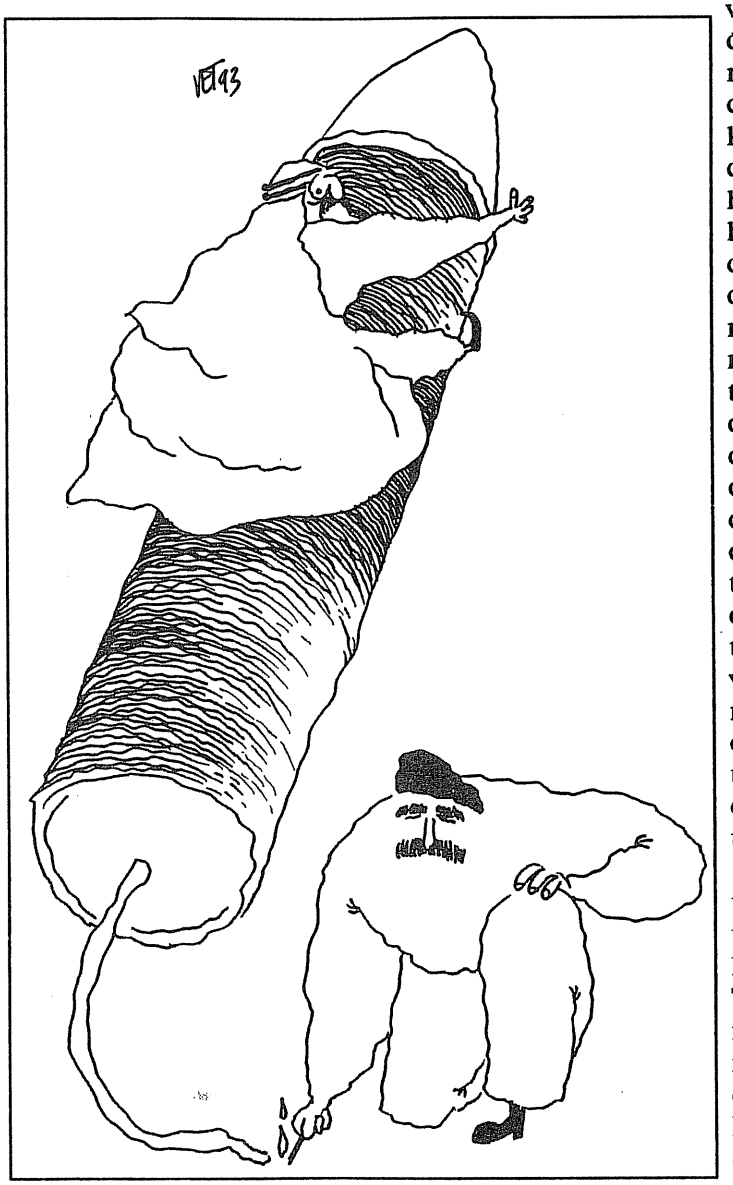

Trao thêm quyền tự quản cho xí nghiệp là một lý luận đang được đề cao ở Việt Nam, coi như một phương thuốc để chữa bệnh xơ cứng của các XNQD. Họ cho rằng không cần phải tư hữu hoá, vi phạm nguyên lý của chủ nghĩa xã hội. Đứng trước các thất bại hiển nhiên của các xí nghiệp lỗ lã, họ bào chữa rằng quyền sở hữu công không phải là nguyên nhân gây ra sự bế tắc, mà bế tắc là do chưa biết cách vận dụng. Liên Xô, Đông Đức thất bại đều vì chưa biết cách vận dụng quyền sở hữu công, nhưng người Việt sẽ biết cách. Đúng là trứng khôn hơn vịt.

Đề cao quyền sở hữu công cộng, một tác giả biện hộ rằng các nước XHCN đã thất bại chỉ vì "chế độ công hữu được vận dụng trên thực tế gần như vô chủ." Và do đó, tác giả đề nghị "phải tạo ra các hình thức kinh tế làm sao cho chế độ sở hữu công phát huy được tác dụng và hiệu quả đầy đủ của nó dựa trên nguyên tắc mọi tài sản công cộng đều có chủ cụ thể, xác định quyền của người chủ sở hữu, quyền sử dụng tài sản công cộng, thuộc về từng con người và từng tập thể nhất định... tự chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động kinh tế"(5).

Trên lý thuyết, đoạn văn trên là một ý kiến rất đẹp. Trên thực tế, thí nghiệm ở các nước Đông Âu cho thấy khi các XNQD có thêm quyền tự trị, "mọi tài sản công cộng đều có chủ cụ thể" thì các ông bà "chủ cụ thể" đó càng được tự do bòn rút của cải mạnh mẽ và hồ hởi hơn. Vì tương lai xí nghiệp không phải là mối quan tâm hàng đầu của họ. Người ta chỉ quan tâm đến tương lai khi tương lai ảnh hưởng đến trị giá hiện

tại, và nếu người ta có quyền mua, bán, sang nhượng xí nghiệp theo trị giá hiện tại. Quyền của người sở hữu không phải chỉ là quyền sử dụng, quyền thâu lợi ngắn hạn, mà còn phải có quyền sang nhượng, mua bán. Chỉ khi có quyền sang, nhượng thì người chủ sở hữu mới lo gia tăng trị giá (value) của xí nghiệp, thí dụ giá cổ phần; mà trị giá của xí nghiệp tuỳ thuộc viễn tượng về lợi nhuận lâu dài. Do đó họ lo gia tăng đầu tư, cải thiện kỹ thuật, bảo trì cơ sở, v.v... Vì chỉ có quyền sử dụng mà thiếu khía cạnh thứ hai của quyền sở hữu, tức là quyền chuyển nhượng, nên ban quản đốc các XNQD sẽ không thấy có lợi gì khi lo cho trị giá xí nghiệp, dù có thiện chí tới đâu họ cũng chỉ nhìn vào lợi nhuận ngắn hạn, trong đó họ được dự phần. Vì tương lai không nhất thiết là của họ. Do đó họ vay nợ một cách thoải mái, rồi mai sau chuyện trả nợ, vỡ nợ đã có ở trên lo. Hai là họ lo cho "đời sống" hiện tại của họ. Nếu xí nghiệp có nguy cơ phá sản họ lại càng có lý do để bòn rút nhanh hơn. Và nếu có chương trình tư hữu hóa, ban quản đốc và nhân viên xí nghiệp sẽ tư hữu hoá tại chỗ, biến của công thành của tư (*của chung ta cứ vẫy vùng làm riêng*). Ban quản đốc các XNQD ở Hung, ở Ba Lan đã hành động như vậy, người Việt Nam chắc cũng là những người bình thường như người Hungary và Ba Lan mà thôi.

Còn việc các "người chủ cụ thể tự chịu trách nhiệm" thì sao? Làm cách nào tác động họ chu toàn trách nhiệm? Kinh nghiệm cho thấy là phải có một hệ thống thưởng phạt thích nghi (compatible incentive). Một tư nhân làm chủ thì lo chu toàn trách nhiệm vì lời lỗ mình làm mình chịu. Các quản đốc thì chưa chắc. Liệu nhà nước có thể đặt ra hệ thống thưởng phạt mô phỏng theo "kỷ luật của thị trường" được chăng? Chưa thấy ai thành công trong chuyện đó cả. Còn như nếu nhà nước giành toàn quyền thưởng phạt thì chuyện đó họ đã thử làm mãi rồi, cái đó chính là hệ thống XHCN. Tại sao không dùng phương pháp giản dị, đã được thử nghiệm, là dùng kỷ luật tài chánh của thị trường? Trong cơ chế hiện nay, ngay cả khi xí nghiệp bị đe dọa cho phá sản thì ban quản đốc cũng không lo. Vì như ở Nga người ta đã thấy, không nhà nước nào có can đảm cho 90 phần trăm các xí nghiệp phá sản. Ngay cả việc cho một xí nghiệp phá sản thôi cũng khó, vì xí nghiệp đó có thể là cơ quan cung ứng vật liệu duy nhất, hay khách hàng duy nhất của các xí nghiệp khác, một khâu sụp đổ là cả chuỗi cùng bị sụp! Ban quản đốc các xí nghiệp đã biến cả xí nghiệp thành con tin.

Vì các lý do trên, các nước Đông Âu và Nga đều thấy giải pháp duy nhất là tư hữu hóa các XNQD; và tư hữu hóa càng sớm, càng nhanh, càng tốt. Ba Lan đã lập ra Bộ Cải Cách Quyền Sở Hữu, Tiệp Khắc có Bộ Tư Hữu Hóa và Hungary lập ra Cơ Quan Quản Trị Tài Sản Quốc Doanh với mục đích thâu lại quyền đã phân tán cho các ban quản đốc, để sau đó tư hữu hóa các xí nghiệp. Ở Nga, ngay khi Thủ tướng Viktor Chernomyrdin thuộc cánh quan lại cũ lên thay Gaidar thuộc phe cải cách, thì bộ trưởng bộ Tư Hữu Hóa của chính phủ cũ vẫn được giữ lại. Tư hữu hóa là một diễn trình bất khả phản hồi, cũng như quá trình đổi mới kinh tế vậy. Ở Trung quốc, việc tư hữu hoá bắt đầu ở địa phương. Cuối năm 1992 thành phố Vũ Hán đang thương lượng bán cho doanh nhân Hồng Kông và Đài Loan 30 xí nghiệp QD. Thành phố Quan Châu thuộc Phúc Kiến đang bán cổ phần của 40 trong số 41 xí nghiệp dệt cho một công ty đầu tư Hồng Kông.

Các vấn đề chính trị khi tư hữu hóa

Việc tư hữu hóa các XNQD sẽ đặt ra các vấn đề chính trị và xã hội. Thế nào cũng có cảnh tranh giành quyền lực trung ương và địa phương. Đạo luật Tư Hữu Hoá đặt ra các cơ quan trung ương và địa phương phụ trách việc thi hành luật, mỗi cấp sẽ muốn giành thêm quyền cho mình. Sau đó sẽ có tranh chấp giữa nhân viên xí nghiệp và người ngoài, chính quyền hoặc dân chúng. Câu hỏi "Tài sản XNQD thuộc về ai ?" sẽ được bàn sau, nhưng quyền quyết định các phương pháp tư hữu hoá cũng sẽ gây tranh chấp, vì mỗi phương pháp có thể có lợi cho một nhóm người, và không có phương pháp nào hoàn mỹ vừa lòng tất cả. Theo kinh nghiệm ở Ba Lan thì việc tản quyền cho địa phương sẽ giúp chương trình tư hữu hoá mau lẹ hơn, nhưng sẽ tạo cơ hội cho tham nhũng nhiều hơn. Ngược lại để cho chính quyền trung ương quyết định thì công bằng hơn nhưng lại chậm chạp, nghĩa là cả chương trình cải tổ chậm, và cả nền kinh tế bị thiệt thòi. Một yếu tố không thể quên là khả năng của nền hành chánh trong việc thi hành việc tư hữu hoá. Khi nền hành chánh nặng nề, chậm chạp thì nên tản quyền, vì sự quyết định ở địa phương sát với thực tế hơn, phản ứng mau lẹ hơn, và nhân dân địa phương kiểm tra chính quyền tại chỗ cũng dễ hơn nếu có một khung cảnh

pháp lý dân chủ. Muốn tránh chuyện địa phương tham nhũng thì cần có luật pháp công khai, cơ quan tài phán độc lập và cơ quan thi hành luật nghiêm minh, nghĩa là phải có một nền dân chủ pháp trị.

Ngay cả khi chính đảng CS làm việc tư hữu hoá họ cũng vẫn bị một số đảng viên chống đối, không phải vì ý thức hệ mà vì quyền lợi. Ở Vũ Hán bên Tàu, công đoàn đã biểu tình phản đối vì tư hữu hoá khiến công nhân bị sa thải, nhờ đó chính quyền phải tìm cách đền bù cho họ. Ở Cộng Hòa Nga, một thành phần cản trở chương trình tư hữu hóa là các ban quản đốc của những XNQD. Ở Việt Nam, ngay trong đợt thí nghiệm năm 1992, các nhóm công nhân và quản đốc cũng chống lại. Trong trường hợp ban quản đốc ủng hộ việc tư hữu hóa thì dư luận báo chí lại phản đối.

Nhân viên các XNQD chống việc tư hữu hóa một phần vì họ sợ mất việc, hoặc phải thay đổi cách làm việc, và lý do quan trọng nhất là họ phải đổi từ tình trạng không ai là chủ sang tình trạng có người chủ kiểm soát họ. Từ khi chính sách tự quản ra đời những ban quản đốc có rất nhiều quyền, mà quyền lực ở trên dùng để kiểm soát họ thì càng ngày càng yếu. Chương trình cổ phần hoá các XNQD đã tạo cơ hội cho các quản đốc thao túng các luật lệ mập mờ hiện nay để liên kết với nhau, tạo thành một tầng lớp mà dân chúng gọi là Tư Sản Đỏ. Quyền lợi của giới Tư Sản Đỏ này khiến họ muốn bảo vệ nguyên trạng; vì cứ giữ tình trạng hiện nay thì họ được nắm cả quyền lẫn tiền, và cái này sinh ra cái kia.

Một phương cách thao túng của Tư Sản Đỏ là biến của công thành của tư, trong vòng luật pháp. Thí dụ một nhóm người đang kiểm soát mấy cơ quan, hay mấy chục cơ quan, XNQD, Ngân hàng nhà nước, họp nhau lại lập ra một công ty hay ngân hàng mới. Họ dùng vốn của hàng chục công ty mẹ để đẻ ra một công ty con. Để tạo thêm vây cánh, họ lôi kéo thêm cả trăm công ty, cơ quan, ngân hàng khác vào việc góp vốn, nhất là các người có quyền thế. Nhưng công ty con mới ra đời được mệnh danh là xí nghiệp tư, ngân hàng tư, công ty hợp doanh, v.v... Các công ty mẹ chỉ góp 90% số vốn, còn lại 10% là vốn của tư nhân, mà các "tư nhân" này lại chính là các viên quản đốc của các công ty mẹ. Nhóm tư sản đỏ này có đủ số cổ phần để kiểm soát công ty mới, vì họ đã kiểm soát các công ty mẹ (góp 90% vốn). Mặt khác họ dùng vốn của các công ty quốc doanh để làm giàu cho công ty con, trong đó có 10% vốn tư nhân của họ được hưởng; đồng thời họ có cơ hội chia chác các chức vụ và quyền lợi cho nhau, và các người có thế lực cần được chia chác. Đó là cách mượn đầu heo nấu cháo của lớp tư sản đỏ, giống như các nhà tư sản trắng thời kỳ chưa có luật lệ bảo vệ cổ đông. Chẳng hạn các công ty mẹ mua hàng hoá hay dịch vụ của công ty con với giá quá đắt, mẹ càng yếu đi thì con càng mạnh.

Hiện tượng trên đang lan tràn, với nhiều xí nghiệp mới ở các ngành dễ lạm dụng nhất như dịch vụ, du lịch, buôn bán, xuất nhập khẩu và ngân hàng, v.v... Trong hội đồng quản trị các công ty gọi là tư này có các viên chức của các công ty quốc doanh, của các cơ quan kinh tế, ngân hàng nhà nước, dựa dẫm và chia chác lẫn nhau. Hiện tượng trên cũng giống tình trạng các quản trị viên (Directors) của các xí nghiệp ở Hoa Kỳ liên kết để trao đổi nhau các ghế trong Hội Đồng Quản Trị các công ty. Luật lệ ở Mỹ ngăn cản và kiểm soát việc liên kết này. Ở Việt Nam không có luật lệ kiểm soát, mà những chính sách tự quản, chính sách cổ phần hóa thiếu luật lệ rõ ràng minh bạch lại còn tạo thêm cơ hội cho tầng lớp Tư Sản Đỏ biến của công thành của tư một cách hợp pháp.

Chương trình tư hữu hóa XNQD chắc chắn sẽ bị tầng lớp trên phản đối vì xóa bỏ các cơ hội trục lợi của họ. Họ sẽ vận dụng áp lực của công nhân phản đối, họ cũng dùng cả dư luận báo chí. Báo chí của đảng và nhà nước sẽ bị lợi dụng vì hai động cơ. Một là lấy danh nghĩa bảo vệ các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Tư Sản Đỏ vẫn tung hô CNXH dù vẫn chà đạp CNXH trong thực tế, họ chỉ đề cao CNXH để dễ lừa bịp công nhân. Hai là chính thu nhập của các tờ báo, dù là báo đảng, phụ thuộc tiền đăng quảng cáo của các công ty do những nhà tư sản đỏ này kiểm soát. Xã hội Việt Nam đang biến chuyển từ tình trạng chính trị chi phối tất cả sang tình trạng tiền bạc chi phối. Các nhà tư sản đỏ nắm trong tay cả hai nguồn quyền lực, chính trị và tiền bạc.

Do đó muốn thực hiện được chương trình tư hữu hóa thì phải bắt đầu bằng một quyết tâm chính trị của toàn dân với luật pháp bảo đảm. Một đạo luật do quốc hội ban hành và một chương trình phát triển toàn diện kinh tế thị trường được toàn dân ủng hộ là điều kiện cần thiết để tạo nên ý chí chính trị này. Cơ quan lập ra ở cấp quốc gia để thi hành đạo luật phải gồm những người có đủ uy tín

chính trị ở trong nước, và các chuyên viên từ bên ngoài, không lệ thuộc vào tầng lớp tư sản đỏ.

Về mặt xã hội, việc tư hữu hóa sẽ gây xáo trộn trong đời sống các công nhân. Vì vậy, chương trình tư hữu hóa phải diễn ra tiệm tiến, từ XN cỡ nhỏ đến cỡ lớn, từ lãnh vực dễ chuyển ngành đến lãnh vực khó hơn. Nhưng quan trọng hơn cả là trước và trong khi tư hữu hóa phải có chính sách mở mang lãnh vực tư để thâu nhận các công nhân dư thừa từ lãnh vực công. Khi lãnh vực tư được phát triển, thì kể cả trường hợp chương trình tư hữu hoá chưa thành hình, các xí nghiệp tư cũng thu hút bớt nhân lực và tài nguyên nếu được đối xử công bằng. Trong chương trình giải tư đã thực hiện ở Ba Lan, cuối cùng có những XNQD không ai thèm mua, chỉ còn cách là bán lẻ từng tích sản cho tư nhân, nhờ lãnh vực tư đã đủ mạnh.

Việc mở mang lãnh vực tư còn thêm tác dụng khác là thúc đẩy các XNQD cùng ngành phải tự cải thiện để cạnh tranh với tư nhân. Tác dụng này chỉ xảy ra nếu các XNQD được cải tổ, cổ phần hóa, mất độc quyền trong các lãnh vực của họ. Và trên hết là phải có luật pháp bảo đảm sự bình đẳng giữa các xí nghiệp công và tư. Nhưng cách hiệu quả nhất là luật tư hữu hóa phải hứa hẹn các ban quản đốc và công nhân XNQD sẽ được hưởng thành quả mà các cố gắng cải thiện của họ sẽ mang lại, dưới hình thức phân chia cổ phần, tặng các hứa phiếu để mua cổ phần (stock option) khi tư hữu hóa. Người cầm hứa phiếu có quyền mua cổ phần với một giá cố định, nếu giá trị của cổ phần lên cao thì người đó có lợi. Hứa phiếu mua cổ phần là một cách hữu hiệu thúc đẩy ban quản đốc các công ty cần cải tổ ở Mỹ hết sức đưa công ty từ lỗ lã sang tình trạng có lời, và gia tăng trị giá của công ty. Thí dụ ông Iacoca chủ tịch công ty Chrysler lãnh lương tượng trưng 1 USD nhưng có hàng triệu hứa phiếu, ông đưa hãng từ lỗ sang lời, cứu được công ty, mà ông ta cũng hưởng. Biện pháp này sẽ giúp cho các nhà quản đốc hiện nay vẫn tiếp tục đóng góp phần tích cực của họ, vì họ vẫn là thành phần năng động nhất trong đời sống kinh tế. Nhưng đạo luật tư hữu hóa, với một ý chí chính trị được dân chúng ủng hộ, sẽ ngăn chặn các khuynh hướng tiêu cực, biến công thành tư của họ. Hơn nữa, khi công nhân biết sẽ chia cổ phần các XNQD cải tổ cho họ thì họ vừa cố gắng đóng góp vào sự cải thiện xí nghiệp, vừa trở thành lực lượng xã hội bảo vệ và thúc đẩy chương trình tư hữu hóa. Ở Cộng Hòa Nga, dù việc cải tổ kinh tế bị chận lại từ đầu năm 1992, nhưng một khi công nhân biết sẽ được chia cổ phần thì không ai bãi bỏ được chương trình tư hữu hóa xí nghiệp của họ nữa.

Song song với việc tư hữu hóa, sự phát triển của lãnh vực tư và hệ thống pháp chế mới phù hợp với nền kinh tế thị trường sẽ thu hút vốn đầu tư mới. Việc điều tiết vĩ mô của nhà nước sẽ nhắm giữ sự ổn định về tiền tệ, kiểm soát lạm phát, hoạch định các ngành ưu tiên phát triển để nâng đỡ, mở rộng mậu dịch với nước ngoài khuyến khích sản xuất để xuất khẩu, giản dị hóa các thủ tục để bớt hối lộ, tham nhũng, và kiểm soát, ngăn chặn nạn buôn lậu qua biên giới phía Bắc và phía Nam.■

Kỳ sau:
Các phương pháp tư hữu hóa

CHÚ THÍCH

1/ Người đầu tiên công khai nêu lên vấn đề này có lẽ là ông Phan Đình Diệu, một nhà toán học. Xin đọc Những Vấn Đề Việt Nam, Trăm Hoa xb, Cali-USA, 1991.

2/ Theo báo Sinh Hoạt Cộng Đồng, số tháng 9 và tháng 11 năm 1992, xuất bản ở Stuttgart, Đức Quốc. Bản tin BBC ngày 20 tháng 8 năm 1992.

3/ FAO, Agricultural and Food Production Review (VIE/88/033) 1991, trang 4.

4/ Theo thống kê nông nghiệp, sản lượng lúa trong 5 năm, 1987 đến 1991, là 15 103, 17 000, 18 996, 19 225 và 19 427 nghìn tấn. Trích lại của Quân Tử, Những Vấn Đề Nông Nghiệp Tại Việt Nam Hiện Nay, Thế Kỷ 21 số 44, tháng 12-1992, trang 13-21. Sự gia tăng vượt bực năm 1988 là nhờ nghị quyết số 10 của Bộ Chính Trị năm 1988 cho phép nông dân ra khỏi hợp tác xã và có quyền sử dụng đất đai.

5/ Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước, Kinh Tế - Xã Hội Việt Nam năm 2000, tập thể nhiều tác giả, Hà Nội, 1990, chương 2.■

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Lise Dieutrang Vo
Agent

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, # 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 # 13
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-4222

VIỄN ẢNH KINH TẾ VIỆT NAM

QUÂN TỬ
Thế Kỷ 21, Gambia

Đóng góp thêm cho ba bài nhằm cập nhật về Kinh tế, Nông nghiệp và Công nghiệp đã đăng trên *Thế Kỷ 21* và trong viễn tượng Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận, bài này nêu lên một số khó khăn còn lại và triển vọng kinh tế Việt Nam, gồm hai phần: trước hết là tóm tắt quá trình "đổi mới" kinh tế và những thành quả và thứ hai là những khó khăn và những triển vọng phát triển kinh tế trong tương lai.

I. Phân tích chính sách phát triển kinh tế "đổi mới"

1.1. Mô tả chính sách Đổi mới

Từ năm 1986 trở đi, nhà cầm quyền CSVN đã cho thực hiện chính sách "Đổi mới" về mặt kinh tế. Họ đã bắt đầu mở cửa, liên lạc với các nước bên ngoài (Đài Loan, Singapore, Đại Hàn, Pháp, v.v...) cùng cộng tác với các cơ quan quốc tế như UNDP, IMF, World Bank và Asian Development Bank và cho áp dụng một số biện pháp kinh tế nhằm đi đến kinh tế thị trường. Những biện pháp này nhằm vào ba địa hạt:

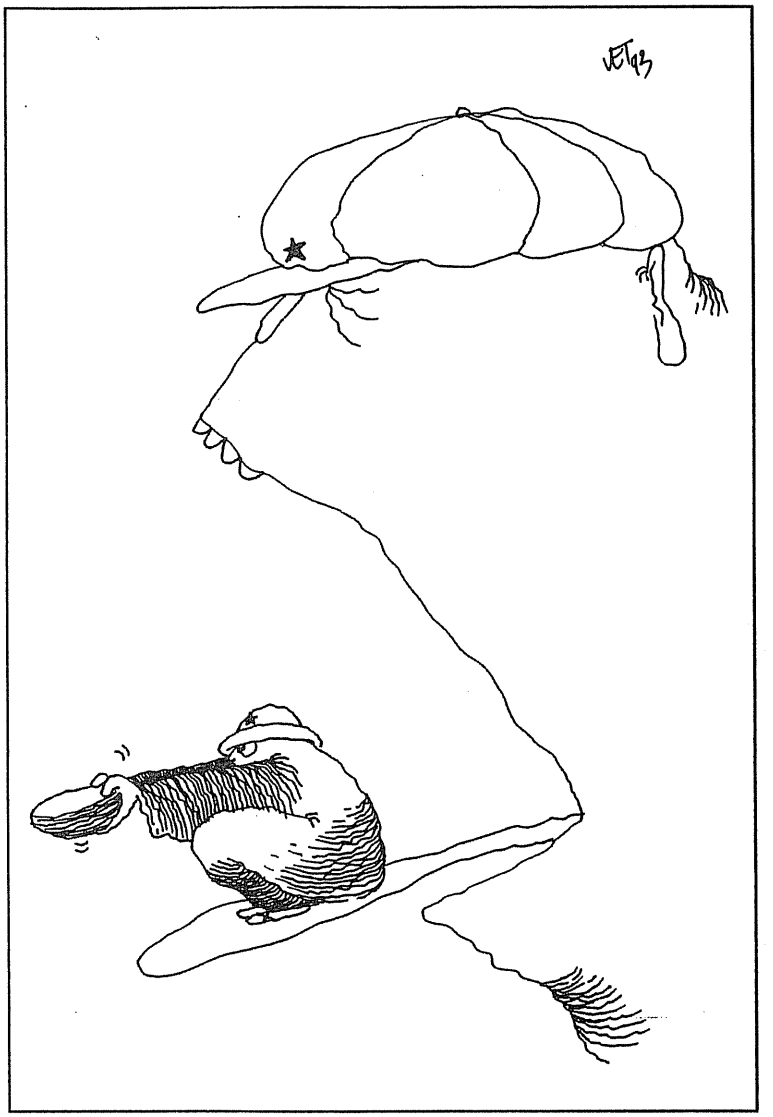

(a) công nhận kinh tế gia đình trong nông nghiệp và kinh tế nhiều thành phần.

(b) thả tự do về mặt giá cả và điều chỉnh tiền tệ (thả nổi hối suất đồng VN);

(c) cải tổ hệ thống ngân hàng và cải tổ cách quản trị các công ty quốc doanh.

Việc thay đổi đường lối kinh tế nhằm đi đến cơ cấu thị trường đã được áp dụng mạnh mẽ sau 1988 và 1989 và thành quả có chiều khả quan.

Chính sách "Đổi mới" có thể so với những thay đổi kinh tế của họ Đặng tại lục địa ở thập niên 70. Đặng Tiểu Bình đã mang cơ cấu thị trường vào nền kinh tế TC bằng cách "cởi trói" cho nông dân cho họ làm ăn "cá thể", cho họ buôn bán tự do và khuyến khích đầu tư ngoại quốc vào lục địa. Cũng như ĐTB cách 20 năm trước đây, CSVN đã bắt đầu cởi trói kinh tế VN bằng cách cho:

TABLE 1: Tỷ lệ gia tăng TSLQD từng khu vực (%)

	1987	1988	1989	1990	1991*	1992*
TSLQD (GDP) (%) gồm	4.0	6.1	7.1	4.5	3.8*	5*
Nông nghiệp	-0.6	4.0	6.9	1.8	0.0*	4*
Công nghiệp	11.0	9.0	-7.2	3.7	3.8*	13*

Data provided by the SRV/CIEM, 1/ Based on SNA methodology;
* estimated by CIEM

TABLE 2: Tỷ lệ lạm phát 1984-1991 (%)

	1984	1985	1986	1987	1988	1989	1990	1991*	1992*
Lạm phát (%)	65	92	487	301	308	35	67	67*	25*

Data provided by the SRV, UNDP,
* estimated by CIEM

1.1.1. Quyền sử dụng đất và công nhân kinh tế thành phần. Kinh tế "cá thể/gia đình" đã được công nhận và được khuyến khích. Nông dân được quyền "sử dụng" đất từ 15 đến 50 năm tùy theo loại hoa mầu. Những thống kê mới nhất cho thấy là nông dân làm ăn theo kiểu "cá thể" đã chiếm 53% tổng sản lượng nông nghiệp.

Kinh tế VN nay gồm nhiều thành phần: (i) Quốc Doanh; (ii) Hợp tác xã; (iii) Cá thể và (iv) Gia Đình. Sau năm 1988 các đơn vị sản xuất đều phải quản trị theo chính sách "tự quản" và phải vay tín dụng ngân hàng để có vốn đầu tư và vốn luân chuyển. Khu vực "Tư" gồm "Cá thể, HTX sản xuất và Gia Đình", đã được phép tái hoạt động. Khu vực này hiện nay gồm 360,000 công ty và đóng góp 43% sản lượng kỹ nghệ.

1.1.2. Thay đổi chính sách quản trị kinh tế vĩ mô: cho Giá cả, Hối đoái, Ngân hàng và lãi suất theo thị trường. Với sự giúp đỡ của IMF, CSVN đã phá giá đồng bạc và thay đổi chính sách về lãi suất và giá cả vào 1989. Giá cả được thả "tự do" trừ một vài trường hợp đặc biệt. Ngoại tệ cũng được thả nổi. Hối suất thả nổi theo "cung và cầu" và nhờ đó nạn chợ đen ngoại tệ đã giảm. Nhà cầm quyền CSVN còn "cởi mở" cho việc buôn bán, dễ dãi cho khu vực "cá thể" và khuyến khích sản xuất nhất là ngành xuất khẩu. Việc này có nghĩa là nông dân được buôn bán gần như tự do và giá cả là do quy luật "cung/cầu" quyết định.

Một chính sách tiền tệ và thuế khóa khá khắt khe đã được mang ra áp dụng để kìm lạm phát. Hệ thống ngân hàng đã được cải tổ theo "quy luật thị trường" vào 1990. Nay có bốn ngân hàng "QD" cùng một số ngân hàng ngoại quốc được phép hành nghề tại VN. Các dịch vụ ngân hàng còn thô sơ. Chính sách lãi suất mềm dẻo hơn và Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) điều chỉnh theo từng tháng tùy theo tình hình kinh tế, hối đoái và dự trữ ngoại tệ của VN. Từ tháng 9 năm 1991, "tư nhân" có quyền vay tín dụng ngân hàng.

Chính sách tín dụng có cải tiến nhưng chưa hợp lý vì ngân hàng phải cho các công ty QD vay với lãi suất thấp hay âm. Tín dụng cho công ty "QD" là một cách giúp đỡ gián tiếp cho các công ty này.

1.1.3. Mở cửa và khuyến khích đầu tư ngoại quốc. Để thoát khỏi bế tắc về đầu tư, CSVN đã ban hành Luật Đầu Tư từ 1987 và đang cố gắng lập năm, sáu khu chế xuất với tài trợ giúp của Đài Loan. Đến nay đã có nhiều công ty Đài Loan, Singapore, Hong Kong, v.v... xin hưởng đặc ân về luật đầu tư.

Nói tóm, chính sách "Đổi mới" nhằm sửa đổi những sai lầm trong quá khứ về chính sách phát triển kinh tế và chính sách phát triển nông nghiệp.

1.2. Thành quả Chính sách "Đổi mới"

Theo các ước lượng sơ khởi, tỷ lệ gia tăng hàng năm của Tổng sản lượng Quốc Dân (TSLQD hay GDP) là 6.1% trong 1988, 7.1% trong 1989, 4.5% trong 1990, 3.0% trong năm 1991, 3.8% cho 1991 và 5% cho 1992 (?). Việc gia tăng khá nhanh của TSLQD là do việc cởi trói nông công nghiệp, dịch vụ và cho "cá thể" làm ăn. Lạm phát đã được kìm hãm phần nào. Trong những năm 1990 và 1991, tỷ lệ gia tăng có thấp hơn vì CSVN đã bị cắt viện trợ của khối Đông Âu và Liên Xô.

Việc thay đổi đường lối

kinh tế đã mang lại thành quả khả quan nhất trong lãnh vực nông nghiệp. Nông nghiệp gia tăng trung bình 3.1% trong những năm 1982-1987 (cao hơn gia tăng dân số: 2.3%). Tuy nhiên nông nghiệp đã gia tăng không đồng đều. Trung bình là 4% trong năm 1988, 6.9% trong năm 1989, 1.8% trong năm 1990 (mất mùa), 0.0% trong năm 1991 và ước lượng là 4% trong năm 1992. Trong năm 1990 gia tăng nông nghiệp có giảm vì thời tiết và thiếu phân bón viện trợ của Liên Xô trong năm 1991 (0%). Trước đây tỷ lệ gia tăng về lúa gạo rất thấp (từ 11.6 triệu tấn năm 1980 lên 20 triệu tấn năm 1992). Cây công nghiệp (Trà, càphê và cao su có gia tăng, quan trọng nhất là cà phê tăng từ 8.4 ngàn tấn lên 59.6 ngàn tấn trong 10 năm). Trong năm 1992 có triệu chứng cho thấy VN trúng mùa và có thể xuất cảng hơn 1.5 triệu tấn gạo (hạng ba trên thế giới).

Công nghiệp, khu ưu tiên của chính sách phát triển XHCN, đã gia tăng trung bình 0.6%/năm trong những năm 1976-1980 và 9% trong năm 1981-1985. Sau những biện pháp "Đổi mới", từ 1988 đến 1990, ngành công nghiệp có gia tăng nhưng không đồng đều. Theo các ước lượng sơ khởi, tỷ lệ gia tăng hàng năm của công nghiệp là 11% năm 1987, 9% năm 1988, 7% trong năm 1989 và 3.7% trong 1990 và 1991 và 15% trong 1992 (?). Nếu không tính khu vực dầu, công nghiệp còn sút mạnh hơn (-7% trong 1990-1991) vì bị mất "phụ cấp bằng hàng" và quản trị kém. Từ 1988 đến 1990, khu công nghiệp QD đã phải sa thải hơn 400,000 công nhân. Ngược lại, khu vực "Tư" nay được tái hoạt động và nhờ quen quản trị theo thị trường mà sản lượng công nghiệp Saigon (Tp HCM - Vũng Tầu Côn Đảo) tăng nhanh (9% vào 1991 và 16% ở quý đầu 1992). Khu vực "tư" (thương nghiệp và công nghiệp) cũng tạo thêm công ăn việc làm nhưng không đủ để thu công nhân bị sa thải và số quân nhân được giải ngũ.

Đầu tư của ngoại quốc có phần có kết quả. Trong đầu năm 1992, tổng số đầu tư của Đài Loan là US$784 triệu (63 dự án), Hong Kong US$149 triệu, Nga US$147 triệu và Nhật US$104 triệu (22 dự án). 32% đầu tư nhằm khu vực hầm mỏ, 26% về khách sạn và dịch vụ, 22% về dầu, 7.7% về khai thác Lâm sản, 6.7% về Hải sản và 6% về chuyên chở và dịch vụ bưu điện. Tình trạng chung là các công ty ngoại quốc xin đầu tư "xí chỗ" thì nhiều nhưng thực hiện đầu tư thì chưa có mấy. Ví dụ trong số tiền Nhật cho CSVN vay dài hạn gần đây, một phần sẽ được dùng để thanh toán các món nợ cũ của CSVN đối với các hãng Nhật. Nói là số đầu tư gia tăng thì cũng chưa hẳn là như vậy.

II. Những vấn đề còn lại

Nhiều vấn đề còn ngăn cản việc phát triển kinh tế. Theo kinh nghiệm quốc tế cùng những nước Đông Âu, Nga, Trung Cộng hay các nước Á châu khác, ta thấy là VN đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng tốt nhưng VN vẫn phải tiếp tục cải tổ nhiều hơn.

2.1. Bối cảnh phát triển kinh tế

Trong năm qua, CSVN đã mời thủ tướng Mã Lai, cựu thủ tướng Lý Quang Diệu, thủ tướng Lý Bằng của TC, phái đoàn CSVN đã đi công du nhiều lần ở Âu Châu, Á Châu, v.v... cũng là chỉ để tìm đồng minh, làm hòa với các nước láng giềng và tìm lối thoát kinh tế. Việc này là tốt vì nó cho thấy là nay CSVN bắt đầu mở cửa, nhìn ra các nước ngoài và bớt tự cao. Việc chọn lựa một mô hình phát triển cho tương lai là quan trọng bậc nhất vì cũng chỉ vì chọn lầm mà cả khối CS đã bị phá sản.

Kinh nghiệm về phát triển đã cho thấy những mô hình phát triển theo kiểu Đại Hàn, Singapore, Đài Loan,, Nhật Bản và gần nhất là TC là con đường phát triển "cởi mở, hướng về xuất cảng" có lợi hơn là có sự cạnh tranh quốc tế và nhờ đó có năng suất cao và có cơ hội nhập được các kiến thức mới. Ngoài ra kinh nghiệm cũng cho thấy là phát triển theo mô hình kỹ nghệ nặng sẽ không thể "tạo" nhiều việc làm bằng phát triển theo kiểu các xí nghiệp nhỏ. Nhưng những kinh nghiệm phát triển này nhằm các nước có hệ thống "thị trường", có luật lệ rõ ràng, có cách làm việc tương tự với nhau trong khi đó thì CSVN thiếu luật lệ, thiếu các tổ chức tương đương có sẵn ở các xứ theo hệ thống thị trường.

Trong khối XHCN, kinh nghiệm phát triển tương đối thành công là TC. TC đã khôn ngoan "cởi trói" cho nông nghiệp rồi tạo điều kiện cho những "vùng chế xuất" theo ven biển để giải quyết vấn đề nhân công/công nghiệp và cùng lúc đó có thì giờ thay đổi dần các cơ cấu chính trị và kinh tế. Chính sách của TC là "vừa làm vừa mò đường". Họ phát triển công nghiệp nhẹ ráp sản phẩm (ví dụ đồ chơi, gia công may quần áo), kỹ nghệ biến chế với kỹ thuật thấp (chế biến nông phẩm) và đang cố gắng đi vào kỹ nghệ chế có kỹ thuật cao (làm PC, ráp xe hơi Citroen, Jeep, Volkswagen, máy bay Douglas

M.D., v.v...). TC còn được sự trợ giúp của nhiều "cộng đồng Trung Hoa" tại Mỹ, Đài Loan, Hong Kong, Singapore, Thailan, v.v...

Mô hình phát triển theo kiểu TC này bắt đầu gặp nhiều trở ngại vì phát triển không đồng đều giữa bốn vùng ven biển và lục địa, vì thiếu luật lệ, chính sách hối đoái và chuyển ngân chưa rõ ràng, thuế vụ, luật bảo vệ tác quyền (copyright) chưa rõ, v.v... và vì không dám "giải tư" các xí nghiệp quốc doanh (lúc nào cũng bị lạm phát đe dọa, thiếu hiệu năng trong quản trị, dùng vốn không mấy có lý, v.v...). Thiếu một khung cảnh luật lệ cho nên TC đang gặp nhiều khó khăn du nhập các kỹ thuật tiền tiến.

Bối cảnh và kinh nghiệm phát triển kinh tế tại Á Châu cũng cho thấy những trường hợp không mấy tốt của tư bản Nhật, Đài Loan, Hong Kong, Thái lan, v.v..., trong việc khai thác tài nguyên. Họ khai thác cho mau và triệt để, không điếm xỉa gì đến sinh môi khai khẩn có kế hoạch và trật tự (ví dụ Thái Lan khai thác lâm sản hay ngọc quý tại Cao Miên, đánh cá bừa bãi trong vịnh Thái Lan, các công ty Nhật tại Mã Lai làm ô nhiễm sinh môi gây tàn tật cho trẻ em sơ sinh, vụ bán trẻ em gái làm nghề mãi dâm và do đó bệnh AIDS lan rộng tại Thái Lan, v.v... Những vụ này chỉ có thể xẩy ra vì các nước Á châu trên không có, hay không muốn, áp dụng luật lệ một cách nghiêm chỉnh.

Kinh nghiệm Đông Âu và Nga cho thấy là nếu thay đổi theo thị trường một cách quá mau mà không có một khung cảnh luật lệ làm chuẩn thì sẽ gặp nhiều lạm dụng và có thể gây nhiều tai hại đưa đến việc phân chia đất nước hay bị xâm chiếm (TC đã và đang hăm quần đảo Trường Sa và Tây Sa).

Tại VN, phần thiếu kinh nghiệm làm ăn kiểu "thị trường", phần vì các viên chức địa phương ăn hối lộ, cho nên đã bị lừa nhiều vố và để nhiều kẽ hở cho nên những "con buôn" từ Hong Kong, Thái lan, Đài Loan, v.v... đã đầu tư kiểu "đầu cơ tích trữ đất và địa ốc" tại VN. Hậu quả là thị trường địa ốc và đất đai tại VN còn đắt hơn mấy lần các nước láng giềng (Thái, Mã, v.v...), gây nhiều bất lợi cho chính sách phát triển đầu tư chung. Việc khai thác lâm sản bừa bãi bởi Thái lan cũng đã mang lại nhiều tai hại cho sinh môi. Những chuyện này sẽ tiếp tục xẩy ra nếu không có khung cảnh pháp trị.

Nếu áp dụng một khung cảnh luật pháp thì phải theo kiểu nào? Mỹ?, Anh?, Pháp?, Đức? Chắc độc giả cũng biết những gì cựu PTT Hoa Kỳ Dan Quayle nói về ngành luật tại Mỹ và chỉ đọc báo hàng ngày cũng thấy nhiều sự lạm dụng. Nếu học những cái hay như trật tự của Nhật, kỹ thuật và sáng kiến của Mỹ và an sinh xã hội và luật lệ của Âu châu thì nhất.

2.2. Những khó khăn trong sự lựa chọn một chính sách phát triển

CSVN sẽ phải lựa chọn một chiến lược phát triển có lợi nhất dựa trên những lợi thế tương đối (comparative advantage) của VN. Sự lựa chọn sẽ ảnh hưởng đến chính sách phát triển nông nghiệp (xuất cảng sản phẩm gì có lợi nhất?), công nghiệp (kỹ nghệ nặng hay kỹ nghệ biến chế?) Biến chế theo kiểu kỹ nghệ ráp máy (assembly) hay làm thuê (subcontract)? Kỹ nghệ biến chế với kỹ thuật thấp hay kỹ nghệ chế biến có kỹ thuật cao như là điện tử? Phát triển trong những khu vực "chế xuất" hay toàn quốc? Xuất cảng hàng hóa qua các khu chế xuất hay qua việc xuất cảng nhân công và dịch vụ và tài nguyên nhân sự? Trước mắt có một số vấn đề phải thay đổi.

2.2.1. Cải tổ guồng máy quản lý kinh tế, hợp lý hóa đầu tư. Làm sao hợp lý hóa các quyết định luật pháp, kinh tế từ trung ương đến địa phương, các ngành, các cấp, và điều động được khu vực tư nhân và điều tiết được thị trường? Kinh nghiệm quốc tế (TC, Lào và các nước Đông Âu) cho thấy là chính sách "tự trị địa phương" có thể phản phát triển vì địa phương (tỉnh hay huyện) có thể đi ngược lại chính sách trung ương.

Làm sao kết hợp các chương trình phát triển trong một kế hoạch mạch lạc từ trung ương xuống địa phương mà không ngăn cản tư nhân làm việc là một vấn đề nhức đầu. Làm sao có một hệ thống tài chính để tài trợ các dự án đầu tư, có phối hợp trong các chương trình viện trợ? Làm sao có một hệ thống giáo dục đáp ứng cho việc phát triển các dự án đầu tư (nội địa hay ngoại quốc).

Hệ thống ngân hàng đã được cải tổ theo "quy luật thị trường" nhưng vẫn gián tiếp "trợ cấp" các công ty QD. 100% tín dụng dài hạn và 90% tín dụng cho vốn luân chuyển còn được dành cho công ty QD. Tổng số tiền các công ty QD chuyển nhượng cho ngân sách là âm. Số tiền phải "phụ cấp" cho khu QD vẫn ảnh hưởng đến ngân sách (3). "Tư nhân hóa" các xí nghiệp là một ưu tiên nhưng lịch trình và ngành được giải tư cũng quan trọng. Không giải quyết vấn đề này thì còn thâm thủng ngân sách và còn

lạm phát. Vậy phải có một kế hoạch "tư nhân hóa" để tránh việc bán rẻ tài sản quốc gia, gây thêm công ăn việc làm và tránh tư bản lộng hành?

Các kỹ thuật xét dự án đầu tư chưa được phổ biến rộng rãi. Làm sao cho hợp lý hóa các quyết định về đầu tư phát triển? Cách suy nghĩ theo "quy luật thị trường" chưa được phổ biến trong giới chuyên gia. Chính sách đầu tư ít chú ý đến việc sản xuất cho "thị trường" và xuất khẩu. Làm sao mà tính những lợi điểm của VN để có thể sản xuất và xuất khẩu lấy ngoại tệ? Làm sao cho hợp lý hóa các quyết định đầu tư? Thí dụ gần đây là CSVN lấy quyết định đặt đường dây cao thế Bắc (dư điện) - Nam (thiếu điện). Đây là sai lầm to vì đường dây sẽ rất tốn kém và miền Nam có nhiều triển vọng có khí đốt và có thể xây nhà máy phát điện chạy bằng khí đốt rẻ. Đường dây cao thế sẽ không mang lại hậu quả kinh tế như mong muốn. Các chuyên viên quốc tế về phát triển kinh tế đều biết "bài học không nên làm" là đường dây cao thế tại Zaire. Điều này cho thấy là cách suy nghĩ theo "quy luật thị trường" chưa được phổ biến trong giới lấy quyết định, giới chuyên gia, giới Đại Học tại VN. Phải có thời gian mới có thể thay đổi được cách suy nghĩ coi trọng "hồng hơn chuyên".

2.2.2. Chương trình tái thiết hạ tầng cơ sở, giao thông, vận tải, màng lưới điện, hải cảng, v.v... Hệ thống giao thông vận tải nay đã thiếu bảo trì. Ngoài ra còn phải phát triển vùng, thiết kế đô thị, chỉnh trang các đặc khu kinh tế, hệ thống dẫn nước, v.v... Hệ thống đường xá là một trở ngại trong việc chuyên chở lương thực từ các tỉnh thặng dư về gạo đến các tỉnh thiếu gạo.

Khâu phân phối các sản phẩm nông công nghiệp có hiệu năng thấp vì thiếu phương tiện chuyên chở (xe chuyên chở, hệ thống hỏa xa lỗi thời...) và vì hệ thống giao thông vận tải thiếu đầu tư. Cả nước chỉ có 12,000 km đường tráng nhựa và muốn đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng (Santa Ana - San Diego) mất ít nhất 5 tiếng và Hà Nội - Tuyên Quang (Santa Ana - San Diego) mất 6 tiếng. Hệ thống tỉnh lộ hay hương lộ thì tệ hơn. Hệ thống hỏa xa thiếu máy kéo, thiếu toa, thiếu tổ chức, v.v... Chuyên chở hàng từ Saigon ra Hà Nội (San Diego - San Francisco) phải mất 4 ngày vì đường xấu, tốc

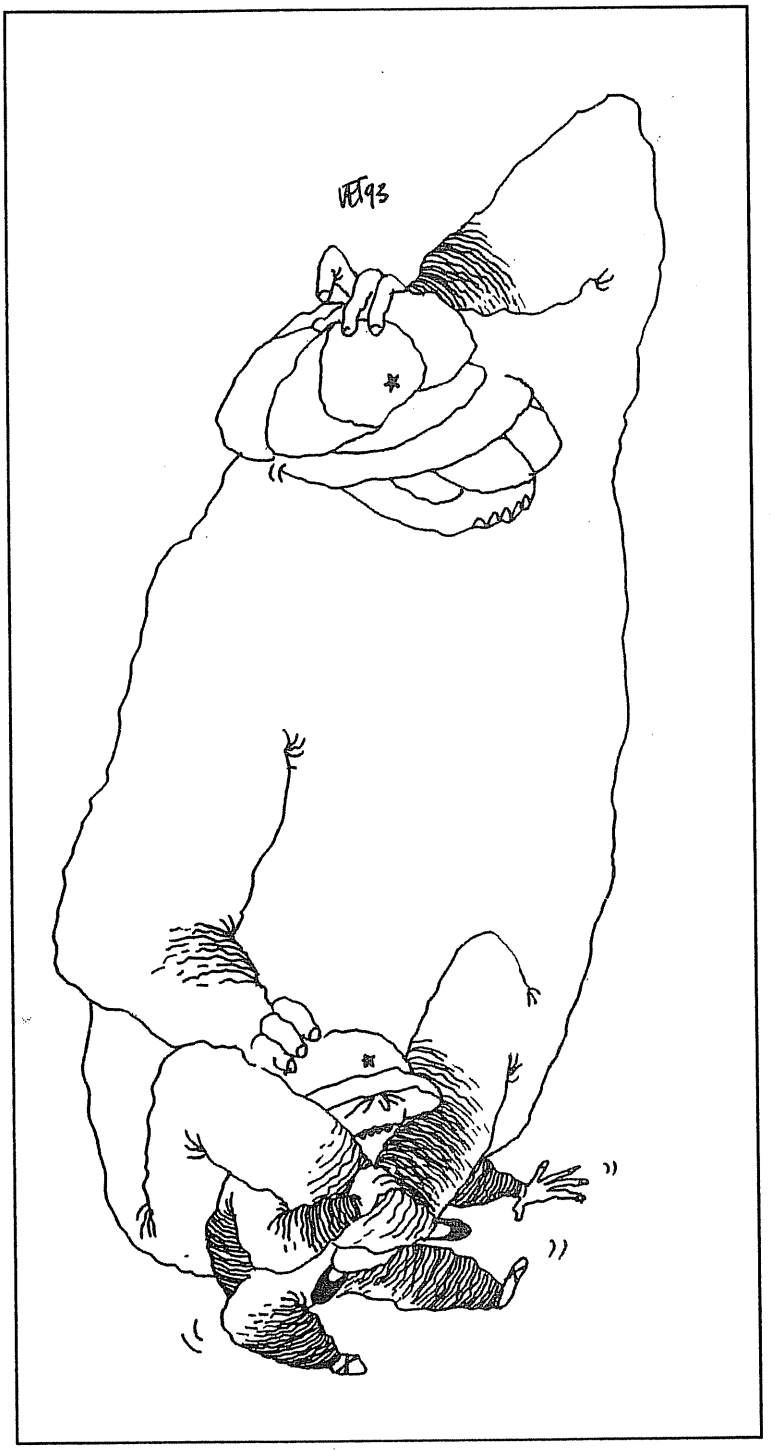

độ trung bình không quá 40 km/giờ.

Hệ thống điện thoại, vô tuyến, TV, điện hay nước kém. Số điện thoại còn ít, máy Fax càng hiếm do đó cản trở liên lạc, làm chậm trễ thương mại. Miền Nam, vì thiếu bảo trì, thiếu đầu tư hay vì không mua được phụ tùng thay thế, thiếu điện làm cản trở việc phát triển công nghiệp. Các xí nghiệp chỉ có thể tận dụng 40-50% mức sản xuất.

Hải cảng Saigon, Hải Phòng, v.v... thiếu đầu tư, thiếu trang bị làm việc dỡ bốc hàng hóa chậm trễ gây ít hãng tầu ghé Saigon. Hậu quả là giá chuyên chở hàng ra vào VN đắt. Hạ tầng cơ sở yếu là một trở ngại trong việc phát triển kinh tế vì nó làm tăng phí tổn và làm giảm hiệu năng trong việc liên lạc, phân phối và sản xuất hàng hóa.

2.2.3. Cải tổ và phát triển nông nghiệp. Nông nghiệp phải được ưu tiên đầu tư vì có khả năng phát triển nhanh và mang công ăn việc làm cho hơn 80% dân số. Có thể cải thiện và phát triển 200,000 ha ở đồng bằng sông Cửu Long cho hai vụ lúa.

Nông dân có quyền "sử dụng đất" và họ có quyền bán những sản phẩm trên thị trường tự do. Vậy vẫn chưa đủ vì trong tương lai phải giải quyết các vấn đề quyền sở hữu, kỹ thuật về canh tác, sản xuất và xuất cảng, tồn trữ và hệ trọng hơn cả là phát triển hệ thống nông tín và phân phối cho thị trường trong nước cùng cho thị trường xuất khẩu, việc kết hợp với ngành công nghiệp gốc canh nông, v.v... Không có quyền sở hữu và quyền tự do đi lại lập nghiệp thì nông dân sẽ không đầu tư và số người thặng dư không thể chuyển sang công nghiệp được. Kinh nghiệm quốc tế cho biết là không có chương trình khuyến nông thì sẽ khó phát triển nông nghiệp. Về mặt kỹ thuật thì nông nghiệp Việt Nam còn ở thời kỳ 1960 vì thiếu khảo cứu nông nghiệp và kỹ thuật. Hệ thống sản xuất hạt giống yếu ớt, thiếu phương tiện và nông tín chưa có để phục vụ nông dân một cách hữu hiệu.

Hiện nay các công ty QD còn "độc quyền" trong việc xuất khẩu và phân phối phân bón, vật tư. Khâu chế biến và phân phối sản phẩm nông nghiệp yếu vì thiếu phương tiện, thiếu chuyên chở và hạ tầng cơ sở kém. Hệ thống đông lạnh và tồn trữ còn thô sơ. Muốn tăng gia diện tích trồng lúa hai vụ thì cần một hệ thống bơm nước rẻ chạy bằng điện. Muốn cho nông dân làm việc giữa hai mùa thì cần màng lưới điện để gây dựng kỹ nghệ chế biến nhẹ tại nông thôn.

Chính sách thuế vụ nông nghiệp chưa được sửa sai. Thuế nông nghiệp tượng trưng cho 13-14% trong khi thuế đánh trên công nghiệp chỉ có 4-6%. CSVN còn dùng thuế vụ và giá cả hàng hóa trao đổi giữa nông thôn và thành thị để "đánh thuế nông dân". Chính sách nông nghiệp Việt Nam trong quá khứ đã chú ý về "tự túc" lương thực. Trong chính sách mới làm sao cho hợp lý hóa các quyết định chính sách phát triển nông nghiệp từ trung ương đến địa phương và điều động được khu vực "cá thể / tư nhân" và điều tiết được thị trường ?

2.2.4. Cải tổ tài chính công, hệ thống ngân hàng. Làm sao giải quyết việc thiếu hụt ngân sách, tài trợ các xí nghiệp quốc doanh, cải tổ chính sách thuế khóa cho đơn giản, công bằng, hợp lý và hữu hiệu hơn và cải thiện guồng máy thu thuế. Cơ chế ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại, chính sách tiền tệ và tín dụng, thiết lập thị trường tiền tệ và tài chính song song việc tư nhân hóa một số xí nghiệp quốc doanh và phát triển các công khố phiếu, trái phiếu, tài trợ những chương trình đầu tư xây dựng. Không có hệ thống ngân hàng hữu hiệu thì khó tài trợ phát triển. Tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh phải đi cùng với chính sách phát triển công nghiệp. Làm sao định giá công ty bán ra? bán cho ai? ai mua, ai quản lý? Định giá trên tiêu chuẩn nào? Kế toán theo kiểu XHCN (kế toán XHCN không cho phép các nhà đầu tư ngoại quốc đánh giá xí nghiệp và tài sản của nó một cách trung thực) hay kế toán theo kiểu "thị trường"? Muốn quản trị trong môi trường "thị trường" thì cần một hệ thống kế toán tinh vi. Không những là kế toán thương mại mà cần cả kế toán về giá cả (cost accounting), hệ thống kiểm tra kế toán (audit), kiểm tra quản trị (management audit). Làm sao có lợi để không gây gánh nặng cho ngân sách quốc gia? Thu dụng thêm công nhân và giảm nạn thất nghiệp, làm sao chọn chiến lược phát triển có lợi nhất cho hiện tại và cho lâu dài? Không giải quyết vấn đề này thì còn thâm thủng ngân sách và còn lạm phát.

2.2.5. Phát triển công nghiệp qua các khu chế xuất và xuất cảng dịch vụ. Cái lợi của Việt Nam là có nhân công rẻ và tương đối có học. Muốn đầu tư để "xuất khẩu" thì phải có chính sách chọn kỹ thuật tân tiến. Khi nói tới việc tìm nguồn tài trợ cho dự án đầu tư lớn như nhà máy lọc dầu chẳng hạn, phải tìm ở đâu? Vay chính nhà cung cấp máy móc hay vay tư nhân? vay các định chế quốc tế như ADB, World Bank? hay là liên doanh? Các nhà đầu tư Đài

Loan đổ vào Việt Nam xây khu chế xuất. Đây là một chính sách tìm nhân công rẻ của Đài Loan và chia bớt rủi ro để câu thì giờ để cải tổ cơ cấu.

Nhiều công ty hay xí nghiệp có thể khá hơn nếu có ban quản trị mới. Một cách là chung với ngoại quốc để có một ban quản trị mới. Thí dụ các xí nghiệp xây cất có thể hùn với vốn ngoại quốc để có thị trường quốc tế nhờ sự quản trị tân tiến. Ngoài ra, chính phủ có thể, như ở Balan, Đông Đức, v.v... trả lại tài sản cho các "chủ cũ" của các công ty bị "quốc hữu hóa" sau 1975 hay là ký hợp đồng "quản trị" với những người này. Một số xí nghiệp khác có thể giải tư. Muốn giải tư phải có kế hoạch tái định giá xí nghiệp, kiểm tra tài sản, v.v... và phải tìm người mua. Hiện nay CSVN đã bắt đầu cho giải tư. Việc giải tư có thể mau chóng trong một vài ngành như thương nghiệp nhưng sẽ khó với các công ty ngành công nghiệp. Các công ty khu QD sẽ phải giảm để đỡ gánh nặng cho ngân sách. Lịch trình, chiến lược và những ngành được giải tư cũng quan trọng. Làm sao tìm việc làm cho các công nhân bị sa thải? Làm sao bảo vệ mức lợi tức của người mất việc? hay phải dùng tài trợ quốc tế để gây công ăn việc làm cho họ? Đây là một vấn đề rất khó.

2.2.6. Cải tổ nhân sự và phát triển giáo dục chuyên nghiệp, nông-công nghiệp. Đây là chương trình cần thiết để mở mang dân trí và gây điều kiện xây dựng một đội ngũ chuyên gia cần thiết cho thế kỷ tới. Thí dụ tái huấn luyện nhân sự (giáo sư và nhân viên) trong hệ thống ngân hàng thương mại hay nông, công nghiệp. Hệ thống giáo dục (tiểu-trung-đại học), ngành luật khoa (thẩm phán, luật sư, nhân viên), Quản trị, Kinh tế, v.v... cần được cải tiến và hợp với đường lối phát triển cởi mở.

Muốn công ty ngoại quốc đầu tư thì cần chuyên viên kế toán, điện toán, thư ký, thư ký điều hành, bí thư (không phải bí thư đảng), chuyên viên các ngành dịch vụ, v.v... Đây là những ngành mới đối với XHCN. Muốn đầu tư được hữu hiệu, các dự án đầu tư được sử dụng một cách có hiệu quả và hợp lý và các kỹ thuật phân tích dự án phải được du nhập và phổ biến. Một chương trình cải tổ và tái huấn luyện nhân sự quy mô là cần thiết để gây điều kiện xây dựng một đội ngũ chuyên gia cần thiết để phát triển nông công nghiệp cho thế kỷ tới. Dân số toàn quốc nay là 70 triệu. Dân số sẽ lên 100-115 triệu vào năm 2000. Mỗi năm Việt Nam phải tìm thêm việc làm cho hơn 1 triệu người.

Muốn phát triển khâu xuất khẩu dịch vụ phải có chương trình đào tạo chuyên viên về ngoại ngữ và chuyên môn. Nhân sự phải có dịp mở rộng tầm mắt và tập sự. Các cơ quan truyền thông phải được mở rộng. Phải có chương trình cải tổ và tái huấn luyện nhân sự quy mô tạo điều kiện xây dựng một đội ngũ chuyên gia cần thiết để phát triển công nghiệp cho thế kỷ tới. Chương trình này phải đi song song với chính sách sử dụng chuyên gia quốc tế (kể cả chuyên gia quốc tế gốc Việt nay ở rải rác trên khắp năm châu) để mong bắt kịp các nước láng giềng.

2.2.7. Quyền sở hữu, cơ chế pháp luật. Nay đã có một "luật đầu tư" và nhiều dự luật khác đang được soạn thảo. Trước đây các công ty ngoại quốc vào Việt Nam là những công ty nhỏ, cá thể, hay các công ty lớn tìm cách "xí chỗ". Với bối cảnh được bỏ cấm vận trong năm 1993, các công ty ngoại quốc nhất là Mỹ sẽ đầu tư vào Việt Nam. Các công ty này sẽ bị ngăn bước không những vì các dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế "thị trường" còn giới hạn (tín dụng, chuyên chở, không có luật thương mại, giấy phép xin hành nghề, không có quyền tự do đi lại lập nghiệp trong nước v.v...) mà các cơ quan bảo hiểm ngoại thương (COFACE, OPIC, EXIMBANK, v.v...) vẫn coi CSVN là một "rủi ro cao" và vì Việt Nam chưa ký các luật lệ ngoại thương quốc tế, chưa có tòa thương mại, còn thiếu nợ IMF, v.v...

Muốn vận dụng những nỗ lực của dân chúng và tiến nhanh tới cơ cấu "thị trường", CSVN cần phải trở thành một xã hội có kỷ luật và có "pháp trị". Chính quyền có trách nhiệm làm và thi hành luật để dân chúng hay các công ty nội địa và ngoại quốc có thể tham gia. Nếu cấm vận được bỏ, Việt Nam phải chuẩn bị giải quyết những món nợ xưa, do đó phải ít nhất chuẩn bị các bộ luật có tầm vóc quốc tế. Sử dụng luật nào là chuyện khó. Hiện nay CSVN chưa có luật thương mại, chưa có luật về hình sự, lao động, tố tụng hay dân sự rõ ràng, chưa có một ngành Tư Pháp "tự trị". Các thẩm phán học ở đâu ra trong khi Việt Nam không có Đại Học Luật? Các nhân viên ngành tòa án được huấn luyện tại đâu? v.v... Những bảo đảm "tối thiểu về luật pháp có trong tất cả cơ cấu thị trường" chưa rõ ràng (là dịp cho hối lộ) thì khó mà có thể thu hút vốn đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam trừ khi là những người "đầu tư / đầu cơ". Đây cũng là trở ngại lớn cho việc phát triển của các nước "cựu" XHCN. Việc chọn các bộ luật thích hợp cho Việt Nam cũng

là quan trọng vì nó sẽ có ảnh hưởng về tương lai. Chỉ cần thấy tình trạng Phi Luật Tân (sao nguyên bản các cơ chế của Mỹ) là thấy những gì không nên làm tại Việt Nam.

Kết luận tạm thời

Vừa đây, Thủ tướng Hà Nội đã báo cáo rêu rao thành công về kinh tế. Thật ra không có gì phải rêu rao và tự cao vì CSVN vẫn còn nằm trong những nước "nghèo nhất thế giới" và so với các nước Á Châu thì tỷ lệ gia tăng của Việt Nam còn thua nhiều nước láng giềng. Chính vì "giáo điều" mà CSVN đã đi lầm trong gần 20 năm qua và hậu quả kinh tế thì ai cũng biết. CSVN mới chỉ "cởi trói" cho khu vực tư làm việc mà thôi.

Trong bối cảnh quốc tế và Á Châu, CSVN có phần thay đổi nhiều hơn TC vì đã thay hệ thống giá cả, hối đoái, NHNN,... trên toàn quốc và toàn bộ, trong khi đó thì TC chỉ thay đổi từng phần. Nhưng TC ở mức phát triển cao hơn Việt Nam, đã thay đổi từ thập niên 70 trong khi các nước XHCN còn mạnh và hơn nữa, họ còn được sự trợ giúp của nhiều "cộng đồng Trung Hoa." Trong khi đó thì các cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại còn quá nhỏ, còn mới (chưa quên cái quá khứ gần) và còn rất yếu về tài chánh. TC có ĐTB trong khi đó CSVN không có người lãnh đạo nào đủ "nặng ký" để lái con tàu một cách quyết định (phe bảo thủ vẫn là trở ngại lớn cho việc phát triển Việt Nam).

Nhìn lại miền Nam trước đây, chỉ có thời Đệ Nhất Cộng Hòa là có chính sách phát triển rõ ràng vì xã hội có trật tự. Phát triển kinh tế cần trật tự nhưng cũng cần một bối cảnh cho phép con người thăng tiến. Phát triển kiểu "thị trường" phải đi đôi với "cởi mở và dân chủ". Vậy việc thay đổi trong trật tự là cần thiết.

Bối cảnh trên cho thấy là cần và phải "gỡ những khúc khó" cùng một lúc. Việc này cho thấy là, muốn phát triển nhanh, phải ưu tiên phát triển nông nghiệp nhằm xuất cảng (sửa thuế, tự do đi lại và trồng trọt, có quyền sở hữu, bỏ các độc quyền về buôn bán nhưng cũng phải có luật lệ rõ ràng để ngăn cản các tư nhân nắm độc quyền, có nông tín đầu tư, v.v...), phát triển công nghiệp qua các khu chế xuất để gây nhiều công ăn việc làm (có thể xây dựng hạ tầng và có cơ chế pháp trị dễ dàng), xuất cảng dịch vụ qua du lịch và việc cho chuyên viên Việt Nam gia công làm cho các công ty ngoại quốc và song song thay các cơ cấu, xây dựng hạ tầng. Có nhiều dấu hiệu cho thấy là CSVN đã chọn chiến lược phát triển công nghiệp theo mô hình Đài Loan (kỹ nghệ nhẹ biến chế cho xuất khẩu và dùng các khu "chế xuất" làm điểm tựa). Đa số các công ty sẽ xin đầu tư vào miền Nam trong khi đó phải tránh việc phát triển không cân bằng giữa Nam và Bắc.

Trong năm 1993, có nhiều triệu chứng cho thấy là cấm vận sẽ được bỏ. IMF sẽ trợ giúp Việt Nam tái thương thuyết và thanh toán các món nợ cũ và các cơ quan tài trợ quốc tế như World Bank, Asian Development Bank, v.v... có thể tài trợ phát triển, thay đổi cơ cấu, do đó có thể phát triển nhanh hơn năm 1992 và những năm trước. Nhưng muốn như vậy phải kịp thời lập các dự án tài trợ. Trung bình một dự án phải mất 18 tháng mới được các cơ quan quốc tế tài trợ. Khi đụng vào việc như quản lý kinh tế, xây nhà máy phát điện, lọc dầu, v.v... CSVN cũng như các nước khác cũng gặp những vấn đề trong việc "chọn lựa kỹ thuật và tài chính" cho kịp thời. Trong môi trường kinh tế XHCN thì không có lựa chọn và thời gian không quan trọng nhưng ngược lại trong thị trường thì có quá nhiều lựa chọn và "thì giờ là vàng". Làm sao biết là "con buôn" hay là đầu tư thật? Làm sao lấy quyết định cho kịp hạn định và phí tổn thấp nhất? Muốn tránh bị hớ cần có "cố vấn kỹ thuật". Chính Lý Quang Diệu cũng khuyến cáo CSVN là nên sử dụng các người "cố vấn kỹ thuật" gốc Việt. Việc sử dụng cố vấn kỹ thuật là một nghệ thuật và do đó phải có chính sách sử dụng chuyên gia một cách hợp lý và thận trọng. Muốn tìm công ăn việc làm cho dân chúng thì dễ nhưng muốn phát triển và có lợi về lâu về dài cho Việt Nam thì lại là chuyện khác.

Mỗi sự lựa chọn về chính sách phát triển cũng đều phải cân nhắc nếu không muốn trả giá quá đắt. Nhưng nếu CSVN tiếp tục cởi mở, tiếp tục đưa năng suất vào kinh tế, tiếp tục xây dựng khung cảnh "luật pháp" thì tương lai Việt Nam sẽ khá hơn. Giá phải trả đắt hay rẻ, tốt hay dở, sáng suốt hay không và mau hay chậm là do sự khôn ngoan của các cấp lãnh đạo. Muốn bắt kịp các nước láng giềng như Thái Lan, Mã Lai, v.v... cũng phải mất ít nhất 10-15 năm nếu biết sử dụng và bố trí tài nguyên (thiên nhiên, nhân sự nội địa và ngoại quốc, đầu tư, kỹ thuật, v.v...) một cách khôn ngoan. Cơ hội sẽ đến cho Việt Nam vào năm 1993 và việc sử dụng cơ hội đó tốt hay không thì chúng ta còn phải chờ xem.■

HƠN NỬA THẾ KỶ HỘI HỌA VIỆT NAM QUA PHÒNG TRIỂN LÃM MÙA XUÂN 93

● Lần đầu tiên, một cuộc triển lãm quy mô tại hải ngoại, quy tụ họa sĩ từ Âu Châu, Canada và khắp các tiểu bang Hoa Kỳ ● 32 họa sĩ, 3 điêu khắc gia, hơn 50 tác phẩm hội họa và điêu khắc ● Đủ các trường phái, từ Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương tới các họa sĩ Việt tốt nghiệp tại Mỹ ● Đủ các kỹ thuật hội họa từ sơn mài, lụa, đến độc bản và etching ● Một công trình triển lãm gây ngạc nhiên cho giám đốc bảo tàng viện Bowers.

TRẦN HỒNG

Tới giờ thì cuộc Triển Lãm Mùa Xuân 1993 do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức đã bế mạc, nhưng tôi vẫn còn giữ nguyên những cảm giác mạnh khi đi xem trên 50 tác phẩm nghệ thuật của hơn 30 họa sĩ và điêu khắc gia trưng bầy tại đây.

Đó là không kể những chậu lan duyên dáng và giá trị của một nhà trồng lan quốc tế, làm tăng vẻ trang nhã của phòng tranh.

Cảm giác mạnh đầu tiên là phòng Triển Lãm Mùa Xuân 93 tập trung tác phẩm của các họa sĩ từ nhiều nơi trên thế giới. Từ Pháp có Lê Tài Điển, Nguyễn Cầm, Thái Tuấn, Đan Mạch có Nguyễn Siên, Canada có Nguyễn Quốc Tuấn, Phạm Thế Trung, và từ các tiểu bang trên đất Hoa Kỳ: Illinois, Massachusetts, Virginia, Michigan, Utah, Texas, Maryland... Và tất nhiên, rất nhiều họa sĩ ở California.

Một cuộc triểm lãm tranh, tượng Việt Nam có tính cách "quốc tế" như vậy mà tổ chức được ở bên ngoài quê hương chúng ta thật là một dịp hiếm có. Đó là một cơ hội họp mặt "ta lại gặp ta" đầy hứng khởi, với không khí vui vẻ, tưng bừng khi các họa sĩ, điêu khắc gia và thân hữu của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ gặp nhau tại phòng tranh.

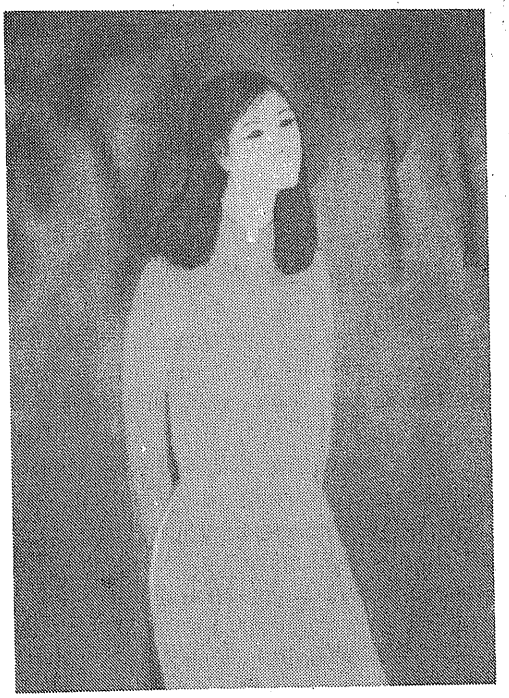

Lối mòn cỏ nhạt màu sương - Thái Tuấn

Cảm giác mạnh thứ hai, là người xem tranh được chứng kiến sự hiện diện của hơn nửa thế kỷ hội họa Việt Nam trong một cuộc trưng bầy.

Mặc dầu không đủ đại diện của hết thảy các thế hệ họa sĩ Việt Nam, nhưng phòng tranh có họa phẩm của những lớp đầu trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương ở Hà Nội, như họa sĩ Nguyễn Siên, Thái Tuấn, của bậc thầy trường Quốc Gia Mỹ Thuật Gia Định như họa sư Ngô Bảo, tốt nghiệp École des Beaux Arts ede Marseille, cho đến các lớp họa sĩ tu nghiệp và tốt nghiệp tại Pháp khác như Lê Tài Điển, Nguyễn Cầm, Thái Bá, hoặc tại Mỹ như Chung Thanh Thủy, Bích Thủy Reed, Suzie Vương, Nguyễn Việt, Lê Chi...

Rất nhiều người trong số này đã từng triển lãm tranh tại nhiều nơi trên thế giới: Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ba Lan, Algeria, Canada, Nhật Bản, Ấn Độ, Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Dương, Thái Lan, Lào, Sri Lanka, Mã Lai Á và Ba Tây. Trên đất Mỹ họ đã trưng bầy tranh tại phòng

triển lãm các trường đại học và bảo tàng viện, đặc biệt là cuộc triển lãm lưu động sắp tới kéo dài ba năm của bảo tàng viện Smithsonian, Washington DC.

Phần lớn các họa sĩ tham dự triển lãm tốt nghiệp từ các trường Mỹ Thuật, nhưng cũng có nhiều họa sĩ tự đào luyện, và tự tạo cho mình một chỗ đứng trong làng hội họa và điêu khắc.

Sự hiện diện rộng rãi như vậy dẫn tới một cuộc họp mặt hết sức phong phú của các thể họa *(styles)*. Tôi như cô bé Alice đi lạc vào thế giới Huyền Diệu, từ những nét vẽ rất cổ điển đượm mầu ấn tượng trong bức Nguyệt Cầm của họa sĩ Nguyễn Siên tới sự thực hiện có vẻ cực đoan trong tác phẩm Quê Hương Là Hơn Cả của Lê Chi.

Tác phẩm của Lê Chi, một họa sĩ hoàn toàn học và tốt nghiệp hội họa tại Hoa Kỳ, không phải là sơn mài, sơn dầu, lụa, hay ấn họa, mà là một tác phẩm hỗn hợp *(mixed media)*, đắp nổi, mầu sắc dữ dội, với một mái tranh, những người lính *plastic* và cả một cậu bé nhựa rung lên bằng "pin". Mặc dầu sinh trưởng tại Mỹ, toàn bộ họa phẩm của Lê Chi thể hiện một quê hương quằn quại chiến tranh.

Người xem tranh cũng được thưởng thức những nét vẽ và màu sắc hết sức Á Đông trong hai họa phẩm *Tuổi Con Rồng* và *Mẹ Con* của Hồ Anh, những bức mầu nước trên lụa đặc biệt Việt Nam của Chung Thanh Thủy (*Hoa Dâm Bụt*), Bích Thủy Reed (*Cầu Nguyện*), Nguyễn Mai Phương, cũng như những hình dạng và bố cục phảng phất lối vẽ của họa sĩ tiền bối Mai Trung Thứ trong ba bức tranh của Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng (*Đầu Năm Khai Bút, Hội Tết, và Hái Lộc Đầu Năm*).

Trong loại này, tôi thích nhất là bức *Thênh Thang Đồng Nội* của Nguyễn Mai Phương (Utah), mầu nước trên lụa, vẽ hai em bé ngả nghiêng thả diều trong một khung tranh chật chội, nhưng vẫn mang lại cho người coi cái cảm giác rộng rãi, phóng khoáng của trẻ mục đồng nơi thôn dã.

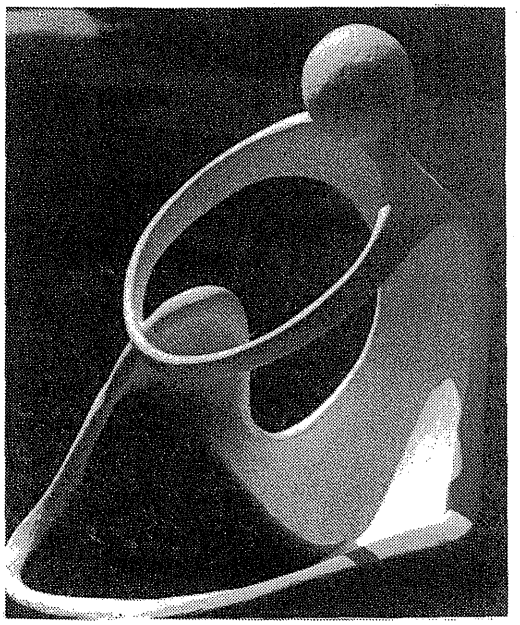

Trầm tư - Nguyễn Ngọc Nhâm

Người ta cũng tìm thấy lại nét lãng mạn theo phong thái nhóm Sáng Tạo ngày xưa trong tác phẩm *Lối Mòn Cỏ Nhạt Màu Sương* của Thái Tuấn.

Trong khuynh hướng trừu tượng, người xem tranh được thưởng thức sự phối hợp vững chãi của màu sắc, đường nét Tây Phương trong bối cảnh, và nội dung Việt Nam qua hai bức *Mã* và *Chăn Trâu* của họa sư Ngô Bảo. Cạnh đó là những bức trừu tượng của Lê Tài Điển (*Bố Cục*), Nguyễn Cầm (*Vết Chim Bay*), Cao Bá Minh (*Giao Hưởng Màu Cam*), và hai bức của Nguyễn Quốc Tuấn (*Cá và Bến Trăng*).

Tôi rất yêu bức *Bến Trăng* của Nguyễn Quốc Tuấn, với một vầng trăng trắng, một cánh thuyền vàng, trời nước mênh mang xanh đậm và những nét đen dọc ngang chằng chịt của một bến thuyền trong trí tưởng.

Một trong những thích thú của người đi xem Triển Lãm Mùa Xuân 93, là được thấy sự chuyển đổi, tiến tới, của những họa sĩ quen thuộc trong nhóm Họa Sĩ Trẻ ở Việt Nam ngày xưa, mà ngày nay tất cả đều đã ở tuổi lưng chừng đồi 40, 50.

Nguyên Khai với bức sơn dầu *Giọt Nước*, bước hẳn ra ngoài sở thích cố hữu của anh là thiếu nữ và ngựa. Với bức *Ngày Và Đêm*, Nguyên Khai đang chuyển sang thể họa độc bản (bản vẽ ấn họa duy nhất), với nội dung và đường nét rất mới, thể hiện cuộc sống rất "Họa Kỳ".

Hồ Thành Đức từng rất thành công với những họa phẩm giấy dán *(collage)*, nay vẫn đi mạnh trên đường đó với bức *Tình Yêu*, kèm theo một bức sơn mài *Bát Âm*. Bé Ký thì đã rời hẳn thể phác họa đơn sơ để sang lối vẽ đầy đặn, mặc dù vẫn không dứt bỏ những nét đặc thù cũ của Bé Ký.

Đặc biệt, Bé Ký (*Mẹ Con, Hoa Sen*) và Nghiêu Đề (*Vườn Quê Hương, Huyền Thoại*), cũng như nhiều họa sĩ Việt Nam khác sang tới Mỹ, đều sử dụng những chất liệu sơn mài *(lacquer)* mới của tây phương để tạo nên những mầu sắc rất mới không thể có trong sơn mài Việt Nam, như mầu xanh. Riêng họa sĩ Hiếu Đệ rất quen thuộc ở Sài Gòn, định cư tại Michigan, Hoa Kỳ, thì

Từ trái qua: (Hàng 1) Nguyễn Thị Hợp, Suzie Vương, Bé Ký, Lê Chi, Dương Văn Hùng, Hồ Anh, Nghiêu Đề, Khánh Trường, Hồ Thành Đức. (Hàng 2) Nguyễn Đồng, Lại Hữu Đức, Ngô Bảo. (Hàng 3) Nguyễn Thành Cung, Nguyễn Văn Trung, Lê Đình Điểu, Nguyễn Thượng Hiệp, Nguyên Khal, Duyên Hà (Lê Phục Thủy), và Nguyễn Văn Thành. Phía trước là hoa phong lan của N'go Orchids. Phía sau là tranh của Ngô Bảo, Nguyễn Siên, Hiếu Đệ, Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. (Ảnh của Lý Kiến Trúc, chụp ngày 19-1-1993).

vẫn giữ những mầu đỏ cũ, và vỏ trứng trắng, và xà cừ, trong hai tác phẩm *Cô Gái Miền Tây* và *Chợ Đình Làng*.

Trong số các Họa Sĩ Trẻ (giờ thì không trẻ lắm) có tranh tại cuộc Triển Lãm Mùa Xuân 93, có lẽ tôi thích nhất Đinh Cường. Anh định cư tại Virginia từ năm 1989. Trước 75, anh có nhiều bức ấn tượng đượm mầu lãng mạn của một quê hương Việt Nam thơ mộng và một xứ Huế tình tứ. Nhưng từ khi tới Mỹ, tôi thấy các tác phẩm của anh sắc, đậm, và sâu hơn, như có những nét cào cấu đâu đó. Tôi bầy tỏ ý nghĩ này khi gặp anh ở Virginia, Đinh Cường cười, nói "cũng phải có thay đổi chứ".

Ta tìm thấy sự chuyển đổi này trên hai tác phẩm trừu tượng Đinh Cường trưng tại phòng tranh: *Đá Chẻ* và *Chim Lạ*. Riêng nhan đề của hai bức tranh cũng đã nói lên tâm trạng dồn nén của người nghệ sĩ trên một vùng đất xa xôi với tâm hồn mình. Nhất là bức *Chim Lạ*, với một bóng chim đậu hờ lên một mỏm đại lục nào đó của nửa vành địa cầu có vầng trăng nhìn xuống. Nét vẽ mạnh, mầu sắc nóng và đối chọi.

Nói về sơn dầu, không thể không nhắc tới Khánh Trường, người nghệ sĩ tài hoa về cả văn, thơ, họa, có đặc điểm mà ai cũng biết là anh sống rất thật với cuộc đời và lòng người. Trước đây Khánh Trường đã có một cuộc triển lãm gây xôn xao dư luận Quận Cam với toàn bộ họa phẩm thiên về tình dục gồm những hình người nữ khỏa thân.

Nhưng lần này Khánh Trường mang tới phòng Triển Lãm Mùa Xuân 93 một *Bông Hồng Trắng* rất hiền hòa. Họa phẩm sơn dầu này trông tưởng như đơn giản với những tảng màu đen, đỏ, lớn và phẳng, nhưng những nét dao vẽ như chém xéo, như xẻ dọc lên nền mầu đó, tỏ lộ một tâm hồn không bình dị trong những nét cọ quện trắng: bông hồng của anh.

Về kỹ thuật, có hai họa sĩ đứng riêng hai cõi là Nguyễn Văn Mộch, và Nguyễn Việt.

Nguyễn Văn Mộch dùng bút lửa đốt vẽ những nét rất tỉ mỉ lên gỗ để tạo thành họa phẩm *Trường Xưa*. Với một bố cục vững chãi và cổ điển, *Trường Xưa* ghi lại cảnh lớp học của thầy đồ già với các chú học trò để chỏm bò quanh. Chất liệu, đường nét, bố cục đó khiến *Trường Xưa* thực sự là tiêu biểu cho những gì rất Việt Nam một thời đã qua.

Nguyễn Việt là một họa sĩ thành công trong môi trường hội họa Hoa Kỳ. Ngoài tài

năng riêng, một phần sự thành công này có lẽ nhờ vào kỹ thuật và thể vẽ của anh. Tốt nghiệp Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Việt Nam, nhưng theo học nhiều năm về hội họa tại Hoa Kỳ, Nguyễn Việt là một trong số rất ít họa sĩ Việt đi được vào "giòng chính" *(main stream)* của Mỹ.

Hai bức *Trầm Tích 1* và *Trầm Tích 2* trưng bầy tại phòng triển lãm được Nguyễn Việt dùng kỹ thuật gọi là *"sculpture etching"*, dịch nôm không lọn nghĩa là "ép nổi". Họa sĩ đắp bột giấy lên một bức trạm nổi. Bột giấy khô lại thành một tờ với nhiều hình khối theo cảm hứng của họa sĩ. Mầu sắc vẽ trên đó hoàn tất họa phẩm.

Trầm Tích 1 và *Trầm Tích 2* đưa ta trở về với cuộc sống và khung cảnh thực tại của nghệ thuật mới đang vây quanh chúng ta, trên đất Mỹ.

Chính vì những gập ghềnh, khó khăn trên con đường đi vào nhịp sống nghệ thuật của miền đất lưu vong này, nên những cánh chim trên đất lạ, những họa sĩ và điêu khắc gia Việt Nam, đã rất mừng vui gặp nhau trong cuộc Triển Lãm Mùa Xuân 93, "ta lại gặp ta". Như một khách xem tranh nói rằng: "Tôi đã đi xem nhiều cuộc triển lãm, nhiều phòng tranh và nhiều bảo tàng tại Mỹ, mà không bao giờ hội nhập được. Bước vào phòng tranh Triển Lãm Mùa Xuân 93, tôi gặp được tâm hồn mình, tìm lại được quê hương mình."

Một người xem tranh khác nói rằng khi tổ chức cuộc Triển Lãm Mùa Xuân 93 này, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ quả thực đã làm công việc *"chúng ta đi mang theo quê hương"*.

Trong buổi cắt băng khai mạc ngày 9-1-93, ông Peter Keller, giám đốc Bowers Museum ở Santa Ana, tỏ ra rất ngạc nhiên, không ngờ cộng đồng người Việt hải ngoại lại có một lớp họa sĩ tài năng phong phú như vậy. Và ông càng ngạc nhiên hơn khi được biết cuộc Triển Lãm Mùa Xuân 93 được sửa soạn trong vòng chưa tới bốn tháng, với một nguồn tài nguyên hầu như không có gì. Ông Peter Keller cho hay thông thường một cuộc triển lãm như vậy (với nhiều họa sĩ từ khắp nơi về tham dự) phải sửa soạn khoảng hai, ba năm.

Ông ngỏ ý với Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ về việc sẽ cộng tác tổ chức một cuộc triển lãm tác phẩm của các họa sĩ Việt Nam tại Bowers Museum, trong vòng... hai, ba năm tới.

Về phương diện điêu khắc, có năm bức tượng của ba điêu khắc gia được trưng bầy.

Lại Hữu Đức là một nghệ sĩ về nhiều môn: nhiếp ảnh, hội họa và điêu khắc. Trong cuộc Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 93 này, điêu khắc gia Lại Hữu Đức đóng góp hai bức *Trầm Lặng* và *Hòa Điệu* bằng "minh ngọc thạch" *(alabaster)*.

Nguyễn Ngọc Nhâm trưng bầy hai tác phẩm bằng xi măng đắp *Cùng Vui* và *Sầu Viễn Xứ*. *Sầu Viễn Xứ* mô tả dáng người ngồi gục xuống với những vòng quấn vào nhau trong một mầu đậm u sầu nặng chĩu.

Tác phẩm điêu khắc của Dương Văn Hùng, *Bà Ô*, là hình khối một người nữ đắp bằng giấy bồi mầu trắng với nhiều mầu nước vẽ trên đó.

Sau hết, phải nói rằng phòng tranh Triển Lãm Mùa Xuân 93 đẹp hẳn lên với vườn lan do họa sĩ Ngô Bảo trình bầy.

Chính vì mức độ cộng tác rộng rãi của các họa sĩ với nhiều thể họa và tài năng khác nhau, nên việc phê bình phòng Triển Lãm Mùa Xuân 93 là một việc phức tạp và khó khăn. Cho nên đây không phải là một bài phê bình, mà chỉ là ghi lại những cảm giác riêng tư của một người yêu tranh khi đi xem phòng tranh giá trị này.

Triển Lãn Mùa Xuân 93 do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức, tại Little Sài Gòn, Westminster, California, từ 9 tới 30-1-93. ■

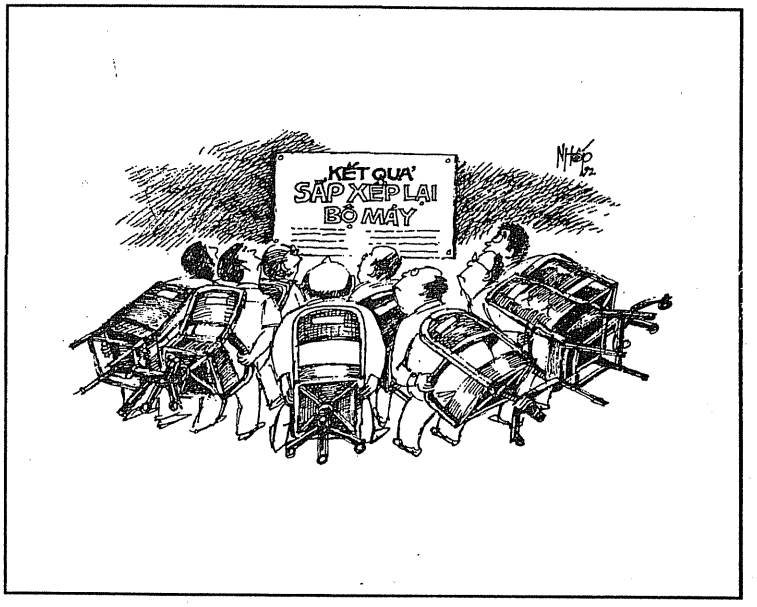

ORIANA FALLACI: MỘT LẦN GẶP GỠ

VŨ THANH THỦY

Giở tờ *Việt Báo Kinh Tế* tôi giật mình nhìn tấm hình lớn ngay trên đầu trang 7. Oriana Fallaci. Tim tôi chợt thắt lại. Không lẽ...Audrey Hepburn vừa ra đi, lại tới Oriana Fallaci?

Một người là tài tử màn bạc tôi ưa thích nhất, từ sự nghiệp tới cuộc đời. Một người là nhà báo đàn chị mà tôi hằng ngưỡng mộ, nhất là sau lần gặp gỡ đã 23 năm mà tôi không bao giờ quên.

Bài viết của Nguyên Sa -- một sự kết hợp độc đáo giữa tường thuật chuyên nghiệp và văn chương lão luyện, giữa các góc cạnh sắc nhọn của tin tức và sự tuôn chảy dịu dàng của thi ca -- đã trấn an tôi phần nào. Không, làng báo thế giới vẫn chưa mất đi người ký giả kỳ tài Oriana Fallaci. Oriana mới chỉ nhuốm bệnh thôi. Và một người như Oriana sẽ không dễ dàng chịu khuất phục trước bất cứ điều gì, dù là bệnh tật.

Ông Nguyên Sa gọi Oriana là con sư tử của làng báo. Đây là phong cách nổi bật nhất của con người Oriana. Một con sư tử dũng mãnh không bao giờ lùi bước trước trận chiến nào, kể cả trận chiến với chính bản thân mình, được tỏ lộ rõ nhất qua cuốn "Thư Gửi Đứa Con Không Bao Giờ Sinh Ra."

Phần tôi, tôi nghĩ hình ảnh một con beo gấm thích hợp hơn với một người như Oriana. Beo gấm có sự dũng mãnh của sư tử, oai phong của mãnh hổ, nhưng cũng có sự dịu dàng uyển chuyển ngọt ngào của loài mèo. Oriana Fallaci là một người đàn bà không như một người đàn bà nào khác.

Tôi gặp Oriana Fallaci một ngày cuối năm 1970, tại chiến trường Kampuchia. Khi tôi tới mặt trận Kampong Cham, chị đang chụp ảnh và phỏng vấn. Bữa ấy chỉ có chị và tôi là báo chí tại mặt trận đó. Cô bạn Marie Joannidis, một ký giả người Hy Lạp làm cho Pháp Tấn Xã, thường ngày vẫn đi cùng với tôi, hôm đó lại vắng mặt. Oriana, với vẻ khô khan và lạnh lùng cố hữu, hỏi tôi bao giờ rời mặt trận và dặn tôi (gọi chị) cùng về hậu cứ Tây Ninh trên chuyến trực thăng tải thương vào buổi chiều.

Ngày đó tôi 20 tuổi, cố ra vẻ nghiêm trang để che giấu số tuổi non nớt của mình. Chị gấp đôi tuổi tôi nhưng gọn gàng nhanh nhẹn như người 30. Gặp chị bất ngờ tại mặt trận làm tôi cảm động vì tôi đã ngưỡng mộ chị từ lâu. Đối với tôi, Oriana là người ký giả số một về kỹ thuật phỏng vấn: độc đáo, vũ bão và không bao giờ để cho người bị phỏng vấn né tránh. Tôi sưu tầm mọi bài chị viết. Tôi tìm đọc về cuộc đời và thân thế của chị. Tên tuổi chị lẫy lừng trong làng báo thế giới từ lâu, nhưng chị nổi nhất tại Việt Nam từ sau cuộc phỏng vấn với Võ Nguyên Giáp năm 1969. Đó là lần đầu tiên một ký giả Tây phương phỏng vấn được Võ Nguyên Giáp.

Đọc bài chị tường thuật cuộc phỏng vấn, tôi ngạc nhiên sao một người lão luyện như Võ Nguyên Giáp mà lại bị lọt vào bẫy của cô ký giả Ý nổi tiếng là có tài bật miệng bắt cứ đối tượng nào buộc họ nói lên điều mà cô muốn nghe từ miệng họ. Không lẽ Võ Nguyên Giáp tưởng là có thể dùng được tên tuổi của Oriana Fallaci? Bài tường thuật của Oriana trung thực, như được chép lại nguyên văn từ máy thu âm, cho dù Võ Nguyên Giáp đã từ chối không cho chị sử dụng máy. Tuy nhiên, các câu hỏi sắc sảo của chị, cộng với cách sắp xếp thứ tự hết sức tinh vi của các câu hỏi và trả lời, luôn luôn cho người đọc một hình ảnh rõ ràng về nhân vật được phỏng vấn. Qua bài tường thuật phỏng vấn, người đọc thấy rõ một Võ Nguyên Giáp lạnh lùng, vô cảm và tàn nhẫn rất cộng sản, nhất là khi ông ta dửng dưng trả lời câu hỏi chị hỏi về việc ông đẩy hàng trăm ngàn chiến binh Cộng sản trẻ tuổi vào cõi chết nơi chiến trường miền Nam.

Tôi ngưỡng mộ tài năng độc đáo của chị. Không riêng gì tôi, một cô bé con mới tập tễnh vào làng báo, nể phục một tay lão làng như Oriana Fallaci là lẽ đương nhiên, mà hầu hết mọi tên tuổi của làng báo thế giới chuyên săn tin chiến tranh thời đó đều nể vì chị. Trong buổi họp mặt vào những tối cuối tuần tại căn apartment của Marie Joannidis trên lầu thương xá Tax, tôi đã có lần chứng kiến một bài ký sự chiến trường của Oriana Fallaci trở thành đề tài tranh luận gay go giữa Jean-Claude Pomonti của *Le Monde* và François Nivolon của tờ *Le Figaro*. Buổi họp mặt hầu như hàng tuần của nhóm ký giả ngoại quốc này thường chỉ có tôi là người Việt Nam, trừ những lần có sự tham dự của các "nguồn tin thân cận", như Nghị sĩ Trần Văn Đôn, Dân biểu Ngô Công Đức, hoặc Bí thư Tổng thống Hoàng Đức Nhã.

Marie Joannidis thường là người cung cấp cho tôi những bài viết của Oriana. Cả hai chúng tôi đều đồng ý Oriana Fallaci là "một người đàn bà không giống một người đàn bà nào khác, cũng như

chị là một ký giả không giống một ai khác."

Buổi gặp chị tại chiến trường Kampong Cham để lại một ấn tượng thật sâu đậm trong lòng tôi suốt 23 năm qua.

Sau một buổi sáng đi cùng, nhìn và nghe chị phỏng vấn các tướng lãnh và binh sĩ tác chiến, tôi nhìn thấy một khía cạnh khác của con người chị. Khía cạnh này hầu như không bao giờ được chị tỏ lộ trong những bài viết của mình, ngoại trừ trong văn chương của chị mà mãi sau này tôi mới có dịp đọc. Trong các bài viết, chị là con sư tử sắc bén, lạnh lùng, đôi khi đến độ tàn nhẫn. Tôi nhìn thấy con sư tử nơi chị khi chị phỏng vấn các ông tướng và sĩ quan cao cấp của quân đội. Nhưng lắng nghe chị chuyện trò với những người lính vô danh, lòng tôi chùng xuống trước sự dịu dàng, ân cần của chị. Tôi chưa bao giờ tìm thấy điều này trong tất cả những tài liệu về chị.

Nếu có ai trước đó nói với tôi là Oriana Fallaci dịu dàng và ân cần, tôi sẽ chẳng tin. Cũng như tôi cũng sẽ chẳng tin là có một ngày tôi sẽ đi cùng và làm việc cùng với Oriana. Ai cũng biết là chị thích làm việc một mình, độc lập, và đầy kiêu hãnh. Thế mà tôi đã ở bên chị suốt một ngày cuối năm 1970 đó. Đã thấy chị nhỏ nhẹ hỏi han binh sĩ tại mặt trận, và dịu dàng vuốt tay một người lính bị thương đang chờ di tản.

Buổi trưa, tôi cùng chị ngồi trên thiết vận xa M-113 tiến ra tuyến đầu. Xe tăng được ngụy trang đầy cành lá. Những người lính thiết giáp cũng lấy cành lá cắm lên những chiếc bị vải của chị và tôi. Họ nói là để che mắt những ổ súng B-40 của quân đội Cộng sản. Chúng tôi lúc đầu ngồi mấp mé bên thành xe tăng để dễ chụp hình, nhưng những người lính đòi đổi chỗ, đẩy chúng tôi vào ngồi phía trong, sát bên lỗ hổng của xe tăng. Tôi hiểu họ muốn cho chúng tôi vị trí an toàn nhất trên xe để nếu cần, họ có thể đẩy chúng tôi xuống lòng xe để bảo vệ Oriana và tôi. Chị và tôi dùng máy ghi âm tường thuật cảnh mặt trận và chụp ảnh đoàn chiến xa đang lầm lũi tiến ra tuyến đầu mặt trận.

Một tiếng nổ thật lớn làm chiếc máy ghi âm văng khỏi tay tôi. Người tôi bật ra phía sau vì sức ép của tiếng nổ. Tôi nhìn sang bên phải. Chiếc chiến xa cạnh xe chúng tôi đang bốc cháy. Những người lính ngồi chung quanh thành xe, mới vài phút trước còn giơ tay cười vẫy chúng tôi, bây giờ không còn nữa. Liên tiếp theo đó là những tiếng nổ rền vang khắp nơi quanh tôi. Chiến xa rú lên lao nhanh hơn về phía trước. Những người lính ngồi quanh tôi giờ đây đã đứng xuống lòng xe, lăm lăm súng sẵn sàng nhả đạn về phía trước. Tôi nhận ra chỉ còn tôi vẫn ngồi vắt vẻo trên thành chiến xa. Tất cả mọi việc xảy ra quá nhanh làm tôi không kịp phản ứng tuy mắt vẫn ghi nhận tất cả mọi diễn tiến chung quanh. Tôi ngạc nhiên thấy lòng mình dửng dưng không hề sợ hãi. Đầu óc tôi dường như chỉ loay hoay muốn tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra cho những người lính trên chiếc chiến xa bốc cháy bên kia. Liệu họ có thoát nổi trái pháo B-40 không? Liệu họ có sống sót nổi mà trở về với gia đình không?

Phải một lúc tôi mới nhớ ra là Oriana không còn ngồi bên tôi nữa. Tôi hoảng hốt tìm chung quanh. Không thấy chị đâu, tôi hét lớn, "Oriana! Oriana!" Tôi sợ chị đã bị sức nổ làm văng ra khỏi chiến xa và bị bỏ rơi lại đằng sau. Tôi đang cố sức lấy hơi để hét to hơn gọi chị, thì thấy chân tôi bị ai nắm lấy và đầu chị nhô lên từ lòng xe thiết giáp. Tôi nhìn mái tóc bơ phờ của chị, lòng thầm ngạc nhiên, "Sao một ký giả chiến trường lão luyện như chị mà lại phải núp dưới lòng xe thiết giáp?" Tôi tự hỏi, và ngông nghênh thấy lòng dấy lên một niềm kiêu hãnh về sự can đảm của mình.

Buổi chiều đó, ngồi trên chiếc trực thăng tải thương về hậu cứ Tây Ninh, cô bé con ngông nghênh trong tôi quyết định hỏi chị câu hỏi cứ lấn cấn mãi trong lòng. Tôi hét bên tai chị để át tiếng phần phật của cánh quạt trực thăng và cơn gió lồng lộng thổi tung từ hai cánh cửa mở toang của chiếc UH-1, "Em không tin là chị sợ, vậy tại sao chị lại núp dưới lòng xe thiết giáp vậy?" Oriana nhìn tôi. Cặp mắt chị, đã 23 năm rồi mà tôi vẫn còn nhớ mồn một ánh mắt chị nhìn tôi buổi chiều đó. Trong ánh hoàng hôn đã bắt đầu nhạt nhòa, ánh mắt sáng long lanh của chị nhìn tôi, trong đó là cả một lòng quảng đại, thương xót, thông cảm, và tha thứ. Ánh mắt chị làm tôi bối rối, chợt nhận ra tất cả sự ngông cuồng, xốc nổi và trẻ con của mình. Một lúc, rồi chị nói, "Hãy chờ đến khi em lớn tuổi hơn (sẽ hiểu)."

Câu nói đó chưa bao giờ tôi quên. Mỗi lần thấy sự ngông cuồng tuổi trẻ nổi lên trong lòng, rất thường xuyên, tôi nhớ lại ánh mắt của chị và câu trả lời, "HÃY CHỜ ĐẾN KHI LỚN TUỔI HƠN." Cô bé con ngông nghênh trong tôi ngày một lớn tuổi hơn, và vẫn còn tiếp tục nhẩm lại câu nói đơn giản nhưng chất chứa một lẽ sống sâu xa, cả một bài học chất chứa khôn ngoan về lòng can đảm này.

Sau đó tôi không gặp lại chị nữa. Nhưng vẫn tiếp tục theo dõi tin tức về chị qua Marie Joannidis, qua Jean-Claude Pomonti, François Nivolon trước 1975 và sau này thì qua Henry Kamm của *New York Times*.

Khi tôi được đề nghị nhận giải "Phụ nữ Thế Kỷ 21," trong phần viết về quá trình cuộc đời, tôi nhắc lại nỗi ngông cuồng tuổi trẻ của tôi và câu nói Oriana Fallaci đã dạy cho tôi bài học đầu tiên về lòng can đảm đích thực. Gloria Steinem và Peter Jennings, hai người ký giả của ban giám khảo sáu người, đã nói với tôi là câu nói đó làm họ xúc động. Gloria Steinem sau đó đã gửi cho tôi cuốn sách "A Man" và "Letter to the Child Never Born" của Oriana Fallaci.

Bây giờ, dù tuổi đời đã hơn chị ngày chúng tôi gặp gỡ 23 năm trước, tôi vẫn còn nhắc câu nói này, với chính mình, với người thân, bằng hữu, với con cái. Và càng ngày tôi càng thấy tôi học thêm được mãi, về sự can đảm, về lòng khiêm tốn, từ ánh mắt bao dung và câu nói thâm trầm của người nữ ký giả độc đáo này.■

CHỐNG THÌ CỨ CHỐNG...

HỨA TRÚC

Thế Kỷ 21, Sàigòn

Với những lá thư vừa qua, tôi đã cố "vẽ" cho gần giống của phần nào cái gọi là "Saigon muôn mặt" thời nay; (bằng cái giọng cay chua của một kẻ thất thời lỡ vận nhưng có lẽ không làm cho cái hình tượng trở nên dị dạng); nhưng vẫn không tài nào bắt kịp cái "tốc độ rơi" như bạn đã nói. Những gì tôi viết cho đến khi bạn nhận được, phần nào đã trở nên "lỗi thời" với những diễn biến ào ạt tại chỗ. Bạn luôn nhận được hình ảnh "chết" thay vì những hình ảnh sống động. Đó là lỗi của tôi, một thợ chụp ảnh quá tài tử. Tôi có những đòi hỏi rất cao cho chính tôi, nhưng tôi vẫn không tài nào thực hiện được. Mong bạn thông cảm cho tài nghệ còn non của người thợ chụp ảnh và hy vọng qua những bức ảnh "chết" bạn vẫn rút ra được cái chất sống động mà ống kính đã cố chộp bắt tại thời điểm "t" đó.

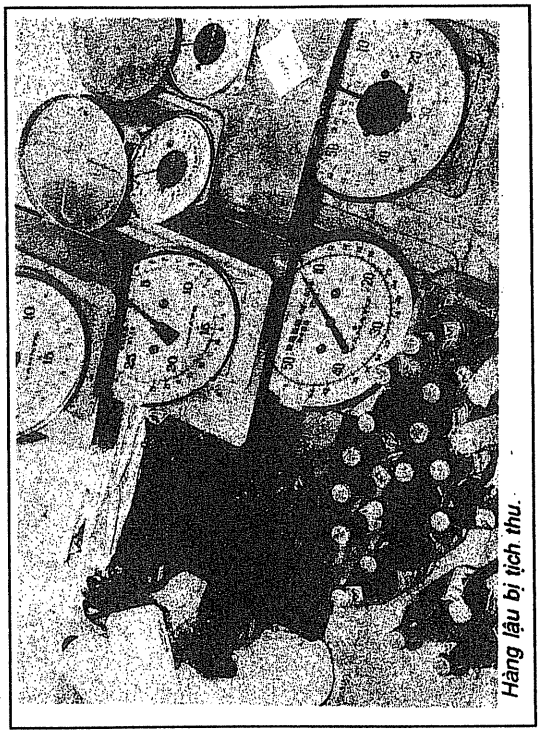

Hàng lậu bị tịch thu.

Bạn thân mến,

Đề tài thời sự "nổi cộm" trên các báo hiện nay là chống tham nhũng và chống buôn lậu. Chính phủ mới vừa được Quốc Hội bầu lên trong tháng Mười vừa qua, đã đưa vấn đề này thành... quốc nạn, và bày tỏ quyết tâm diệt trừ. Các báo, như thường lệ, hoan nghênh quyết tâm này, và bàn luận đủ thứ: từ định nghĩa như thế nào là tham nhũng và buôn lậu, tai hại của tệ nạn này và vận động toàn dân... chống tham nhũng và buôn lậu. Có báo, như *Tuổi Trẻ* và *Lao Động Chủ Nhật*, thì nêu lại một số vụ việc (dĩ nhiên là cỡ thường thường bậc trung) đã được phát hiện, thậm chí đã được điều tra xong, nhưng vẫn chưa được xét xử. Ông Bộ trưởng Tư pháp thì vào tận Saigon, tổ chức cuộc họp với các "luật gia", để bàn về chuyện có nên lập một tòa án đặc biệt, ban hành một bộ luật đặc biệt, sử dụng thủ tục tố tụng đặc biệt... để xử buôn lậu và tham nhũng hay không, sau đó sẽ trình Quốc Hội xem xét vào kỳ họp tháng Mười Hai.

Người ta thường dùng hình tượng "con bạch tuộc" để ám chỉ bọn Mafia, bọn buôn lậu, bọn tham nhũng, nhất là từ khi bộ phim truyền hình nhiều tập của Ý mang tên "Con Bạch Tuộc" được chiếu trên truyền hình Việt Nam cách đây vài năm, trong đó người ta yêu mến vai thanh tra cảnh sát Ca-ta-ni, người đã dũng cảm đơn độc chống lại hành vi tội ác của Mafia Ý và sau cùng, như là một điều tất yếu, đã nhận 72 phát đạn. Tôi thì lại thích ví von theo kiểu cổ: bọn chúng là những cái đầu của Phạm Nhan, chặt đầu này thì mọc lên đầu khác. Nhưng cho dù ám chỉ hay ví von theo kiểu nào thì cũng tựu trung một ý: bọn này rất khó diệt trừ, đó là chưa kể nói theo "kiểu" nhà Phật, mỗi chúng sinh, mỗi người An-nam ta, trong người đã có sẵn một chút... máu tham nhũng, một chút máu buôn lậu, cỡ đến tay thì cứ phất, bởi vì nếu không làm thế thì bạn bè, họ hàng nó lại cười cho là... ngu, là gàn, là "mát". Đã vậy, cứ họp với bàn mãi để xem nên dùng lưới hay dùng mìn để bắt bạch tuộc; dùng kiếm hay dùng dao để chém đầu Phạm Nhan; thì chờ mãi con bạch tuộc

đầu đàn cũng chờ không nổi, đành phải qua đời vì đã quá... già, nhường quyền cho bạch tuộc con, cháu; còn Phạm Nhan chờ mãi không thấy chém đầu này để mọc đầu khác, tức khí mọc một lúc một trăm đầu để làm ma nhát người.

Cũng là chuyện chống buôn lậu, nhưng kế tiếp đây là chuyện ở một địa bàn quận. Số là hàng ngoại nhập chỉ bị xem là lậu khi còn đang nhấp nhổm ở biên giới hoặc còn trên tàu ngoài cảng, còn một khi đã "lọt lưới", vào được thành phố an toàn, thì có thể bày bán một cách hợp pháp trên các quày hàng cửa tiệm, kể cả cửa hàng quốc doanh. Thế là, quận Năm "mạnh dạn" chống buôn lậu tại chỗ, cấm bán công khai các hàng hóa nhập lậu. Nực cười là quận Năm chống buôn lậu một cách "tự phát", đơn độc, còn mười bảy quận huyện còn lại của thành phố thì không. Cho nên, dân quận Năm muốn mua hàng ngoại nhập lậu vẫn được, chỉ phải cái tốn công đi sang quận Sáu, quận Mười giáp ranh mà mua. Nghe nói sắp tới toàn thành phố "triển khai" việc cấm bán hàng lậu. Nếu vậy, phải tội đi xa hơn, lên Đồng Nai hoặc xuống Long An để mua hàng. Lắm trời, mỗi trời mưa nắng nóng lạnh tùy thích, kể cũng... khỏe cho bàn dân thiên hạ.

Tương tự, quận Ba chống... bia ôm, ra quy định cấm các nhà hàng quán ăn ở địa bàn mình không được cho "tiếp viên nữ" ngồi chung bàn với thực khách. Thế là các "em" ào ạt "di dân" sang các quận lân cận để... được ôm và mấy ông chủ nhà hàng ở các quận khác... cám ơn ông quận Ba quá sức vì đã biếu không cho mình một lợi thế cạnh tranh tuyệt vời.

Ngày xưa, ở bên Mỹ, có một anh chàng thất nghiệp nghĩ ra một mánh làm ăn, cho đăng rao vặt quảng cáo: Chỉ với một đôla, bạn sẽ nhận được một phương pháp giết rệp mới nhất. Người nào gửi cho anh ta một đôla đều được anh ta gửi cho một... cây búa kèm lời chỉ dẫn: bạn bắt con rệp ra, dùng búa này đập một phát, bảo đảm rệp chết tiệt. Nhiều người cho rằng mình bị bịp, kiện anh ta ra tòa. Nhưng anh ta thắng kiện, vì (1) anh ta không lường gạt, (2) dùng búa đập rệp cũng là một phương pháp... mới nhất. Còn chuyện bên đây: một công ty nhà nước nhập của Trung Quốc vài ngàn cái... ly gọi là "Ích Thọ Từ Liệu Bảo Kiện Bôi", quảng cáo trên các báo: chỉ cần ba phút, nước trong ly sẽ biến thành "Từ hòa thủy", trị được cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường, đau lưng, nhức mỏi, viêm cổ họng, táo bón... đã được Viện Nghiên Cứu này nọ ở Singapore, Hongkong, Quảng Châu xét đạt... tiêu chuẩn vệ sinh quốc tế, đồng thời Văn phòng hai Bộ Y Tế cấp giấy phép. Giá một cái ly là 400,000 đồng. Tình cờ có mấy quan chức Bộ Thương Nghiệp đi công tác sang Quảng Châu, khi về cũng có mua mấy cái ly loại trên với giá 1 đôla/ly. Thấy giá cả chênh lệch quá xá, mấy ổng nghi ngờ ly của mình mua là ly... đỏm vì nó chỉ là cái ly đựng nước uống bình thường mà thôi, chẳng phải là "từ hóa thủy" như mấy cái ly đang bày bán ở Việt Nam. Bèn ra lệnh đem mấy cái ly quảng cáo ra xét nghiệm: đem đựng nước lã suốt ba ngày ròng (chẳng phải ba phút) thì nó cũng vẫn chỉ là nước lã, chẳng "hóa từ" một tí ông cụ nào, cũng y chang như mấy cái ly đem từ Trung Quốc về. Hóa ra là bịp. Mà là bịp lớn vì: (1) Công ty nhà nước nhập về và quảng cáo bán, (2) Bộ Y Tế cấp giấy phép (sau đó Bộ này đính chính là do Văn phòng hai ở phía Nam tự ý cấp phép... nên Bộ không biết), (3) Mua chỉ một đôla bán gần 40 đôla/ly. Không nghe nói xử lý như thế nào tiếp theo mà chỉ biết là còn gần... 5,000 cái ly tồn kho, và mấy trăm người lỡ... mua thì chạy đôn chạy đáo đòi tiền về đều không được, đành phải ôm hận... "từ ly".

Cũng chuyện quảng cáo, mới đây, Thủ tướng ra lệnh cấm quảng cáo thuốc lá trên báo, đài và các phương tiện công cộng; đồng thời cấm lập thêm nhà máy mới hoặc liên doanh với nước ngoài để sản xuất thuốc lá. Bởi lẽ ngành sản xuất thuốc lá đã... cung vượt cầu, nhà máy nào cũng tồn đọng cả triệu gói trong kho. Còn cấm quảng cáo thuốc lá, là để hợp với trào lưu quốc tế hiện nay.

Đất thì vẫn tiếp tục sánh vai với... trời, từ An Phú, Bình Quới, nó còn "chuyển vùng" lên Hóc Môn rồi ra tận Long Thành. Cả khen cho mấy con... chim cút. Tiếng gáy của nó tuy chẳng lảnh lót nhưng vẫn có khối người chết mê chết mệt đến... chết cả sự sản, mà người chết rồi nếu có thể, cũng bán mồ mình để đổi lấy vàng. Mới đây, chim cút gáy rằng sẽ có một sân bay và tuyến đường cao tốc (super highway) băng qua địa bàn huyện Long Thành, thì lập tức "cơn lốc" mua bán đất đổ bộ ngay. Nhiều cò (cò = trung gian ăn hoa hồng, từ chữ Pháp "commission") đất đã hoạt động ráo riết đẩy giá "một mẫu đất rừng - gốc là đất công - từ vài ba triệu đồng lên đến 10-15 cây vàng. Giá cả tăng từng ngày, từng giờ do tình trạng mua đi bán lại... Đã có người bỏ hàng trăm cây vàng để mua vài chục hécta đất thuộc khu lòng chảo đã quy hoạch xây dựng khu đầu khí ở Long Thành" (*Tuổi Trẻ*, 10-11-1992).

Phải nghiêng mình bái phục... chim cút.■

PHẤN TRẮNG, GIẤY TRẮNG, HAI BÀN TAY TRẮNG...

TRẦN TRI
Thế Kỷ 21, Saigon

Ngày 20-11, ngày được gọi là Ngày Nhà Giáo Việt Nam. Theo thông lệ, mỗi năm một lần, vào ngày duy nhất này, thầy cô được... công khai nhận quà và hoa của học trò và phụ huynh; được báo đài ra rả ca tụng cái "công đức" cao cả của họ trong sự nghiệp "trồng người"; và một số rất ít còn được ban thưởng danh hiệu "Nhà giáo ưu tú", "Nhà giáo nhân dân"...

Còn trước và sau ngày này, họ vẫn là họ, một mảnh đời riêng rách nát trong cái cuộc đời chung đã tả tơi. Nếu nền giáo dục được xem như là một yếu tố tất yếu để phát triển đất nước, là đường băng cho con tàu kinh tế cất cánh, thì sau bao nhiêu năm được mô tả là nhiệt tình xây dựng, đường băng đó cho đến nay vẫn chỉ là con đường làng quê nhấp nhô gò đống bùn lầy.

Có thể thu gọn hình ảnh nền giáo dục ấy trong ba nét: thầy không ra thầy, trường không ra trường, trò không ra trò.

Thầy cô giáo, những "kỹ sư tâm hồn" theo cách nói của một số người, được đào tạo một cách khập khiễng, nặng về chính trị nhẹ về chuyên môn, được quẳng ra xã hội với đồng lương chết đói. Cuộc sống bấp bênh nghèo khổ, không ít người bỏ nghề, số khác vẫn theo nghề thì phải "tự cứu mình" bằng những công việc phụ nhưng là chính trong thu nhập như may đan, buôn bán vặt, thậm chí đạp xích lô. Bởi đã dồn hết sức cho việc mưu sinh, nên bài giảng của họ là một mớ kiến thức hỗn tạp bê nguyên xi từ sách giáo khoa, không có cái hồn để thu hút học sinh. (Dĩ nhiên phải ngoại trừ một số rất ít có điều kiện sống sung túc, có lương tâm chức nghiệp, có chuyên môn cao - mà đa số là những người cũ đã "vang bóng một thời" trên bục giảng - vẫn còn có sức thu hút đối với những em học sinh hiếu học).

Một số khác, thường là thầy cô ở thành phố, "tự cứu mình" bằng cách mở lớp kèm thêm ở nhà riêng ngoài giờ dạy chính thức ở trường, mà học sinh nào của họ cũng đều nơm nớp thấy mình có bổn phận phải đi học thêm nếu không muốn bị nhìn bằng đôi mắt ghẻ lạnh.

Đồng tiền khó đã bó nhà giáo vào cái vòng lẩn quẩn mua bán khiến cho tư cách của họ bị giảm sút. Thầy không ra thầy, dù không muốn, một phần chính họ đã là vậy, phần lớn hơn thuộc trách nhiệm của những người khác, những người đem con bỏ chợ.

Trường lớp, sau bao nhiêu năm vẫn không xây dựng được thêm bao nhiêu so với tốc độ gia tăng dân số, và tỷ lệ nghịch với sự phát triển đến chóng mặt của nhà hàng khách sạn. Thậm chí ở quận Một, người ta còn dẹp trường học để lấy đất liên doanh xây khách sạn 4 sao (Trường Thực-nghiệm quận 1, tức trường Thống Nhất cũ, trên đường Lê Duẩn, tức đường Thống Nhất cũ). Ở các miền quê hẻo lánh, trường lớp còn

thảm hại hơn, có nơi chỉ hơn cái... chuồng bò đôi chút, học trò cứ... bò ra đất mà học chẳng khác lớp học của các cụ đồ ngày xưa.

Chương trình học bậc tiểu học và trung học đã được cải cách, và sau 12 năm, mỗi năm cải cách một lớp theo trình tự từ thấp lên cao, niên khóa này là hoàn thành cải cách lớp 12, giữ lại một thứ cải cách... hình thức như: cải cách chữ viết, đảo lộn các phần học đưa từ lớp trên xuống lớp dưới hoặc ngược lại, ngoài ra "vũ như cẩn". Có mới chăng là bổ sung môn Công dân giáo dục vào chương trình sau khi dư luận qua các báo đã lên án học trò ngày nay... mất dạy quá. Học trò sau 12 năm ngồi ghế nhà trường, là một thứ nửa người nửa ngợm, kiến thức phổ thông không đầy một bụm tay, mà một câu văn tiếng Việt còn sai văn phạm, và quan trọng hơn cả, chúng không có đầy đủ nhân cách để trọn vẹn làm người trong gia đình và xã hội.

Đại học thì thoạt nhìn có vẻ chuyên sâu lắm: nào bách khoa, kinh tế, tài chánh, kế toán, pháp lý, thương nghiệp, thậm chí ăn uống khách sạn cũng là một khoa riêng của đại học. Thật ra, sinh viên chỉ được học những kiến thức "chết" trong khi phần chính trị được xem trọng, nên khi ra trường, bọn họ dễ trở thành một chiến sĩ cách mạng hơn là một chuyên viên. Đó là chưa kể đến thủ tục thi tuyển khó khăn nhằm biến đại học thành một thứ "quốc tử giám", chỗ dung thân để làm bàn đạp cho "con vua rồi lại làm quan...".

Gần đây, khẩu hiệu "Tiên học lễ, hậu học văn", "Tôn sư trọng đạo" mới được "phục hồi quyền công dân", xuất hiện nhan nhản trên tường các trường lớp, chẳng qua là vì sự mất dạy đến vô luân của học trò đã đến mức không chịu nổi, làm hỏng bộ mặt đang được trang điểm lại của xã hội.

Cái sự thể "trò không ra trò" là hệ luận tất yếu của sự thể "thầy không ra thầy" và "trường không ra trường", trở thành cái vòng luân hồi không dứt. Trong cái xã hội "lộn sòng" thì học vấn có ích lợi gì khi trước mắt chúng bao trí thức đang khốn đốn vất vả với cơm áo mà tiêu biểu là thầy cô của chúng. Bao nhiêu kẻ làm ông, làm cha, làm giàu một cách nhanh chóng không cần một chữ lận lưng há chẳng là gương sáng cho chúng noi theo sao? Rồi còn sự mời mọc của những vui chơi mọc quanh trường học, nhà ở, mà nếu như Mạnh mẫu có còn sống thì cũng chẳng biết dời đi nơi mô...

Với một xã hội còn thực dụng hơn cả... Mỹ, thì sự ám khói của nền giáo dục là lẽ đương nhiên, cho nên cứ mỗi năm một lần, vào ngày 20 tháng 11, người ta lại tẩy rửa sơn phết lại...

Chuẩn bị đón Tết Quý Dậu, các thầy cô được dân gian tặng mấy đôi câu đối sau đây, để... mừng Xuân:

Tối ba mươi, thầy giáo tháo giày đi sắm Tết.

Sáng mùng một, giáo chức giức cháo để mừng Xuân.

Phấn trắng, giấy trắng, hai bàn tay trắng.

Bảng đen, mực đen, cả cuộc đời đen.■

Tìm đọc:

PHẠM QUỲNH

1892-1992
Tuyển tập và di cảo

AN TIÊM
xuất bản 1992

Giá: 17 MK
Liên lạc:
Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

TƯỜNG TRÌNH TỪ MỘT THÀNH PHỐ BỊ BAO VÂY

ZBIGNIEW HERBERT
Bản dịch HOÀNG NGỌC BIÊN

ZBIGNIEW HERBERT (1924 -) sinh ở Lwow, là một trong số những nhà thơ không lưu vong được thế giới biết nhiều nhất, và là một trong những người viết văn có một nền tảng tư tưởng nhân bản vững chắc nhất của Ba Lan. Ông học luật, kinh tế, và triết học tại Đại học Krakow, Torun, và Warsaw. Tác phẩm đầu tiên của ông, Dây Ánh Sáng, *đã gặp trở ngại trong những năm chủ nghĩa Stalin tồn tại trên đất nước ông - những năm ông từ chối tham gia sinh hoạt văn học nhà nước. Sau đó, nhiều tập thơ khác của ông được xuất bản, mỗi tập đều đánh dấu một giai đoạn quan trọng của thơ mới Ba Lan. Ngoài thơ, ông còn viết kịch truyền thanh và nhiều tiểu luận về lịch sử nghệ thuật. Từ những năm 70, thơ ông thường dùng một nhân vật tên O. Cogito. Tập thơ* Tường trình từ một Thành phố bị bao vây *xuất bản bí mật năm 1983 được dư luận rộng rãi cho là tập thơ đạt nhất của Ba Lan trong những năm thiết quân luật. Tác phẩm đã xuất bản:* Dây Ánh Sáng (1956); Hermes; Chó và Sao; Nghiên cứu về Đồ vật, *và nhiều vở kịch. Sách xuất bản bằng tiếng Anh:* Thơ tuyển (*Penguin, 1969; Ecco Press, 1986*), *một tập tiểu luận* Man rợ trong vườn (*Carcanet Press, viết sau hai năm sống ở Pháp và Ý*), Thơ tuyển (*Oxford University Press, 1977*), *và* Tường trình từ một Thành phố bị bao vây và những bài thơ khác (*Paris, 1983, Ecco Press, 1985; Oxford University Press, 1987*). *Ông sống ở Warsaw nhưng thỉnh thoảng vẫn viếng thăm các nước châu Âu. Thơ ông được dịch qua hầu hết các ngữ ở châu Âu, và đã nhận nhiều giải thưởng, trong đó có Giải Jurzykowski (1964), Giải thưởng của Chính phủ Áo về Văn học Châu Âu (1965) và Giải Petrarch (1979).*

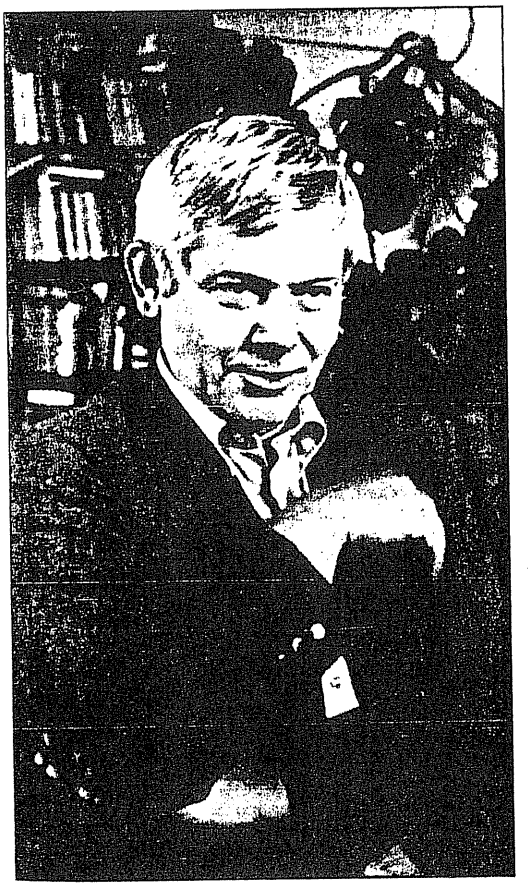

Quá già nên không cầm nổi vũ khí và không chiến đấu được như những người khác -
họ khoan hồng giao cho tôi một vai nhỏ của một phóng viên thời sự
tôi tường trình - mà không biết cho ai - lịch sử cuộc bao vây
tôi cần phải chính xác nhưng lại không biết cuộc xâm lăng bắt đầu từ lúc nào

hai trăm năm trước tháng Mười Hai mùa thu có lẽ hôm qua lúc bình minh

ở đây ai nấy đều mất ý niệm thời gian

cùng với nơi chốn này chúng tôi bị bỏ lại với cả sự gắn bó nơi chốn

chúng tôi vẫn còn giữ những mảnh vụn đền đài bóng ma của vườn và nhà

nếu cả những mảnh vụn ấy chúng tôi cũng mất chúng tôi sẽ chẳng còn gì nữa

tôi viết hết sức mình với nhịp độ những tuần lễ không dứt

thứ hai: các kho trống không một con chuột bấy giờ là một đơn vị tiền tệ

thứ ba: viên thị trưởng bị giết bởi những kẻ tấn công lạ mặt

thứ tư: những cuộc đàm phán ngưng chiến kẻ thù giam giữ những phái viên của chúng tôi

chúng tôi không biết họ bị giữ nghĩa là bị tra tấn ở đâu

thứ năm: sau một cuộc mít tinh sóng gió đa số bỏ phiếu chống

kiến nghị của mấy tay buôn mắm muối xin đầu hàng không điều kiện

thứ sáu: bắt đầu bệnh dịch thứ bảy: người bảo vệ bất khuất

N.N. của chúng tôi tự vẫn Chủ Nhật: không còn nước chúng tôi đẩy lui

cuộc tấn công ở cửa đông gọi là Cửa Liên Minh

tất cả những cái ấy đều đơn điệu tôi biết chẳng ai buồn để ý

tôi tránh bình phẩm cố kiềm chế xúc động mô tả sự việc

họ bảo chỉ sự việc thôi mới có giá trên thị trường nước ngoài

thế nhưng với một sự hãnh diện nào đó tôi muốn cho thế giới biết

nhờ chiến tranh chúng tôi đã xây dựng được một loại trẻ con

trẻ con chúng tôi không thích chuyện cổ tích chúng chơi trò bắn giết

thức cũng như ngủ chúng mơ xúp bánh mì và xương

đúng y như chó và mèo

buổi tối tôi thích đi lang thang trên các tiền đồn của Thành phố

dọc biên giới sự tự do không chắc chắn của mình

tôi nhìn từ trên xuống những đám lính dưới ánh đèn

tôi nghe những tiếng trống nhức óc và những tiếng thét man rợ

thật khó tin là Thành phố vẫn chống cự

cuộc bao vây kéo dài kẻ thù phải thay phiên nhau

họ không có cái gì chung ngoài ham muốn tiêu diệt chúng tôi

những người Goth người Tartar người Thụy Điển lính của Vua và những trung đoàn Lễ Biến Thân

ai có thể đếm hết họ màu cờ của họ thay đổi như rừng cây ở chân trời

từ màu vàng dịu của chim mùa xuân qua màu xanh qua đỏ rồi qua đen mùa đông

và như thế vào buổi tối được rảnh rang mọi việc tôi có thể nghĩ đến

những chuyện xa xưa chẳng hạn những

người bạn của chúng tôi bên kia đại dương tôi biết họ thực tình cảm thông

họ gửi cho chúng tôi những bao bột mỡ heo ủy lạo và cho những lời khuyên tốt

họ không biết chính ông cha họ đã phản bội chúng tôi

những đồng minh xưa của chúng tôi vào thời Khải Huyền lần hai

những người con không có tội họ xứng đáng được chúng tôi biết ơn nên chúng tôi biết ơn

họ chưa hề sống qua cái dài vĩnh cửu của một cuộc bao vây

những người số phận bất hạnh lúc nào cũng cô đơn

những người bảo vệ Dalai Lama những người Kurd và những người Afghan sống trên núi

giờ đây khi tôi viết những dòng chữ này thì những người đề xướng thỏa hiệp

đang thắng một bước đảng của những người không chịu khuất phục

những tâm trạng thay đổi thường thấy số phận chúng tôi vẫn còn nằm dài trên cân

những nghĩa trang ngày càng lớn con số những người bảo vệ ngày càng nhỏ

thế nhưng cuộc bảo vệ vẫn tiếp tục nó sẽ tiếp tục cho đến cùng

và nếu Thành phố thất thủ nhưng còn một người duy nhất trốn thoát người ấy sẽ mang Thành phố trong mình đi suốt những đoạn đường lưu đày

người ấy sẽ là Thành phố

chúng tôi nhìn vào mặt của đói khát mặt của khói lửa của cái chết

và vào mặt xấu nhất trong những thứ đó - mặt của phản bội

và chỉ có những giấc mơ của chúng tôi mới không bị sỉ nhục

WARSAW 1982

LẠI HỮU ĐỨC TRONG NHIẾP ẢNH, HỘI HỌA VÀ ĐIÊU KHẮC

ĐÔNG NGUYÊN
Thế Kỷ 21, Anaheim

Chúng ta đều biết rằng nhiều điểm nghệ thuật của nhiếp ảnh cũng có thể được tìm thấy trong hội họa. Những nguyên tắc căn bản của bố cục (composition) trong nhiếp ảnh và hội họa đều chú trọng đến sự biến đổi (variation) và lập lại (repetition) của các đường nét, hình dạng, mảng, màu sắc, sắc độ, v.v... để đạt được ba yếu tố cần thiết cho một tác phẩm giá trị: *đơn giản* (simplicity), *hài hòa* (harmony) và *cân bằng* (balance). Vì thế mà có nhiều nhiếp ảnh gia lỗi lạc cũng đã từng là họa sĩ. Nhưng một nghệ sĩ trong bộ môn nghệ thuật tạo hình (visual art) có khả năng kiêm toàn ba lĩnh vực nhiếp ảnh, hội họa, và điêu khắc là một trường hợp ít thấy. Đó là trường hợp của nhiếp ảnh gia, kiêm họa sĩ và điêu khắc gia Lại Hữu Đức.

Ông Lại Hữu Đức với tác phẩm điêu khắc Uyên Ương Trầm Lặng. Photo by Đông Nguyên

Lại Hữu Đức với nhiếp ảnh

Bắt đầu chụp ảnh từ năm 1940, ông chính thức bước vào nhiếp ảnh nghệ thuật từ năm 1963. Ông là một trong số những người có công đầu trong việc thành lập Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam (HANTVN). Ông đã từng là Tổng Thư Ký, Phó Hội Trưởng của HANTVN, Trưởng Ban Tổ Chức kỳ thi ảnh quốc tế tại Sàigòn vào năm 1974, Giám Khảo trong Hội Đồng Giám Khảo về bộ môn nhiếp ảnh cho giải Văn Học Nghệ Thuật của Tổng Thống VNCH từ 1970 đến 1974, giám khảo của các kỳ thi nhiếp ảnh quốc tế tại Sàigòn vào các năm 1971, 1972 và 1974.

Trong sinh hoạt nhiếp ảnh hiện nay, ông Đức thường trầm lặng và khiêm tốn; nhưng ông là một trong những

nhiếp ảnh gia Việt Nam đã *thật sự* có nhiều huy chương và tước hiệu nhiếp ảnh quốc tế: huy chương vàng LISBOA của Bồ Đào Nha, huy chương bạc FIAP Bordeaux của Pháp, huy chương đồng NANTE của Pháp, huy chương đồng CHILÉ (Nam Mỹ), huy chương đồng Montesson của Pháp, v.v... Về tước hiệu thì có Danh Dự Hội Viên (Honorable Fellowship) của hội National Photographic Art Society of Sri Lanka (Colombo); Cao Đẳng Hội Viên (Fellowship) của các hội Photographic Society of New York và Mongkok Photographic Club LTB Hồng Kông; Trung Đẳng Hội Viên (Associateship) của Royal Photographic Society of Great Britain, v.v...

Hướng dẫn viên của các khóa nhiếp ảnh nghệ thuật

Tuy năm nay đã 73 tuổi, ông Đức có sức khỏe rất tốt và tinh thần minh mẫn như còn ở lứa tuổi 50. Nhanh nhẹn, vui vẻ, tập thể dục mỗi ngày, và thường xuyên đến các trường Đại Học để nghiên cứu học hỏi thêm về nghệ thuật. Liên tục từ nhiều năm nay ông là một giảng viên cột trụ của các lớp nhiếp ảnh nghệ thuật do HANTVN tổ chức tại Orange County. Các bài giảng "Xây Dựng Một Tác Phẩm Nhiếp Ảnh" và "Ảnh Chân Dung Nghệ Thuật" của ông đều là những đề tài nhiếp ảnh nghệ thuật cao cấp trong các khóa nhiếp ảnh cấp II và cấp III. Khi còn ở quê nhà, ông đã từng hướng dẫn các khóa nhiếp ảnh trên Truyền Hình Sàigòn, cho Hội Ảnh KBC, chương trình Bách Khoa Bình Dân, v.v...

Xuất bản và nhập cảng sách nhiếp ảnh

Là chủ nhân của nhà sách Việt Bằng ở Sàigòn, Lại Hữu Đức đã nhập cảng các bộ sách nhiếp ảnh và hội họa có giá trị của Pháp và Mỹ về Việt Nam để cho các người ảnh và họa sĩ ở trong nước lúc bấy giờ có tài liệu nghiên cứu và tham khảo. Ngoài ra ông Đức cũng đã xuất bản và phát hành bộ sách "Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật" của các nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Lĩnh. Nhờ bộ sách này mà nhiếp ảnh nghệ thuật đã được quảng bá sâu rộng trong đại chúng Việt Nam hơn. Đặc biệt, ông đã sang Pháp học về xuất bản và khai thác thương mại ngành sách vào những năm 1962-1963 tại Paris.

Ông cũng đã đóng góp nhiều bài viết về nhiếp ảnh nghệ thuật cho tạp chí *Ảnh Nghệ Thuật* và báo *Kịch Ảnh* ở Việt Nam trước 1975, và cho nguyệt san *Thế Kỷ 21* hiện nay ở Mỹ. Tôi rất thích bài "Đường Nét Trong Bố Cục" của ông đăng trong tạp chí *Ảnh Nghệ Thuật* vào năm 1970 tại Sàigòn. Các loại đường nét thường dùng trong bố cục như *đường thẳng, đường gãy, đường cong* theo các chiều *ngang, dọc, chéo* đã được giới thiệu với ý nghĩa và sự gợi cảm của riêng mỗi loại. Bố cục cân đối và bố cục không cân đối được phân tích cặn kẽ với những trường hợp áp dụng điển hình. Bố cục theo mẫu những chữ cái C, G, I, J, L, S, U, Z, v.v... được trình bày và minh chứng bằng các hình ảnh thật đẹp. Đây là một bài nghiên cứu công phu, một tài liệu giá trị về bố cục trong nhiếp ảnh.

Trong số đặc biệt về nhiếp ảnh của *Thế Kỷ 21*, số 25 tháng Năm 1991, bài "Nhớ Lại Cảnh Xưa" của Lại Hữu Đức là một bài viết duyên dáng và đầy cảnh sắc cho nhiếp ảnh.

Đây là một đoạn văn trong bài này khi ông tả cảnh Chapa, một nơi nghỉ mát gần biên giới Việt-Hoa: *"Nhìn ra xa ngắm cảnh, đường mòn uốn khúc, khi ẩn nơi rừng thông cao ngất, khi hiện nơi đồi cỏ xanh rì. Dòng suối chảy nước trong suốt. Bên bờ hoa rừng đỏ thắm lấp ló trong đám lá xanh, gió thổi thông reo, phong cảnh thiên nhiên thật tuyệt vời..."*. Chỉ trong vài hàng mà ta đã thấy biết bao đường nét, hình dạng, ánh sáng, màu sắc, các cạnh khi ẩn khi hiện, v.v... được phối trí trong một bố cục vững chãi. Tôi mong ông Đức viết nhiều hơn nữa về nhiếp ảnh. Tôi tin rằng ông sẽ có nhiều đóng góp cho nghệ thuật nhờ vào trình độ và kiến thức đa ngành (interdisciplinary) của ông.

Triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật

Lại Hữu Đức đã tham gia nhiều cuộc triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật quốc gia và quốc tế tại Sàigòn trước năm 1975. Từ năm 1978 ông đã hằng năm triển lãm chung với các bạn ảnh trong HANTVN tại nhiều nơi ở Mỹ. Ảnh của Lại Hữu Đức phần lớn là ảnh trắng đen gồm chân dung nghệ thuật, ảnh phóng sự, ảnh phong cảnh, ảnh chụp vội vàng (snap shots) với đề tài phong phú, nhiều dân tộc tính và có giá trị nghệ thuật rất cao.

"Têm Trầu", chụp với *ánh sáng hẹp*, là ảnh chân dung bối cảnh (environmental portrait) của một bà già với vẻ mặt phúc hậu bình thản đang để hết tâm hồn vào việc têm miếng trầu ngon. Trong tấm hình "Bà Cháu", một bà lão tóc bạc mặc áo bà ba đứng khuất một nửa người sau vách nhà bằng gỗ và một tay đang dìu đứa cháu trai, với vẻ mặt ngây thơ bỡ ngỡ, ra phần ánh sáng. Người xem ảnh có thể

thấy, ngoài tình bà thương cháu, ý niệm "tre già măng mọc" của sự chuyển tiếp thế hệ được nói lên ở đây. "Ni Cô", được chụp với *ánh sáng Rembrandt*, là hình một sư nữ đang lần chuỗi tụng kinh, vẻ mặt trầm lắng như thoát khỏi thực tại và đang thả hồn theo lời kinh cầu nguyện.

Trong các ảnh chân dung nghệ thuật, kỹ thuật ánh sáng hẹp và ánh sáng Rembrandt đã là sở trường của Lại Hữu Đức. Ông đã triệt để khai thác ánh sáng cửa sổ để nhấn mạnh các đường cong và thu hẹp những khuôn mặt tròn đầy.

Đáng chú ý nhất là kỳ triển lãm cá nhân "Ảnh Phong Cảnh Việt Nam" của Lại Hữu Đức vào tháng Ba năm 1991 tại khu thương xá Phước Lộc Thọ, Sàigòn Nhỏ, với 28 tác phẩm trắng đen khổ lớn từ 16"x20" đến 40"x50" và 30"x60". Tất cả đều là ảnh phong cảnh Việt Nam mà ông Đức đã chụp tại quê nhà trong vài thập niên trước năm 1975 và mang được âm bản sang đây. Hàng ngàn người, Việt và dân bản xứ, đã có dịp thưởng thức những tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật này trong suốt hai tuần lễ.

Người Huế chắc đã thấy lòng nao nao xúc động khi nhìn lại cảnh sông Hương lững lờ uốn khúc dưới cầu Trường Tiền, thuyền đò rải rác trên sông và chợ Đông Ba nằm bên bờ sông trong tác phẩm "Huế". Tấm hình này, được chụp từ trên máy bay trực thăng, cho người xem thấy phố xá, nhà cửa, đường sá với cây cảnh hai bên bờ sông Hương. Những chiếc đò trên dòng Hương giang thơ mộng đã là đề tài phong phú cho nhiều văn nhân thi sĩ, trong đó có bài thơ "Lời Kỹ Nữ" của Xuân Diệu với mấy câu kết được nhiều người biết đến: *"Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt. Mắt run mờ kỹ nữ thấy sông trôi. Du khách đi. Du khách đã đi rồi"*. Huế đẹp, Huế thơ đã gợi nguồn cảm hứng dạt dào để cho "Dạ Lai Hương" được sáng tác, một bản nhạc đẹp và thanh khiết nhất trong nhạc Phạm Duy. Tuy nhiên, nỗi buồn thắm thiết sẽ đến với những người Huế khi nhìn tác phẩm nhiếp ảnh "Hoàng Hôn Trên Sông Hương" của Lại Hữu Đức. Một chiếc thuyền nhỏ đơn độc màu đen nhẹ nhàng rẽ nước đi trên sông Hương trắng xóa, để lại hai luồng sóng nước biệt ly lan rộng về phía sau dưới cảnh mây chiều phiêu bồng trôi nổi. Bên phải là bờ cỏ thấp, bên trái và trước mặt là núi đen dợn sóng nhấp nhô. Nhìn hình này, những ai đã kinh nghiệm biệt ly và đang dở cuộc tình nơi cố đô Huế chắc sẽ nhớ tới những lời ca trong "Hẹn Một Ngày Về" của Lê Hữu Mục: *"Huế lờ lững dòng Hương, năm tháng còn vương lời ai mong chờ. Huế là tiếng dịu êm, cô lái bên sông còn vang lời thơ... Trầm ngâm thuyền mang thương nhớ qua sông, chập chùng trời mây bay trong mênh mông... Gở tay vướng mà đi, sông núi biệt ly, người xa kinh kỳ..."*. Có lẽ vì những cảnh tình kỷ niệm ấy mà trong suốt hai tuần lễ triển lãm, hai tác phẩm này đã được hỏi mua nhiều nhất!

Đồi cát ở Mũi Né - Ảnh Lại Hữu Đức

Đặc biệt nhất trong cuộc triển lãm này, theo tôi, là những hình đồi cát mà Lại Hữu Đức đã chụp ở Mũi Né.

Mũi Né nằm giữa Phan Thiết và Phan Rang, cách Phan Thiết chừng 20 cây số. Nhiều nhiếp ảnh gia Việt Nam đã đoạt các giải thưởng và huy chương nhiếp ảnh quốc tế với các hình đồi cát chụp tại đây. Tôi đã có dịp thưởng thức khá nhiều hình đồi cát của các nhiếp ảnh gia, kể cả Ansel Adams và Edward Weston; nhưng những hình đồi cát của Lại Hữu Đức đã cho tôi nhiều cảm xúc mạnh mẽ và lưu giữ trong trí tôi thật rõ nét. Đó là các tác phẩm "Rượt Bắt", "Đường Xa", "Đi Chợ", "Về Chợ" và "Đồi Cát".

"Đồi Cát" trông như một giải lụa trắng nõn uốn khúc theo chiều ngang của tấm hình, nổi bật trên nền đen của các lũng cát sâu; phần cuối cồn cát ở phía trên bên phải dợn sóng nhấp nhô làm cho giải lụa càng dịu mềm óng ả. Hình ảnh này khiến tôi nhớ tới câu thơ của thi sĩ Bàng Bá Lân: *"Êm đềm sóng lụa trôi trên lúa"*, và ở đây xin phép đổi chữ "*lụa*" thành chữ "*cát*": *"Êm đềm sóng lụa trôi trên cát"*. Một con chó nhỏ đuổi theo em bé đang chạy vào giữa tấm hình làm tăng phần sinh động. Nếu "Thần Phong" đã tạo nên những cồn cát với nét đẹp đặc thù thì "Thần Thái Dương" đã trang điểm và tôn vinh vẻ đẹp ấy thêm lên bằng ánh sáng ban mai ấm áp.

Nhìn thật kỹ và nhìn đi nhìn lại nhiều lần hai tác phẩm "Đi Chợ" và "Về Chợ" tôi chợt nhớ đến một vài ý của nhiếp ảnh gia Ngô Đình Cường khi viết về đồi cát Mũi Né: *"Bạn có thể tưởng tượng đến một anh thợ bánh mì nặn những cục bột lớn đặt lên trên mặt bàn với lối bố cục vững vàng của một nhiếp ảnh gia. Chỗ nào kém đẹp anh thợ lại dùng dao thẻo bớt đi một miếng, tạo thêm một bệt đen thẩm mỹ tài tình"* hoặc là *"Cồn cát? Đó là phép lạ của gió biển. Là một điêu khắc gia tài tình không khi nào chịu giữ lại những đường nét mà một tuần trước đây mình đã tạo ra"*. Thật khó tưởng tượng được tài khéo léo của "điêu khắc gia" gió biển, đã tô bồi đẽo gọt những đồi cát thành những đường nét và hình thể đẹp kỳ lạ tuyệt vời. Một vài người đàn bà địa phương với áo bà ba đen và nón lá trắng, gánh hai cái thúng đen, thoăn thoắt bước đi trên đồi cát trắng, làm cho hai tác phẩm này thêm đậm nét văn hóa Việt Nam.

Nhiếp ảnh gia Lại Hữu Đức đã tạo ra được một ảnh phong (photographing style) riêng, với các đề tài đa dạng mà phần lớn mang nhiều dân tộc tính trong lối bố cục cổ điển rất vững chắc. Ảnh phong cá biệt ấy là kết quả của cái nhìn độc đáo trong nhiếp ảnh và một tâm hồn phóng khoáng yêu nghệ thuật, biết quí và đặc giá trị nghệ thuật lên trên những câu chấp thông thường. Riêng về bố cục trong ảnh của Lại Hữu Đức, ngoài sự *biến đổi* và *lập lại* mà ông thường sử dụng, tôi đã tìm thấy ba yếu tố *tập trung* (focus), *mạch lạc* (coherence) và *thuần nhất* (unity), đây là ba yếu tố chính yếu cho bố cục của một bài văn mà tôi đã chủ trương đưa vào nhiếp ảnh. Những hình ảnh vừa đề cập trong cuộc triển lãm nói trên là một số tác phẩm tiêu biểu của Lại Hữu Đức về cảnh đẹp và các sinh hoạt quen thuộc của đồng bào trên quê hương yêu dấu, nơi mà tình cảm thương nhà nhớ nước trong lòng mỗi người Việt tha hương vẫn mãi mãi hướng về.

Lại Hữu Đức với hội họa và điêu khắc

Mặc dù rất thích vẽ từ những năm tiểu học nhưng Lại Hữu Đức đã chỉ tự tìm tòi học hỏi về hội họa, cho mãi đến năm 1978 ông mới chính thức học Art tại Georgia. Tuy nhiên các ngành Interior Design và Architect Drafting đã chiếm rất nhiều thì giờ khiến ông vẫn chưa sáng tác được nhiều trong những năm đó. Từ khi về hưu và dời về nam California vào năm 1986 ông đã dành nhiều thì giờ cho việc học hội họa và điêu khắc tại các trường đại học địa phương. Nhờ tài năng và kinh nghiệm sẵn có về nhiếp ảnh nghệ thuật, Lại Hữu Đức đã nhanh chóng trình làng nhiều tác phẩm hội họa và điêu khắc xuất sắc trong nhiều cuộc triển lãm chung với các nghệ sĩ Việt và Mỹ tại California và nhiều tiểu bang khác.

Mỗi lần ghé thăm Lại Hữu Đức thì hầu như tôi đều có dịp thưởng thức một vài họa phẩm mới của ông được treo ngay ở phòng khách. Nét vẻ linh động, màu sắc hài hòa, bố cục vững chắc với đề tài gần gũi cuộc sống hàng ngày là những điểm đặc trưng dễ nhận thấy trong tranh của Lại Hữu Đức. Một con thỏ nhỏ màu trắng, ở cạnh dưới bên phải tấm hình, đang bị ôm giữ dưới nách một nam thanh niên cao lớn khỏe mạnh đứng xoay lưng về phía người xem tranh. Đó là bức tranh màu nước khổ rộng với tựa đề "Áp Bức" mà tác giả đã trưng bày tại một cuộc triển lãm ở khu Sàigòn Nhỏ trong tháng Tám 1992. Họa phẩm "Hoàng Hôn Trên Biển" có lẽ đã được thực hiện với nguồn cảm hứng khi Lại Hữu Đức xem lại những ảnh chiều về trên biển mà ông đã chụp ở Việt Nam với cảnh *"trên sông khói sóng cho buồn lòng ai"* (Tản Đà).

Hai tác phẩm mới nhất tôi được Lại Hữu Đức cho xem là "Chiều Tà" và "Vội Vàng". Chiều Tà được bố cục theo

Huế - ảnh Lại Hữu Đức

hình chữ Z với hình ảnh của một dãy nhà nằm dưới chân đồi, khói lam chiều nhẹ tỏa khi mặt trời vừa khuất sau những cụm cây. Đặc biệt tôi rất thích bức tranh "Vội Vàng" diễn tả một người đàn bà bận rộn, đang vai mang tay xách bước đi thật nhanh, năng động (dynamic) nhịp nhàng với màu sắc hài hòa dịu nhẹ.

Tôi đã rất ngạc nhiên và thích thú khi lần đầu tiên xem các tượng điêu khắc bằng đá cẩm thạch của Lại Hữu Đức mà ông đã triển lãm chung với các điêu khắc gia Mỹ. Tiêu biểu là các tác phẩm "Hòa Hợp" (Harmony) với hai con cá hòa nhịp bơi bên nhau, "Tương Phản" (Contrast) với một con cá đổi chiều bơi đột ngột như muốn đùa giỡn với một con cá khác đang bơi bên cạnh, "Uyên Ương Trầm Lặng" (Quiet Couple) đặc trưng về những đường cong mỹ thuật của anh chị cò thầm lặng, "Cô Đơn" (Lonely), nặn bằng đất nung, là tượng một cô gái ngồi xếp chân về phía sau, mắt buồn nhìn xuống, để lộ những đường cong tuyệt mỹ của thân người trong chiếc áo dài dân tộc, pho tượng "Xuân Sắc" (Spring Girl) là hình ảnh của một mỹ nhân ngồi xoay lưng về phía trước, mặt úp vào hai tay khoanh tròn tựa lên một tản đá, chân xếp thoải mái về một bên, và suối tóc xuân buông xõa *"chảy xuống đời làm sóng lênh đênh"*.

Khi nhận xét về nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam trước năm 1975 và hiện nay tại hải ngoại, Lại Hữu Đức cho rằng: "Trong thập niên 1960 và những năm đầu của thập niên 1970 có rất nhiều mặt của nhiếp ảnh nghệ thuật (như ảnh chân dung, ảnh phong cảnh, ảnh phóng sự, ảnh kỹ thuật, dương bản, ảnh phân sắc độ, kỹ thuật chạy sáng, texturing, vignetting, v.v...) đã được khai thác với kết quả là nhiều tác phẩm xuất sắc đã mang về cho nhiếp ảnh Việt Nam những thành tích sáng chói. Tuy nhiên đường lối sáng tác thời đó vẫn còn gò bó trong lề luật khuôn khổ và đề tài thường được sắp xếp dàn dựng. Phương tiện (phim, giấy, máy ảnh, tài liệu và các lớp huấn luyện về nhiếp ảnh, v.v...) đã không được đầy đủ. Bây giờ các bạn ảnh ở hải ngoại có nhiều điều kiện và phương tiện hơn để học hỏi những cái mới cái hay của nhiếp ảnh thế giới. Mặc dù các bạn ảnh trẻ bây giờ chưa đi vào nhiều mặt như nhiếp ảnh Việt Nam trước đây, nhưng khuynh hướng sáng tác có phần rộng rãi và dễ dàng hơn. Các bạn ảnh hải ngoại sáng tác theo rung cảm tự nhiên của tâm hồn họ, cái gì làm đề tài cũng được miễn là tác phẩm đẹp và có khả năng gây cảm xúc cho người xem ảnh". Ông có ý kiến rằng các bạn ảnh trẻ ở hải ngoại vẫn nên giữ tâm hồn Á Đông của mình khi thực hiện tác phẩm, không có nghĩa là tự hạn chế mình vào lối đường chật hẹp một chiều và đốt cháy khả năng sáng tạo.■

Hội nghị Việt kiều tại Saigon

Trong hai ngày 8 và 9 tháng Hai 1993, hơn 100 người Việt từ 24 nước bên ngoài Việt Nam đã về Sàigòn dự một hội nghị do chính quyền VNCS tổ chức.

Hội nghị diễn ra tại Hội trường của Dinh Độc Lập cũ, dưới quyền chủ tọa của Thủ tướng VNCS Võ Văn Kiệt.

Trước cử tọa, phần lớn thuộc giới kinh doanh, chuyên viên kinh tế tài chánh, ông Võ Văn Kiệt nói rằng: "Yêu nước, đoàn kết, hòa hợp dân tộc, vượt lên trên các sự khác biệt, kể cả sự khác biệt về chính kiến."

(Khi báo lên khuôn, tòa soạn vẫn chưa có danh sách các tham dự viên của Hội nghị, nên không rõ thành phần tham dự Hội nghị ra sao, do đó không định giá được mức độ "nghiêm túc" của Hội nghị. Trong lúc đó, căn cứ vào việc triệu tập gấp rút và luộm thuộm - thư mời gửi ngày 31-12-1992 và không có nghị trình , nhiều người cho rằng Hội nghị chỉ là một "màn biểu diễn" nhân cuộc viếng thăm Việt Nam của Tổng thống Pháp Francois Mitterand, một nguyên thủ quốc gia khối Tây phương đầu tiên đến Hà Nội từ sau tháng Tư 1975.)

T.T. Pháp Francois Mitterrand đến Hà Nội

Tổng thống Pháp François Mitterrand

Tổng thống Pháp Francois Mitterrand đến Hà Nội hôm 9 tháng Hai 1993, để "kết thúc một chương bi thương... và mở ra một chương mới trong bang giao Pháp-Việt."

Cùng đi với ông, có đoàn tùy tùng gần 200 người thuộc nhiều ngành hoạt động, trong nội các, chính quyền và tổ chức tư. Phái đoàn sẽ thăm Saigon và Phnom Penh, chưa kể một cuộc "hành hương" vùng trận địa cũ, nơi 3,000 lính Pháp tử trận trước khi Pháp rút chân ra khỏi Đông Dương năm 1954. Đó là Điện Biên Phủ.

Mặc dù vẫn nhắc nhở Hà Nội phải tôn trọng nhân quyền, Tổng Thống Pháp cũng muốn chứng tỏ chuyến đi Hà Nội của ông là một dấu hiệu công nhận một số thành quả đổi mới của Việt Nam cộng sản. Pháp sẽ tăng gấp đôi số viện trợ cho Việt Nam - tức sẽ lên đến 65 triệu Mỹ Kim.

Hà Nội đã tổ chức đón tiếp ông Mitterrand, theo nhiều nhà quan sát, có lẽ còn trọng thể hơn đối với một lãnh tụ một "nước cộng sản anh em"(?).

Sợ bên ngoài đánh vào, hay sợ bên trong đánh ra?

Một lãnh tụ cao cấp của đảng Cộng Sản Việt Nam và cũng là một tướng lãnh, hôm 1 tháng Hai, đã kêu gọi bộ đội Cộng sản, hãy cảnh giác chống lại các âm mưu của "phe đế quốc" tạo nên bất ổn, phá hoại chủ nghĩa xã hội và phi chính trị hóa quân đội.

Lê Khả Phiêu, Trung tướng, Giám Đốc Cục Chính Trị Bộ Quốc Phòng, ủy viên Trung Ương đảng Cộng Sản, đã đưa ra các lời tuyên bố như trên trong một bài xã luận, có lời lẽ cứng rắn đăng trên tờ nhật báo *Quân Đội Nhân Dân*.

Bài Xã luận cảnh giác các âm mưu tại Việt Nam, cũng như ở hải ngoại, để phá hoại chủ nghĩa cộng sản, bằng "tiến trình ôn hòa".

C.S. Việt Nam và Trung Quốc thường sử dụng từ này, để mô tả các nỗ lực áp đặt chủ nghĩa đa nguyên theo kiểu Tây phương lên các chế độ Cộng sản ở các nước.

Tướng Phiêu viết:

"Hơn bao giờ hết, quân đội phải luôn cảnh giác, trong tình trạng báo động, cương quyết và có sáng tạo, khi đối đầu với các diễn tiến không lường trước được."■

Bộ Chữ Việt Nam

Do VNLabs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Việt Nam và Bộ Chữ Quốc Tế

Giám Đốc: Nguyễn Nam Việt
Cố Vấn Nga : Vladimir Ouzdin

Hệ Thống Computer Ngoại Ngữ tối tân nhất thị trường

Bộ Chữ duy nhất có khả năng dùng tiếng Việt trong nhiều Software sẵn có trên thị trường(DOS $ WINDOWS), kể cả PageMaker, Ventura Publisher, CorelDraw, WordPerfect, Ami Pro, Windows Word, Excel, Dbase, spreadsheets, vv..

Bộ Chữ Việt Nam do VNLabs hiện đang được sử dụng tại nhiều cơ quan Quốc Tế và hiện là Bộ Chữ căn bản dùng tại đa số các nhà in tại Hải Ngoại, cùng các cơ quan tình báo và quân sự Hoa Kỳ.

Bộ Chữ Liên Sô do VNLabs hiện là software thông dụng nhất tại Nga Sô.

VNLabs là nơi sản xuất trên 30 Software Ngoại Ngữ từ 1984.

Các kiểu chữ tiếng Việt trong Bộ VN Windows (PostScript & TrueType)

Dùng trong Windows (V3.0 & V3.1), các fonts PostScript và TrueType này có thể in trên bất cứ loại printer nào được Windows support (dot matrix, Bubblejet, Inkjet, Deskjet, Laserjet, Paintjet, PostScript printers, vv..).

VN Aristote Bộ Chữ Việt Nam

VN Avant Garde Bộ Chữ Việt Nam

VN Bodoni Bộ Chữ Việt Nam

VN Brush Bộ Chữ Việt Nam

VN Century Bộ Chữ Việt Nam

VN Chancery Bộ Chữ Việt Nam

VN Cooper Bộ Chữ Việt Nam

VN FreeStyle Bộ Chữ Việt Nam

VN Friz Bộ Chữ Việt Nam

VN Goth Bộ Chữ Việt Nam

VN Helvetica Bộ Chữ Việt Nam

VN Helvetica Insera Bộ Chữ Việt Nam

VN Hobo Bộ Chữ Việt Nam

VN Merlin Bộ Chữ Việt Nam

VN Palatino Bộ Chữ Việt Nam

VN Park Avenue Bộ Chữ Việt Nam

VN Present Bộ Chữ Việt Nam

VN Revue Bộ Chữ Việt Nam

VN Teknika Bộ Chữ Việt Nam

VN Tiffany Bộ Chữ Việt Nam

VN Times Bộ Chữ Việt Nam

VN University Bộ Chữ Việt Nam

VN Vogue Bộ Chữ Việt Nam

ДИПЛОМАТ

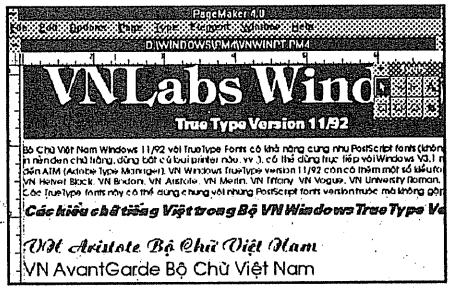

Bộ Chữ Việt Nam trên PageMaker V4

Bộ Chữ Việt Nam trên CorelDraw V3

VNLabs

3700 Campus Dr., Suite 202

Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

1984 - 1992

INTERNATIONAL DESKTOP

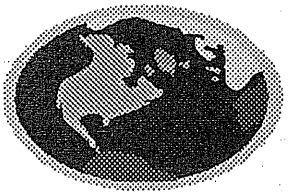

Trung Tâm Băng Nhạc Hải Âu
đã phát hành
Video - Tình Nhớ 1
Ca Nhạc & Hài hước
"Cười là liều thuốc bổ"

Hỏi mua tại các tiệm sách và băng nhạc.
Chú ý: Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 và hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ được bớt 10%

Luật Sư
ĐÀM QUANG LÂM, J.D.

* *Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Sàigòn.*
* *Hội Viên Luật Sư Đoàn Pennsylvania, New Jersey và Hội Luật Sư Di Tru Hoa Kỳ (AILA)*

ĐẢM NHẬN CÁC DỊCH VỤ DI TRÚ:

* **Bảo lãnh gia đình từ Việt Nam và các nước khác, bảo lãnh hôn thê và hôn phu.**
* **Di trú vào Mỹ vì lý do nghề nghiệp, tôn giáo, đầu tư...**
* **Tỵ nạn chính trị, du học.**
* **Điều chỉnh tình trạng di trú.**

518 South Third Street
Philadelphia, PA 19147
Điện thoại: (215) 925-0230
Ngoài giờ: (215) 629-4939

TẬN TÂM - ĐỨNG ĐẮN - KẾT QUẢ

TỬ VI THIÊN CƠ
ÔNG PHẠM ĐÌNH MAI

8742 Westminster Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 891-3429
Fax: (714) 891-4584

1. Giải đoán Tử Vi trọn đời có thu băng cassette.
2. Xem địa lý, phương hướng nơi cư trú và cơ sở thương mại.

* Ở xa, gởi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ - kèm Money Order 32 Mỹ kim; Làm thật gấp là 40 Mỹ kim - Sẽ nhận được Lá Số Tử Vi chấm bằng computer kèm tape thu lời giải dùng trọn đời.

Tìm đọc những vần thơ của
một trời quê hương thuần hậu

Trần Mộng Tú

"...người đọc thơ Nghiêu Minh ở đây đã thưởng ngoạn những bức tranh tuyệt đẹp về bởi lòng rung động nhạy bén của người thi sĩ."
Giang Hữu Tuyên

Liên lạc: Nhà xuất bản PHÙ VIÊN
2 Monoca Ct., Rockville MD 20855
(301) 279-0064 * Fax: (301) 294-2515

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún bung
6. Bún riêu
7. Bún giả cầy
8. Bún thang
9. Bún mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún ốc
12. Bánh đúc đậu rán
13. Đu đủ bò khô "Viễn Đông"
14. Miến gà
15. Miến lươn
16. Chả giò

ĐẶC BIỆT:
CHẢ CÁ THĂNG LONG,
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - Nghỉ ngày thứ Ba

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

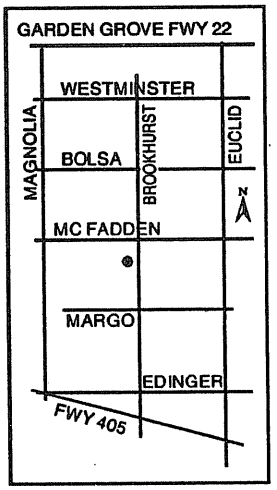

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

HOME LOANS

CẦN VAY TIỀN

14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

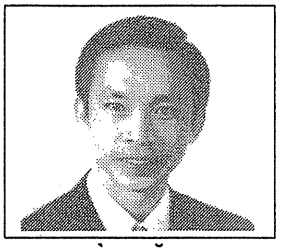

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: **(714) 565-9809**

MUA NHÀ | **APARTMENT**
CONDO | **COMMERCIAL**

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: **REFINANCE**

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

ĐẶC BIỆT:

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

ĐÊM HƯƠNG XƯA

7 GIỜ TỐI
Thứ Bẩy 18 tháng Chín 1993
tại **DUCHESNE ACADEMY**
Houston, Texas

●

Một chương trình văn nghệ hấp dẫn
với một khung cảnh và phong thái thanh lịch

Để gây quỹ Học Bổng
mang tên "Cung Tiến Scholarship"
dành cho các sinh viên gốc Á
xuất sắc trong ngành Luật Thương Mại

Do Hội Thanh Thiếu Niên Á-Mỹ và
Luật Sư Đoàn Á-Mỹ bảo trợ.

Ban Tổ Chức:
Dean DORIS LEE * PHẠM THỊ TƯỜNG VI * BOB GEE *
GEORGE WILLY * CAO HỮU TÍCH * HÀN BẢO KHANH *
DZƯƠNG NGỌC HOÁN * CAO ĐÔNG KHÁNH *
TRẦN THỊ MINH TÂM.

Cố Vấn:
CUNG TIẾN * NGUYỄN MẠNH HÙNG *
NGUYỄN XUÂN HOÀNG * DU TỬ LÊ.

ĐÊM HƯƠNG XƯA
(OLD FRAGANCE NIGHT)

07:00 PM
SATURDAY, SEPT. 18, 1993
at **DUCHESNE ACADEMY**
Houston, TEXAS

•

A SPECIAL VIETNAMESE CONCERT

featuring
Well-known singers and musicians

To raise funds
entitled "CUNG TIEN SCHOLARSHIP,"
honoring the Vietnamese Composer
and musicologist Cung Tien,
for Asian - American students who
excell in the area of commercial law.

•

Sponsored by the Asian American Youth Organization and Asian American Bar Association

•

Committee:
Dean DORIS LEE * PHAM THI TUONG VI * BOB GEE * GEORGE WILLY * CAO HUU TICH * HAN BAO KHANH * DZUONG NGOC HOAN * CAO DONG KHANH * TRAN THI MINH TAM.

Advisors:
CUNG TIEN * NGUYEN MANH HUNG * NGUYEN XUAN HOANG * DU TU LE.

BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**

Với sự cộng tác
của Bác sĩ Nguyễn Duy,
tốt nghiệp Y Khoa
gia đình tại
Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ GILBERT MATURINO

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

TRIỆU NGỌC TOÀN
J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U)
* Giáo sư 11 năm trong hệ thống giáo dục, hành chánh Hoa Kỳ
* 6 năm claims negotiator,
* Điều hành văn phòng.

L.S.
GILBET MATURINO

* Luật sư litigation và trials
* Một tổ hợp luật sư chuyên về tai nạn, thương tích cá nhân.

KHANH TANG

ĐÒI BỒI THƯỜNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÌ XE CỘ:
- Đòi bồi thường đền xe cấp tốc
- Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV.
- Đòi bồi thường thương tích tối đa, nhanh chóng.

TRƯỢT NGÃ SIÊU THỊ.

HÌNH LUẬT: DO L.S. JON ALEXANDER, ESQ.
Nguyên Public Defender Tòa án Westminster với Record thành công nhiều vụ trials đại diện thân chủ Việt Nam:
- Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị.
- Các tội tiểu hình, đại hình.
- Thiếu niên phạm pháp.

KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN
- Brankrupcy cá nhân, công ty.
- Chận đứng chủ nợ phiền nhiễu.

DI TRÚ, ĐOÀN TỤ

LUẬT THƯƠNG MẠI:
- Tranh chấp về khế ước.
- Cố vấn thành lập về Corporation.

LUẬT GIA ĐÌNH:
- Ly dị, cấp dưỡng, quyền giữ con, chia tài sản.

DI CHÚC, THỪA KẾ.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ VỊ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

RIVERSIDE OFFICE:
5850 Etiwanda Ave., Suite 208
Mira Loma, CA 91752

(714) 892-2154
GIỜ LÀM VIỆC: Thứ 2-7: 9 AM - 7 PM
Chủ Nhật: theo hẹn

ORANGE COUNTY OFFICE
9211 Bolsa Ave., Suite 222
Westminster, CA 92683
(trong khu Chợ 99)

Bác Sĩ Y Khoa

TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

- DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
- VĂN BẰNGCHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNGQUÁT HOA KỲ
- NGUYÊN GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON
- NGUYÊN GIÁO SƯ MÔN NỘI KHOA ĐẠI HỌC Y KHOA OKLAHOMA
- NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC OKLAHOMA CITY V.A. MEDICAL CENTER

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM

Chuyên Trị:

BỆNH NỘI KHOA & BỆNH NGOÀI DA:

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đai, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàng nhan, mụn cóc, lang ben
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp xương, đau nhức kinh niên
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh
- **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:** Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi
- **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu thận suy

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não
- Bệnh tê liệt, bại xuội

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư, máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh thử máu trước khi lập gia đình

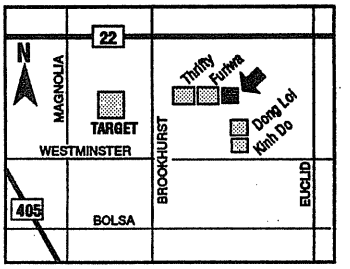

13832 BROOKHURST ST.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Góc Brookhurst &Westminster trong khu chợ Kinh Đô cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Ba - Thứ Sáu
1:30PM - 7:30PM
Thứ Bãy
9:30AM - 6PM
Thứ Hai THEO HẸN

Chủ Nhật: nghỉ

Xin Gọi Trước Để Lấy Hẹn

The Company You Keep®

Ngô Văn Trình

NEW YORK LIFE

17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 Ext. 12
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-239-9223
• BẢO HIỂM NHÂN THỌ
Đại diện chính thức cho New York Life
• BẢO HIỂM SỨC KHOẺ
Cá nhân, Gia đình và Nhóm
Đại diện nhiều hãng Bảo Hiểm uy tín

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc compact disc và video:

- **Băng nhạc quê hương**
- **Ngâm thơ**
- **Thánh ca**

P.O. Box 10553, Santa Ana, CA 92711
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Thế Kỷ 21
P.O.Box 2228-260
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 894-9021 (714) 894-5630
Fax (714) 894-2752

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo Thế Kỷ 21: Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order (trả cho: THE KY 21)

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED — Automotive Service Excellence

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ
(MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK
$19.00 + 87 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TTI CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng giữa chân dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESTNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

DAVID NGUYỄN
(BODY SHOP MANAGER)
(714) 373-3344
Beeper: 262-8098

AIR CONDITIONING SPECIALIST

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 — VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$40.00
EVACUATE EXTRA

THÀNH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

- * Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- * Máy lạnh thổi không ra hơi
- * Hơi thổi ra không đúng chỗ
- * Hệ thống lạnh bị xì
- * Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- * Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

Một tổng thống không có "tuần trăng mật"

Tổng thống Bill Clinton, theo nhận định của báo chí Mỹ, không có "tuần trăng mật" với quốc hội và dư luận.

Nhậm chức ngày 20 tháng Giêng, ông Clinton đã "đụng độ" lung tung. Mặc dù đạt được một nửa thắng lợi trong việc ký nghị định hủy bỏ quy chế cấm người đồng tính luyến ái vào quân đội, ông Clinton bị chủ tịch tiểu ban Quốc phòng Thượng Viện, cũng thuộc đảng Dân Chủ, bắt bẻ và làm khó. Ông cũng gặp chống đối trong quân đội: Tổng tham mưu trưởng quân lực Mỹ, tướng Colin Powell dám nói "Không" với vị Tổng tư lệnh của mình (Tổng Thống Mỹ đương nhiên là Tổng tư lệnh quân đội).

Trục trặc trong việc bổ nhiệm Bộ trưởng Tư pháp cũng gây bối rối cho ông Clinton và các cố vấn của ông. Khi ông để bà Zoe Baird rút, ông đã hành động đúng. Nhưng khi ông để bà Kimba Wood rút nữa, ông bị dư luận cho là "thiếu đảm lược". Bà Baird phạm luật khi mướn người giúp việc là dân nhập cư lậu, và không nộp thuế. Bà Wood cũng mướn vú em là dân nhập cư lậu nhưng có nộp thuế, và khi mướn, chưa có luật cấm.

Việc ông Clinton giao cho bà vợ, Hillary Rodham Clinton, đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ban đặc nhiệm đề án cải tổ hệ thống trợ cấp y tế, là con dao hai lưỡi. Bà Clinton có thể là người giỏi, thành công trong trách vụ để giúp chồng giải được một bài toán khó, đã được đặt ra từ hai thập niên. Nhưng, ông Clinton cũng khó ngăn cản người ta cảnh giác một mầm mống "gia đình trị".

Dân biểu Mỹ gửi thư đòi Hà Nội thực hiện nhân quyền

Hai dân biểu Tom Lantos (DC) và John Edward (CH) cùng sáu dân biểu khác, Robert Dornan, Christopher Cox, Pete Peterson, David Skaggs, Dana Rohrabacher và Henry Waxman, thay mặt cho 200 dân biểu thuộc Nhóm Nhân Quyền Hạ Viện (*Congressional Human Rights Caucus*), đã gửi thư cho thủ tướng VNCS Võ Văn Kiệt, yêu cầu Hà Nội thực thi nhân quyền bằng cách trả tự do cho những người bị bắt và giam giữ vì tội "nói lên ước vọng tự do dân chủ của họ".

Bức thư có những đoạn như:

"Hòa thượng Thích Huyền Quang, cầm đầu GHPGVNTN, đã bị quản thúc từ tháng Hai năm 1982 mà chẳng hề được xét xử. Chúng tôi yêu cầu (chính phủ) hãy đưa ra xét xử tức khắc vị Sư nổi danh này, cũng như những vị khác trực thuộc GHPGVNTN. Một trong những Tăng sĩ vừa bị bắt và còn bị giam giữ là Thích Không Tánh. Theo những tin nhận được thì tội của vị sư này là đã dám đòi hỏi phục hồi nhân quyền, kể cả quyền tự do tôn giáo. Chúng tôi yêu cầu trả tự do ngay cho (Thượng tọa) Thích Không Tánh cũng như những Tăng sĩ hiện đang còn bị giam giữ chỉ vì họ nói lên ngưỡng vọng tôn giáo của họ."

Bức thư nêu thêm ba trường hợp vi phạm nhân quyền khác: Ông Lý Trường Trân, cựu sĩ quan VNCH bị kết án 13 năm tù vì phê bình chính sách nhà nước và đòi hỏi nhân quyền, hiện bị đau yếu trầm trọng. Các vị Dân biểu Hoa Kỳ đòi hỏi cho ông Trân được cung cấp thuốc men và được quyền tự do ngôn luận. Trường hợp ông Nguyễn Sĩ Bình, công dân Mỹ gốc Việt, bị đưa ra xử hôm tháng 12 vừa qua cùng với 16 người khác thuộc Đảng Nhân dân Hành động, nhưng không được tự do chọn người bào chữa, sức khỏe đang bị suy kiệt. Bức thư yêu cầu cho ông Bình được tiếp tế thuốc men và được chọn lựa luật sư bào chữa. Cuối cùng là trường hợp của Tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt, bị bắt hồi tháng 11, 1990 với một số trí thức khác vì tội in và phát hành bản tin *Diễn Đàn Tự Do*. Bức thư viết: "Theo những tin tức nhận được thì bản tin này tập trung những bài viết phê phán các chính sách của chính phủ, nhưng không kêu gọi lật đổ chính quyền. Nhiều vị trí thức, kể cả Tiến sĩ Hoạt, bị giam giữ trên hai năm mà không được xét xử. Chúng tôi rất quan ngại cho trường hợp Tiến sĩ Hoạt và những người tham gia nhóm Diễn Đàn Tự Do bị bắt giam chỉ vì nói lên quan điểm họ một cách hòa bình".

Bức thư kết thúc: "(...) Chúng tôi trân trọng xin ông Thủ tướng xét lại các trường hợp này và trả tự do vô điều kiện cho tất cả những tù nhân vì lương tâm hiện đang còn bị giam giữ tại Việt Nam. Với quyền hành trong tay, chúng tôi xin ông làm mọi sự để chấm dứt cuộc đàn áp tôn giáo trên xứ sở ông, và bảo đảm những quyền công dân căn bản, kể cả tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, và quyền được xét xử công bình cũng như xét xử đúng thời hạn."■

LỖ ĐEN*

Sơn Điền NGUYỄN VIẾT KHÁNH
Thế Kỷ 21, San Jose

Mới đây các nhà vật lý thiên văn trên thế giới hết sức kích động vì có tin Viễn vọng kính không gian Hubble đã chụp được hình một cái "lò cừ" khổng lồ, gồm bão lửa, nhiệt độ và năng lượng khủng khiếp nhất trong vũ trụ xung quanh một vật gọi là lỗ đen, nghĩa là sau bao năm lý thuyết, tiên đoán và tìm tòi, bây giờ người ta đã thấy có những dấu hiệu chứng tỏ quả thật có lỗ đen.

Nhưng lỗ đen là cái gì và tại sao nó lại làm các nhà khoa học xúc động đến như vậy? Lỗ đen (black hole), là một vật quái dị nhất trong thiên văn và vũ trụ học hiện đại. Từ mấy chục năm nay, các lý thuyết gia đã tiên đoán vật này, nhưng chỉ mấy năm gần đây thôi, khi môn vật lý lượng tử tiến được những bước khá dài, phần đông các nhà khoa học mới chịu nhìn nhận là rất có thể nó có thật. Việc tìm thấy lỗ đen là một cuộc cách mạng trong thiên văn học, nó làm đảo lộn tất cả, đúng như 400 năm trước đây, Copernic và Galileo làm đảo lộn, khi cho thấy là trái đất không phải là rốn của vũ trụ, mà chỉ là một hạt bụi thê thảm, quay xung quanh một mặt trời khổng lồ, và mặt trời là một vật cũng khiêm tốn như hàng ngàn tỉ mặt trời khác, giống như hằng hà sa số trong vũ trụ bao la này vậy.

Nhưng lỗ đen không phải chỉ liên quan đến các vị thích cầm ống nhòm mà nhòm lên trời. Nó liên quan đến chúng ta, liên quan đến tất cả loài người, phần hồn cũng như phần xác. Lỗ đen sẽ cho chúng ta rõ căn nguyên của vũ trụ phát sinh như thế nào, thuyết bùng nổ (big bang) có đúng không, có một "đấng tối cao" nào đã quyết định "tạo thiên lập địa" trong hoàn cảnh ra sao, vũ trụ sẽ đi về đâu, kết thúc ra sao hay còn mãi mãi..., nghĩa là ý nguyện của "Người" khi tạo lập ra vũ trụ là lại tạo lập ra chúng ta để chúng ta nhìn thấy vũ trụ là thế nào.

Nhưng không phải chỉ có vậy. Theo các lý thuyết mới nhất của khoa học trong vài năm qua, nhất là từ lúc đầu của thập kỷ 90 này, lỗ đen còn đưa ta đến một sự thật kinh dị nhất: vũ trụ của chúng ta không phải chỉ có một, mà có rất nhiều, hằng hà sa số vũ trụ, đang chồng chất lên nhau, và hằng hà sa số vũ trụ đó lại giống nhau như đúc, bởi vì trong mỗi vũ trụ như vậy lại có trái đất, có con người, có các bạn và tôi, y hệt như nhau. Muôn vàn vũ trụ đó có thể chỉ là một, mà một cũng có thể là muôn vàn. Rồi từ đó chúng ta có thể hiểu sự thật cõi trời là gì, thiên đàng ở đâu, cõi niết bàn như thế nào, và sau cái chết là cái gì..., cũng như tương lai, hậu vận, tiền định của mọi con người có thể xác định được không.

Các bạn đừng vội mỉm cười, mà cho rằng tôi đang có ý dẫn dụ các bạn đến cái gọi là "khoa học thần bí" với tử vi, bói toán, hay muốn nói về thần học hay các khoa triết lý về tín ngưỡng Á Đông. Sự thật không phải thế. Tôi chỉ muốn phác qua một vài viễn ảnh có thể coi như điên khùng nhất, nói theo kiểu suy tư của khoa học hiện đại, mà các lý thuyết gia vật lý lượng tử và vật lý tương đối có vẻ đang sẵn sàng chấp nhận. Chúng ta sẽ lần lượt bàn đến những đề tài này, nhưng ở đây chúng ta hãy trở về với... lỗ đen của chúng ta.

Tại sao lại gọi là lỗ đen? Sự thật nó là cái gì vậy? Và từ ngữ "black hole" xuất phát từ đâu? Muốn hiểu rõ, chúng ta đành phải đi từ nguồn gốc của nó, bắt đầu từ cái được gọi là **điểm dị** (chữ tạm dịch từ *singularity* trong toán học). Toán học chỉ là một dụng cụ của các nhà khoa học dùng để cho tiện và ngắn gọn mà thôi, chớ thực ra chẳng có gì ghê khiếp cả. Chúng ta thử vào

chơi trong đó một chút cũng chẳng sao.

Trong môn vật lý, các nhà khoa học thường dùng một loại toán cao cấp để mô tả một hiện tượng gọi là trường thế (potential field). Thế nào là trường thế? Điện trường là một trường thế, lực hấp dẫn là một sức mạnh trong trường thế, nghĩa là bất cứ vật gì tạo ra xung quanh nó sức mạnh đẩy đi hay hút lại là có trường thế bao quanh nó, bởi vì bất cứ vật nào lọt vào trong "vùng" của nó cũng bị nó đẩy đi hay hút vào và như vậy quanh nó là một trường bãi của thế lực. Để dễ hiểu, chúng ta hãy lấy trường thế hấp dẫn làm thí dụ. Mọi người đều biết Mặt Trời hút Trái Đất, cho nên xung quanh Mặt Trời có một trường thế, Trái Đất hút Mặt Trăng cho nên quanh Trái Đất có một trường thế.

Thời ông Newton, người ta gọi sức hút đó là lực hấp dẫn và ông Newton đã đưa ra những phương trình toán rất chính xác để đo lường sức mạnh của lực hấp dẫn và giải thích tại sao Trái Đất bắt buộc phải xoay chung quanh Mặt Trời cũng như tại sao Mặt Trăng phải xoay chung quanh Trái Đất và mô tả, tiên đoán đúng quỹ đạo của những thiên thể này. Đại khái, nói cho dễ hiểu, lực hấp dẫn tỷ lệ thuận với khối lượng và tỷ lệ nghịch với khoảng cách, nghĩa là vật càng lớn, sức hút của nó càng mạnh, nhưng càng ở xa nó, sức hút lại càng yếu đi.

Đến thời ông Einstein, thuyết tương đối tổng quát ra đời, phép tính cũng như vậy, nhưng theo thuyết tương đối thì thật ra chẳng có sức hút gì cả mà chính trong cái "trường bãi" đó, không gian và thời gian đã bị cong đi như bị xoắn quăn lại cho nên vật nào bị lạc vào đó cũng phải chạy theo đường cong quỹ đạo. Đây chính là định đề chủ yếu của thuyết tương đối tổng quát, gọi là định đề "sự cong của Không-Thời gian" (curvature of space and time). Đến đây thì vấn đề bắt đầu rắc rối.

Trong phép toán về trường thế, nếu nói rằng càng xa thế càng yếu và càng gần thế càng mạnh, thì tất nhiên phải có điểm ở giữa, nghĩa là trung tâm điểm, nghĩa là nếu có một quả banh tròn tất nhiên phải có một điểm ở chính giữa, trung tâm của nó. Trong các đồ hình của môn hình học, trung tâm điểm này, trong hình tròn cũng như hình cầu, được tiêu biểu bằng con số zero tức là chữ O. Vậy nếu nói trường thế càng ở gần càng mạnh thì ở trung tâm điểm này nó mạnh như thế nào?

Nên nhớ toán học là ngôn ngữ của trừu tượng. Trong môn cơ học mà chúng ta đã học ở nhà trường, người ta đã phải dùng từ ngữ "chất điểm" để mô tả sự chuyển động trên quỹ đạo, nghĩa là tưởng tượng có một điểm như vậy, nó chạy theo một đường nào đó, chớ không thể cầm lấy nó hay đo được nó. Chính trong ngôn ngữ thường dùng của chúng ta cũng có những chữ trừu tượng, chẳng hạn chúng ta đâu có thể cụ thể cầm lấy cái buồn, cái vui, cái sợ như ta cầm lấy hạt cát, hạt gạo, trừ phi nói theo kiểu bóng gió thì lại khác. Bởi vậy trung tâm điểm của hình học vòng tròn hay trái cầu cũng chỉ là một điểm trừu tượng, chớ không phải cụ thể.

Trong phép toán về trường thế, khi nói càng gần càng mạnh, thì thử hỏi ở gần nhất trung tâm, hay ở chính trung tâm của cái điểm đó thì sức mạnh của thế như thế nào? Lẽ tất nhiên chỉ có một câu trả lời: mạnh nhất và nếu đúng vào chỗ zero trừu tượng đó thì nguyên lý là phải mạnh đến... vô cùng tận. Cái gì chớ, nếu mà toán đụng phải chữ vô cùng (infinite) thì coi như... vỡ nợ rồi. Các nhà toán học vò đầu, bứt tai, đành phải gọi đó là điểm dị (singularity). Vì nó là trừu tượng nên cũng chẳng sao.

Khốn thay, vào thời đại vật lý lượng tử hiện đại này, cái trừu tượng đó lại trở thành... cụ thể mất rồi, nghĩa là bắt buộc nó phải có thật chớ không phải là tưởng tượng nữa. Mấy chục năm sau khi thuyết tương đối tổng quát ra đời, nhất là sau khi những bí mật về nguyên tử bị khám phá, các nhà bác học phải suy tính như thế này: Ngộ lỡ ra Mặt Trời, hay Trái Đất ta ở bị thâu nhỏ lại nhỏ bằng... nắm tay chẳng hạn, thì sức mạnh của trường thế ở chỗ đó sẽ khủng khiếp đến như thế nào.

À, tưởng gì chớ lại là chuyện... Tề Thiên Đại Thánh, ở trên đời này làm gì có chuyện hóa phép thần thông đến như vậy? Chẳng có cái gì là "ngộ lỡ" theo kiểu hoang tưởng đến như thế.

Xin thưa ngay rằng chẳng phải là chuyện tưởng tượng hoang đường mà là chuyện thật. Mặt Trời, Trái Đất đều là vật chất hữu hình, mà vật chất ở trên cõi đời này đều do nguyên tử sắp xếp lại thành. Nguyên tử nhỏ bé li ti đó lại là... rỗng không. Chúng ta đã biết nguyên tử gồm một cái hạt nhỏ ở chính giữa gọi là "hạt nhân" xung quanh có những đám mây hạt điện tử bao bọc. Vấn đề là hạt nhân quá nhỏ, mặc dầu tất cả sức nặng của nguyên tử đều dồn vào đó, trong khi vòng đai điện tử ở quanh lại quá rộng. Để có một ý niệm, chúng ta hãy tưởng tượng: nếu đem nguyên tử chiếu to lên, cho nó lớn bằng cả một sân banh

football thì hạt nhân của nó chỉ bằng một quả banh tennis nằm ở giữa, các điện tử quay xung quanh như một đám mây ở ngoài rìa sân banh, còn lại ở bên trong là rỗng tuếch. Bây giờ, bỏ các điện tử đi, dồn ép các hạt nhân vào với nhau thì Trái Đất to lớn của chúng ta chỉ thu lại còn một trái cầu tròn, nhiều lắm đường kính cũng chỉ đo được 20 cây số là cùng. Còn nữa, khi các hạt nhân sáp lại với nhau thì luật hấp dẫn vẫn... tiếp tục tự nó tiến hành, nghĩa là các nhân lại hút vào với nhau nữa càng chèn ép vào nhau và trái cầu nhỏ thêm nữa.

Chỉ là lý thuyết thôi, chớ có thật không đấy? Có thật, bởi vì từ mấy chục năm nay, các kính thiên văn vẫn nhìn thấy những ngôi sao bị thu nhỏ lại như vậy, gọi là sao trung hòa tử (neutron star). Nên nhớ các vì sao, cũng như Mặt Trời của chúng ta, là những khối hơi cực nóng do phản ứng nhiệt hạch, là những khối lượng khổng lồ. Thí dụ Mặt Trời của chúng ta vào cỡ vừa phải nhưng so với Trái Đất cũng rất lớn, bỏ vào trong Mặt Trời độ 1000 quả địa cầu thì cũng lọt thỏm như chơi. Khối lượng lớn như vậy mà thu nhỏ lại thành sao trung hòa tử thì thật ghê gớm. Có nhiều nguyên nhân khiến sao neutron star bị thu nhỏ rồi mà không bị luật hấp dẫn làm nó teo thêm nữa, mà chỉ quay tròn với tốc độ khủng khiếp thôi.

Vật lý lượng tử ra đời, manh nha kết hợp với thuyết tương đối. Thế hệ các vi hạt dưới cỡ nguyên tử (subatomic particles) và những cái quái dị của chúng khiến giới khoa học bắt buộc phải đi đến một kết luận khác hơn nữa: một khi nó đã "teo", chẳng có cái gì cấm nó teo hơn nữa, teo đến... tận cùng. Nếu vậy thì trường thế quanh một quái vật như vậy sẽ ra sao? Độ cong của Không-Thời gian mà Einstein tiên đoán sẽ ra sao?

Khoa học ngày nay không gọi là độ cong (curvature) nữa, mà có một từ mới để gọi nó rồi. Người ta nói là xung quanh một con quái vật như vậy, Không-Thời gian không còn coi là "cong" nữa, mà phải nói là nó đã bị xoắn, quấn vào nhau (Space-time Warp). Hậu quả là một sức hút khủng khiếp ở **điểm dị**, mọi vật xung quanh đều bị hút vào đó như vào một cái giếng không đáy, không thể nào thoát ra ngoài được nữa.

Và nhất là... ánh sáng. Nếu trong cái lò cừ nhiệt lượng và năng lượng khủng khiếp đó có ánh sáng phát ra, thì những hạt ánh sáng cũng bị kéo trở lại luôn, không tỏa ra ngoài được. Không có ánh sáng bay ra thì còn ai thấy gì nữa. Kết quả chỉ là một cái lỗ đen ngòm.

Thực sự, lúc đầu, lỗ đen (black hole) là do các lý thuyết tương đối và lượng tử đem đến. Nhưng bây giờ nó sắp thành sự thật rồi. Phải thận trọng nói là "sắp", bởi vì điều đáng tiếc là viễn vọng kính không gian Hubble chụp không được rõ lắm, do khuyết điểm trong tấm gương cong rộng lớn của nó. Người ta đã biết, Hubble là thiên lý kính không gian (space telescope) được phi thuyền con thoi shuttle của Mỹ đem lên quỹ đạo của Trái Đất từ gần hai năm nay. Điều không may là tấm gương của nó (loại refractor) chế tạo thiếu chính xác đến độ cao nhất, cho nên độ phân giải yếu. Bằng chứng xác thực về lỗ đen có thể được thu thập sau năm tới, sau khi cơ quan Nasa, theo dự định, sẽ phóng một phi thuyền con thoi lên đó để cho phi hành đoàn sửa chữa hay thay thế tấm gương quan trọng này.

Nhưng ngay bây giờ, viễn vọng kính đã chụp thấy tất cả những gì mà các lý thuyết gia khoa học từng tiên đoán phải có ở xung quanh vật gọi là lỗ đen đó. Đó là các đám hơi năng lượng khổng lồ đang xoắn lại, cuộn tròn và xoáy vào, tức là đang bị hút vào một cái lỗ khổng lồ. Chưa bao giờ người ta được nhìn thấy một lỗ "bát quái" siêu đẳng như vậy. Vậy Thái thượng lão quân ẩn núp ở đâu?

Đùa chút chơi cho vui vậy thôi, chớ cái cảnh quái lạ đó "mắt... trần" đâu có nhìn thấy được, và cho đến nay các viễn vọng kính lớn nhất trên trái đất này cũng chẳng nhìn thấy được.

Bởi vì lò cừ đó ở giữa một giải ngân hà (galaxy) cũng giống giải ngân hà của chúng ta nhưng ở xa chúng ta đến 45 triệu năm ánh sáng, nghĩa là ánh sáng với vận tốc 300,000 cây số một giây đồng hồ, phải bay luôn trong 45 triệu năm mới đến mắt chúng ta hay viễn vọng kính của ngày nay được. Giải ngân hà này nằm trong một chùm những ngân hà được gọi là chùm Virgo.■

* Black hole

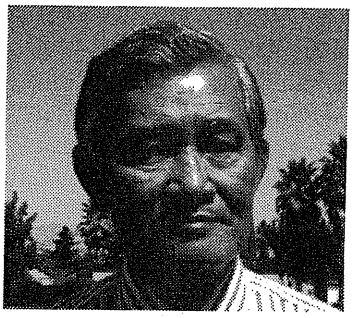

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

Trong những số tới:

** Từ điểm dị đến thuyết Big Bang*

** Lỗ Sâu (Wormhole) đi tìm vũ trụ chồng chất*

** Vũ trụ song song và kiếp luân hồi...*

THƯ GỬI CHRISTINA

PHẠM XUÂN ĐÀI

Thế Kỷ 21

Christina thân mến,

Anh vừa nhận được bài báo về tình bạn em gởi cho anh. Việc cắt gởi các bài báo là việc em thường làm từ hồi anh còn ở Việt Nam, nhưng hồi đó là cốt cho anh thêm các thông tin trên thế giới mà em biết là anh thiếu thốn. Vừa rồi là một bài luận về tình bạn, chắc em nghĩ rằng bây giờ anh không thiếu thông tin thời sự nữa, mà cần được nhắc nhở về loại khác. Những gì liên quan đến tình người chẳng hạn. Là người Tây phương có lẽ em hiểu bản chất thế giới Tây phương hơn anh, và biết là cái gì anh đang cần lúc này. Em thông minh và nhạy cảm đến thế, anh không khỏi cảm ơn số phận đã cho anh một người bạn, một người em gái như em.

Mùa xuân năm 1970, tại các ngôi nhà gỗ trong khu rừng của thành phố Columbus, Ohio, các thành viên của chương trình quốc tế CIP tập họp để làm quen với đất Mỹ và làm quen với nhau, trước khi bước vào hoạt động chính thức của mùa hè. Đoàn của chúng ta có những ai nhỉ? Ngoài đại diện của Ý và Việt Nam là em và anh, anh nhớ còn mấy người Đức, Pháp, Thụy Điển, Na Uy, Hy Lạp, Ba Lan, Ấn Độ, Đại Hàn, Brazil, Trinidad, Uganda và một số nước nữa mà anh quên mất tên. Lần đầu tiên anh sống với cỏ cây hoa lá của xứ ôn đới vào buổi đầu xuân, hòa lẫn trong không khí trẻ trung của đám người tứ xứ cũng lần đầu tiên tiếp xúc, ngày nay nhớ lại anh như còn thấy cảm giác ngất ngây của bao điều mới mẻ. Mặc dù bấy giờ đã ở tuổi ba mươi, anh vẫn sống lại cái bâng khuâng của cậu học sinh trong buổi tựu trường, như trong mấy câu thơ:

Xếp hạnh phúc theo chương trình lớp học
Buổi chiều đầu họ tìm bạn kết duyên
Trong sân trường tưởng dạo giữa Đào Viên...

Từ nhỏ anh sống trong một xứ chiến tranh liên miên, có bao giờ được cơ hội tiếp xúc rộng rãi như thế này đâu. Em có nhớ buổi đầu tiên không? Câu hỏi sơ giao của chúng ta luôn luôn là: "Anh chị đến từ xứ nào?" Và câu trả lời sẽ mang đến cho chúng ta một bầu trời lạ mà các bài địa lý ở trung học chưa hề gợi ý. Thụy Điển? Mái tóc vàng làm liên tưởng ngay đến tuyết trắng và rừng thông. Hy Lạp? Đôi mắt thăm thẳm này có bà con với một nền văn minh cổ với đền đài và triết gia. Brazil? À, đây là hình ảnh của cái vẫn gọi là Mỹ La Tinh. Mỗi chúng ta được nhìn ngắm từng con người thật, nghe từng giọng nói thật đại diện cho những ý niệm trừu tượng từ trước về từng quốc gia. Anh sung sướng trong cái tình thế giới mới mẻ và cụ thể ấy. Và em, cô gái người Ý hai mươi mốt tuổi đã đại diện cho thành phố La Mã huyền diệu và Venise thơ mộng, cho cuốn Tâm Hồn Cao Thượng mà anh coi là kiệt tác trong tuổi nhỏ của anh, cho những uẩn áo của các vần thơ du địa phủ của Dantes, đại diện cho cả Vespa và Lambretta vốn là ước mơ và ham mê một thời của tuổi trẻ Việt Nam. Tại sao em và anh trở thành bạn thân chóng như thế nhỉ, đó là điều cho đến ngày nay anh vẫn còn tự hỏi. Câu hỏi đã dần dần được nâng lên cấp độ... quốc gia: có phải đời sống tinh thần và tình cảm của người Việt Nam và người Ý có rất nhiều điểm tương đồng? Nhưng đây chỉ nói về hai cá nhân thôi. Đành giải thích bằng một câu rất cổ điển, dễ chấp nhận "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu," tuy rằng không phải lúc nào cũng dễ dàng biết được thế nào là thanh là khí giữa hai con người.

Vậy thì giữa những ngày mùa xuân ấy chúng ta trở thành hai người bạn thân với nhau, hiểu nhau nhanh và trọn vẹn đến độ xem những người bạn mới khác chỉ là những "người ngoài," chỉ thuần là những kẻ để cười nói chuyện trò giao tế. Hình như ngay bữa ăn sáng đầu tiên trong khu rừng ấy em đồng ý ngay với anh về cà phê Mỹ, uống chua chua nhạt nhạt

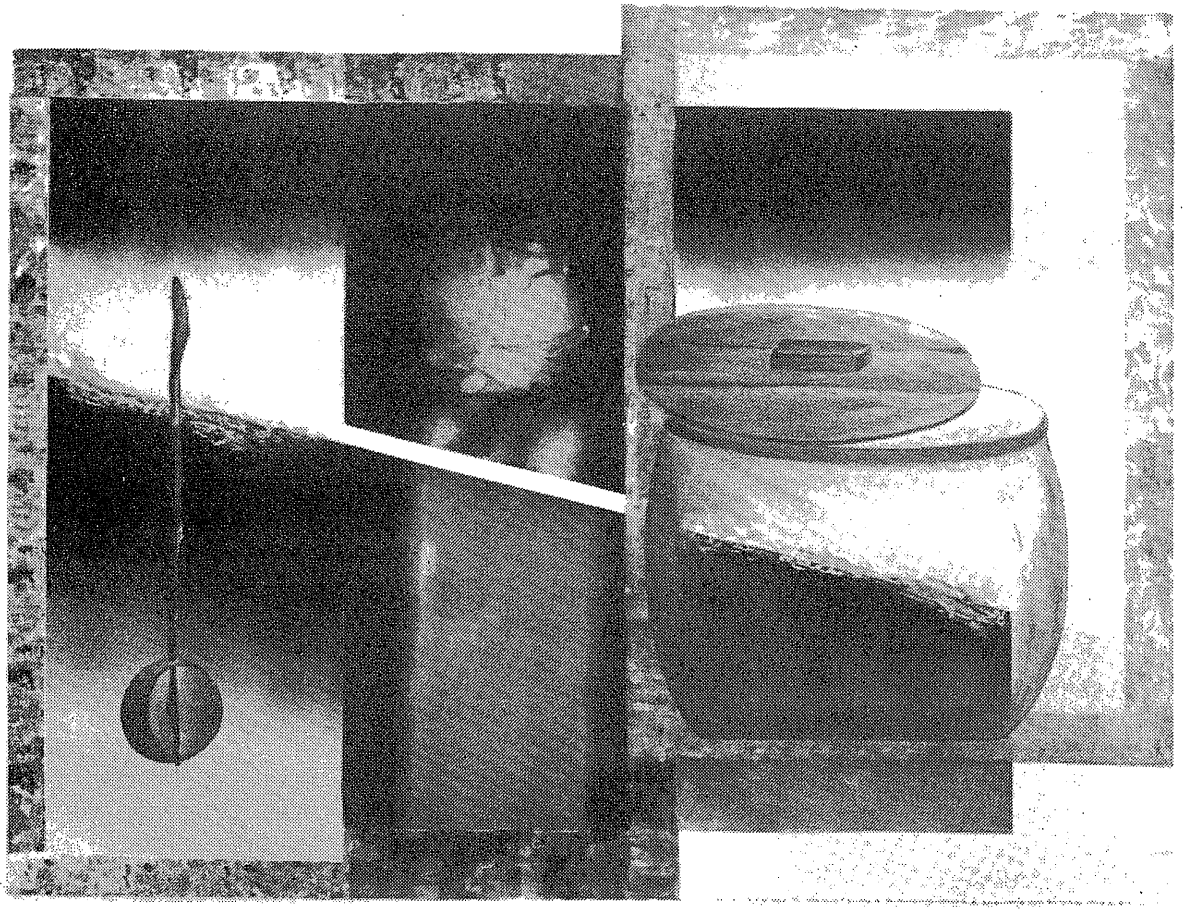

"Bà ơi, bà có khát không?" - NGUYEN VIET

chẳng ra làm sao cả. Em còn thêm: cà phê phải vừa mới rang và xay, nén chặt trong phin, và cho chúng ta từng giọt từng giọt đen sẫm... Trời ơi giờ phút đó sao em đáng yêu thế, em nói đúng tim đen của một anh chàng đang thèm và nhớ cà phê Sàigòn. Lúc đó anh tự nhủ: À cô bé Ý này "được" đây, ít ra có thể chia sẻ với mình về một nét văn hóa mà mình không thể tìm thấy ở đây. Mà ngay ở lúc đó nếu có một người Việt Nam bên cạnh thì chưa chắc đã tỏ ra đồng điệu với anh về cái "gu" cà phê như em đâu, nói ra là hiểu tức khắc. Cà phê chỉ là chuyện mở đầu. Điều lạ lùng giữa anh và em là về sau này, trong cuộc sinh hoạt với đám bạn bè đa chủng và với xã hội Mỹ, thường đồng ý tức khắc với nhau về những nhận xét của người này hoặc người kia, như là chúng ta được sinh ra và lớn lên trong cùng một gia đình, đã cùng chịu chung một khí hậu văn hóa từ nhỏ. Có lẽ điều này giải thích tại sao chúng ta lại không yêu nhau trong thời gian ấy, điều mà sau này anh cứ lấy làm lạ. Sự liên hệ mà chúng ta cảm thấy từ đâu, một cách tiềm ẩn, gần như là một sự liên hệ huyết thống, và những cảm thông tinh tế về tình cảm và tinh thần như thế thì dễ dẫn dắt chúng ta đến chỗ tri kỷ với nhau hơn là tình yêu. Ôi nếu ngày đó chúng ta yêu nhau! Có bao giờ em đặt câu hỏi đó không? Thì sẽ có một April Love thật là thơ mộng trong khung cảnh rừng cây tuyệt vời đó, nhưng sẽ là một sai lầm, vì đó sẽ là cái mở đầu và cũng là cái kết thúc cho sự liên hệ của chúng ta. Chúng ta sinh ra không phải cho quan hệ tình yêu, mà là cho tình bạn, từ bản chất.

Đã lâu, từ ngày còn đi học, anh đã có sự nghi ngờ cái gọi là tình bạn của những người khác phái. Anh cho đó là điều không thể được, vì khởi đầu cho sự thân thiết giữa nam nữ phải là sự *rung động*, là cái sẽ làm khởi điểm cho tình yêu. Anh nhìn dáng vẻ của một người con gái, nhìn vào mắt nàng, nghe giọng nói của nàng, và nếu cảm thấy thích, muốn làm thân với nàng thì tức là anh đã có các rung động -- mà các người khác phái có với nhau -- về nàng rồi. Các rung động đó không phải là tiền đề cho tình bạn được, vì nếu mối thân thiết với người con gái ấy tiến triển, thì tiếp theo sẽ là sự nhớ nhung, sự "tương tư" của tình yêu nam nữ. Không cần thiết người đó có hiểu anh hay không, có "đồng điệu" hay không -- có khi ngược lại là đằng khác -- nhưng anh vẫn có thể yêu người đó. Vì không vượt qua được bức tường về giống phái, sẽ khó có thể có tình bạn thật sự giữa nam và nữ.

Khi gặp em, mặc dù em xinh đẹp, đàn giỏi,

hát hay, nói trôi chảy ba thứ tiếng Ý, Pháp, Anh, nhưng sự thông minh và đồng điệu tinh thần của em đối với anh đã bộc lộ cùng lúc với vẻ quyến rũ con gái của em. Cả em, cả anh đều phát giác và thưởng thức cái sự đồng thanh đồng khí của người kia quá sớm đến nỗi sự mến mộ lẫn nhau đã có trước cả niềm rung động nam nữ, và từ khởi điểm đó cho đến mãi về sau, chúng ta rất thương mến nhau mà chưa hề yêu nhau. Đó là tình bạn. Một thi sĩ có tiếng của Việt Nam có câu thơ:

Tình ra đi sầu ở lại lâu dài.

Nếu anh và em yêu nhau thì e cũng lại như thế. May mắn cho chúng ta là điều đó đã không xảy ra. Và may mắn cho riêng anh: em là người bạn khác phái duy nhất đích thực mà anh có trên đời.

Cuối mùa hè, chương trình kết thúc, sau khi chia tay tại Washington để ai về nước nấy, chúng ta đã qua một thời kỳ rộn rã với biết bao cánh thư "quốc tế" bay đến từ khắp nơi trên thế giới. Tình cảm còn bồng bột mà! Em có nhớ anh chàng Ba Lan cùng nhóm với chúng ta không? Tự nhiên anh chàng ấy rất mến anh, mặc dù lúc đầu anh rất dè chừng vì cho anh ta là Cộng Sản. Noel năm đó anh nhận được bao nhiêu là thiệp đóng đủ thứ dấu bưu điện trên thế giới, nhưng lạ lùng nhất là có một cái thiệp từ Varsovie của anh bạn Ba Lan ấy -- Việt Nam Cộng Hòa và các nước cộng sản tuyệt nhiên không có quan hệ bưu chính, nhưng anh không ngờ bưu điện Ba Lan lại tốt bụng đến độ gởi tấm thiệp ấy qua Paris, để từ Paris được chuyển về Sài Gòn. Nhưng chỉ độ nửa năm sau là các trao đổi thư từ thưa hẳn, rồi chấm dứt. Các người cùng tham dự chương trình cảm thấy phai nhạt dần các ấn tượng của cuộc họp mặt quốc tế trên đất Mỹ với bao tình cảm loại "hương xa" sau khi quay về với không khí quen thuộc của xứ sở mình. Chỉ có em và anh là còn tiếp tục thư từ... cho mãi đến ngày nay (trừ quãng gián đoạn mười bốn năm sau biến cố 1975).

Nếu anh nhớ không lầm thì em lấy chồng một hai năm sau khi về nước, và từ đấy hầu như thư nào của em cũng có thêm mấy dòng của chồng em viết thăm anh. Em còn nhận làm cô hai đứa con của anh. Chúng ta đã dần dần ràng buộc nhau bằng tình cảm gia đình, và một lần nữa, anh lại cảm thấy hình như chỉ có người Việt Nam và người Ý mới có thể trở nên thân thiết với nhau bằng loại tình cảm như thế. Mà hiểu biết của anh về nước Ý thì có nhiều nhặn gì, chỉ chủ yếu qua một ít quyển sách, một số phim ảnh và mấy tác giả nhạc cổ điển. Có lẽ phim ảnh giúp anh hiểu biết tâm hồn Ý nhiều nhất, mà anh cho rằng gần gũi với tâm hồn Việt Nam một cách lạ lùng. Em có nhớ phim *À l'italienne* không? Sophia Loren đóng vai bà mẹ dẫn một bầy con lóc nhóc từ quê lên tỉnh, tính cách dữ dằn điếc không sợ súng của bà mẹ quê ấy nhằm bảo vệ đàn con giữa chốn thị thành đã gây cười nhiều lần cho khán giả, nhưng anh vừa cười vừa rưng rưng cảm động. Vì tính cách ấy giống y hệt các bà mẹ quê đáo để của Việt Nam, hoàn cảnh nào cũng khôn khéo, bản lĩnh -- một cách quê mùa nhưng vô cùng vững chắc -- để bảo vệ giềng mối của gia đình, con cái. Các bà có thể khó tính, khắt khe, đến độ quá đáng như mẹ chồng khó với nàng dâu, nhưng nghĩ cho cùng đó chính là vũ khí để gìn giữ kỷ cương cho cái cộng đồng nhỏ nhất là gia đình, tế bào của xóm làng, xã hội. Truyền thống mẹ chồng ác với nàng dâu ở Việt Nam anh cho là bắt nguồn từ ý chí muốn cho mọi thành viên mới của gia đình phải vào khuôn khổ, nếp nhà đã có sẵn, nhằm tránh việc những yếu tố mới xâm nhập vào phá hỏng cái trật tự cố hữu. Nói nôm na là vào đây thì phải theo phép nhà bà. (Ôi cái tiếng "bà" đầy quyền uy hống hách). Sự uốn nắn nào, dù với ý đồ tốt cũng gây nên một ít khổ sở. Thế hệ này qua thế hệ khác việc rèn cặp ấy phai dần ý nghĩa giáo dục ban đầu mà thành một lối đối xử độc ác. Đó là một sự thoái hóa đáng tiếc cho một truyền thống tốt đẹp. Bà mẹ chồng nào cũng nhớ nỗi khổ sở của mình thời mới về làm dâu, và "trả thù quá khứ" bằng cách hành hạ con dâu của mình, riết rồi thành một hủ tục chẳng có gì đẹp đẽ. Nhưng nói chung, tính chất riết róng, khó khăn, đáo để của các "bà nhà quê" đều bắt nguồn từ một ý thức tự tồn vững chắc, nó vừa bản năng như con gà mẹ xù lông đánh kẻ địch để bảo vệ con, vừa như một nhà chiến lược có cái nhìn xa về sự tồn vong của bầy con, và biết phải làm gì để bảo vệ và phát triển tốt cái tập thể mà mình đã sinh ra.

Christina ơi, anh tin rằng trong em cũng có một bà như thế (bà Ý hay bà Việt cũng thế thôi) khi em nhận làm cô các con của anh. Lúc em biết chúng nó lưu vong sang Pháp, em đã tìm mua bản dịch những chuyện cổ tích Việt Nam để một ngày nào đó có cơ hội sẽ trao cho chúng nó. Qua thư từ em không cho anh biết việc này, nhưng một người bạn của anh, Diệu, em nhớ không, đã gặp em tại Thụy Sĩ, và đã "báo cáo" mọi chuyện với anh. Thì ra em cũng đáo để thật.

Bức thư cuối cùng của em anh nhận được trước biến cố 75 là vào hồi tháng Ba năm ấy. Lúc ấy anh đang làm việc ở Phan Thiết, chiến

sự đang hồi bi đát, bù đầu với công tác tiếp dân tị nạn từ các tỉnh miền Trung chạy vào, nhìn thấy hình của hai vợ chồng em mặc đồ cưỡi ngựa, mang ủng, ngồi trên hai con ngựa cao lớn, trông như tài tử xi nê, anh thấy chúng ta đang ở hai thế giới cách biệt quá xa như là âm với dương vậy. Mà đó là một dự cảm đúng cho tương lai sắp đến của anh, chỉ mấy tháng sau là anh vào trại cải tạo, đi biền biệt mười ba năm.

Một người bạn gái của anh có chồng đi cải tạo sau này có viết một bài mô tả tình cảnh các bà vợ ở nhà, nói rằng mỗi bà vợ như thế là một hòn vọng phu. Một hòn vọng phu sống, không đứng im như đá mà bương chải tứ tung, nhiều khi một cách rất thảm thương. Nhưng có một điều anh hoàn toàn không ngờ là trong mười ba năm anh biệt tích ấy em cũng đã nhiều lần bương chải tứ tung để dò tìm tin tức của anh. Không biết em có "dữ dằn" như Sophia Loren trong phim không khi em đến đạp cửa tòa đại sứ Việt Nam tại nước em đang ở để hỏi... tin tức về anh, khi em nhờ hội đoàn này, chính phủ nọ can thiệp giúp đỡ xem anh đang ở đâu, còn sống hay chết. Tất nhiên tất cả đều vô vọng. Sau này khi đã bắt liên lạc lại với em và được em cho biết các chuyện này, anh thấy em cũng y chang các hòn vọng phu sống của Việt Nam, dĩ nhiên một cách rất là... *à l'italienne,* mặc dù về danh nghĩa thì em đâu có... chờ chồng!

Phải cảm phục văn phòng CIP của Columbus, suốt mười ba năm anh đi tù họ vẫn gởi đều đặn bản tin về nhà của anh ở Sài Gòn. Có thể trong những năm đầu chính quyền Cộng sản nghi ngờ giữ lại "nghiên cứu" xem đó là tài liệu gì, nhưng sau đó thì bưu điện cứ phát đều đều. Từ năm 1988, anh về nhà, thỉnh thoảng vẫn nhận các bản tin ấy. Một hôm có lẽ vào cuối năm 1989 anh giật thót người khi đọc thấy tên và địa chỉ của em trong một bản tin vừa nhận. Lúc ấy anh thở phào và cảm tạ trời đất, thế là anh tìm ra dấu vết của em rồi. Anh biết sẽ không thể lạc em mãi mãi, nhưng không ngờ tìm thấy em một cách tình cờ như thế. Thế là anh bắt đầu viết những dòng tiếng Anh đầu tiên sau mười mấy năm, để gởi cho em. Anh nhớ chỉ độ năm sáu tuần sau đó là anh nhận được thư của em và Claudio, chồng em đã kể rằng: "Tôi thấy Christina bước vào với một cái thư trên tay, mặt tái mét, tay run rẩy, tôi phải đỡ vợ tôi ngồi xuống và bóc hộ thư. Con gái tôi trố mắt hoảng sợ, tưởng có tai nạn gì cho má." Đó là tình trạng của em khi nhận được bức thư đầu tiên ấy. Em đã tuyệt vọng về tin tức của anh. Dĩ nhiên đọc tên anh ở góc bì thư em đã xúc động cực độ, có khi em hoảng hồn tưởng bức thư đó là hồn ma của anh hiện về cũng nên!

Mấy năm kế tiếp, anh được em "nuôi" rất kỹ. Trong bức thư đầu tiên đó em đã chẳng nói: từ nay em sẽ bù đắp các thiệt thòi cho anh. Quả thế, về mọi mặt. Tất cả những gì liên quan đến chuyến đi Mỹ của anh, gia đình anh vì sợ đã đốt hết. Em khôi phục lại. Anh lại có gần đầy đủ các hình ảnh cũ chụp ở Mỹ. Em thông báo tin tức về anh cho các bạn bè khác. Ở Sài Gòn anh không tìm đâu ra cuốn "Folk Song Dân Ca" của Phạm Duy mà ngày xưa anh tặng cho em (sau 75 đã bị tịch thu và đốt hết), em liền *photocopy* nguyên cả cuốn gởi cho anh. Em cắt báo gởi cho anh các biến cố quan trọng trên thế giới. Em ra hãng du lịch mua vé đi Sai Gon thăm anh, nhưng khi xin *visa* ở tòa đại sứ Việt Nam em đã không thể trả lời trôi chảy tất cả các câu hỏi nặng tính cách "bảo vệ chính trị" của họ. Anh đã nhận đều đặn thuốc men quần áo em gởi cho, có khi còn giấu đô la trong đồ đạc. Thậm chí em còn tự tay đan cho anh một cái áo len, một điều khiến cho anh rất lấy làm lạ, vì anh vẫn nghĩ rằng đàn bà Tây phương ở thế hệ của em thì đã thất truyền cái nghề đan áo.

Như thế, cho mãi đến ngày anh đi Mỹ.

Vừa rồi anh nhận được bài báo viết khá công phu, nhan đề *"L'amitié, ce royaume...".* Người ta đã luận về tình bạn rất hay -- dĩ nhiên hay em mới gởi cho anh -- nhưng Christina ạ, sao giữa chúng ta gọi là tình bạn thì anh vẫn thấy ngờ ngợ hình như có gì chưa ổn. Dĩ nhiên chúng ta là bạn của nhau, bạn thứ thiệt, đã được thời gian, không gian thử thách đầy đủ hẳn hoi. Nhưng vì bạn bè của anh toàn là đàn ông, chỉ mình em là bạn gái duy nhất nên các bộc lộ nữ tính trong cách thương yêu săn sóc của em đâm ra "lạ," khiến anh bối rối. Ôi, nhưng mà trong cái phức hợp của tình cảm con người không nên phân tích chi li, đặt tên này nọ. Tình cảm thiêng liêng và nguyên khối, không có tên. Vì thích chẻ nhỏ ra nên mới phải đặt tên gọi để dễ phân biệt. Anh xin lỗi em vì cái tật ưa phân tích. Gọi đó là tình bạn, hay tình yêu, hay tình anh em trong gia đình thì cũng chẳng thêm bớt gì cho bản chất của nó. Thôi thì, theo giao ước của xã hội, ta cứ gọi bằng một cái tên nào đó, "tình bạn," cũng được đi, còn cái khối tình cảm giữa chúng ta thì ta cứ giữ như thế, chẳng cần định nghĩa hay đặt tên gì cả, vì mọi thứ "nguyên chất" ở đời này thì vốn không có tên.■

Irvine 3 tháng Hai, 1993

VỠ TỔ*

HOÀNG KHỞI PHONG

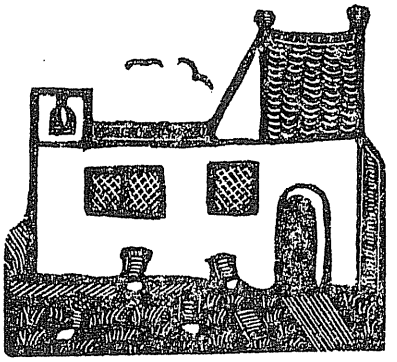

1

Đó là một căn nhà mái rạ như hàng vạn căn nhà khác trong đồng bằng Bắc Việt, căn nhà nằm ở tận cuối làng có vài khóm chuối ở đầu hồi và một hàng tre thưa bao bọc.

Gia chủ tên là Khóa Khải có thời bỏ làng đi làm ăn trên mạn ngược. Nghe đâu là buôn gỗ nhưng hình như không được khá nên về quê, toan yên phận một ông giáo làng. Khoá Khải mở trường tại nhà, gọi là trường nhưng thật ra chỉ có hơn chục đứa bé ngồi ngổn ngang trên hai cái phản, học thì ít, cãi nhau như chợ chiều. Khóa Khải ngồi nơi cái bàn gỗ tạp, căn nhà vắng như một cái mồ vì hôm đó là ngày nghỉ, hắn nhìn ra ngoài cửa sổ, thấp thoáng đằng sau lũy tre thưa, những thửa ruộng đã trĩu bông, hắn thấy lác đác đã có mầu vàng chen kẽ với mầu xanh. Mùa gặt sẽ tới khi cái mầu vàng ối của lúa có pha thêm một chút sắc hồng. Bao giờ cũng vậy mùa gặt thường lén lút tới với dân chúng bởi

Hoàng Khởi Phong là một trong số ít nhà văn của chúng ta mà mỗi sáng tác của ông mang nặng một sinh mệnh thời đại.

Truyện của ông tràn đầy hơi thở của đời sống - đã qua hay đang tồn tại - và cái hơi thở nóng hổi ấy ẩn hiện trên từng chữ, từng câu của ông. Đọc Hoàng Khởi Phong, người ta có cảm giác như đang nghe một người bạn say sưa kể chuyện đời mình, kể lại cái khoảng thời gian mà hai người xa nhau, hoặc chưa quen nhau. Câu chuyện ấy sẽ lấp vào cái khoảng trống mà ta chưa biết về bạn, chưa nghe về bạn. Câu chuyện ấy sẽ làm thành lịch sử của đời ông, đời một người bạn mà ta thấy nhiều điều chưa biết, chưa rõ, mặc dù ta đã từng có thời bá vai nhau đi chung một đoạn đường, uống chung một ly rượu... Hoàng Khởi Phong là nhà văn của những cuộc đời bị sức hút của một mặt trời luôn luôn hực nóng; nhà văn của những trận gió to kéo theo cơn bão của trời đất.

Văn chương Hoàng Khởi Phong khoẻ mạnh chứ không èo uột và gầy ốm.

Chữ nghĩa ông đứng thẳng đi tới - xăm xăm đi tới - dù ông đang nói về quá khứ.

Viết Người Trăm Năm Cũ, *Hoàng Khởi Phong lại cho người đọc thấy một công trình dài hơi mới mẻ của ông.*

Cái cảm tưởng trong khi đọc truyện Hoàng Khởi Phong giống như cảm tưởng đang nghe lại bài thơ Hồ Trường, một bài Hồ Trường khác viết cho một thế hệ hiện đại.

Tôi yêu lắm cái cách ông cư xử với chữ nghĩa. Cám ơn nhà văn đã trở lại bàn viết và tôi vui mừng giới thiệu cùng bạn đọc Thế Kỷ 21 một trích đoạn của tác phẩm mới nhất của ông: **Người Trăm Năm Cũ.**■

Nguyễn Xuân Hoàng

những tiếng rao của những người bán cốm và bán hồng dạo khắp làng.

Suốt từ sáng tới giờ Khóa Khải bồn chồn, hết đứng lại ngồi, hết ra lại vào. Hắn chưa từng bao giờ gặp tình trạng lạ lùng như thế. Hồi còn đi buôn gỗ trên mạn ngược đôi khi hắn cũng tham dự những chuyến ăn hàng của những tay buôn lậu thuốc phiện. Hắn đã từng vào sinh ra tử, bị Tây đoan lùng bắt trong những tỉnh mạn ngược vì đã nổ súng kháng cự rồi tẩu thoát mất dạng trong một lần đụng độ với toán Tây đoan. Nếu chỉ có thế chắc hắn cũng không đến nỗi phải bỏ trốn về cái nơi sinh quán còn ngái ngủ là làng Thượng Cốc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương này. Càng nghĩ hắn càng giận cái tên phản bạn chỉ điểm. Hắn cũng hơi tiếc cho viên đạn mà hắn đã tặng cho tên phản bội đã đi hơi thấp, nên tên này không chết. Hắn mỉm cười nghĩ đến một khúc ruột bị đứt và một trái thận bị vỡ. Hắn lại tiếc thầm một lần nữa, phải chi viên đạn đi thấp xuống thêm một chút nữa cho nòi chỉ điểm tuyệt tự thì có lẽ Khải còn thích hơn. Sống mà không gần được đàn bà thì chẳng thà chết quách cho rồi. Dễ chừng đã bốn giờ chiều, lẽ ra những người bạn mới của hắn phải có mặt, không hiểu có gì trục trặc không. Hắn không sợ có biến ở trong làng này, hắn chỉ lo có nguy hiểm dọc đường rồi trở tay không kịp. Bây giờ hắn mới nghĩ ra tại sao hắn nóng nẩy, bồn chồn. Hắn sợ vỡ cơ sở mà hắn đã mất cả năm trời gây dựng.

Khóa Khải nhìn ra ngoài trời, mới bốn giờ chiều mà trời như đã muốn tối. Cánh đồng im phăng phắc như chờ đợi một điều bất trắc sắp ập tới. Cái bất trắc không phải do một cơn dông mùa hè, một cơn bão rớt mùa đông, một trận lụt hàng năm. Nói tóm lại cái bất trắc ập đến không phải do trời đất, mà bởi con người dường như đang muốn thay đổi một cái gì đã bất động lâu đời. Hắn nhìn về phía chân trời, mây đen cuồn cuộn tự dưới bốc lên, dần dần dầy đặc lại như một bức tường. Trên mặt bức thành mây này, phía sau chân trời kỳ lạ thay ráng chiều đỏ rực rỡ như mầu lửa, tất cả tạo thành một cảnh sống động như một tòa thành đang bị cháy, Khóa Khải có cảm tưởng như hắn là một trong hàng ngàn vạn người sẽ châm một que đóm, một bó đuốc vào cái đám cháy rợp trời, xạm đất này. Hắn thấy cái cánh đồng im phăng phắc kia, những mái tranh xơ xác, những ngôi nhà ngói đỏ au, những người dân quê thuần hậu, chất phác đang thức dậy sau một giấc ngủ trăm năm. Thậm chí cả những ngôi chùa cổ kính, những đình đền miếu mạo đã được cất từ hồi cố Lê, nắng mưa, rêu phong bao phủ trải mấy trăm năm, ngay cả cái lăng cuả quan Án sát Nguyễn đức Nhượng, và cái lăng của quan Tuần phủ Nguyễn đức Tú con quan án, tất cả tưởng chừng đã ngủ yên hàng thế kỷ bỗng đồng loạt cựa mình. Những tượng thờ trong đình chùa, những voi ngựa đá nơi lăng tẩm, và cả vạn dân quê quay cuồng chạy đuổi. Trong trí tưởng của Khóa Khải hắn còn thấy cả trong tay mỗi người ai cũng có một cái gì để bắn, để chém, để đốt, để phá. Hắn cũng mơ hồ thấy những nấm mộ ở mả "Nàng," tên riêng của cái bãi tha ma ở đầu làng sẽ không còn ít ỏi như hiện nay mà sẽ hằng hà sa số những nấm mồ mới đắp. Bãi tha ma sẽ lan rộng tới tận chân trời, nơi mà ngay lúc này Khải thấy trên là mầu rực rỡ của ráng trời, kế đó là mây thành đen nghịt và sau cùng dưới đất chính là cuối bãi tha ma của làng Thượng Cốc. Hắn khoái trá thấy nào voi ngựa đá trong lăng quan án, quan tuần nằm lỏng chỏng đó đây, rồi bài ngà của quan Nghè Nguyễn quý Tân, thanh tra Bắc hà dưới triều Tự Đức, cũng lẫn lộn trong đám voi ngựa đó.

Đột nhiên Khóa Khải thèm có một khẩu súng, một thanh mã tấu. Nếu như hắn có một khẩu đại bác thì không biết hắn sung sướng tới mực nào?

2

Trong cái buổi chiều mà Khóa Khải bồn chồn nóng nẩy trông chờ những người đồng chí từ xa tới làng Thượng Cốc. Không xa căn nhà tranh của Khải, ngay trung tâm của làng, trong căn nhà thờ của một chi họ Nguyễn đức tiểu tôn, con cháu họ Nguyễn đang âm thầm đón đợi những ngày tháng cuối của người tộc trưởng. Đây là dòng họ lớn đã góp phần không nhỏ trong sự lớn mạnh của ngôi làng. Gọi là tiểu tôn để phân biệt với đại tôn bởi vì chi của cụ án Nhượng là chi thứ trong bốn chi họ Nguyễn nguyên thủy đã đến lập nghiệp tại làng này từ thời cố Lê. Đã mấy thế kỷ trôi qua, đã bao triều đại thay đổi, đã bao chiến trận tàn lụi, thế mà mả "Nàng" chỉ có vỏn vẹn vài chục nấm mồ vô chủ. Phần lớn dân làng đều an táng trong ruộng đất của mình, vài ba năm sau người ta bốc mộ, đem hài cốt gửi vào chùa, do đó mà bãi tha ma phần lớn là mộ của những người kiều ngụ trong làng.

Trời tối xẩm, Khóa Khải nghe tiếng chó sủa vang ở đầu ngõ, hắn nâng tấm cửa liếp nhìn ra ngòai, ba bốn bóng đen đang tần ngần trước cổng.

Hắn rảo bước qua cái sân đất nện đón khách.

Cũng vào lúc đó, nơi nhà thờ thất chi, một nhà thờ khác của họ Nguyễn đức, hiện đang đặt tại nhà ông Lý Hai. Đây cũng là nơi an dưỡng tuổi già của một vị quan khác là Thương tá Nguyễn đức Đản. Ông chính là con trai thứ hai của cụ Tuần Tú, mà dân chúng thường gọi là cụ Tuần Cốc, cụ Thương là cháu nội cụ Án. Cụ Thương về làng hưu trí đã nhiều năm, ban đầu cụ về ở tại nhà thờ tiểu tôn, mấy tháng gần đây cụ không được khỏe, cụ tự biết đã hưởng đủ tuổi trời, nên dọn về nhà riêng mà cụ đã gây dựng từ khi chưa xuất chính, căn nhà đó hiện nay do mẹ con bà Lý Hai cai quản và sẽ dùng làm nơi thờ tự cụ Thương sau này. Cụ về ở hẳn tại đây để tránh cái ồn ào huyên náo của nhà thờ tiểu tôn, nơi thờ cúng cụ Án và cụ Tuần mà hàng ngày con cháu các ngành khác ra vào tấp nập.

Đã hơn hai tháng nay, cứ chập tối là vợ chồng ông Tư lại dẫn con cái tới thăm cha già. Ông Tư là con trai thứ cụ Thương. Ông Chủ Cả và ông Lý Hai mất sớm, ông Chủ Ba làm bưu điện ở xa. Mấy người em ông Tư người thì mạn ngược, kẻ thì trong Nam, thậm chí còn có người phóng đãng giang hồ. Ông Tư biết mạng số của cha già chỉ còn đếm được từng ngày, trong hàng chục anh chị em, ông là người duy nhất còn chưa đi xa, còn ở lại nhà để phục dịch cha già trong lúc ốm đau bệnh tật. Tối nay như thường lệ, mấy đứa trẻ vào phòng vấn an ông nội xong là mắt trước mắt sau lỉnh hết, căn nhà vắng vẻ và tịch mịch lạ thường. Ông Tư đốt cây đèn măng-sông treo ở phòng ngoài xong, ông đem một cây bạch lạp lớn vào

Hà Trung

Cuối năm

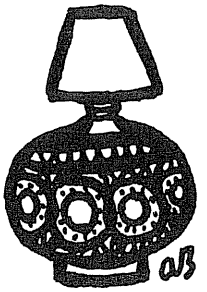

Sàn nhà trở bước,
ngày không tên.
Tiếng răng rắc gợi những cũ,
những hư hèn.

Đã lâu chữ nghĩa thành đạm bạc
như ghế bàn
sao nữa cũng quen.

Quen sống tầm thường,
quen ra vô.
Làm một kẻ của đám đông
sống nửa đùa
Có khi nửa đó là vui thật,
còn nửa kia thì... chẳng dám thưa!

Em nói làm chi chuyện tuần sau,
Cơm nước còn xoay với địa cầu.
Suốt thời con gái em từng nói
"Son phấn cần chi!
đã có ánh hỏa châu."
Hết thật rồi em!
Ruồi nhặng bu.
Mình đi chẳng bợn chút căm thù.
Mình đi! chẳng cứ quay đầu lại
mới thấy chân cầu ngập gió mưa.

Mẹ vẫn chờ em thẩm nước non
như em giờ khuya sớm trông con
như ai cầm sách bên song cửa
gió lật ngàn trang tới đoạn cùng.

phòng trong, ông kéo một cái ghế tựa tới kê ở cuối giường, ông kiểm soát lại cái bô tiểu tiện ở dưới gậm giường phòng khi cha già cần dùng tới, ông bước tới khép cửa sổ lại trước khi ngồi nhè nhẹ xuống ghế. Ông không muốn gây một tiếng động bất thường nào có thể làm kinh động cha già đang thiếp ngủ. Ông không biết là cụ Thương đã thức từ lúc mấy đứa trẻ rón rén vào phòng, cụ nằm quay mặt vào trong vách mà vẫn biết tất cả những gì đang xẩy ra trong phòng. Cụ thoáng ngậm ngùi nghĩ tới những con cháu ở xa, đợi ông Tư ngồi yên chỗ, cụ lên tiếng dịu dàng:

"Mấy hôm nay có đứa nào lên tỉnh không Tư?"

"Ông dậy rồi ạ, ông thấy trong người có khỏe không? Để con nói nhà con dọn cơm ông xơi hay ông dùng chén cháo thì bảo vợ Nghinh nó đặt bếp, ông ăn chén cháo cho nhẹ bụng ông ạ."

"Anh vẽ chuyện làm gì, thầy không thấy đói, hồi chiều thầy có ăn hai lưng cơm nên còn đầy bụng. Thằng Nghinh có ghé vào nhà dây thép không, có thư của mẹ con anh Từ ở trong Nam gửi ra không?"

"Cháu nó có ghé hỏi nhưng không có thư ở trong Nam, chỉ có điện tín của anh Chủ Ba ở Vạn Hoa gửi về, anh Ba đang thu xếp để xin nghỉ phép về thăm nhà."

"Có tin tức gì của anh Bẩy và bọn thằng Trụ, thằng Điểu, thằng Minh không? Lại còn cha con chú Tám không biết bây giờ đang làm gì, đang ở đâu?"

"Việc gì thì cũng gác lại đã ông ạ, ông chẳng nên suy nghĩ nhiều mà hao tâm tổn sức."

"Anh Tư này, từ mai anh kê thêm cái giường ngủ trong này với thầy. Tự nhiên thầy thèm có người để nói chuyện vãn. Cái thằng Nghinh này ruột để ngoài da, dặn trước quên sau, thầy có nhiều điều cần căn dặn nhưng bộ tịch cái thằng đó trông củ mỉ cù mì như mèo mà lại có tật của hổ, đi đường mà chạm mình vào cỏ gianh là quên tới cả bộ da lẫn bộ giái. Thầy tự biết chẳng còn nhiều ngày tháng. Trung thu vừa qua được một tháng phải không? Ông con mình chắc chắn còn được hưởng một cái Tết cuối cùng, còn tới vài ba tháng nữa để thầy ôn lại chuyện cũ từ thời cụ Án, cụ Tuần cho tới gần đây hồi bác Tố Cả còn sống. Nhiều chuyện để nói, nhiều việc để làm, chưa nói hết, chưa làm xong thì thầy thật không yên tâm mà đi chầu các cụ được."

"Ông còn thọ chán, hai năm nữa lũ chúng con sẽ làm lễ thọ bẩy mươi thật linh đình, ông còn thọ cho tới ngày em Lăng, em Bẩy trở về. Lúc đó tụi con còn làm bát tuần đại khánh như ngày xưa con cháu đầy nhà, chật ngõ. Ông có muốn nghe truyện không? Để con đọc Tam Quốc hay Đông Châu ông nghe?"

"Thôi, thầy chẳng còn bụng dạ nào mà nghe sách được, khuya rồi anh về nghỉ, ngày mai nhớ kê giường sang đây ông con mình kề cận một thời gian."

"Con chưa buồn ngủ, để con ngồi với ông một lát nữa hãy hay. Con ra ngoài gọi cháu vào bóp chân cho ông."

"Phải rồi, gọi thằng Văn, thằng Duy hay thằng Quang, những đứa khác thầy không khiến chả bõ ngứa chân."

3

Bốn người đàn ông ngồi chụm đầu vào nhau nơi cái bàn gỗ tạp, một người đàn ông thứ năm cùng hai người đàn bà nữa ngồi ghé trên mép phản, tất cả đều ăn mặc theo lối nhà quê, ngoại trừ một người đàn ông độ ngoài ba chục, khuôn mặt có một chút giảo quyệt, đôi mắt lúc nào cũng đảo qua đảo lại. Người này mặc một cái quần kaki Nam Định, một cái áo sơ-mi trắng, cổ tay đeo một cái đồng hồ thỉnh thoảng lại vén tay áo lên coi giờ. Khóa Khải là người điều khiển phiên họp nhưng hình như người đàn ông mặc âu phục mới chính là người chủ chốt. Anh ta ít nói chỉ lên tiếng mỗi khi Khải vấp váp, những người khác ngồi nghe chăm chú. Ngoài kia gió cuối thu xào xạc trên những tầu lá chuối đầu hồi. Trời nhờ nhợ dưới ánh sao. Đêm thôn dã như bất tận. Một tiếng chim lạc đàn vang trong sương, tiếng chó sủa gióng một, tiếng mõ vọng từ điếm canh đầu làng. Tất cả những âm thanh trên là những nốt nhạc bất thường trong bản hòa âm yên lặng của đêm quê trong làng Thượng Cốc.

Khóa Khải nhấp một ngụm nước để thấm giọng trước khi lên tiếng:

"Phần báo cáo công tác của huyện Gia Lộc đã tạm đủ, thay mặt cho toàn thể các anh em hiện diện cũng như đang công tác kính xin đồng chí đại diện tỉnh bổ túc cho những sai lầm và chỉ thị công tác mới nếu có."

Người mặc âu phục sửa lại dáng ngồi, bí danh anh ta là Lê Tiến, không một ai ở đây biết tên thật của anh ta.

"Tôi vừa tới đây chưa đầy ba giờ đồng hồ. Nghe các đồng chí báo cáo làm sao thì biết làm vậy, tôi cần thì giờ để tìm hiểu và điều nghiên công tác. Cấp trên muốn tôi công tác tại chỗ một thời gian, các đồng chí có thấy trở ngại gì trong trường hợp tôi phải nằm lại đây một thời gian chừng hai ba tháng. Có nhà đồng chí nào rộng rãi mà lại

kín đáo hơn nhà đồng chí Khải không?"

Khóa Khải ngập ngừng trước khi lên tiếng:

"Nhà tôi không tiện vì mấy đứa nhãi ranh tới học mỗi ngày, cũng chỉ là một việc làm che mắt những tên tò mò tọc mạch, tôi đã liên hệ tốt với bọn hào lý ở đây cho tiện việc đi lại. Giá đồng chí trước khi về đây cho chúng tôi biết sẽ ở lại lâu để chúng tôi thu xếp nơi ăn chốn ở sẵn cho tiện bây giờ bất ngờ quá, hay đồng chí nghỉ tạm đây đêm nay, ngày mai sẽ thu xếp để đồng chí có môt chỗ chắc chắn hơn."

Đột nhiên có tiếng chó sủa ầm ĩ ở ngoài cổng, rồi tiếng roi vụt nghe một tiếng khô khan trên mình con vật, con chó rên ư ử rồi cúp đuôi chạy tọt vào nhà, đồng thời ngoài ngõ vang lên một giọng lè nhè, tưởng chừng như men rượu cũng theo với con chó lọt vào trong nhà. Đó là tiếng của gã trương tuần, người làng thường gọi là Trượng Hí mặc dù gã cũng có một cái tên khá đẹp là Bùi văn Vượng, ngoài cái việc làm trương tuần, thỉnh thoảng gã còn chứa bạc ở trong nhà. Gã có một cặp mắt nhỏ như sợi chỉ. Lúc nào gã cũng kè kè cái roi trong tay, nếu không có tật rượu chè thì gã cũng có thể là một người chồng, một người cha như mọi người bình thường khác. Khóa Khải đưa mắt nhìn mọi người, hắn chồm tới toan thổi tắt ngọn đèn thì người mặc âu phục ngăn lại:

"Đừng tắt đèn, tất cả mọi người vào trong, đồng chí Khải ra ngoài đón nó, đừng cho vào nhà."

Trương Hí vẫn lè nhè ngoài cổng, gã ngứa tay vụt cái roi tới tấp vào một tầu lá chuối :

"Nhà Khải có nhà không ra ngoài này mà nhận việc làng. Gớm làm vương tướng gì mà

Trần Mộng Tú

Chân dung

gửi NXH

Hạt bụi trên quê hương ngày cũ
Theo vai áo chàng đến nơi đây
Cọng rác thuộc về thành phố đó
Chàng còn nắm chặt ở trong tay

Chữ nghĩa dán bùa lên đời sống
Yểm chàng vào giữa một vòng quay
Sợi dây ngũ sắc cơn đồng thiếp
Có vướng chân người đi trên mây

tháng Giêng, 1993

Sợi thời gian

Một năm lại đi qua
Các con ngày ngày lớn
Vợ chồng tháng năm già
Chàng tóc mai trắng xóa
Em chớm nhăn mặt hoa

Vé khứ hồi không bán
trên chuyến xe thời gian
Những toa tầu băng ngang
lạnh lùng quên đường sắt

Mái nhà loang rêu xanh
Gốc đào ngày một cỗi
Khi về bước chân xiêu
Như hàng rào đến tuổi

Tựa cửa nhìn dẫy núi
Cánh vạc bay lưng trời
Giơ tay vuốt mái tóc
Một sợi thời gian rơi

nuôi nhiều chó thế, có cần riềng, mẻ với lá mơ cứ hô lên một tiếng là tớ chu đáo ngay."

Gã lẩm bẩm trong miệng: "Nhất vện nhì vàng tam khoang tứ đốm, rặt là cờ tây mà không hạ, nuôi tốn cơm mà lại còn điếc ráy xóm giềng." Khóa Khải từ trong nhà bước ra, giọng gã ráo hoảnh:

"Làm gì mà hô hoán ầm ĩ nhặng xị cả lên hở bố trẻ. Việc gì thì cũng sáng mai hãy hay, tớ còn trốn đi đâu được. Đã cáo chết ba năm quay đầu về núi mà còn không yên thân thì chẳng thà hồi đó chết dấm chết dúi trong xó rừng còn tốt hơn là về cái làng rặt mùi phong kiến này. Nào có việc gì mà bố trẻ phải đang đêm lặn ngòi ngoi nước tới tận cái ổ chuột rìa làng này?"

Trương Hí cắp cái roi vào nách, gã giương cặp mắt nhìn gườm gườm vào mặt Khóa Khải, gã đi vòng quanh, bộ dạng giống hệt một con gà trống đang gạ mái, gã vừa hả họng ra là Khóa Khải thấy hơi rượu sộc vào mũi gã:

"Người ta đồn hồi chú mày buôn gỗ trên rừng chú mày có buôn cả thuốc phiện phải không, cứ trông cái bộ tịch lầm lì thì chú mày dám đi ăn cướp nữa là khác. Từ ngày về đây đã dò được đám nào chưa. Chú mày liệu cái thần hồn, giở quẻ ở đâu thì tao không biết mà cũng không cần biết, chớ mà giở quẻ ở cái làng này. Tao truyền đời báo danh cho biết kẻo không sau này lại oán là không nói trước."

Khóa Khải cười cầu tài, gã vồ vập lấy Trương Hí ra điều thân thiết như bạn cố tri đã lâu không gặp, cặp mắt gã láo liên, lấm lét như sợ có người thấy nhưng đêm vẫn lặng như tờ, cả lũ chó của nhà gã thấy có bóng chủ đã hết sợ lảng vảng lại gần. Gã choàng vai Trương Hí kéo ra xa khỏi cổng nhà gã, miệng liến thoắng:

"Gớm bố trẻ đừng có mà vu oan giá họa, kẻo mà đàn em mất đầu chứ không bớn. Các cụ quan viên trong làng thì giơ cao đánh khẽ, nhưng nhà nước bảo hộ thì không đùa được, xử bắn như chơi. Bố trẻ muốn vàng thì có vàng, muốn vện thì có vện, muốn rượu thì nếp tẻ gì cũng có, đừng có bô bô cái miệng các cụ tưởng thật thì đàn em đến bán xới cái làng này mà đi ăn mày.

Thôi khuya rồi về mà ngáo đi bố trẻ, cứ rượu này thì chắc không lê nổi về nhà hay là ra điếm canh ngủ tạm đêm nay thì đàn em dìu bác đi. Không có vợ thì về nhà làm gì ra điếm canh tán phét với mấy cậu trai làng mới lớn mà lại thích hơn. Nốc cho lắm vào, đêm nay tha hồ mà thượng thổ hạ tả."

Khóa Khải xốc nách Trương Hí đi về phía cuối làng, điếm canh cách nhà gã không đầy hai trăm thước mà ì ạch mãi cả nửa giờ sau gã mới trở về tới nhà. Gã bước tới cái chum nước đầu hè múc nước rũ cho sạch rớt rãi mà Trương Hí vấy vào người gã. Gã ngửa mặt nhìn trời cao, đêm thu hơi lành lạnh, trăng hạ tuần đã lên cao cỡ một cây sào, sao đầy trời khiến cho cảnh vật bớt âm u gã thấy những ngọn tre lay động sào sạc, những tầu lá chuối lấp lánh sương đêm. Tiếng côn trùng vang rền như bất tận, tiếng dế nỉ non. Gã quày quả bước vội vào nhà khi một tiếng cú rúc não nề vang lên trong đêm tối.

4

Thằng Quý nhẹ nhàng lách ra khỏi cổng phụ. Cái cổng chính lớn như một cái cổng chào đã không mở từ mấy tháng nay. Nó nhớ cái ngày cha nó hạ lệnh đóng cổng chính lại thì không phải chỉ có riêng nhà nó, mà hầu như tất cả mọi nhà đều đóng kín cổng bởi vì trong làng có quá nhiều người lạ mặt ở đâu tới xin ăn. Ban đầu họ xuất hiện lẻ tẻ, dần dần đông hơn có khi đi thành đoàn cả chục người, thường là một gia đình, có khi hai ba gia đình cùng bồng bế, dìu dắt nhau trên con đường chính lát đá của làng Thượng Cốc. Ban đầu những người lạ mặt chỉ xuất hiện xin ăn ban ngày, rồi có những người lười biếng hay có khi đói quá không đủ sức chịu đựng đường xa liều lĩnh chui vào đình, chùa ngủ vạ vật chờ sáng ra sẽ đến được những nhà giầu phát chẩn sớm hơn. Cuối cùng hầu hết những người này đều tìm một chỗ trú ẩn tạm trong cái làng trù phú này.

Thời gian này nhà cụ Huyện Bẩy phát chẩn liền ba tháng, cụ Huyện ông đã mất từ mười lăm năm trước, rồi từ đó tới nay cụ bà ăn chay trường và tu tại gia. Lúc nạn đói bắt đầu có vẻ âm thầm, bởi vì nó tác hại ở xa, mãi tuốt Nam Định, Thái Bình. Mới đầu chỉ là chết dấm chết dúi nơi đầu hè xó chợ trong những làng quê hẻo lánh nghèo nàn, dần dần số người chết nhiều hơn. Ban đầu như là người chết còn tự ái, còn xấu hổ, còn tìm chỗ khuất nằm co quắp vì đói và lạnh, cho tới lúc thiếp đi rồi ngủ yên vĩnh viễn với một cái dạ dầy lép kẹp. Khi người đói quá đông, người ta không còn xấu hổ nữa, không chịu thúc thủ chờ chết nữa. Người ta sục sạo tìm tòi moi móc tất cả những gì có thể ăn được, nhai được, nuốt được, thậm chí có thể mút được, để lừa dối cái dạ dầy, để dỗ một giấc ngủ, để khỏi phải nhìn vợ con lả đi vì đói. Đói thì đầu gối phải bò,

đó mới chỉ là đói có một mình, còn như đói cả nhà, cả họ, cả làng thì người ta túa đi tới bất cứ nơi nào để có một cái gì đó cho vào mồm. Do đó có những làng hoàn toàn bỏ hoang. Những người còn ở lại là những người không còn sức để lê đôi chân không còn bắp thịt, những người đó sẽ nằm chết tại nhà, khi chung quanh họ không còn một củ chuối, một cọng rau, một khóm cây một ngọn cỏ họ sẽ lên giường, lên trống, lên phản của họ, đắp một manh chiếu đón đợi cái chết một cách từ tốn mà vững chắc không thể nào thoát. Dẫu sao họ còn được chết ở cái nơi mà họ hằng sống.

Còn những người đã cất bước đi, mười phần may ra chỉ được một hai trở về. Họ chết ở khắp nẻo đường, có người đã chết ở một nơi mà khi còn sống họ chưa bao giờ đặt chân tới, dẫu cho nơi đó chỉ cách nơi họ đã sinh sống, cầy bừa, cuốc sới không đầy năm mươi cây số.

Nhà cụ Huyện Bẩy bắt đầu phát chẩn khi Trương Hí và đám tuần đinh trong làng phát giác ra cái tử thi thứ mười hai trong ba ngày ngắn ngủi. Như thường lệ mỗi buổi sáng từ điếm canh trở về nhà, Trương Hí hay sục sạo, hắn thì làm gì có công việc nào khác để làm ngoài việc làng, mà về cái túp lều quanh quẽ đó còn làm gì hơn là ngủ.Hắn la cà ở chợ thì cũng chỉ được tới xế trưa là chợ đã tan, hắn lò mò tới chỗ cô đồng Thọ thì bị đuổi như đuổi tà. Gọi là cô vì làm nghề đồng bóng chứ thật ra cô đồng Thọ chẳng những có vợ mà đến hai vợ, một ở ngay tại làng Thượng Cốc này, còn một người nữa dường như được giấu ở trên tỉnh. Trương Hí với cô Đồng Thọ như là được trời sinh ra để trái ngược nhau từ hình dạng tới tính nết, do đó hễ không có việc thì tất nhiên Trương Hí phải mò đến chỗ nào hắn cà khịa được.

Buổi sáng đó sau khi bị cô đồng Thọ đuổi như đuổi tà, Trương Hí lang thang đến chỗ lăng cụ Án. Hắn phát giác có người nằm ngủ ở trong. Gã hô hoán, quát tháo vì trong làng này ngay cả hắn trong những cơn say nghiêng trời lệch đất, đi ngang qua đây chỉ cần đẩy mạnh một cái là mở được cổng, là có thể đánh một giấc ngủ trưa mát như đàn mà hắn chưa hề nghĩ đến việc ngồi nghỉ ở chỗ trang nghiêm này. Thế mà có tên trời đánh nào ở đâu đến đây thật là coi trời bằng vung dám nằm thượng ngay bên cạnh mộ cụ Án. Trương Hí thấy quát tháo không có hiệu quả, gã hầm hầm bước vào chẳng nói chẳng rằng, sẵn cái roi gã quất một cái cật lực. Tới lúc đó gã mới biết là gã vừa mới quất một cái thây ma. Gã quăng cái roi xuống đất, chạy ba chân bốn cẳng về báo cho ông lý trưởng.

Khi câu chuyện loan tới nhà cụ huyện, cụ sai người con lớn là ông Kỳ lúc đó đang làm việc ở Hà nội vừa về thăm mẹ. Ông Kỳ cùng với vài người nữa trong họ đi chôn con người vô phúc chết đường chết chợ đó. Cụ huyện ông là em cụ Thương và cũng là cháu nội cụ Án.

Ngay hôm đó nhà cụ Huyện thổi những nồi cơm to, mở rộng cổng phát chẩn cho những người bị trời làm hạn hán, bị người bắt người sưu cao thuế nặng, bị cấm điều này, bị buộc điều khác đến nỗi phải bỏ nhà cửa vợ con tha phương cầu thực tới độ bỏ xác giữa đường. Ban đầu cụ Huyện còn cho nấu cơm thường, mỗi người không kể lớn bé là hai bát đầy. Về sau đông quá mỗi người chỉ còn một nắm cơm thật chặt to bằng nắm tay, hết gạo thường sang qua gạo đỏ. Tới tháng thứ hai thì chỉ còn nấu cháo mỗi người một chén. Lúc đó trong làng Thượng Cốc không phải chỉ có một nhà cụ huyện phát chẩn, những nhà khá giả trong làng phần lớn là thuộc họ cụ Án, cụ Tuần và họ cụ Nghè Tân, đều theo gương cụ Huyện. Người đói kéo tới quá đông, đi lũ lượt thành từng đoàn dài, hết cổng nhà này tới cổng nhà khác, ban đầu còn lảng vảng ở cổng, dần dần bạo

Thiện Hỷ

Khúc nhạc xưa

Lắng nghe trọn khúc Nam-Xuân,
Cảm thương nỗi tủi Chiêu Quân sang Hồ.
Bình-bán-vắn một trời thơ
Hoài-lang còn vẳng bên bờ môi em.

dạn hơn đi sồng sộc vào cả trong nhà, đào bới ở trong vườn, lội cả xuống ao bèo vớt rau muống, nhà nào cũng bị dòm ngó, vườn nào cũng tan hoang. Tới độ những nhà có phát chẩn chỉ mở cổng mỗi khi chia cơm cháo, có nhà ít người thì đem nồi cháo loãng ra ngoài cổng, múc sẵn mấy chục bát sành cho tới vét nồi rồi ai đi qua cũng chỉ được môt chén hoặc là húp tại chỗ hay có đồ đựng thì trút mang đi. Hồi đó tại nhà ông Tư, cha thằng Qúy đã có một người vì đói quá lâu tới khi được nắm cơm gạo đỏ chắc như một nắm tay đã ăn vội tới độ như nuốt trửng phần thì bị nghẹn, lại thêm dạ dầy đã lâu không làm việc đột nhiên phải nghiền một thức ăn cứng quá nên vừa ra khỏi nhà ông Tư chưa đầy trăm bước đã ngã xuống bất tỉnh. Có người đi xin hết nhà này qua nhà khác để dành trong bị ra đình ngồi ăn một lần, nào ngờ khi sống thì những ngày cuối cùng đói đến lả người, đến khi chết thì lại chết vì bội thực

Thế rồi nạn đói qua đi, trong làng Cốc không một ai chết vì đói, cũng may nó kéo dài không lâu thì đã đến mùa gặt mới. Bãi tha ma của làng có thêm vài chục ngôi mả vô chủ. Đó chỉ là những người chết ban đầu, đất đâu mà có thể chôn riêng từng người khi mà người ta chết như rạ. Về sau người làng đào một cái hố thật to, mỗi hôm phủ lên một lớp vôi trắng thật đầy đủ để che kín những xác vừa mới tới, khi đầy thì lấp đất thành một ngôi mộ thật to chỉ có khác là người ta lấp bằng với mặt đất. Như thể nếu vun cao như một ngôi mộ bình thường thì đó là một ngôi mộ quá vĩ đại. Nó lớn như nỗi buồn của tất cả những người nằm bên dưới. Nó gợi đến những nỗi đau không bao giờ phai. Không phải của những người nằm dưới và đã chết mà là nỗi đau của những người chứng kiến, của những người còn sống ở làng Thượng Cốc đã tận lực mở rộng kho lẫm tới độ có nhiều nhà chỉ còn thóc giống để gieo mạ cho mùa tới. Dẫu cho nạn đói đã qua và trong làng không một ai ngã xuống, người làng Cốc vẫn thấy một cái gì ám ảnh, nó đè nặng trên ngực của nhiều người. Do đó không thể nhìn thấy một ngôi mộ vĩ đại, cho dù ngôi mộ đó là chứng tích của lòng nhân thì nó cũng là biểu hiện của sự bất lực cũng như nỗi đau lòng không thể nguôi ngoai được. Ngôi mộ phải lấp bằng rồi thời gian sẽ làm công việc tẩy uế sau cùng nơi lòng mỗi con người.

Nạn đói qua đi, bề ngoài nó không ảnh hưởng gì tới làng Cốc, vốn đã trù phú từ mấy thế hệ. Nhưng những người lớn tuổi thì nghiệm được một điều cái vẻ thanh bình thời trước không còn nữa. Như thể ngôi mộ vô chủ vĩ đại kia dẫu cho có muốn lấp bằng để không nhìn thấy vẫn âm thầm nhưng mãnh liệt báo trước những thay đổi không thể cưỡng lại đang tiến lại gần cổng làng Thượng Cốc.

Đối với những người lớn tuổi trong làng họ mơ hồ thấy nạn đói chẳng qua chỉ là một dấu hiệu báo trước của một đại nạn sẽ ập tới. Như thể một trận lụt. Có điều lụt lội tuy là thiên tai gây ra bởi trời đất còn có thể ngăn ngừa chống đỡ, còn có đê điều cản bớt đà nước dâng cho con người có được một khoảnh thời gian thu dọn những gì cần thiết cho tính mạng con người trong cơn đùa giỡn của hoá công. Nói cho ngay với lụt lội, hạn hán, bão tố bề gì con người còn có một chút nhỏ kinh nghiệm, còn có thể vùng vẫy, cựa quậy, nới lỏng cái xiết tay nghiệt ngã của định mệnh. Bởi vì con người luôn nơm nớp đề phòng. Qua nạn đói những ông già bà cả trong làng mơ hồ thấy một cái gì khác thường đang âm thầm tới. Nó bổ vây tứ phía, nó trùm lấp chẳng những làng Cốc mà tới tận chân trời, dẫu có cánh cũng không bay thoát, dẫu có đào đất mà chui thì cũng vẫn ở trong vì sức đâu mà đào tới tận chân trời. Họ thì thầm bàn tán với nhau, không một ai biết đích xác cái gì sẽ tới, lúc nào sẽ tới. Họ đều đồng ý với nhau một điều có một cái gì đó vô cùng lớn lao, to tát đang tuần tự diễn ra. Mọi biện pháp đề phòng đều vô ích bởi vì không một ai gọi đúng được cái tên của sự đổi thay này, họ chỉ làm được một điều duy nhất là cầu trời khấn Phật, tu nhân tích đức bởi vì họ cùng mơ hồ nhận được một điều những gì sẽ tới gây ra bởi con người chứ không phải là một cơn giận hờn vô căn cứ của trời đất. Họ lặng nhìn lũ con cháu nhởn nhơ vô tư lự trong khi những vực thẳm sẽ đột ngột hiện ra và nuốt trửng những con người.

Nhà ông Tư người con trai của cụ Thương hiện đang chăm sóc cha già cũng như nhiều nhà khá giả khác trong làng Cốc từ nay đóng cổng im ỉm. Những đám mây thành mỗi buổi chiều như dầy đặc hơn, ráng trời làm như rực rỡ hơn và ban đêm nhiều tiếng cú rúc hơn, dơi và quạ ở đâu ra mà nhiều đến thế. Trong bóng đêm không phải chỉ có một mình Trương Hí và bọn tuần đinh trong làng chuyên bắt nạt chó. Có những bóng ma lẩn quẩn ở mả Nàng và những bóng đen khả nghi lảng vảng ra vào nơi nhà Khóa Khải.■

** Trích Người Trăm Năm Cũ*

YOSEMITE VÀ GIAI ĐIỆU ÁNH SÁNG

NGÔ THANH TÙNG
Thế Kỷ 21, Alameda

Tinh ý một chút, bạn sẽ chứng kiến liên tục từ bình minh đến khuất bóng, nghệ sĩ Trời, dùng tiếng suối rừng, tiếng thác nước làm thềm nhạc, vung gậy điều khiển "ban đại hòa tấu"...

Thác Yosemite Falls (Ảnh NGÔ THANH TÙNG)

Nhiếp ảnh gia nổi tiếng Hoa Kỳ của thế kỷ XX, (cũng là một dương cầm gia, và một cây bút nhiếp ảnh tên tuổi) *Ansel Adams*, chụp ảnh và dạy nhiếp ảnh tại Yosemite, công viên số một của California, trên 45 năm, đã viết: *"Mỗi lần trở lại công viên Yosemite, tôi thấy trong tâm hồn tôi lại trỗi lên một nhạc khúc lâng lâng, vô tận."* Ông từng là một nhân vật cột trụ của *Sierra Club*, tổ chức tranh đấu bảo vệ sinh môi khắp lãnh thổ Bắc Mỹ. Đọc đoạn văn trên của ông, thấy không khác văn Nguyễn Hiến Lê, tả những giây phút vào thăm đền đài cổ miếu đất Thăng Long: *"hễ bước vào là lòng tôi rung động nhè nhẹ một cách tuyệt thú."*

Công viên Yosemite rộng 760,951 mẫu, được nâng thành công viên quốc gia (National Park) năm 1855, có vô số sông suối, núi, đồi, hồ, vũng... không sao đếm nổi, và hàng ngàn dặm đường mòn cho dân lội bộ, trên bản đồ, chi chít như gân máu. Theo tôi, những du khách viếng Yosemite, chỉ biết sơ mặt ngoài như: thăm Thung lũng công viên hai ba giờ; chụp ảnh các quả núi trọc, *El Capitan, Half Dome;* vào thăm sơ sài chân thác nước cao nhất thế giới *Yosemite Falls;* lên Đỉnh Hàn Băng *Glacier Point*, ngắm mây ngắm núi chừng nửa giờ; lái xe dọc theo mấy con suối lớn; và du lãm qua loa con *đường 120* Tioga Pass, thế là

hết tua. Như vậy cũng mất một ngày rồi. Muốn thưởng thức trọn vẹn Yosemite, thiết tưởng phải mang ba lô, túi ngủ, thực phẩm bốn năm ngày đường, cùng vài bạn đồng hành, lặn lội vào vùng Đông Bắc *Tuolumne,* thăm những thác nước, hồ, thật hẻo lánh trong vùng này. Trèo vài ngày trên những đường mòn dọc sườn núi. Hoặc, nếu quá lười, ít ra cũng phải nằm đọc sách vài ngày trên Đỉnh Hàn Băng, hay lặn lội sâu vào hai bên đường con lộ 120 vài ngày... may ra mới khám phá thêm vài phần cái hùng vĩ của công viên này.

Đường Lên Yosemite

Có bốn đường vào công viên:

1. Lối Đèo Tioga *"Tioga Pass entrance"*, dùng đường 120 W đến từ phía Đông, dùng xa lộ 395 S qua thị trấn Lee Vining, đến Mono Lake, sẽ thấy bảng 120 W Yosemite, quẹo vô. Đó là con đường dễ đi nhất, cả đối với cư dân Bắc Cali. Đường này đóng vào mùa Đông.

2. Lối Tổ Xồi phía Tây *"Big Oak Flat entrance"*, dùng đường 120 E qua hai thị trấn *Buck Meadows* và *Hardin Flat*, vào cửa công viên nhìn ngay thấy Núi Hói *Balk Mountain,* cao 7,261 bộ. Lối này cũng đóng vào mùa Đông.

3. Lối Thạch Đình phía Tây *"Ark Rock entrance"*, cách thị trấn *Merced* 67 dặm, Hạt *Mariposa.* Lấy 140 E. Phải lái qua mấy chục dặm đường đèo, mệt ngất ngư.

4. Lối Cửa Nam *"South entrance"*, bằng đường 41 N, qua *Sugar Pine*, và *Fish Camp.* Cửa này cách thị trấn Fresno 59 dặm. Đường 41 cũng là đường đèo tẻ nhạt. Cư dân Nam Cali, vì cách Yosemite khá xa, không được chọn lựa, cứ phải lấy 41 N. Trái lại cư dân Bắc Cali, được chọn giữa 2, 3, và 4.

Hai lối vào 3 và 4 mở quanh năm. Mùa Hè, từ Thung Lũng Hoa Vàng, Bắc Cali đi, lấy 580 E đi Tracy, 5 N, 120 E vào lối Tổ Xồi. Đây là đường ngắn nhất, có 50% đường đèo, cách San Jose khoảng 170 dặm, gần bốn tiếng đồng hồ và phải qua bốn thị trấn: Tracy, Manteca, Oakdale, và Yosemite Junction. Mùa Đông, lối vào 120 E này đóng vì nhiều tuyết, bạn bắt buộc phải lấy 580 E, 5 S, 132 E, 49 E, và 140 E vào cửa Thạch Đình, phải lái qua bốn thị trấn: Modesto, La Grange, Coulterville, và Mariposa, xa trên 200 dặm, 5 tiếng đồng hồ, vì 70% là đường đèo, vật lộn với tay lái mệt khướt. Từ Nam Cali: lấy 5 N, 99 N, 41 N vào cửa Nam, lái qua Fresno, mất gần sáu tiếng.

Tôi xin chia công viên Yosemite ra bẩy tiết mục thích thú:

1. Mariposa Grove
2. Glacier Point
3. Đường Xuống Yosemite Valley
4. Thung Lũng Yosemite Valley
5. Giai Điệu Ánh Sáng
6. Mỹ Cảnh Lộ 120 - Đèo Tioga Pass
7. Vùng Tuolumne.

1. Rừng Tùng Bách bốn ngàn năm Mariposa Grove

Giả thiết bạn vào công viên bằng đường phía Nam, lệ phí $4 một xe, vé có giá trị một tuần. Tại cửa, bạn được phát bản đồ và tài liệu. Bạn nhớ giữ vé, dán vé vào kính xe cho chắc ăn, vì nếu lúc ra về, không xuất trình được vé, sẽ phải trả tiền thêm một lần nữa. Quẹo phải, bạn sẽ vào thăm vườn *(grove)* đại thụ 4,000 năm cây thông *Mariposa.*

Cây Mariposa là loại thông hay tùng bách *"sequoia"* vĩ đại nhất nước Mỹ. Người ta kiểm kê cả nước, chỉ còn 75 cây. Đón chào ngay lối vào là cây thủng ruột tên *Wawona Tunnel Tree*, vì lớn quá, bị đục một lối đi ô vuông giữa thân cây, năm 1881, cho xe hơi qua lại. Cây sequoia thứ hai tên *Grizzly Giant*, lớn nhất trong công viên, đứng hàng thứ năm trong hoàn vũ, sống gần 4,000 năm, vẫn sản xuất hột thông đều đều. Hai cây đàn em là *Corridor Tree,* và *Clothespin Tree*, đứng hầu nghiêm chỉnh cạnh đó.

2. Đỉnh Hàn Băng "Glacier Point"

Trở ra khỏi Mariposa Grove, lái về hướng Thung lũng Yosemite, chừng 5 phút, bạn sẽ thấy lối lên Đỉnh Hàn Băng *Glacier Point.* Đây là đường trải nhựa nhỏ cho đủ loại xe, leo 16 dặm núi, đến điểm cao nhất công viên. Đỉnh Hàn Băng cống hiến hai góc độ, bao trùm hầu hết những đỉnh núi cao trong vùng: *Half Dome, Nevada Fall, North Dome, Cathedral Rock, El Capitan.* Đây là một khu vực lý thú. Du khách nên lưu lại thật lâu trên đỉnh, ăn trưa, uống cà phê, nhâm nhi chén trà, để chứng kiến sự thay đổi ánh sáng kỳ thú trên các đỉnh núi, và nghĩ đến câu Đường thi "Bạch vân thiên tải không du du," "Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay."

3. Đường vào Thung Lũng Yosemite Valley

Xem mây, xem núi, chán chê, bạn trở xuống chân đỉnh Hàn Băng, quẹo phải, là lối vào Thung lũng Yosemite. Vừa qua hầm, bạn sẽ dừng lại trên bãi đậu: *Tunnel View.* Nhìn về hướng Đông Bắc, bạn sẽ thấy Đỉnh *El Capitan*, cao 7,569 bộ. Cạnh núi là thác nước trắng xóa *Yosemite Falls.*

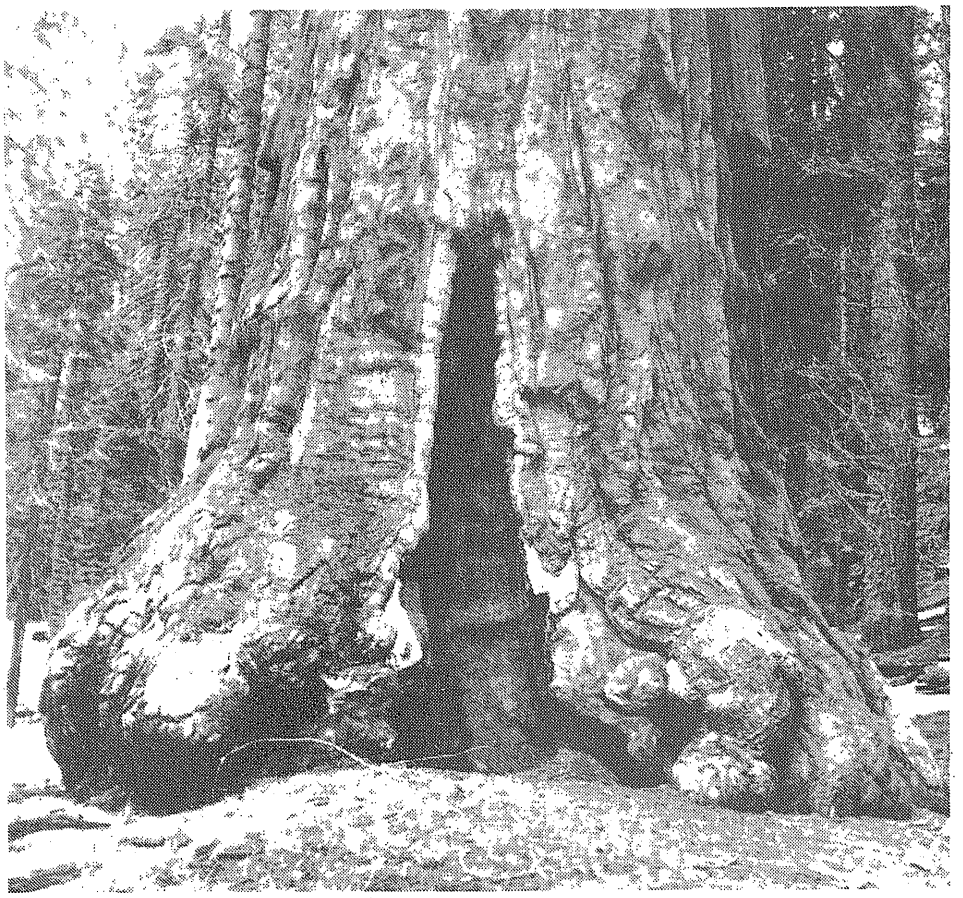

Thông Mariposa 4000 năm (Ảnh NGÔ THANH TÙNG)

Tiếp tục lái trên con đường quanh co, tuyệt đẹp đó, lại có nhiều chỗ đậu xe ngắm núi mà ít du khách cưỡng được sự thúc dục phải dừng xe nhiều lần trước những cảnh trí hùng vĩ, để sau đó vào Thung Lũng Yosemite Valley, một trung tâm du lịch vô cùng nhộn nhịp, kẹt xe khủng khiếp vào mùa hè.

4. Thung Lũng Yosemite Valley

Thung lũng rộng mênh mông, chia ra sáu khu:

1/ **Curry Village**, siêu thị, nhà hàng, bán kỷ niệm phẩm.

2/ Khu cắm trại **Campground: North Pines-Lower Pines-Upper Pines**, nằm đối diện với Curry Village.

3/ Khu cắm trại **Campground: Lower River-Upper River** cạnh đó.

4/ **Yosemite Village, Visitor Center**, Bệnh Xá, Khách Sạn

5/ **Lower Yosemite Falls**, Thác Nước

6/ **Yosemite Lodge**, cabin, cây xăng.

Tại đây, bạn nên vào Trung tâm Du lịch *Visitor Center,* mua thêm bản đồ chi tiết về công viên, đổ xăng, hoặc chụp ảnh kỷ niệm. Đây là một vùng khá rộng, gồm: sông *Merced River,* rất nhiều suối, và cầu. Bãi *Bridal Veil Meadow*, nhiều cỏ hoa, cho phép du khách nhìn lên đỉnh các quả núi, và thác nước cao nhất thế giới *Yosemite Falls. Mirror Lake,* cũng như Thác *Yosemite Falls* là hai danh thắng đòi hỏi bạn đậu xe từ ngoài, lội bộ vào, mỗi nơi cũng mất một giờ đồng hồ. Và nhiều cảnh đẹp khác, đòi hỏi du khách phải lội bộ từ một tiếng đồng hồ đến cả ngày đường: *Merced Lake*, đi nửa ngày; *Yosemite Creek*, nửa ngày; *Buck Camp,* hơn một ngày đường v.v...

5. Cuộc Đại Hòa Tấu "Giai Điệu Ánh Sáng"

Nếu bạn lưu lại ít ra là một ngày, tại Thung lũng Yosemite, bạn sẽ thấy nơi đây khá đầy đủ tiện nghi. Vào một thời điểm ít du khách, bạn sẽ nhàn tản, bách bộ trên bờ sông Merced, nghe tiếng suối reo bên cầu, nhìn lên vách núi bao vây toàn vùng. Tinh ý một chút, bạn sẽ chứng kiến, liên tục từ bình minh đến khuất bóng, nghệ sĩ Trời, dùng tiếng suối rừng, tiếng thác nước làm thềm nhạc, vung gậy điều khiển ban đại hòa tấu, dùng một loại nhạc "ánh sáng", quét vào vách núi xám nhạt, tạo những mảng thanh sắc, những chùm sáng, va bật từ vách núi này sang sườn núi kia, dội vào lòng khách du những âm thanh kỳ bí. Ánh sáng trong vắt, sau khi hòa tấu trên không gian, đẩy trôi nhè nhẹ những cụm mây trắng như bông. Ánh sáng rơi phủ trên những ngọn thông cao vút, chiếu xuống rừng cây tùng bách san sát, thẳng tắp như những mũi lao. Ánh sáng ra vào lá thông, làm bật lên những mảng xanh thẫm ướt sương, lóng lánh kim cương, rồi quyện lấy làn khói mỏng từ những đống lửa trại bên lều vải, biến thành những chùm sáng, cột sáng, xuyên

qua kẽ hở cây cành đại thụ, đáp xiên xiên xuống mặt đất, lùa những bóng mát đọng vũng thành những mảng xám mát rượi. Để mô tả cuộc đại hòa tấu đó, Ansel Adams dùng từ ngữ *"Range of Light"* mà tôi xin thoát dịch là "giai điệu ánh sáng" (cũng là tựa đề một tác phẩm nhiếp ảnh của ông).

Từ dưới Thung Lũng, bạn sẽ được ngắm, hướng Bắc ngọn *El Capitan*. Đông Bắc: các ngọn *North Dome, Half Dome,* ngọn "Mây Dừng" *Cloud Rest* gần 10,000 bộ. Phía Đông Nam, ngọn *Stam King*, trên 9,000 bộ. Vô số đường mòn lội bộ, xuất phát từ Thung Lũng, nối với đỉnh Hàn Băng, và các bãi cắm trại gần đường 120. Tại Thung Lũng, ban quản trị công viên tổ chức nhiều cuộc du ngoạn bằng xe buýt, với những lộ trình khác nhau, đi khắp nơi trong công viên, và trở về trong ngày. Hàng triệu du khách, từ khắp nơi trên thế giới, đến thăm công viên mỗi năm. Đến đây, bạn đã có cái nhìn từ dưới nhìn lên. Bây giờ hãy du lãm con đường đẹp nhất công viên: xa lộ 120, đèo Tioga Pass, để nhìn ngang từ đỉnh núi nhìn sang.

6- Mỹ Cảnh Lộ 120: Đào "Tioga Pass"

Đây là đường đỉnh, rất cao, dài 75 dặm, mát lạnh, rải rác nhiều bãi đậu xe, đưa bạn qua nhiều đoạn quanh co, từ đó, có thể ngắm những gì bạn vừa xem trên Đỉnh Hàn Băng, trong Thung Lũng Yosemite, nhưng trên một cao độ. Trên đường này, dĩ nhiên bạn sẽ phải dừng xe nhiều lần, ngắm phong cảnh, chụp ảnh. Nào là chòm núi ba anh em *Three Brothers, Half Dome, North Dome, Cathedral Spires,* v.v.., và những vực sâu chóng mặt. Bạn sẽ thăm nhiều hồ: *Tenaya Lake* ngay bên đường 120; *May Lake* (phải lội bộ vào nửa dặm); *Cathedral Lake*... đầu mùa hè, vẫn chưa tan hết băng. (Tôi và các bạn ảnh đã lái xe trên đường Tioga Pass hơn chục lần từ 1975 đến nay, vẫn thấy đẹp, vẫn muốn trở lại).

7- Vùng Tuolumne

Đây là chặng cuối của đường đèo 120 Tioga Pass. Nếu còn thời giờ, bạn có thể ra khỏi Công viên, xem hồ *Mono Lake*, hoặc lấy *Hetch Hetchy Rd.* vào thăm đập nước *Hetch Hetchy Reservoir*, cách đó một giờ lái xe. Nơi đây là khu vực dành cho giới lội bộ rành đường, khỏe chân. Từ bờ đập, phải leo núi trên nửa ngày nữa, mới vào đến campground bên chân thác *Wapama Falls*. Vẫn túi ngủ lều vải, hôm sau, đi thêm một ngày đường nữa về phía Đông, bạn sẽ đến campground tại chân thác *Rancheria Falls*. Đây là một khu vực rất vắng, và rất đẹp. Thác bạc lưng trời, hồ nước mênh mông, đường đèo hiểm trở, núi cao ngất ngưởng, mây giăng trùng trùng. May lắm bạn mới gặp một vài tay lội bộ đồng hành, đồng điệu. Bằng không, chỉ mình bạn và thông rừng, đá núi. Nếu bạn chưa từng mang túi đeo lưng, lều vải, đồ hộp, máy ảnh, nặng 30 lbs, hoặc chưa từng leo núi băng đồng hai ba ngày liên tiếp, xin chớ mạo hiểm.

Nếu đôi chân bạn bắt đầu đòi nghỉ, cũng không sao. Lên xe, theo đường cũ, 120 West, và ra khỏi công viên băng lối ra Tổ Xồi nếu không phải mùa Đông, không phải qua Yosemite Valley. Nếu là mùa Đông, phải ra bằng một trong hai lối cửa Thạch Đình đường 140 W, hoặc cửa Nam 41 S. Thôi thì hẹn tái hồi Yosemite vào một dịp khác.■

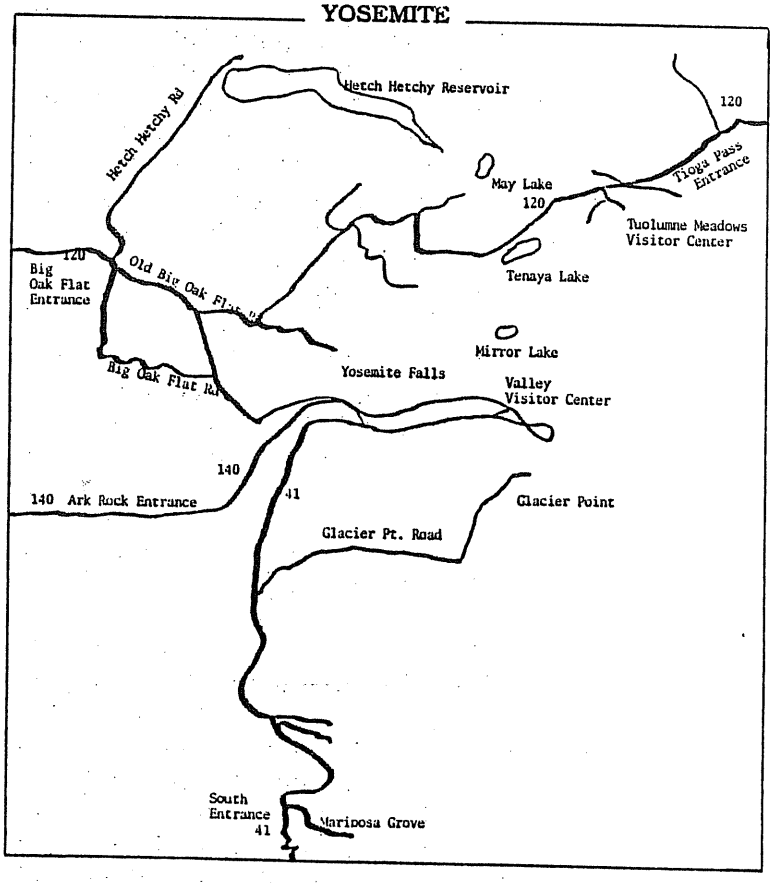

ĐOÁN THƠ

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

Thế Kỷ 21, San Diego

Một thú tiêu khiển xa xưa lúc xuân đến ở quê nhà là bói thơ, đoán thơ hoặc đố thơ. Không phải chỉ những nhà nho thuộc làu Kinh sử mà dân chúng cũng đem điển tích, chữ nghĩa ra thách đố nhau trong những dịp hội hè gặp gỡ đầu xuân. Đã có những câu hò điệu hát như lối hò thai, lấy lịch sử, địa lý hay cách viết một chữ làm nội dung. Hẳn chúng ta không lạ gì với những câu ví von:

Tiếng đồn rằng anh hay chữ,
Cho em đây hỏi thử một vài câu.

.....

Cu cu mà đậu cành nè
Chữ thập mà đè chữ tứ,
Chữ nhứt lại đè chữ tâm.

Nhắc đến cái thú xa xưa ấy, chúng tôi giới thiệu bên đây một bài thất ngôn tứ tuyệt viết gọn lại thành hai dòng. Việc đọc kể ra không có gì khó nếu các bạn chú ý đến hình dạng và cách viết của một số chữ trong bài, cũng lối chiết tự như Nguyễn Công Trứ đã dùng trong hai câu

Thị tại môn tiền náo, (鬧)
Nguyệt lai môn hạ nhàn. (閒)

Đọc xong xin các bạn so sánh với lời giải thích ở dưới đây:

1- Chữ "dạ", viết dài ra ấy là "dạ trường" (夜長) hay đêm dài.

2- Chữ "chẩm", viết ngang, đọc là "hoành chẩm" (橫枕) nghĩa là gối ngang, trằn trọc, không ngủ;

3- Chữ "ý"; chữ tâm bên dưới viết lệch ra phía ngoài nên đọc là "ý tâm oai" (意心歪), tức là suy nghĩ vẩn vơ, lệch lạc;

4- Chữ "nguyệt" viết nghiêng thành ra "tà nguyệt" (斜月), trăng xế;

5- Chữ "canh", ba chữ canh viết liền nhau thành ra tam canh (三更), cũng như nói "nửa đêm, giờ tý, canh ba"; cả ba từ đều chỉ một ý.

6- Nửa chữ "môn" và "khai" tức là "bán môn khai" (半門開), cửa còn để ngỏ.

7- Chữ "mệnh", viết ngắn lại tức là "đoản mệnh" (短命), hay là cuộc sống ngắn ngủi, thời gian đi qua nhanh.

8- Chữ "kim", viết ngược thành ra "đảo kim" hay "đáo kim", (到今) nghĩa là đến nay;

9- Chữ "tín", thiếu chữ "ngôn" bên dưới, nên đọc là "tín vô ngôn" (信無言), nghĩa là chẳng thấy tin tức, tăm hơi;

10- Chữ "can", viết dài ra như "dạ" ở bên trên nên đọc là "can trường" (肝長), nghĩa là dài gan, dài ruột, trông mong mà chẳng thấy tin.

11- Chữ "vọng", cắt ra làm hai nên đọc là "vọng đoạn" (望斷), tức ước mơ không thành, đứt đoạn.

12- Chữ này tương đối khó đoán hơn các chữ khác, đó là chữ "lai" nhưng lại thiếu mất hai chữ "nhân" ở bên nách. Vì vậy đọc thành "vô nhân lai" (無人來), không thấy (bóng) người lại.

Nguyên cả bài đọc như sau:

Dạ trường, hoành chẩm, ý tâm oai,
Tà nguyệt, tam canh, môn bán khai;
Đoản mệnh, đáo kim vô khẩu tín,
Can trường, vọng đoạn, vô nhân lai.

Tạm dịch:

Đêm dài thao thức trí vẩn vơ,
Nửa khuya trăng xế, cửa còn hờ;
Ngày qua tháng vội, tin hoang vắng,
Đằng đẳng tan rồi, mộng vẫn mơ. ■

CON CHÓ ĐẠI ĐAN MẠCH

HÀ KỲ LAM
Thế Kỷ 21, New Jersey

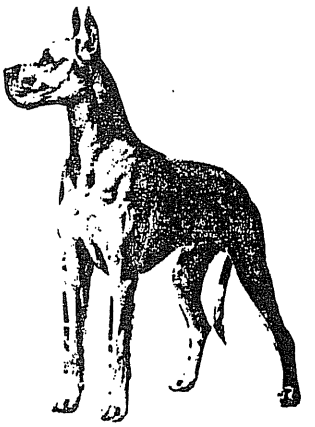

Mỗi lần có việc phải chạy xe trên đoạn đường nầy, ngang qua trước căn nhà mang số 1384, một căn nhà màu trắng với hàng rào màu xanh lá cây vây quanh, hông nhà bên phải có một khoảng vườn rộng, thì y như rằng ông Tư phải nhìn vào. Mười lần như chục, không bao giờ ông quên nhìn vào khuôn viên nhà đó để mong thoáng thấy con chó thần tượng cho "đỡ nhớ". Căn nhà nầy chỉ cách nhà ông Tư khoảng 10 ô vuông phố xá nhưng vì nó ngăn cách bởi một đại lộ rộng thênh thang nên trông có vẻ cách trở dịu vợi, chứ thật ra cũng chẳng xa gì mấy. Với lại, vì không thuận đường đi lại trong sinh hoạt hằng ngày của mình nên ông Tư vẫn thấy nó xa xôi. Vì vậy đi qua chỗ đó mỗi ngày là một "kỳ công", một điều vất vả, và ông Tư cũng không có hơi sức đâu mà khổ công như thế, dù ông rất thích con chó của chủ nhà. Mà hình như chủ nhân cũng ít khi để con chó ra vườn dạo chơi, vì so với số lần ông Tư "chịu khó" chạy xe trên lộ trình nầy và số lần ông được trông thấy con chó đó, thì là một tỷ số quá chênh lệch. Nhưng hôm nay ông Tư may mắn, vì lúc ông lái xe gần đến căn nhà thì con chó đang đứng đó. Vừa thoáng thấy bóng dáng màu đen, cao và thon như con ngựa giữa khu vườn chung quanh có hàng rào lưới kim khí bao bọc, ông Tư đạp thắng xe, từ từ cặp sát lề bên phải và cho xe đỗ hẳn lại. Ông ngồi trong xe nhìn qua cửa kính phía bên kia để quan sát con chó khổng lồ, lông đen tuyền cũng đang trố mắt nhìn ông. Khoảng cách từ chỗ nó đứng - giữa khu vườn - đến chiếc xe của ông Tư độ 50 thước. Ông có thể nhìn nó rất rõ. Thế nhưng con chó không bằng lòng với vị trí đứng của nó, và thoăn thoắt đi về phía hàng rào, nghĩa là đến gần chiếc xe của ông Tư hơn. Đoạn nó nhẹ nhàng chồm lên, hai chân trước tựa lên mặt bằng hàng rào mà chiều cao cũng đã lên đến khoảng hơn một thước. Như vậy, bây giờ ở vị trí thẳng đứng chứ không phải ở thế đường chân trời của loài bốn chân, cái phần thân thể của con vật từ vai trở lên đã vượt khỏi chiều cao của hàng rào. Cái đầu khổng lồ với chiếc mõm vuông vức to không kém đang hướng về ông. Cặp mắt nó, không nhỏ tí hí như mắt heo, nhưng cũng không to quá và lộ như mắt của vài loại chó nhỏ mà diện mạo xấu xí và dữ tợn, toát ra một vẻ thân thiện, hiền lành, và quý phái. Ông Tư hài lòng về sự xê dịch của con chó, vì nhờ thế ông được gần nó hơn. Thân thể nó trông chắc nịch với những đường bắp thịt cuồn cuộn ở hai đùi sau, ở hai vai, ở chiếc cổ lớn và ngẩng cao. Lông nó rất ngắn, bóng loáng, ôm sát da và đen nhánh không một chấm trắng, dù chỉ bằng hạt cát.

Đó là một con chó Đại Đan Mạch. Ông Tư không hiểu vì sao người ta lại đặt cho loài chó khổng lồ nầy cái tên kia, vì nó không liên quan tí nào với đất nước Đan Mạch cả. Theo các tài liệu về chó mà ông Tư đã tham khảo thì giống chó nầy được người Đức tạo giống và nuôi dưỡng thành một chủng loại hẳn hoi ít nhất đã 400 năm nay, vì nhu cầu săn heo rừng đòi hỏi một loài chó vừa có tầm vóc lớn vừa can đảm. Ông Tư đã từng thấy vài loại chó cũng lớn như giống Đại Đan Mạch nầy, thậm chí có một loài còn lớn hơn nữa - giống chó săn Ái

Nhĩ Lan - nhưng cái vóc dáng và phong cách loài Đại Đan Mạch mới làm ông mê. Giống vật nầy không tỏ ra rụt rè, sợ sệt, cũng không hề lộ vẻ hung hãn, đố kỵ đối với một người mới gặp lần đầu, như thái độ cố hữu ở một số loài chó. Vóc dáng tuy to lớn nhưng giống nầy không gây cho người đối diện sự sợ hãi, hay cảm giác bị đe dọa, nhờ phong thái điềm đạm, cái nhìn lúc nào cũng trực diện nhưng không hau háu như loài chó chăn cừu Đức, mà chỉ biểu lộ một nhiệt tình "làm bạn". Thân hình thon, chân dài và lực lưỡng, đầu lớn một cách cân đối với toàn thân, cổ to và dài nâng chiếc đầu lên cao nhưng không có vẻ thách thức mà chỉ vừa đủ vẻ uy nghi, bề thế. Và ông Tư ngồi trong xe say sưa "chiêm ngưỡng" con chó trong niềm ao ước một ngày nào đó không xa mình sẽ có được một con chó con loài nầy để nuôi dưỡng, vuốt ve, tập luyện thành ngoan thục. Vấn đề của ông bây giờ là cố gắng thuyết phục bà vợ về sở thích nầy và sắp xếp một vị trí trong nhà để dung nạp con vật trong trí tưởng. Không phải bà Tư không thích chó, nhưng bà nghĩ nhà chật chội nuôi chó lớn quá không tiện, và nhà lại trải thảm. Thời gian đầu còn nhỏ dại chó con phóng uế vung vãi thì phiền lắm. Còn nếu nuôi chó mà để nó ở ngoài trời quanh năm thì bà thấy không nỡ, vì mùa đông ở tiểu bang Đông Bắc nầy khá buốt giá.

Phải bước xuống xe, đến vỗ nhẹ, mơn trớn cái đầu lớn như đầu bò kia mới thấy thú vị. Ông Tư muốn làm thế, nhưng ngại người chủ chó nghi ngờ thiện ý của mình. Nếu người ta đã đọc cuốn "Con Trâu", một tiểu thuyết về đồng quê của nhà văn tiền chiến Trần Tiêu, hẳn người ta không quên người nông phu với giấc mơ về con trâu. Bác nông dân trong câu chuyện mỗi khi đi ngang nhà kia thường thấy một con trâu buộc trong chuồng, và ông ta đã đứng hằng lúc lâu ngắm nghía, thèm thuồng, điều mà ông Tư đang làm đối với con chó "thần tượng" của mình. Giấc mơ con trâu là giấc mơ "giàu sang", là mơ ước về một cảnh đời khá giả, là một cái gì xa xôi, một mơ ước để ước mơ mà thôi; và như vậy là một đau khổ. Ước mơ của ông Tư không đi kèm với đau khổ như thế, vì ông không phải vùng vẫy mong thoát ra khỏi cảnh vất vả, mong tậu được một phương tiện sinh nhai; giấc mơ của ông Tư về con chó Đại Đan Mạch là một giấc mơ "trưởng giả". Nhưng nghĩ cho cùng, nếu hụt hẫng là một trạng thái tinh thần sinh ra từ khoảng trống giữa ước mơ và thực tại thì lòng ông Tư chưa được vui.

Ông Tư vốn yêu chó từ hồi nhỏ, từ thuở mới bắt đầu cắp sách đến trường làng tại quê nhà ở miền Trung nước Việt lắm thiên tai. Đến bây giờ, đã gần 60 tuổi, ông vẫn còn nhớ hầu hết những con chó đã từng "chung đường đời" với ông. Ông không khỏi cảm thương những con chó cùng thời thơ ấu với mình, và ông nhớ lại và phục nhà văn Xuân Diệu (cũng là nhà thơ) đã đi sâu vào tâm hồn của loài chó và mèo khi ông viết về chó hoang, mèo hoang. Ông Tư không rõ số phận loài chó ở các nước nhược tiểu trên thế giới ra sao, song ông nghĩ một con chó ra đời ở vùng Á châu thì dễ bị gánh chịu những tai ương hơn, và cuộc sống thường vất vả thiếu thốn hơn đồng loại của nó trên thế giới. Ông Tư không thể nào quên "vết thương lòng" trong đợt biến động chính trị tại quê nhà khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt: những ngày tháng đầu Việt Minh (tiền thân của người Cộng Sản) cướp được chính quyền từ chế độ quân chủ, họ ban hành nhiều mệnh lệnh mà một cậu bé lên 7-8 tuổi (như ông Tư hồi đó) không thể nào hiểu được lý do; và một trong những lệnh đó tại địa phương của ông là mọi nhà đều phải giết hết chó, chuẩn bị tản cư, thực hiện cảnh vườn không nhà trống để đương đầu với Pháp. Cậu bé Tư đã khóc thầm bao nhiêu ngày khi từng con chó trong bầy chó thân yêu của gia đình lần lượt bị đập đầu, bị trấn nước cho chết và cho người ta ăn thịt.

Ông Tư thấy loài chó là loài dễ thương nhất trong loài vật, tuy diện mạo và hình thù đẹp xấu tùy theo chủng loại. Đó hầu như là một điều đã được khẳng định từ nghìn xưa và từ Đông qua Tây. Chả thế mà trong văn chương, sách vở, tính tình loài chó đã được bao nhiêu cây bút tận tình phân tích, mô tả. Thời học sinh của ông Tư, cái thời mà mọi sĩ tử đều phải qua cái cửa ải thi bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp (tức lớp 9) đã cho ông một vài chứng liệu, vì chính ông trong một kỳ thi nói trên đã phải dịch ra Việt ngữ một bài Anh Ngữ viết về chó. Ông không còn nhớ nổi đại ý bài viết - dĩ nhiên, chỉ có Thánh Thần mới nhớ dai như thế - nhưng có một câu trong bài ông nhớ không sai một chữ, vì nó đắc ý với ông, "a dog never makes it its job to inquire if man is right or wrong" (tạm dịch: con chó không bao giờ thắc mắc là con người xử sự đúng hay sai). Nhưng ông Tư thích loại chó "tác chiến", chứ không thích loại chó "văn phòng". Tác chiến và văn phòng là hai từ ngữ ông Tư dùng để phân biệt loại chó dùng để canh giữ nhà

cửa hay đi săn thú với loại chó bé tí, hay lông lá xồm xoàm, lượt bượt chỉ dùng làm chó kiểng. Thời niên thiếu tại quê nhà bên Việt Nam ông có dịp gần gũi với những người chủ các đàn chó săn. Ông đã được họ cho tham dự những cuộc săn đuổi hào hứng có khi hàng hai ngày liền để bắt cho được con mồi, mà ngôn ngữ thợ săn là "con thịt" (thường là thịt nai, mển, hay loài dê núi, v.v...). Bây giờ hồi tưởng lại ông vẫn nghĩ không có âm thanh nào hào hứng bằng tiếng sủa "ẻng ẻng" của bầy chó săn đang đuổi theo "con thịt", và không có cảnh tượng nào khoái trá, hả hê bằng cảnh một con nai đã thấm mệt, không còn tìm lên các đỉnh cao nữa, mà từ từ đổ dốc, chạy men theo các triền núi để cuối cùng xuống hẳn các thung lũng hoặc chạy ra các khoảng đất bằng phẳng và trống trải để nộp mạng cho đàn chó săn. Hình ảnh đẹp và hùng dũng vẫn là các chú chó lưỡi lè gần chấm đất, thân thể ướt đẫm vì phải vượt qua bao nhiêu khe suối, đang chạy theo bám sát con mồi để thanh toán.

Loại chó săn của Việt Nam nhỏ nhắn nhưng gọn gàng, nhanh nhẹn, và chạy đường trường rất bền. Ông Tư không chối bỏ điều đó, vì ông đã từng dự nhiều cuộc săn đuổi bằng chó trong vùng mạn ngược của tỉnh Quảng Nam thuở thiếu thời. Nhưng có một điều đến bây giờ ông vẫn thắc mắc: có thật những con chó dùng săn đuổi thú rừng ở Việt Nam thuộc một chủng loại đặc biệt chỉ thích hợp cho công việc săn mồi không? Nói cách khác, có phải chúng ta có hẳn một loại chó săn, và một loại chó nhà (giữ nhà)? Nhìn ngắm một con chó trong bầy chó đi săn và một con chó được nuôi để giữ nhà, để sủa báo động khi có người lạ, ông Tư không thấy có gì khác nhau giữa hai con vật được huấn luyện để làm hai công việc khác nhau đó. Và có lúc ông đã đi tới kết luận: không có hẳn một chủng loại gọi là chó săn ở Việt Nam, và con chó nào cũng có thể được huấn luyện để thành chó săn, vì khứu giác, thính giác, thị giác và sự dẻo dai của thể xác đều được thiên nhiên cho giống nhau. Tuy vậy vẫn còn một điểm khiến ông không dám tin mình đã đúng. Đó là điều ông quan sát trong bao nhiêu năm "đi theo" các cuộc săn: con chó săn không có một bộ lông mịn màng như chó nhà. Lông nó thô hơn, khô hơn, và sợi lông lớn hơn. Không thể giải thích rằng vì thiếu dinh dưỡng nên lông chúng không được cơ thể tiếp tế sinh tố cần thiết cho lông tăng trưởng, vì khẩu phần của chó săn thường dồi dào hơn chó nhà. Tính tình của những con chó săn cũng có khác, rất hiền hòa, thân thiện với mọi người và thân thiện với cả bầy chó săn khác trong những cuộc đi săn phối hợp giữa hai chủ chó, một điều mà chó nhà không thể có được. Quanh năm quanh quẩn ở xó nhà, gặp một người lạ, hay một con chó lạ, là bầy chó nhà nhào ra làm hùm làm hổ, sủa om sòm.

Những con chó nhà biểu lộ cái tâm lý buồn cười mà người dân Quảng Nam thường ví von thành một câu ngạn ngữ, "chó ỷ gần nhà, gà cậy gần chuồng". Ông Tư vẫn nghĩ, cái tính tình của những con chó săn có thể do huấn luyện, do môi trường hoạt động, tức là do "nghề nghiệp" mà có. Chúng được huấn luyện để chỉ thấy con mồi là kẻ thù, chúng được huấn luyện để hợp tác với chó săn bạn, và vì không gian "hành nghề" của chúng rộng lớn, chúng "xuất ngoại" nhiều nên tâm hồn chúng phóng khoáng, nên chúng không có những thành kiến hẹp hòi, không có cái tâm lý "coi trời bằng vung". Nhưng còn cái khác biệt về "nước lông" thì ông không giải thích nổi, và nhiều khi ông tự nhủ: có lẽ chó săn là một giòng giống. Ông Tư công nhận "nghề chơi cũng lắm công phu". Gác một bên cái chuyện giòng giống hay không giòng giống, những ai nuôi chó săn cũng phải học một số nguyên tắc tuyển lựa chó. Ngày nhỏ ông Tư đã được các "sư phụ" truyền cho một số bài học bây giờ ông Tư chỉ dám bảo đảm hoàn hảo trên lý thuyết thôi! Thực ra, ông không mấy tin vào những tiêu chuẩn chọn lựa mà các tay chơi chó săn "tiền bối" dạy cho ông, vì ông nghĩ những điểm ấy quy tụ một cách tình cờ nơi con chó săn đầu đàn (một bầy chó săn chỉ cần một con chó giỏi làm đầu đàn để các con chó "bầy viên" chạy theo). Chẳng hạn đây là vài điểm cần nhớ để "coi tướng": đôi tai con chó không được vểnh thẳng đứng như loài bẹc giê Đức mà phải chĩa ra hai bên một góc độ vừa phải như hai cạnh của một góc 60 độ, để dễ dàng lướt tới trong những địa thế cây cỏ um tùm; đôi mắt chó phải sâu để có thể quan sát rõ khi chạy đối diện mặt trời; mũi nó lúc nào cũng phải thật ướt mới bén nhạy, không lạc hướng con mồi; đôi chân sau con chó phải hơi cong vào để chạy nhanh. Những điều ấy nghe cũng có lý. Nhưng còn những điểm khác, ông Tư không thể nào hiểu nổi vì sao con chó săn cần có. Chẳng hạn, người ta bảo cái đuôi con chó không được buông lơi như cái cần câu mà phải xoắn lại thành một hình tròn và nằm gọn bên trái - không được ở bên phải;

trên đỉnh đầu con chó phải nhô cao lên một mảng xương sọ (con chó nào cũng có mảng xương nầy nhưng không nhô cao như "sách tướng" ấn định!), và v.v...

Những người thợ săn thường yêu chó vô cùng. Nếu chỉ nhìn họ vuốt ve hoặc cư xử "nhẹ nhàng" với chó thì chỉ mới thấy được một phần cái tình cảm đó. Ngày nhỏ, ông Tư đã chứng kiến một cảnh tượng mủi lòng, và điều nầy đã cho ông thấy cái tình giữa người và vật sâu xa đến mức nào. Trong một cuộc đi săn ở một vùng núi đá hiểm trở, con chó đầu đàn của một bầy chó săn đã đuổi một con sơn dương đến một bờ vực thẳm. Bị dồn vào bước đường cùng, con vật nầy trổ ngón nghề gia truyền của giòng họ nhà dê núi là phóng từ trên cao xuống suối nước lởm chởm đá nằm sâu cả trăm thước bên dưới. Nhờ khả năng cân bằng mà thiên nhiên đã phú cho giống vật nầy, con dê đáp an toàn và tiếp tục bước đường bôn tẩu. Con chó đầu đàn bay theo con dê và đã rơi xuống chết thảm thương dưới lòng suối nông cạn đầy đá tai mèo, một thứ đá cạnh sắc và nhọn hoắc. Người chủ săn đã lần mò lội xuống giòng suối, vớt xác con chó lên, bồng trên tay một hồi lâu, nhìn nó và sụt sùi khóc. Sau đó ông mang con vật về chôn ở góc vườn sau nhà.

Ông Tư thấy những câu chuyện mủi lòng về loài chó thì xưa nay khá nhiều. Đã bao nhiêu sách báo, phim ảnh ngày nay đã dựng nên những thiên truyện phiêu lưu, gay cấn, hồi hộp, và cảm động mà nhân vật chính là một con chó. Nhưng đó là một điều khác; những câu chuyện kia có thể do người đời tưởng tượng, thêu dệt thêm chung quanh những đức tính vốn có của loài chó. Câu chuyện thật về một con chó thuộc giống Akita của Nhật Bản mà ông Tư đọc trong một tài liệu về chó đã khiến ông gần như rơi nước mắt. Tài liệu kể rằng Tiến sĩ Eisaburo Ueno, giáo sư tại trường Đại Học Đông Kinh, có nuôi một con chó giống Akita, tên Hachiko. Mỗi ngày Hachiko đi theo Giáo Sư đến ga xe lửa, chờ ông lên tàu, và tàu chuyển bánh mới đi về. Chiều nó lại đến ga xe lửa, chờ tàu đến để cùng chủ bách bộ về nhà. Vào một buổi chiều tháng 5 năm 1925 người chủ nó không về nữa. Nó đứng ở sân ga chờ cho đến nửa đêm mới thui thủi đi về nhà. Giáo sư Eisaburo đã chết buổi trưa hôm đó tại trường Đại Học. Ngày hôm sau, và những ngày kế tiếp trong 9 năm sau đó, cho đến khi nó chết, chiều nào Hachiko cũng đến ga xe lửa chờ chủ nó đến nửa đêm mới thui thủi đi về nhà một mình. Ngày nay, hằng năm tại ga xe lửa Shibuya ở thủ đô Đông Kinh đều có một buổi lễ long trọng để những người hâm mộ chó đến tưởng niệm lòng trung thành của Hachiko, một con chó giống Akita.

Tương phản với con chó là con mèo. Ông Tư vẫn cho con mèo là một giống vật khá lạ lùng. Nếu bảo con mèo ngu si đần độn thì ông Tư thấy không đúng. Ông nghĩ, có lẽ đầu óc nó không thích hợp với "học tập"; loài mèo dường như có khuynh hướng khước từ sự dạy dỗ, chỉ thích sống theo ý thích của chúng. Ông Tư hay khôi hài với mọi người rằng con mèo sinh ra với bản tính cứng đầu, ngoan cố, "phản động"; đó là một loài không thể "cải tạo" được. Ngẫm nghĩ, ông Tư đã rút ra một nhận xét khá độc đáo: có lẽ chỉ ở Mỹ con mèo mới tìm thấy thiên đường, vì ở những xã hội không tôn trọng tự do cá nhân chắc người ta không "đánh giá cao" con mèo!

Dĩ nhiên ông Tư yêu chó, nhưng nói cho chính xác thì ông có một đam mê với những con chó săn. Nhưng thời gian sau nầy, từ lúc sinh sống trên đất Mỹ - thiên đường của chó, mèo, và trẻ con - được trông thấy nhiều loại chó khác nhau, và được quen biết nhiều chủ chó "bản xứ", thì đam mê của ông bỗng đổi đối tượng. Bây giờ ông chỉ mê có loài Đại Đan Mạch. Nãy giờ ông tha hồ nhìn ngắm con chó đen với dáng dấp cân đối như con ngựa ô biểu diễn những pha ngoạn mục. Có lúc nó sải bốn chân phi nước đại để rượt đuổi một đàn bồ câu vừa đáp xuống cuối vườn. Cái hình ảnh đó đẹp lạ lùng đối với ông Tư. Nó phóng mình trườn tới một cách khoan thai, một cách nhẹ nhàng mà nhanh như tên bắn. Ông Tư nghĩ, nếu ông có một con chó như thế nầy, mỗi cuối tuần ông sẽ chở nó đến những công viên rộng rãi ở thành phố Philadelphia, chỉ cách xa có 20 phút lái xe, để con vật tha hồ phi, vì ở bên đó người ta không cấm chó vào công viên, một điều cấm đoán "vô lý" của thành phố ông đang ở. Thế giới của loài Đại Đan Mạch là những khoảng rộng bao la. Có lúc con chó đứng yên, đầu ngẩng cao, hai tai lớn và nhọn dựng đứng như cặp sừng, đuôi dài buông xuống song song với hai chân sau. Con chó đứng bất động như một pho tượng, gợi một hình ảnh uy nghi, quý phái.

Tiếng nói léo xéo của mấy người đi bộ trên vỉa hè làm ông Tư giật mình nhớ lại mình đậu xe bên đường đã khá lâu. Ông mở máy xe và không quên ném một cái nhìn sau cùng với con chó trước khi cho xe chuyển bánh.

Ông Tư từ trên lầu đi xuống. Được nửa đoạn cầu thang ông thấy bà Tư và hai đứa con ông - cậu con trai 21 tuổi, và cô con gái 19 tuổi - đang xầm xì to nhỏ với nhau bên cạnh cây thông Giáng Sinh vừa mới dựng xong giữa phòng khách. Nhìn nét mặt của ba người ông đoán câu chuyện hay đề tài của họ không phải là một cái gì nghiêm trọng, một cái gì kém vui; gương mặt họ long lanh một vẻ sôi nổi thầm kín, một thoáng vui tươi "bí ẩn". Và rồi ông Tư chẳng bận tâm với cái cảm tưởng thoáng qua đó. Ông đi thẳng xuống nhà bếp, mở tủ lạnh để tìm một thức gì uống. Ba mẹ con bà Tư ngưng câu chuyện khi vừa thoáng thấy ông Tư đi vào nhà bếp. Ông bật nắp một lon bia, tu một ngụm, đoạn lững thững cầm lon đi lên phòng khách, định bụng sẽ tham gia vào công việc trang hoàng cây Giáng Sinh với vợ con. Hôm nay là một buổi chiều Thứ Bảy khá êm đềm của mùa Giáng Sinh. Bên ngoài trời không lạnh lắm, không gian "đứng" gió và có nắng. Nhờ vậy sáng nay cả nhà đã dễ dàng hoàn tất công việc giăng đèn chung quanh và trên nóc nhà, một điệp khúc hằng năm vào mùa nầy. Gia đình ông Tư không phải là tín đồ Công Giáo - ông bà Tư cho mình thuộc Phật Giáo, mặc dù ít khi họ đi chùa. Nhưng, cũng như bao gia đình ngoại đạo, hằng năm vào thời gian nầy ông bà Tư vẫn treo đèn, vẫn dựng cây Giáng Sinh trong nhà, và đĩ nhiên vẫn gửi thiệp chúc mừng Giáng Sinh cho thân quyến, bằng hữu. Có một số lý do để họ "cử hành" mùa Giáng Sinh. Họ là gia đình ngoại kiều độc nhất trong khu phố toàn dân "bản xứ" công giáo, và họ nghĩ cũng nên trang hoàng nhà cửa cho

Huệ Thu

Nguyệt lãng

Đừng hỏi bây giờ em ở đâu
khi đời đã xóa chữ Thương Nhau
mười hai bến nước còn hai bến
dẫu một thôi mà cũng biển dâu!

Hãy nghĩ rồi ta chỉ một mình
bóng chờn vờn đó: Lũ âm binh
cái hình mai mốt vùi trong đất
để bốn mùa tươi sắc cỏ xanh!

Cái thuở đầu tiên, mấy thuở gần?
đã không thành được một tình thân
bướm đâu thèm đậu cành hoa chớm
nên chẳng là điều... nên bận tâm!

Không có chỗ nào chỗ rất cao
kìa Hy Mã Lạp vẫn ra vào
trăng kia còn rớt hồ thăm thẳm
nhắm mắt bay vù những ánh sao!

Đừng hỏi bây giờ em ở đâu
nếu không hải giác cũng giang đầu
lắng nghe tiếng gió là tâm sự
đừng níu làm chi những nhánh sầu...

Đừng nghĩ người xưa còn bé nữa
khi bàn chân giẫm nát bờ Đông
Quê Hương để lại vầng trăng lạnh
khơi lại buồn thôi những chuyện lòng!

bài thơ có sẵn

Cũng muốn làm thơ buổi sáng nay
mà kìa thơ sẵn: Một trời mây!
đứng trông cũng thấy bờ bên ấy
dụi mắt thương gì kẻ ở đây?

biển có yên đâu luồng sóng dữ
núi còn lấng đãng đám sương bay...
lửa khơi chẳng ấm ngày Xuân lạnh
chỉ mượt mà thôi sắc cỏ cây...

giống mọi người. Hai đứa con ông Tư cũng muốn nhà mình có không khí Giáng Sinh như nhà bạn bè chúng, và nhất là chúng thích có cây Giáng Sinh để chúng có một gốc cây để đặt mấy chiếc hộp giấy đựng quà cho cha mẹ trong dịp nầy, và để nhận quà nữa. Nhưng ông Tư còn thấy một điều nữa: tiềm ẩn đằng sau những lề thói kia là một tâm lý mà ông Tư không biết có thể gọi là "tâm lý ngoại đạo" không. Chỉ biết rằng năm nào nhà cửa "im lìm", không đèn đóm xanh đỏ, không có khung cảnh cây thông phủ tuyết, thì mọi người trong gia đình có một cảm giác lạc loài khó tả, một nỗi buồn bâng quơ giữa hàng triệu ánh đèn "thần tiên" lấp lánh đó đây, trong tiếng chuông lảnh lót vui tươi, trong nhạc khúc Giáng Sinh nao nao một tình cảm êm đềm một cách kỳ lạ.

Vừa thấy ông Tư xuất hiện, cô con gái nhanh nhẩu hỏi:

"Chiều nay ba không đi chơi đâu à?"

"Không. Làm việc bên ngoài sáng nay như vậy mà thấm mệt. Nãy giờ ba ngủ có lâu không?"

Bà Tư xen vào:

"Anh ngủ khoảng một tiếng đồng hồ. Thế mới biết là già rồi đấy, ông ơi!"

Ông Tư cười:

"Anh đâu có phủ nhận điều đó."

Rồi ông ngồi xuống thảm, lôi những dây điện có gắn bóng đèn bé tí đủ màu ra khỏi những hộp giấy, trong khi hai đứa con ông máng những dây đèn đó trên khắp cây thông. Bà Tư đang gom góp những thiệp chúc Giáng Sinh mà gia đình nhận lác đác từ hơn một tuần nay để lát nữa treo trên các cành cây kia. Có tiếng gõ cửa - nhà không gắn chuông điện. Ông Tư đứng dậy, tiến đến cửa, cẩn thận nhìn qua khung kiếng hình thoi trên cánh cửa để quan sát. Ông quay sang nói với bà Tư:

"Một ông già người da trắng."

Đoạn ông mở cửa bước ra gặp người đó. Người khách nở một nụ cười xã giao và lên tiếng trước:

"Chào Ông. Ông mạnh giỏi chứ? Tôi là Jim."

Ông Tư e dè đáp lại:

"Vâng, cám ơn. Xin lỗi Ông cần chi ạ?"

"Tôi muốn được nói chuyện với Ông về Randy. Tôi được biết Ông rất mến Randy và hôm nay tôi đến để bàn với Ông xem có thể tìm một chỗ nương thân cho Randy không."

Ông Tư bỗng sửng sốt. Ông không hoàn toàn tin lổ tai mình, vì ông vẫn biết chỉ có tụi nhóc như hai đứa con ông mới nghe hiểu những lời đàm thoại Anh Ngữ một trăm phần trăm, nhưng ít ra ông cũng hiểu là ông già nầy muốn tìm một chỗ ở cho một người nào đó tên Randy, mà theo ông là một gã đàn ông, vì cái tên kia không thể là đàn bà. Sau vài giây bối rối ông Tư đáp:

"Tôi không quen biết ai tên Randy cả."

"Ồ, xin Ông tha lỗi. Tôi tưởng Ông biết tên nó. Đó là con chó Đại Đan Mạch ấy mà. Tên nó là Randy. Con chó ấy của anh tôi. Ông anh tôi vừa qua đời đột ngột cách nay một tuần vì bệnh tim. Vợ ông ấy không thể tiếp tục chăm sóc con vật được nên có ý định gởi nó vào cơ quan phụ trách tạm trú cho thú vật vô chủ. Tôi từ Florida lên đây ba hôm nay để dự tang lễ anh tôi và thấy trường hợp nầy cũng khá thương tâm nên có nói với bà chị dâu tôi là nếu bà ấy biết ai thích nuôi chó thì cho Randy cho người ta tốt hơn là giao nó vào nơi tạm trú như thế kia. Bà ấy cho biết có trông thấy Ông vài lần khi Ông đi ngang qua nhà, và biết Ông rất thích Randy. Chính vài người hàng xóm đã chỉ cho chúng tôi chỗ ở của Ông đây."

"À ra thế. Ý Ông muốn hỏi tôi có thích nhận con chó để nuôi không?"

"Vâng, đúng thế. Chắc Ông cũng biết, cơ quan tạm trú cho súc vật chỉ dung nạp con chó một thời gian để tìm 'cha mẹ nuôi' cho nó. Sau một thời hạn nào đó, một số súc vật 'quá hạn' sẽ 'được' giải quyết, vì họ không thể tiếp tục giữ những của nợ đó mãi để càng ngày đàn thú càng tăng không còn chỗ chứa, không người chăm sóc, nuôi ăn v.v..."

"Bộ họ giết bớt chúng sao?"

"Đúng thế Ông ạ."

Trong lòng ông Tư lúc nầy là một trận chiến giữa ba giòng suy nghĩ. Ông thích loài Đại Đan Mạch mà Randy là đại diện chứ không hẳn thích Randy hay một con chó Đại Đan Mạch bé con, vừa dứt sữa, để ông nuôi nấng, giáo dục thành con vật trong trí tưởng của ông. Nhưng bây giờ cơ sự đã ra nông nỗi nầy, ông thấy thương xót Randy mồ côi chủ, số mệnh chưa biết sẽ được an bài ra sao. Ông Tư đắn đo: có nên hy sinh con vật trong trí tưởng để nuôi Randy không. Lương tâm ông Tư thấy con vật trong trí tưởng không bị đau đớn gì cả, mà chỉ giấc mơ của ông không được thực hiện đúng như mong muốn. Và vì thế ông nghĩ, thôi đành chấp nhận Randy. Ý Trời! Vấn đề còn lại là làm sao thuyết phục bà Tư chấp nhận một con chó Đại Đan Mạch trong nhà, chứ chưa nói tới Randy. Ước gì ông có thể diễn tả cho bà Tư thấy cảnh ngộ bi đát của Randy. Ông Tư nói với ông Jim, người khách:

"Được rồi, xin Ông cho tôi số điện thoại, tối nay tôi sẽ gọi cho Ông biết tôi có thể nhận Randy không. À quên, Ông có thể cho tôi biết đại khái con vật đã được nuôi dưỡng như thế nào, chẳng hạn, nó được nuôi theo kiểu thú vật trong nhà, tức là biết phải phóng uế bên ngoài, và v.v..."

"Điều tôi có thể nói bây giờ là con vật hoàn toàn sống với người trong nhà, và biết nhắc nhở người chủ khi nào nó cần đi ra ngoài. Còn những điều khác tôi không rõ, song bà chị dâu tôi có thể 'thuyết trình' cho Ông đầy đủ. Ông yên tâm, anh chị tôi chịu được nó thì ai cũng có thể chịu được."

Người khách viết số điện thoại trên một mãnh giấy nhỏ, trao cho ông Tư và chào từ giã. Ông Tư quay vào nhà, đóng cửa lại. Mẹ con bà Tư nhìn ông, chờ đợi. Chợt thấy vẻ đăm chiêu trên nét mặt ông, bà Tư sốt ruột lên tiếng:

- Có chuyện gì thế, anh?

Ông Tư đã định bụng lát nữa, trong một lúc thuận tiện, sẽ đem vấn đề con chó ra bàn với vợ một lần nữa, và lần nầy không phải về con chó con sẽ mua, mà về một con chó lớn có sẵn, được đem cho không. Nhưng, thấy không thể đợi nữa để vợ con lo lắng không cần thiết, và lại sẵn có mặt hai con ông, những đồng minh nhiệt thành của mình, ông Tư bèn thuật lại cuộc nói chuyện vừa qua, và cố nhấn mạnh tình thế bi đát của con chó Randy. Nghe xong câu chuyện, cả ba nhìn nhau, bà Tư và hai con, người nầy với ánh mắt dò hỏi người kia. Ông Tư mới là người thẳng thốt. Ông không hiểu gì cả. Sao vợ con ông hôm nay "quái đãn" thế. Hồi nãy từ trên lầu đi xuống thì ông thấy ba mẹ con xầm xì bí mật, bây giờ ông đem câu chuyện con chó ra trình bày với mọi người, những tưởng sẽ gặp sự phản đối mãnh liệt của bà Tư như mọi lần, và sự biểu đồng tình của hai con như thường lệ, thì lại vấp phải phản ứng lạ lùng nầy. Thấy chồng đứng ngơ ngác nhìn mình và hai con, bà Tư mỉm cười:

"Không giấu diếm nữa, hồi nãy hai đứa cứ thuyết phục em mãi về ý định làm một món quà Giáng Sinh độc đáo cho bố, một con chó con loại anh thích. Em cũng đồng lõa với tụi nó và dự định sẽ thực hiện."

Ông Tư không giấu được sự cảm động trên gương mặt. Ông nói với một giọng hơi xúc động, mặc dù đã cố trấn tĩnh bằng một câu bông đùa:

"Tuyệt vời quá! Cảm ơn tất cả mọi người. Chưa bao giờ tôi được nhiều chó từ nhiều người cho đến thế."

Và trong lòng ông bây giờ lại thêm một trận chiến mới. Randy hay con chó bé con của ước mơ? Cái hào quang của con chó trong trí tưởng rực rỡ quá; một con chó con Đại Đan Mạch lông đen bóng loáng, cái mặt kháu khỉnh, thân hình "thổ sữa" tròn trịa, lúc nào cũng chạy tung tăng đùa giỡn với mọi người trong nhà, tuy thỉnh thoảng "tè" một bãi làm bà Tư phải nhăn mặt càu nhàu một chút rồi thôi! Không sao, ông Tư tự tin có thể dạy dỗ nó từng giai đoạn và chẳng mấy chốc nó sẽ khôn lớn, biết "ăn ở hợp vệ sinh". Chó con lớn như thổi, và "học" nhanh lắm. Nhưng thích nhất là ông Tư sẽ dạy dỗ nó theo "khuôn phép" của mình, một điều chỉ có thể thực hiện được với chó con mới lên vài ba tháng. "Dạy con từ thuở còn thơ..." Ông Tư cười thầm: tư tưởng cổ nhân bây giờ may ra thì còn đúng ở vế đầu của câu nói! Nhưng ông Tư không cần bận tâm, vì "ngọn gió thời gian đổi hướng rồi". Điều quan trọng với ông bây giờ là chân lý "còn đứng vững không được một nửa" kia áp dụng được với con chó con mơ ước của ông. Nhưng Randy cũng dễ thương quá, và bây giờ lại thêm tội nghiệp nữa. Chú chó con kia dù sao cũng chỉ hiện diện ở nẻo đường xa xăm nào đó, khi ẩn, khi hiện trong sương mù, chú còn nằm trong trí tưởng của ông Tư. Randy gần gũi ông lắm. Randy đang cần ông. Ông Tư thấy mình không thể bỏ nó trong lúc nầy. Ông nhớ lại bao buổi chiều ông ngồi trong xe bên ngoài hàng rào nhìn nó, và nó nhìn ông. Chắc trong trí tưởng của nó bây giờ cũng có hình ảnh ông, và mỗi lúc nó ra đi dạo trong khu vườn chắc nó cũng mong được gặp ông. Thú vật thường sống theo bản năng và thói quen; không nhiều thì ít, ông Tư nghĩ mình đã tạo cho Randy một thói quen là thỉnh thoảng đã được thấy mình ngồi nhìn nó. Lương tâm ông Tư thấy mình không thể phản bội Randy. Có điều hơi "phiền hà" là Randy lớn rồi, sinh ra trong một "nền văn hóa" khác. Liệu cuộc sống chung trong giai đoạn chuyển tiếp sẽ êm ái hay nhiều va chạm.

Về phần bà Tư thì tình thế thật rõ ràng. Randy đã giải thoát cho bà khỏi cái lo lắng, cái ám ảnh của một chú chó con chưa biết "ăn coi nồi, ngồi coi hướng". Nhìn thoáng nghĩ ngợi trên gương mặt bắt đầu có vài nếp nhăn tuổi tác của ông Tư, bà nói:

"Có lẽ bố nên ra tay cứu vớt con Randy đi."

Ông Tư nhìn vợ, không nói, khẽ gật đầu, và ngẫm nghĩ, "thôi cũng đáng đồng tiền, bát gạo". ■

Ngày 16 tháng 12 năm 1992

'NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN' CỦA ĐOÀN THÊM

NGUYỄN MẠNH HÙNG

LTS - Ngày 12-12-1992, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ và các thân hữu của ông Đoàn Thêm tổ chức buổi ra mắt cuốn NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN mà ông là tác giả, tại phòng hội trường Luật, Viện Đại Học George Mason, ở Arlington, Virginia. Sau đây là lời phát biểu của Giáo Sư Nguyễn Mạnh Hùng trong buổi giới thiệu sách đó.

Trong 17 năm nay, đây là lần thứ hai mà tôi làm việc giới thiệu sách. Lần thứ nhất, cho một người bạn học. Lần này, cho một người thuộc thế hệ đàn anh mà tôi hằng mến phục dù chưa hề quen và, cho tới ngày hôm nay, chưa gặp.

Tôi chỉ được biết tác giả, ông Đoàn Thêm, qua những tác phẩm ông viết và lời các bạn thân ông kể lại. Ông Đoàn Thêm là một người hiếm có thuộc thế hệ trước tôi, một dung hòa giữa Âu học và truyền thống Khổng Mạnh, một công bộc gương mẫu, một con người trọng danh dự trong một xã hội tao loạn liên tiếp trong suốt nửa thế kỷ vừa qua. Bây giờ, nhìn lại quãng đường đã đi, ông Đoàn chắc có thể tự hãnh diện là mình đã sống được đúng theo đòi hỏi của lương tâm.

Nếu văn là người thì cuốn *Những Ngày Chưa Quên* quả đã biểu lộ được một phần nào con người của tác giả: học rộng, thông minh mà khiêm nhường; kỹ lưỡng, mực thước mà thẳng thắn và phóng khoáng; có xác tín cá nhân mà công bằng trong việc phê phán.

Những Ngày Muốn Quên ghi lại những điều mắt thấy tai nghe và những suy tư của tác giả trong suốt tám năm sống ở Việt Nam sau khi chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa sụp đổ. Cuốn sách đề cập đến nhiều loại người, nhưng phần lớn xoay quanh nếp sống và sự suy luận của thành phần trí thức tiểu tư sản thành thị. Trước kia, ông Đoàn Thêm đã viết hai cuốn *Những Ngày Chưa Quên* thuật lại những sự việc và kinh nghiệm mà ông đã sống qua suốt từ khi Đệ Nhị Thế Chiến bắt đầu cho đến lúc Đệ Nhất Cộng Hòa chấm dứt,

giai đoạn mà ông lớn lên và nhập thế với tình cảm mang nặng hoài niệm của thời hoạt động. NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN ghi lại cái nhìn và tâm sự của một người thuộc hàng ngũ của những kẻ chiến bại phải sống qua một cuộc đổi đời trong một không khí ngột ngạt, mất tự do ở ngay trên quê hương của mình.

Những Ngày Muốn Quên bắt đầu mô tả những ngày hỗn loạn, hoang mang sau khi Sàigòn thất thủ và chấm dứt bằng chuyến đi rời bỏ quê hương của tác giả. Là một người thích tìm hiểu, ưa phân tích cho nên trong suốt cuốn sách, lời kể chuyện của tác giả luôn luôn được xen kẽ bằng những suy luận. Nói chung, phần đầu của cuốn sách có tính cách mô tả nhiều hơn là lý luận, cốt vẽ ra cho người đọc thấy rõ những đổi thay của đất nước, làm bối cảnh cho những chương về sau nặng tính cách lý luận hơn nhiều, nhất là từ chương 28 trở đi.

Nặng tính cách phân tích và suy luận về những chọn lựa cho cá nhân và đất nước nhất là những chương 32 (Tại Sao Thua, Được?), 33 (Không Tin Chẳng Chống), 34 (Chiến Đấu hay Tranh Đấu), 35 (Độc Lập và Hậu Tiến), 36 (Đấu Tranh và Hợp Tác), 37 (Từ Bạn Đến Thù), 38 (Mất Gì Tiếc Gì), và 39 (Được Gì, Cho Ai?)

Đặc sắc nhất và cảm động nhất là những chương nói về cuộc gặp gỡ sau nhiều năm xa cách, và những trao đổi tâm sự chân thành và thẳng thắn giữa những người bạn cùng thế hệ, đã chọn những thế đứng khác nhau trong mục tiêu phục vụ quê hương và đồng bào, và nay đều đã bắt đầu đi vào hoàng hôn của cuộc đời, từ chương 28 đến chương 31 (Bạn và Bè, Đường Anh Đường Tôi, Đánh Tây Theo Bắc, Những Người Ngoài Đó).

Chương 29 (Đường Anh Đường Tôi), chỉ bằng những lời kể chuyện bình thản, đã làm nổi bật lên lòng tương kính và sự thông cảm giữa những người bạn cũ đứng trên các chiến tuyến khác nhau nhưng chưa chắc đã không cùng lý tưởng, và nhất là tình cảnh éo le của những người suốt đời hy sinh cho lý tưởng mà khi thắng trận thì lại thấy đó chỉ là ảo tưởng. Trong trạng huống này, số phận của người thắng có khi còn nghiệt ngã hơn kẻ bại.

Chương 32 (Tại Sao Thua Được), phản ảnh nhận định của tác giả về lý do thắng bại của hai miền Bắc, Nam. Chương 38 (Mất Gì Tiếc Gì) là những nhận xét đáng lưu ý về tiềm năng và cơ hội bỏ lỡ của Việt Nam Cộng Hòa. Lối nhận xét bình tĩnh, khách quan của tác giả có tác dụng thuyết phục về những tai hại của chế độ cộng sản gấp mấy lần những bản luận thuyết tràng giang đại hải.

Chương 40 đặt vấn đề "Sống Sao Ở Ngoài" cho thấy rõ tư tưởng phóng khoáng của tác giả khi ông nhận xét về sự quan trọng của tiếng Việt đối với trẻ em Việt Nam sống ở ngoài nước, về vấn đề "đồng hóa hay không đồng hóa" với văn hóa bản xứ, và cảnh tế tổ Hùng Vương ở nước ngoài. Ông Đoàn Thêm chống việc áp đặt giá trị của người già trên nhu cầu chính đáng của tuổi trẻ, và những việc làm nặng phần trình diễn. Những nhận xét thẳng thắn này có thể khiến một số người, nhất là những người cùng thế hệ với ông, không bằng lòng. Nhưng không phải vì thế mà ông không nói ra. Có lẽ bởi vì ông cho rằng ngày nay ông đã tìm lại được tự do, thì lương tâm ông không cho phép ông được quyền nói ngược lại những điều ông nghĩ.

Trong chương cuối cùng (chương 42: Cũng Lại Ra Đi), chỉ vỏn vẹn trong vài câu thật ngắn về tâm trạng của mình và bà vợ, tác giả cho người đọc thấy rõ sự khác biệt giữa cái khung cảnh của một đất nước còn đắm chìm trong lạc hậu và nghi kỵ với lối sống tự do, thân ái của những quốc gia văn minh.

Khi lên máy bay đi khỏi xứ, bà Đoàn Thêm chỉ nói hai câu ngắn mà chứa đựng biết bao uất ức dồn nén: "Thế là thoát nạn!" và "Từ nay khỏi phải chịu đựng những..." Phản ứng của ông Đoàn Thêm thì khác hẳn, nhưng cũng cùng một tâm sự. Ở trên phi cơ, trước mặt nhân viên bận đồng phục Hàng Không Việt Nam mà ông đoán là cán bộ an ninh, ông còn dè dặt: "Vợ tôi lại toan hé miệng thì tôi yêu cầu hoãn tự do ngôn luận ít nhất một giờ nữa." Khi tới phi trường Vọng Các và sau khi đến được trung tâm tạm trú dưới sự bảo vệ của Cảnh Sát Thái Lan, ông mới yên trí: "Tôi đã đợi cho khuất hẳn bóng vía cán bộ của thành phố HCM, mới yên trí là mình được dứt khoát giải phóng." Rồi, trên chuyến bay qua Tây Đức để sang Gia Nã Đại đoàn tụ với con, ông mới có cảm giác sung sướng trọn vẹn vì đã tìm lại được điều ông mất: "Tôi tìm lại được quyền tự do mà tôi đặt lên hàng đầu các tự do cá nhân: tự do của đầu óc. Cánh cửa lại mở toang cho tôi trở vào cõi bao la của văn hóa nhân loại".

Với kết luận đó, người ta có thể hiểu tại sao ông Đoàn Thêm lại đặt tên cho cuốn sách nói về Việt Nam sau ngày "giải phóng" là Những Ngày Muốn Quên.■

CAN THIỆP HAY KHÔNG CAN THIỆP

KIM BỒNG
Thế Kỷ 21, San Jose

Trong những dâu biển đổi dời mấy chục năm gần đây có một loại biến chuyển ít người trong chúng ta ý thức hoặc quan tâm đến. Đó là những thay đổi trong ngôn ngữ. Ai quan tâm đến tiếng nói của chúng ta tất nhận thấy nhiều kiểu nói, viết luộm thuộm, lai căng, và ít nhiều đều lo cho tiền đồ tiếng Việt. Vị nào lo quá tất muốn sửa những kiểu nói luộm thuộm kia, ý giả muốn bảo tồn tiếng Việt, muốn cho tiếng Việt được thuần túy, trong sáng, hay hơn, đẹp hơn.

Mong muốn bảo tồn đó, ý đồ sửa sai đó liệu có thực hiện được không? Tôi e rằng không. Khi sắm nắm muốn sửa cái sai của thiên hạ, tôi e rằng chúng ta đã để cho khuynh hướng tồn cổ, tinh thần thuần túy chủ nghĩa trong chúng ta lấn lướt lý trí, đến nỗi quên mất nguyên lý cơ bản này: ngôn ngữ không phải sinh ra rồi khô cứng lại, mà là một thực thể sống động; ngôn ngữ có cuộc sống riêng của nó, và để sống còn, nó phát triển, thay da đổi thịt, vay mượn theo nhu cầu, thích nghi với hoàn cảnh lịch sử, địa lý mới, những dạng, thể mới của ngôn ngữ thành hình do sức ép của sự thông dụng, của số đông, tập tục, nhiều khi không hợp lý, dường như bất chấp sự can thiệp có ý thức của con người.

Đó là điều không phải lúc nào người ta cũng ý thức được, kể cả những người sống bằng nghề cầm bút, ngay cả khi viết về ngôn ngữ. Năm 1961, khi cuốn từ điển *Webster Third International* ra đời (xin phép được viện dẫn theo trí nhớ vì không có thì giờ sưu khảo) có một nhà báo viết bài chê. Nhà báo tuyên bố sẽ không thèm dùng cuốn từ điển xuất bản lần thứ ba ấy, cuốn từ điển không kể đến Đức Bà Đồng Trinh MARIA, cũng không chỉ cách nói, viết sao cho đúng; ông tuyên bố sẽ chỉ dùng cuốn Webster xuất bản lần thứ hai, in lần đầu năm 1934. Một giáo sư lên tiếng bênh cuốn từ điển mới, giải thích là sau 27 năm tiếng Anh đã thay đổi nhiều, cả quan niệm về văn phạm cũng thay đổi, các nhà soạn từ điển phải hy sinh nhiều từ cũ để dành chỗ cho từ mới, và thấy không còn có thể tự tiện qui định từ nào là đúng, cách viết nào là sai như ở cuốn xuất bản lần thứ hai. Nhà giáo đưa ra một luận chứng rất độc: trong bài viết của ông nhà báo, ông đã đếm được 17 từ không có trong cuốn từ điển xuất bản lần thứ hai năm 1934 mà chỉ có trong cuốn xuất bản lần thứ ba thôi. Ông thắc mắc nhà báo kiếm đâu ra 17 từ mới đó nếu khăng khăng chỉ dùng cuốn từ điển năm 1934.

Có thể nói trong những thay đổi của ngôn ngữ thì từ mới là dạng thể dễ nhận biết nhất. Một trong những cách tạo từ mới giản dị nhất là vay mượn; một cách nữa là dùng từ sẵn có với một nghĩa mới. Đây là chỗ bà con dễ bắt bẻ nhau nhất, nào là vay mượn, nào là chêm tiếng Tây tiếng Mỹ. Thiển nghĩ ta không nên khó tính quá. Sở dĩ phải chêm, phải vay mượn, thì cũng là bất đắc dĩ đấy thôi. Thật vậy, hãy xem một trong những từ vay mượn thông dụng nhất hiện nay là từ *lên (lane)*. Kèm với từ *lên* là động từ *lấy*, có sẵn trong từ vựng tiếng Việt, nhưng được dùng theo một nghĩa hoàn toàn mới. Khi chỉ đường cho người lái xe chưa thuộc đường, nhiều người Việt ở Mỹ nói: "Lấy *lên* trái." Tất nhiên đây là dịch từ tiếng Anh. Cụ Nguyễn Hiến Lê có lần đã phê bình câu "Tôi lấy xe buýt" là Tây quá. Tây thật, nhưng ở Sàigòn tôi đã từng nghe có người nói rồi. Ở đây người ta dùng hà rầm: "Lấy xe 28". Vị nào không muốn bị phê bình là lai căng hẳn có thể nói *đi xe 28, đi vào lên trái*. Đó là những kiểu nói nghe thuận tai, chắc có người dùng. Tuy nhiên tôi chưa thấy ai thử tìm cách đặt tên Việt cho cái gọi là *lane*

trong tiếng Anh. Nhu cầu truyền thông cấp bách phải quẹo lúc đang chạy 35-40 *miles* (lại chêm tiếng Mỹ rồi!) một giờ không cho phép người nói tìm cách bảo tồn ngôn ngữ Việt Nam, chẳng hạn:

"Đi vào giải bên trái."

"?"

"Giải là cái phần đường chia theo chiều dọc dành cho một xe chạy. Giời ơi! Trễ rồi..."

Thiển nghĩ ở đây không ai thấy từ *lên* là chướng tai cả. Họa chẳng có các vị trọng tuổi mà lại không bao giờ lái xe? Dù sao các vị đó cũng không cần đến từ *lên*, như cụ Đồ Chiểu ngày xưa chắc không cần đến từ *xà bông*, vì nghe nói cụ ghét Tây lắm, ghét đến cái độ không thèm dùng xà bông là thứ Tây mang vào Việt Nam.

Không ai dám quả quyết cụ Đồ Chiểu ngày xưa thấy từ *xà bông* chướng tai đến thế nào, ta chỉ có thể giả thiết thôi. Còn trong chuyện tôi sắp kể đây, liên quan đến một bậc tiền bối khác, thì sự bực mình đến độ căm phẫn hoàn toàn có thực. Vị tiền bối đó là thầy chúng tôi, thầy Lê Đình Kế; năm học 1957-1958 chúng tôi thụ giáo thầy ở trường Văn Khoa, Sài Gòn. Còn cái từ có tội làm thầy căm phẫn thì là một từ có vẻ rất hiền lành: *lý lẽ*, hiền lành đến độ chúng tôi rất ngạc nhiên khi nghe thầy dạy: "*Lý* là chữ Hán, *lẽ* là chữ Nôm, ghép lại nửa Hán nửa Nôm như đôi đũa cọc cạch, đầu Ngô mình Sở, không ra cái gì cả." Đối với chúng tôi *lý lẽ* là từ kép rất Việt Nam. Chúng tôi không thông cảm được nỗi bực tức của thầy. Làm sao được! Chúng tôi trẻ quá, lớn lên vào lúc từ *lý lẽ* đã được bàn dân thiên hạ dùng khắp cả rồi! Ấy vậy mà chỉ mười năm sau, có dịp kinh nghiệm một hoàn cảnh tương tự, tôi thông cảm được niềm căm phẫn của thầy. Bấy giờ ở Sài Gòn chung cư Nguyễn Thiện Thuật mới xây xong, và từ *chung cư* xuất hiện trên báo chí. Lập tức có vị hẳn là uyên thâm Hán học - lên tiếng trên văn đàn, giải thích phải nói, viết *chúng cư* mới đúng, còn nói *chung cư*, rồi giải nghĩa là sống chung thì tội cho chữ cho nghĩa quá. Thấy mọi người ai cũng nói *chung cư* và báo hàng ngày vẫn viết *chung cư*, chướng tai gai mắt quá, tôi bèn hăng hái tiếp tay sửa cái sai của thiên hạ, thầm nghĩ từ *chúng cư* mới du nhập, biết đâu sửa chữa còn kịp, không đến nỗi để lâu hóa bùn như từ *lý lẽ*. Nhiều năm sau tôi thấy công sức của mình là công dã tràng cả. Thiên hạ có thái độ rất tiêu cực: "Ôi xào, *chúng* hay *chung* thì cũng vậy. Rỗi hơi mà chúm môi múa mỏ, mà sửa với sai."

Xem ra tiếng nói của bậc thức giả không có tác dụng, chẳng khác tiếng kêu giữa sa mạc. Thế nếu người có tiếng nói là người quyền cao chức trọng thì sao, liệu có ăn thua gì không? Theo tôi thì chưa chắc. Tôi có được đọc một bài đề cập đến ý kiến về văn phạm của ông Phạm Văn Đồng hồi ông còn làm thủ tướng. Ý kiến của ông ta là không nên nói *văn phạm Việt Nam, ngữ pháp Việt Nam*, mà nên nói *mẹo tiếng Việt*. Ấy vậy mà tôi không hề thấy cán bộ văn hóa giáo dục của Hà Nội dùng nhóm từ *mẹo tiếng Việt* thay thế cho nhóm từ *ngữ pháp Việt Nam*. Những năm 80, nghe đồn ông Phạm Văn Đồng than: "Tụi nó không thèm nghe mình nữa. Nói gì cũng chỉ cười cười." Nếu thực có như vậy thì trong những điều ông nói làm "tụi nó cười cười" ắt hẳn phải có lời châu ngọc của ông về mẹo tiếng Việt.

Sự can thiệp của con người cá thể không xong, bây giờ giả sử chính quyền đích thân làm việc sửa sai, liệu có kết quả gì chăng? Theo như kiến văn nông cạn của tôi thì chính phủ Pháp năm 1970-1971 đã làm việc này. Lại xin cáo lỗi là chỉ có thể viện dẫn theo trí nhớ, nhưng xin cam đoan là nhớ đến đâu nói đến đó thôi, tuyệt đối không bịa đặt. Vậy khoảng năm 70-71, theo một trong hai tuần báo *Time* hay *Newsweek* phổ biến ở Sàigòn tôi được biết chính phủ Pháp thấy dân *parisiens* nói chêm tiếng Anh nhiều quá thì giận lắm. Thí dụ viện dẫn là câu này: "Marie va avoir un hamburger chez le drugstore." Tạm dịch: "Marie sắp ăn một cái bánh kẹp thịt bầm (thịt bò bầm, đắp thành bánh tròn dẹp rồi chiên lên) ở tiệm thuốc tây có bán cả đồ ăn thức uống." Chính phủ bèn lập một ủy ban, đâu mang tên là Commission Pour La Pureté De La Langue Française, giao cho nhiệm vụ thanh lọc tiếng Pháp. Sau sáu tháng, ủy ban lọc ra được khoảng 300 từ, gọi là từ *franglais*, mà ủy ban đề nghị nhà nước khuyến cáo người Pháp không nên dùng. Ủy ban chu đáo lắm, chế ra đủ bằng ấy từ thuần túy Pháp cho người Pháp dùng; thí dụ để thay từ *tanker* thì có từ *navire citerne*. Rất tiếc tôi không biết (hoặc không nhớ) ủy ban chế ra từ nào thay thế từ *hamburger*, và cho đến nay cũng không biết dân Pháp tham gia bảo vệ sự trong sáng của tiếng Pháp tích cực đến thế nào. Bây giờ nghĩ lại tôi tiếc là hồi đó không viết thư đề nghị Tổng Thống Pompidou cho đóng cửa quách mấy cái tiệm thuốc tây bán bánh kẹp nhân thịt bầm, ra lệnh tiệm thuốc tây chỉ được bán thuốc tây thôi, như thế có phải người

Pháp chỉ biết đến cái *pharmacie* thôi, và có phải diệt được cái từ *drugstore* độc hại đó, diệt ngay từ gốc của nó không. Còn muốn diệt từ *hamburger* thì cứ ra lệnh cấm người Pháp ăn *hamburger*, cấm tiệm ăn làm *hamburger*, thử hỏi làm sao còn nhu cầu dùng từ *hamburger* nữa. Muốn ngăn chặn sự xâm nhập của tiếng nước ngoài phải ngăn chặn sự xâm lăng của nước ngoài về mặt văn hóa mới là thượng sách chứ. Tôi nhớ chỉ có nhà văn Art Buchwald viết một bức thư ngỏ gửi Tổng Thống Pháp, xin thối lại tất cả những từ mà người nói tiếng Anh đã mượn của tiếng Pháp trong khoảng mấy chục năm trước đó. Áng văn đó là một kiệt tác: một nửa số từ dùng trong bức thư là từ mới mượn của tiếng Pháp.

Ở Việt Nam thì chưa thấy thành lập ủy ban ủy biếc gì. Chỉ có một loạt bài mang tựa để "Để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt" đăng trên báo *Nhân Dân*, vào năm 76-77 gì đó. Tôi lại phải xin phép được viện dẫn theo trí nhớ thôi và cũng xin cam đoan không bịa đặt. Thú thực mới đọc cái tựa đề thôi, tinh thần thuần túy chủ nghĩa trong tôi đã muốn làm tôi nổi căm phẫn rồi. Tựa đề đó Tây chẳng khác gì từ *lôgich* (có người còn viết *lôgic*, bất kể là trong vần Việt ngữ không hề có vần *-ic*), tây hơn cả thành ngữ "vũ trang đến tận răng". Nếu hiểu trong sáng là thuần túy Việt Nam thì tựa đề đó không trong sáng tí nào cả. Muốn trong sáng có lẽ phải nói *giữ cho tiếng Việt được trong sáng* mới chỉnh. Cấu trúc *sự trong sáng* của... nặng nề, rõ ràng là dấu vết "của sự xâm nhập của tiếng Pháp," rõ ràng là dịch từ tiếng Pháp.

Nhưng hãy xem người ta muốn bảo vệ tiếng Việt như thế nào. Trong số ba bài báo đọc được trong trại cải tạo tôi nhớ người ta mổ xẻ mấy từ gốc Hán và trong số mấy từ này tôi chỉ nhớ được hai từ *chung cư* và *câu kết*. Nhớ được *chung cư* thì cũng dễ hiểu vì nó có duyên nợ với tôi như trên đã kể. Còn *câu kết* thì, nói đúng ra, trước 75 trong Nam cũng đã có người bàn đến rồi, không phải đợi đến lúc miền Nam "hoàn toàn giải phóng," "đất nước thống nhất", dân miền Nam mới được dạy cho biết *câu kết* là đúng, *cấu kết* là sai. Nói cho cùng tôi không nặng nợ với *câu kết*. Thảng hoặc có phải bàn đến việc câu kết thì chắc tôi dùng chữ nôm *toa dập*, chẳng hạn *Nga toa dập với Đức nuốt luôn ba nước Bantích*. Có dùng *câu kết* họa chăng là mấy vị bỉnh bút viết xã luận hay các chính trị gia ưa dao to búa lớn. Sở dĩ tôi nhớ nó là vì từ 1979 đến 1988,

Huỳnh Liễu Ngạn

Khi chia tay ở một ngã rẽ của cuộc đời

Người đi. Nhớ kỷ niệm rồi
thôi. Tôi ngồi lại nhìn trời xanh mưa
Từ chia tay. Vào buổi trưa
Rồi quên. Rồi nhớ. Rồi vừa chớm năm
Người đi. Người đi. Mù tăm
Còn tôi với nỗi băn khoăn. Suốt đời.

Rosemead 31-1-93

và xin chia buồn một khoảng đời tha phương lạc lõng

Xa mùa nước lớn. Mênh mông
Còn ai bắt nhịp cầu vòng em sang
Mười năm. Sống rất mơ màng
Nên chi tuổi tác cũng sang ngang rồi
Hoàng hôn. Anh ngó cuộc đời
Một phương trời rộng. Hai nơi địa cầu
Bình minh. Anh ngó cuộc đời
Vẫn xao xuyến cuộc luân hồi bủa vây
Đầu năm. Đầu gối lên tay
Quê hương sao cứ bủa vây anh hoài.

El Monte 92

ở Việt Nam, từ đó được nhà cầm quyền Hà Nội dùng rất nhiều. Hồi ấy sự kiện "bá quyền Bắc Kinh câu kết với đế quốc Mỹ" được đài phát thanh, báo chí đề cập đến hàng ngày.

Vậy người ta nói và viết *câu kết* hay *cấu kết*? Xin thưa, trên báo *Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Học Tập* (sau đổi thành *Cộng Sản*) v.v... tức là các báo trung ương viết bởi các chuyên gia đã được Đảng và nhân dân phân công cho làm việc viết lách, bao giờ ta cũng thấy *câu kết*. Còn trên các báo địa phương thì thường là *cấu kết*. Và từ cái loa gắn ở cột đèn đầu ngõ tôi ở, xướng ngôn viên đài phát thanh quận, phát thanh đều đặn ngày ba lần, sáng, trưa, xẩm tối, bao giờ cũng đọc *cấu kết*. Nghĩa là nói chung người ta không chịu theo lời dạy của báo Đảng.

Báo Đảng cũng dùng hai nhóm từ *chủ nghĩa xã hội* và *xã hội chủ nghĩa* rất phân minh rạch ròi: *chủ nghĩa xã hội* là danh từ, còn *xã hội chủ nghĩa* là tính từ hay trạng từ. Thí dụ: *tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH* (xin phép được viết tắt), nhưng *các nước XHCN anh em, đồng chí đại sứ Liên Xô tham gia lao động XHCN ở Hà Nội*. Các nhóm từ *chủ nghĩa tư bản,* và *tư bản chủ nghĩa*, v.v... cũng được phân biệt như vậy: *tiến thẳng lên CNXH không kinh qua giai đoạn phát triển TBCN*.

Ấy vậy mà dường như ý Đảng thì đi một đàng còn lòng dân thì lại đi một nẻo. Đảng rất muốn "bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt", song dường như nhân dân đói quá, suốt ngày lao lực, lao tâm vì miếng cơm, manh áo, không có thì giờ "đọc và làm theo báo Đảng", nên hầu hết chẳng ai nói đúng *chúng cư, câu kết,* chẳng ai phân biệt *CNXH* với *XHCN*. Nói đúng ra chẳng mấy ai dùng đến nhóm từ *CNXH, XHCN,* trừ khi phải phát biểu trong các buổi học tập, họp tổ dân phố, hoặc để nói móc lò:

"Sao cà phê thơm mùi bắp rang quá vậy!"

"Cà phê XHCN mà!"

Cán bộ thì ngoại trừ những tay "thợ viết", chuyên gia báo chí, còn từ trung ương cho đến cơ sở, kể cả những người có chữ nghĩa, dường như ai cũng nói không được "trong sáng" cho lắm. Khoảng 1980, tôi nghe Bộ trưởng Giáo dục lúc ấy là Nguyễn Thị Bình phát biểu trên đài phát thanh, tiếng loa xa xả từ giữa trại ập vào phòng giam, như thế này: *tiến lên XHCN,* chứ không phải *tiến lên CNXH*.

Xem chừng như sự áp đặt của tập đoàn lãnh đạo cũng như ý muốn sửa sai của bậc thức giả đều không có kết quả. Hay là tại ở Pháp chính quyền chưa được "chuyên chính" cho lắm còn ở Việt Nam thì tại "đất nước nhân dân còn nghèo", "Đảng còn bận trăm công nghìn việc" nên chưa thực hiện được kế hoạch "bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt"? Giả sử nhà nước nâng việc bảo vệ đó lên hàng quốc sách, ra nghị định (như việc ấn định hàng năm người Việt ở nước ngoài chỉ được gửi quà về cho thân nhân trong nước bốn lần thôi, quyết định do Phó Thủ Tướng Tố Hữu ký đàng hoàng), rồi phóng tay phát động phong trào nói viết trong sáng, ra lệnh học tập thảo luận từ trung ương cho đến cơ sở, từ cơ quan chính quyền đến tận từng tổ dân phố, từng trại cải tạo, cho mọi người được quán triệt chính sách, tôi nghĩ làm như vậy không chừng nhân dân Việt Nam sẽ nói viết đúng *chúng cư, câu kết*. Nhưng đấy chỉ là giả sử, mơ ước thôi, không biết bao giờ mới thành hiện thực được.

Trước đây ông Nguyễn Vỹ vẫn hô hào thành lập Hàn Lâm Viện. Tôi nghĩ ta chẳng cần Hàn Lâm Viện. Giả sử ta có Hàn Lâm Viện, và giả sử Hàn Lâm Viện phán quyết phải nói *chúng cư, câu kết*, thì liệu trong số mấy chục triệu đồng bào đầu tắt mặt tối hoặc mánh mung lươn lẹo để kiếm miếng ăn hàng ngày, có được bao nhiêu người, quan tâm theo dõi, gật gù tán thưởng, và hạ quyết tâm nói viết theo cho đúng?

Thiết nghĩ là chỉ có cách làm sao cho dân no cơm ấm áo, rồi có của ăn của để; chừng đó dân mới cho con đi học mà không bắt ở nhà trông em hay cầm xấp vé số, ôm khay thuốc lá lẻ, đi bán ở bến xe, bến tàu; chừng đó dân mới có thì giờ đọc sách đọc báo, chừng đó trẻ cũng như già mới mở mang kiến thức trau giồi cách ăn nói cho gãy gọn sáng sủa, cho tiếng Việt không những trong sáng, đậm đà dân tộc tính mà còn phong phú, khoa học, văn minh, làm dụng cụ đắc lực cho mọi hoạt động văn hóa tư tưởng để dân tộc theo kịp đà tiến hóa chung của nhân loại.

Còn bây giờ ta có can thiệp, làm cái việc nhổ cỏ dại như báo *Mới* ở Saigon trước 1954 đã làm, tôi nghĩ cũng chẳng có tác dụng gì. Cứ để bà con mạnh ai nấy viết. Văn hay thì sẽ được truyền tụng, bảo tồn. Còn văn mà đọc không ai hiểu nổi, tức là ngôn ngữ không làm tròn được chức năng truyền thông, thì thứ văn đó, ngôn ngữ đó trước sau gì cũng bị đào thải, hà tất ta phải bận tâm.

Tôi cũng hy vọng bài viết này thoát qua được lưới tầm sét của mấy vị ngự sử văn đàn báo *Thế Kỷ 21* mà không bị chém nhát nào.■

HÀNH LANG MẬT BẮC BỘ PHỦ

TƯ RÀ RÀ

1

Sau bữa tiệc thịnh soạn khoản đãi phái đoàn viện trợ của nước bạn Cu Ba, đồng chí Đỗ Mười trở về, trằn trọc không ngủ được. Đồng chí hỏi bà Mười:

"Có cái gì đọc cho nó dễ ngủ không?"

Bà Mười đưa cho đồng chí Tổng Bí Thư tập sách mong mỏng. Nằm đọc, đồng chí lại càng khó ngủ hơn, không những thế lại bị đầy bụng, nó cứ căng lên và sôi ùng ục. Sáng hôm sau, Đỗ Mười đi tìm gặp Lê Đức Anh nói:

"Đêm qua ngủ không được chỉ vì cái của nợ này đây!"

Và đồng chí đưa ra cuốn sách thuốc ngủ của bà Mười. Bìa sách ghi tựa là: Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam 1992.

2

"Ửa, tại sao ông ngủ không được? Tôi đã dùng thử cuốn này, đọc chưa hết một trang đã ngủ."

"Biết rồi. Nhưng đêm qua lại khác. Tớ đọc điều 4 nói là đảng mình theo chủ nghĩa Mác-Lê-Nin..."

"Bách chiến bách thắng! Đọc tới đó mà đồng chí khó ngủ là đồng chí có vấn đề đấy! Có vấn đề đấy!"

"Không, không. Cái phần đó tớ hiểu chứ, tớ còn vào đảng trước cả cậu, đừng có nói năng hấp tấp. Để người ta nói cho nó có đầu có đuôi đã nào. Làm gì mà cuống lên như sắp được gọi qua chầu Bắc Kinh ấy! Cái chỗ nó làm tớ khó ngủ là câu: "... chủ nghĩa Mác Lê Nin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh". Nói thật với cậu tớ đếch biết Tư Tưởng Hồ Chí Minh nó là cái gì!"

"Thì tớ cũng vậy. Hồi đó mình có học ở trường đảng về tác phong Hồ Chí Minh, thế hệ Hồ Chí Minh, còn Tư tưởng Hồ Chí Minh thì tuyệt nhiên chưa bao giờ nghe nói!"

3

Sau 30 phút ngồi suy nghĩ, Lê Đức Anh vụt đứng dậy:

"Gọi thằng Tùng vào đây. Nó phụ trách công tác tư tưởng với văn hóa cái mẹ nhà nó. Nó viết cái tư tưởng bố nó vào đây, bắt nó phải tìm cho ra."

Vì Bộ Chính Trị không làm việc ở trụ sở, cũng chẳng làm việc ở văn phòng, nên ba giờ sau mới thấy Đào Duy Tùng được dẫn tới.

"Này cậu, cậu nói cho chúng tôi nghe tư tưởng Hồ Chí Minh là thế nào? Nói không ra lẽ là tôi cho cậu đi học tập lại, theo thằng con nhà Bách đấy."

"Thưa hai đồng chí, công tác tư tưởng là công tác vô cùng hệ trọng nó quyết định..."

"Biết rồi, khổ lắm, nói mãi. Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì thì nói mẹ nó ra đi!

"... Vì tính hệ trọng và tính quyết định của công tác tư tưởng cho nên đảng ta, tức là đội tiên phong của giai cấp công nhân, và đại biểu trung thành của nhân dân mà nền tảng là liên minh của giai cấp công nhân và nông dân, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội..."

Đào Duy Tùng thuyết trình tới đó thì thấy Đỗ Mười đang lim rim ngủ, bèn hạ giọng nói nhỏ hơn rồi nhẹ nhàng rút chân tính quay lui. Bỗng Lê Đức Anh gọi giật lại:

"Này đừng có chuồn! Đứng đó nói tiếp đi chứ, công tác tư tưởng của cậu là công tác bẻm mép, ba hoa, sao chưa nói hết đã tính chuồn? Đêm qua bà Mười bà ấy gọi cậu vào thuyết trình thì ông Mười ông ấy đâu đến nỗi mất ngủ! Thế cậu biết tư tưởng Hồ Chí Minh là cái gì cậu nói đi cho chúng con nhờ nào!"

Đào Duy Tùng chắp tay:

"Thưa đồng chí, vấn đề tư tưởng Hồ Chí Minh, tức là

ngọn đuốc soi đường của đảng và nhân dân ta,..."

"Này, đừng làm tớ ngủ nốt nghe cậu. Nói vắn tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh là cái gì? Cấm ba hoa nữa!"

"Thưa đồng chí, để em về coi lại sách. Tại đồng chí hỏi bất ngờ quá."

4

Sáng hôm sau, ba người trên lại họp mặt, có thêm Đoàn Khuê và Võ Trần Trí.

Đoàn Khuê nói đùa:

"À, hôm nay Bộ Chính Trị mình họp về công tác tư tưởng đây. Nào, anh Tùng lên lớp cho chúng em nghe!"

"Kính thưa đồng chí Tổng Bí Thư! Kính thưa các đồng chí. Sau một đêm đọc sách, toàn bộ tác phẩm của Hồ Chủ Tịch, thì tôi thấy tư tưởng Hồ Chí Minh có thể tóm lại là sự tổng hợp vĩ đại của chủ nghĩa Mác Lê Nin, áp dụng sáng tạo vào hoàn cảnh..."

Lê Đức Anh ngắt lời:

"Này, đừng công tác tư tưởng nữa. Cậu nói vắn tắt thôi. Thí dụ chủ nghĩa Mác thì mình nói nó là duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, học thế nó dễ thuộc. Còn tư tưởng Hồ Chí Minh, cậu cho tớ bốn chữ thôi, bốn chữ đủ rồi."

Đào Duy Tùng gấp cuốn sách lại, ngồi im lặng một lúc rồi nói:

"Bác có viết từ năm 1947 cuốn *Đời Sống Mới*, bác ký tên là Tân Sinh, bác bảo: "Đời Sống Mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính". Chắc đó là tư tưởng Hồ Chí Minh."

Đỗ Mười đứng dậy vỗ tay:

"Hay lắm! Hay lắm! Bây giờ mình mới hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh là 'Cần Kiệm Liêm Chính!'"

Buổi họp tính bế mạc thì Phan Văn Khải đi qua, thấy Võ Trần Chí còn đang cười hố hố.

"Cái gì mà vui thế? Đế quốc Mỹ sắp đầu hàng xin bỏ cấm vận hả? Hay là các cụ biết tin đi Ba Ri về có quà nên vỗ tay hoan hô tui đó?"

Đoàn Khuê nhổ nước miếng:

"Đồng bào ruột thịt ở Ba Ri tặng đồng chí toàn cà chua với trứng vịt chứ gì? Thôi xin để đồng chí dùng cả ạ! Chúng em chả dám."

Đỗ Mười can:

"Thôi, không được làm mất đoàn kết! Chú Khải ạ, chúng tôi vừa học tập được một điều vô cùng hệ trọng. Hóa ra tư tưởng Hồ Chí Minh là Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Từ nay trở đi nếu có ai hỏi cứ nói thế!"

"Sao vậy? Làm chi có chuyện đó? Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì là Khổng Tử nói, chứ đâu phải là Bác?"

"Thật hả? Đỗ Mười ngạc nhiên. Đồng chí Khổng Từ là đồng chí nào vậy? Đã được vào Trung Ương chưa?"

Sau khi Phan Văn Khải cho biết có lẽ hình như Khổng Tử là người Tàu, hay ít nhất cũng là người Việt gốc Hoa theo nguồn tin tình báo ở Mỹ của Kim Định, Bộ Chính Trị đã ra lệnh Bùi Thiện Ngộ lục lọi hết hồ sơ của Bộ Nội Vụ và Ban Tổ Chức đảng để tìm hiểu xem Khổng Tử thuộc thành phần nào, lý lịch tốt hay xấu, lập trường có rõ rệt không.

5

Sau khi điều tra tất cả các hồ sơ của tất cả các đảng viên, kể cả các đảng viên được gửi ra ngoại quốc trong chiến dịch Bông Hồng Đỏ, Bông Hồng Trắng, Bông Hồng Xám, Bông Hồng Xanh, cho tới Bông Hồng Chè Ba Mầu, Bùi Thiện Ngộ báo cáo tuyệt nhiên không thấy một dấu tích nào của đồng chí Khổng Tử. Không có thẻ đảng viên, không có bằng liệt sĩ, cũng không hề bị đảng khai trừ và ám sát.

Cuối cùng Bộ chính trị quyết định rằng nếu tên Khổng Tử là một người Việt gốc Hoa, thì chắc hẳn phải ở trong 300 ngàn người Hoa bị trục xuất đang ở Quảng Đông, Quảng Tây, hoặc là trong đám tòng vong của Hoàng Văn Hoan, còn gọi là Hoàng Chiêu Thống. Nhưng, vì tên Khổng Tử này hoàn toàn bí mật, không lấy gì làm bằng cớ, cho nên nó không thể tranh lấy bốn chữ Cần, Kiệm, Liêm, Chính, mà từ nay ta gọi đó là tư tưởng Hồ Chí Minh! Hơn nữa, nếu hắn xuất đầu lộ diện đòi tác quyền thì ta sẽ điều đình với Trung Quốc bịt miệng nó lại. Các đồng chí Trung Quốc chắc chắn sẽ hỗ trợ.

Bộ Chính Trị ra lệnh cho ban công tác tư tưởng soạn thảo ngay cuốn sách: "Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Tư tưởng vĩ đại của Hồ Chủ Tịch Muôn Ngàn Kính Yêu" ấn hành 70 triệu cuốn bằng giấy Mỹ, để phát cho mỗi người Việt Nam một cuốn, kể cả 2 triệu cuốn gửi ra nước ngoài trong chiến dịch Bông Hồng Chè Ba Mầu có nước dừa.

Sách vừa in xong, chưa kịp phát, thì một điện văn khẩn cấp của Trịnh Xuân Lãng từ New York đánh về, viết: "Bá cáo khẩn. Stop. Ngưng phát hành ngay sách tư tưởng Hồ Chí Minh. Stop. Khổng Tử đã di tản Stop. Hiện đang ở Mỹ. Stop. Sẽ gửi tài liệu sau. Stop."

Một tuần sau Bộ Chính Trị nhận được tài liệu. Đó là một cuốn sách dày hơn 500 trang toàn các tư tưởng phản động chống phá chủ nghĩa Mác. Cuốn sách có tựa là *Khổng Tử*, của Nugyễn Hiến Lê, do nhà xuất bản Văn Nghệ ở California ấn hành.■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

LÊ TAM CA
& NGUYỄN NAM ANH

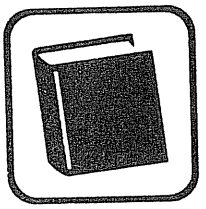

SÁCH

THƠ ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯỢNG / ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯỢNG lời vào tập của Phan Ni Tấn (N.D). Bìa và phụ bản của Đặng Thị Quế Phượng. Nhạc Phan Ni Tấn. Sách dày 64 trang. Ấn hành tại Đức. Không đề giá. Không ghi địa chỉ liên lạc.

"Với Đặng Thị Quế Phượng, làm thơ chỉ để nói lên những điều ấp ủ, khát khao, ghi chép lại mỗi niềm, gởi gắm lời tâm sự đến cùng người thân, đến bạn bè, đến những người đồng hương đang lưu vong ở quanh đây, hay nơi xa, nơi quê nhà." (Lời Vào Tập của Phan Ni Tấn).

NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN, ghi chép của **ĐOÀN THÊM**, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Sách dày 430 trang. Đề giá 18 MK.

Đoàn Thêm là một tên tuổi quen thuộc của người đọc Việt Nam. Ông là tác giả của các tác phẩm *Hai Mươi Năm Qua (1945-1964); Việc Từng Ngày* (1965-1969); *Những Ngày Chưa Quên* (1939-1954); *Những Ngày Chưa Quên* (1954-1963).

Ông Đoàn Thêm cùng gia đình định cư ở Canada từ năm 1983.

Mời bạn đọc xem bài giới thiệu của Nguyễn Mạnh Hùng trong số báo này.

Địa chỉ liên lạc:
Cành Nam Publishers
2607 N. Military Rd.
Arlington, VA 22207
(703) 525-4538

QUÊ, Tùy bút **VÕ PHIẾN**, Văn Nghệ Xuất Bản. Sách khổ nhỏ, vừa bàn tay. Dày 134 trang. Đề giá 6 MK. Nhà văn Võ Phiến là người viết tùy bút lừng lẫy của văn học Việt Nam. *Quê* là tên gọi chung cho ba bài tùy bút: Nhớ Làng, Khách Xa Qui Tâm và Cái Lạnh Nửa Người. Tủ sách gia đình không thể thiếu những tác phẩm của Võ Phiến.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
10881 Oak Street
Stanton, CA 90680
Điện thoại: (714) 527-5761

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY (Đạt Lai Lạt Ma Tự Truyện) của **TENZIN GYATSO**. Bản dịch của **CHÂN VĂN** và **CHÂN HUYỀN**. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 380 trang. Đề giá 14 MK.

"Tôi, một nhà sư giản dị, viết cuốn sách về cuộc đời tôi, nhưng không vì vậy mà cho đây là cuốn sách viết về Phật Giáo. Tôi có hai lý do để viết tự truyện. Trước hết, là càng ngày càng nhiều người chú ý tìm hiểu về Đạt Lai Lạt Ma. Thứ nữa, tôi mong làm sáng tỏ một số biến cố lịch sử."

Lời viết trên đây của chính Đạt Lai Lạt Ma cho thấy đây là một tác phẩm hấp dẫn "Trong lúc Phật Giáo Việt Nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của Ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc."

Địa chỉ liên lạc
Nhà Xuất Bản Văn Nghệ

MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG, DARSHANI DEANE, bản dịch của **NGUYÊN PHONG**. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 246 trang. Đề giá 12 MK. Darshani là một diễn giả nổi tiếng. Cuộc diễn thuyết nào của bà cũng thu hút đông đảo người nghe. Và sau mỗi buổi nói chuyện, bà thường tiếp xúc với người nghe và thảo luận thêm về các đề tài liên quan đến đời sống cá nhân của họ. Cuốn sách này là những ghi nhận được qua các cuộc tiếp xúc đó. Trong phần tiểu sử tác giả người ta được biết Darshani trước khi trở nên diễn giả, là một nhạc sĩ nhạc cổ điển nổi tiếng đã trình diễn âm nhạc tại 72 quốc gia. Mặt khác, bà còn là một trong những phụ nữ đầu tiên có bằng lái máy bay, đã bay nhiều chuyến *Solo* qua lục địa và đồng thời cũng là người đàn bà đầu tiên lái xe hơi du lịch khắp thế giới một mình. Một câu nói của bà Darshani: "Khi biết thoải mái với mình thì người ta bắt đầu biết nghĩ đến người khác, và tôi đã suy nghĩ nhiều về mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội." (tr.21)

Địa chỉ liên lạc:

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ

HỒ CHÍ MINH / NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG, ghi chép, suy nghĩ, hồi ức,... của **HỒ SĨ KHUÊ**. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 444 trang. Đề giá 16 MK.

Trong gần 60 năm sống và theo dõi tình hình đất nước, khi thì sôi nổi trong các trục vận động, khi thì tỉnh táo ở ngoài các trung tâm quyền lực, tác giả đã *kinh* qua rồi *nghiệm* lại các biến cố để từ đó tìm hiểu những lực vận động nào đã tác động, và tác động theo cách thế nào, vào vận mệnh nước ta. Những luận điểm được trình bày trong tập sách này là kết quả của những nỗ lực liên tục, mà dù đứng từ vị trí nào để quan tâm đến đất nước, chúng ta cũng cần đón nhận với tất cả sự ân cần." (Trích Lời Giới Thiệu)

Liên lạc Nhà Xuất Bản Văn Nghệ (như trên)

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN, THẾ UYÊN, Xuân Thu xuất bản. Sách dày 250 trang. Đề giá 10 MK.

Tập sách gồm 11 truyện ngắn đã viết trước năm 1975. Riêng truyện cuối cùng trong tập, truyện Căn Nhà Của Mẹ có thêm một đoạn, *viết lần thứ hai, 20 năm sau* được viết năm 1989 sau hai năm tác giả đến định cư ở Hoa Kỳ. Truyện của Thế Uyên rất lôi cuốn người đọc. Ông là một trong những tác giả sáng tác mạnh.

Địa chỉ liên lạc
Nhà Xuất Bản Xuân Thu
P.O. Box 97
Los Alamitos, CA 90720
(714) 828-9222

(310) 430-3828

TIẾNG NÚI, truyện ngắn **NGÔ NGUYÊN DŨNG**. Làng Văn xuất bản. Sách dày 272 trang. Đề giá 14 MK.

Người đề tựa cho tập truyện này là nhà văn Võ Phiến. Qua bài viết này ông mở cho người đọc thấy một cánh cửa khác: Văn học Việt Nam hải ngoại. Võ Phiến nói "Chúng ta sống trôi giạt lòng vẫn hướng về quê hương, mỗi dòng chữ viết ra đều hướng về quê hương; tuy nhiên cái nỗi lòng hướng về quê với nỗi lòng của người ở ngay tại quê khác nhau nhiều chứ... Nó hướng về nhưng luôn luôn khác biệt với văn học quốc nội." Và ông kết luận: "Văn học Việt Nam hải ngoại đã thành hình, đã thành một thực tại, đã trưởng thành, nhưng chưa được tìm hiểu bao nhiêu." (tr.13)

Có lẽ những người có khả năng tìm hiểu mãi bận lo tìm hiểu nền văn học trong nước chăng? Tập truyện ngắn *Chuông Đêm*, cũng của *Ngô Nguyên Dũng* (dày 172 trang, đề giá 10 MK, do Làng Văn xuất bản) cùng với *Tiếng Núi* cùng in trong năm 1992 cho thấy Ngô Nguyên Dũng đang thời kỳ sung sức.

Địa chỉ liên lạc:
Làng Văn
P.O. Box 310 Station W
Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ, tập truyện **VĨNH HẢO**, Chân Nguyên xuất bản. Sách dày 222 trang. Đề giá 10 MK. Với 12 truyện ngắn viết bằng một bút pháp nhẹ nhàng, đôn hậu và "lãng mạn", Vĩnh Hảo cho người đọc thấy ông là một nhà văn nghiêm túc. Nhân vật trong truyện ông cao thượng, anh hùng và... hiền lành.

Địa chỉ liên lạc:
Chân Nguyên
424 S. Ramona Ave.
Monterey Park, CA 91754
(818) 288-5359

TÌNH NGƯỜI, tuyển tập truyện ngắn Na Uy, bản Việt ngữ của **DƯƠNG KIM**, nhà xuất bản Anh Em 1992. Sách dày hơn 200 trang, không đề giá bán. Liên lạc :

P.O Box 310 Station "W",
Toronto, ONT MGM5B9 CANADA

Tìm đọc:

Qua Cơn Bão Dữ

của

KIM HÀ

Hồi ký vượt biên bằng đường bộ

"... do lời văn giản dị, trong sáng của bà thích hợp với trình độ của đa số quần chúng."

Đặng Đình Tước
Montreal, Canada

Sách dày trên 400 trang.
Giá 18 Mỹ kim.
Liên lạc: KIM HÀ
10582 Mast Ave.
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-2304

THẾ KỶ 21, số Tết (45 & 46) đã đăng một truyện ngắn Na Uy do Dương Kim dịch và giới thiệu - truyện NGƯỜI BỐ của Bjornstjerne Bjornson. Truyện nầy xuất hiện trong tuyển tập TÌNH NGƯỜI ngay ở trang đầu tiên, và cùng mười lăm truyện khác của nhiều tác giả, giúp chúng ta làm quen với văn học Na Uy, một xứ Bắc Âu tuyết nhiều và nắng ít.

Trước đó, THẾ KỶ 21 số 41 cũng đã đăng "Họa sĩ Bekke", Dương Kim dịch từ truyện của Ragnar W. Otgart

Nhìn chung, những truyện Dương Kim tuyển dịch đều ngắn - kiểu như "Truyện thật ngắn" của Võ Phiến - và văn của Dương Kim sáng sủa dễ hiểu.

Điều ngạc nhiên lý thú là dịch giả Dương Kim năm nay mới 26 tuổi, nhưng là "con nhà nòi" của văn học nghệ thuật. Kim là con trai của nhà thơ Dương Kiền (tác giả "Mùa Gặt Giữa Hư Vô"), và là cháu ngoại của nhà văn Nguyễn thị Vinh (trong Tự Lực Văn Đoàn).

PHẠM QUỲNH 1892-1992, Tuyển tập và Di Cảo

An Tiêm xuất bản 1992, dầy 418 trang, giá 17 MK.

Với ghi chú: "Bản quyền của Phạm thị Hoàn - Paris", tuyển tập nầy là nỗ lực của hậu duệ nhà văn, nhà chính trị họ Phạm, xuất bản nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông.

Với lời "Tựa" của nhà thơ, nhà ngoại giao Lương Giang Phạm Trọng Nhân, tập sách này còn có mục đích vinh danh Phạm Quỳnh trên bình diện văn học và xét lại vấn đề tư tưởng và lòng yêu nước của cố Thượng thư triều Nguyễn có bút hiệu Thượng Chi. Ông bị Việt Minh thủ tiêu và gán cho tội "theo Tây làm Việt gian".

Hãy tìm đọc "Phạm Quỳnh", Tuyển Tập và Di cảo", để thấy, như Lương Giang nhận định "không thể phủ nhận công lao của Phạm Quỳnh đối với kho tàng chữ nghĩa của quốc gia dân tộc"

Liên lạc : Nhà Văn Nghệ

VẾT THƯƠNG, tập truyện của **SƠN TÙNG**, Alpha xuất bản 1992. Dày 180 trang, giá 10 MK.

Gồm 13 truyện ngắn, VẾT THƯƠNG vừa là tên chung của tuyển tập, vừa là tên truyện ngắn đầu tiên trong tập - kể chuyện thân phận một cô giáo vượt biển, bị hải tặc làm nhục, và chịu nhiều đau đớn tinh thần khác, tương phản với hình ảnh gã "chủ tàu" hèn nhát lại được đi định cư sớm.

Truyện của Sơn Tùng giản dị, với lối văn miền Nam tự nhiên, chân thật, thường là những hoạt cảnh hiện thực của đời sống, từ trong nước đến trại tị nạn, rồi ở Mỹ. Mỗi hoạt cảnh là một tâm trạng, thể hiện qua sự việc và đối thoại - không lý luận, không cắt nghĩa.

Võ Phiến nhận xét văn Sơn Tùng: "Ông kể chuyện đơn giản, đọc cứ tưởng như thật. Càng thật càng xúc động mạnh".

Liên lạc:
Alpha xuất bản & phát hành
6771 Wilson Blvd, Falls Church, VA 22044

VIỆT NAM VÀ SIÊU CÁCH MỆNH, biên khảo của **MẠC NGỌC PHA**, cơ sở Hoa Thế Nguyên xuất bản 1992. Dày 344 trang. Giá 25 MK

Mạc Ngọc Pha là bút hiệu của một nhà giáo, đã từng dạy ở Đại học Vạn Hạnh, Saigon (theo lời giới thiệu của nhà xuất bản).

Cũng theo lời giới thiệu nói trên, "Việt Nam và Siêu Cách Mệnh" có "một nội dung sâu sắc của tư tưởng Đông phương được cập nhật hoá những tư tưởng tiến bộ hiện đại nhất của nhân loại, mong được góp phần vào công cuộc Cách mệnh Tâm linh Dân tộc với lý tưởng xây dựng một thế hệ lãnh đạo trẻ. Ngoài ra, tác phẩm còn mang tham vọng đề xuất một Mẫu thức Cách mệnh cho một xã hội hậu Cộng sản và một chính sách siêu kinh tế cho một nước kém mở mang, với quan điểm tương lai tác vận học".

Sách có nhiều chữ mới, hơi khó hiểu đối với người bình thường, mặc dù cuối sách có phần "Ngữ Vựng và Chú Giải".

DINH DƯỠNG TRỊ LIỆU, biên khảo của **NGUYỄN THẾ THỨ, DC, DSc, PhD**, Ngô Xuân Phương xuất bản 1993. Dày 880 trang khổ lớn (8 1/2 x 11), không đề giá bán.

Đây là một nghiên cứu công phu về vấn đề dinh dưỡng và những phương thức chữa bệnh bằng dinh dưỡng.

Tốt nghiệp và hành nghề ngành trị bệnh bằng xoa bóp (chiropratic), BS Nguyễn Thế Thứ còn học thêm về dinh dưỡng, và đã bỏ công sức, thì giờ, soạn bộ "Dinh Dưỡng Trị Liệu" đồ sộ nầy, từ đầu năm 1989 đến cuối năm 1992 mới hoàn tất.

Vốn là một sĩ quan QLVNCH, BS Nguyễn Thế Thứ kiên trì học hỏi từ ngày mới tới Mỹ định cư (04-07-1975), và nêu gương hiếu học giúp cho các con của ông cũng thành tài : hai con lớn là Nguyễn Xuân Thuyên và Nguyễn Thế Triều Huy cũng đã tốt nghiệp và hành nghề ngành trị bệnh bằng xoa bóp.

Ngoài 45 chương dẫn giải dinh dưỡng và trị liệu, cuốn sách còn có 32 phụ bản dành cho các tài liệu, số liệu, bảng, rất tiện cho việc

tham khảo, đối chiếu. Danh mục (đúng ra là dẫn mục, index) ở cuối sách giúp việc tra cứu dễ dàng và nhanh chóng - đúng tiêu chuẩn biên tập một bộ sách tham khảo.

Liên lạc:
Ngô Xuân Phương
7891 Westminster Blvd
Westminster, CA 92683
(714) 891-7775

QUA CƠN BÃO DỮ, Hồi ký vượt biên bằng đường bộ, của **KIM HÀ**, tác giả tự xuất bản 1992. Dày 402 trang, giá 18 MK.

Đây là tập bút ký đã được đăng tải trên một số báo Việt ngữ ở Mỹ và Canada trong nhiều năm liên tiếp.

Tác giả cũng chính là người trong cuộc, trải qua những khốn khó, đôi lúc nguy hiểm tới cả tính mạng, trong một cuộc hành trình gian khổ. Loạt bút ký trên báo đã gây tiếng vang lớn trong cộng đồng, và tác động vào những công tác cứu trợ người vượt biên đường bộ. In thành sách, QUA CƠN BÃO DỮ là một tài liệu quý cho những người hôm nay và mai sau muốn tìm hiểu về thực trạng của tị nạn Việt Nam.

Liên lạc: Kim Hà
10582 Mast Ave
Garden Grove, CA 92643■

BÁO

VĂN NGHỆ, tạp chí Văn Học Nghệ Thuật phát hành mỗi hai tuần. Số 2. Giai Phẩm Xuân Quý Dậu. Du Tử Lê chủ trương. Cao Đông Khánh phụ tá. Báo dày 144 trang, gồm nhiều sáng tác của Nguyên Sa, Bùi Bảo Trúc, Phạm Hữu Tạo, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thiện Hiệp, Nguyễn Lập Đông, Cao Đông Khánh, Lê Thị Huệ, Nguyễn Gia Bảo...

Địa chỉ liên lạc:
2615 Waugh Rd.
Suite 189,
Houston, TX 77006
(713) 643-7428
Fax: (713) 223-1501

VĂN LANG, Tập San Nghiên Cứu Việt học, số 4 tháng 12, 1992. Gồm những bài viết giá trị của các tác giả Lê Thọ Giáo, Phạm Cao Dương, Tạ Quốc Tuấn, Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Nguyễn Thuyết Phong, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Khắc Kham, Trần Hồng Châu, Tạ Chí Đại Trường.

Báo dày 216 trang. Đề giá 10MK
Địa chỉ liên lạc:
Văn Lang
PO Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

HỢP LƯU, Tập san Văn học Nghệ thuật Biên khảo (hai tháng ra một số), số 9 (tháng Hai và Ba 1993), chủ đề: Chuyện văn chương.

Số báo này đáng chú ý, vì có ba bài viết chiếm gần 50 trang báo, để đả kích một bài báo khác. Đó là các bài: *Dân tộc chúng tôi có đâu là thảo mộc*, của Phan Tấn Hải, *Nghĩ về nhu cầu giao lưu văn hóa nhân đọc một bài phê bình*, của Nguyễn Tiến Văn, và *Bề rộng của con người*, của Lê Thứ.

Bài báo bị đả kích là bài *Ánh Trăng, tập truyện ngắn được giải cuộc thi báo Văn Nghệ 1991*, của Mai Kim Ngọc đăng trên báo *Văn Học* số 79, tháng 11 năm 1992.

Trong giới hạn của mục "Sách báo trong tháng", *Thế Kỷ 21* không có điều kiện để trình bầy đầy đủ nội dung các bài báo, và cũng không có mục đích "phê bình những phê bình", mà chỉ nêu lên một vài nhận xét nhỏ:

- Dường như cuộc "thảo luận" về vấn đề văn chương đã đi ra ngoài khu vườn văn, bước vào một đấu trường chính trị?

- Truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện" (được giải nhất cuộc thi của báo *Văn Nghệ*) là một truyện dở. Phải chăng chính vì thế mà cuộc "thảo luận" không đi vào việc đánh giá tác phẩm, mà xoay ra bàn về... người đọc tác phẩm?

Có lẽ phải tổ chức một cuộc gặp gỡ (hội thảo?) để cùng nhau trao đổi ý kiến, trước khi sự "thiếu truyền thông" đẩy những người làm nghề "truyền thông" (viết báo) đến chỗ... không thể thông cảm nhau.■

Cần bán 3 bộ sưu tập
Tem Việt Nam từ 1951-1975
Xin liên lạc anh:

CHI NHƯ
Tel: (408) 247-0454
Sau 6:00 PM mỗi ngày

Ô CHỮ (SỐ 4)

CAO TÙNG

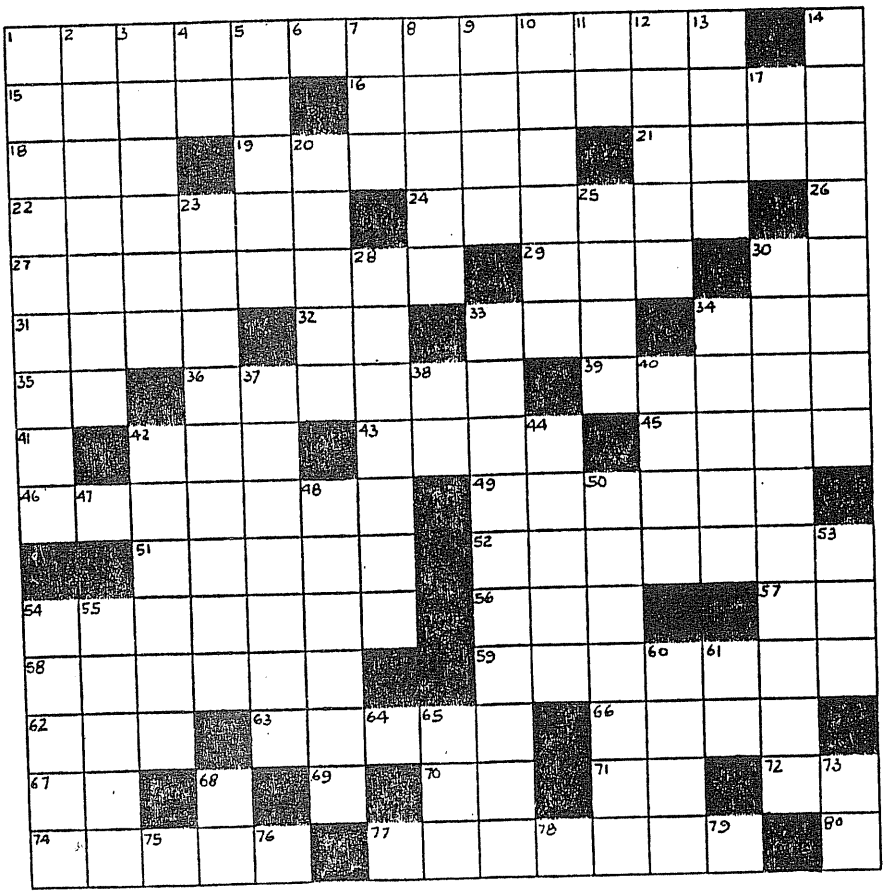

NGANG

1- Danh tướng làm rạng danh nước Việt với câu "Thà làm quỷ nước Nam hơn làm vua đất Bắc" (3t)

14- Lớn hơn em.

15- Nơi có 36 phố phường (2t).

16- Nhớ quê (HV, 2t).

18- Và (E).

19- Làm giả (HV, 2t).

21- Ầm ĩ, nhiều tiếng động (2t).

22- * * Bình Hòa, hay * * Chuồng Chó.

24- Việc xảy ra mà có người chết (2t).

26- Ả *, tên một tác phẩm của Lỗ Tấn.

27- Bộ dạng bề ngoài (HV, 2t).

29- Đơn vị đo năng lượng tính bằng centimet/gram/giây.

30- Không mới.

31- Võ tòng * *.

32- Nấp, trốn.

33- Chứng chỉ của các chuyên viên kế toán sau khi thi đậu cuộc sát hạch khả năng.

34- Hôm nay, ngay bây giờ (S).

35- Cấp sĩ quan thấp hơn cấp tá.

36- Làm lại, gây dựng lại, hay cứu tử (HV, 2t).

39- Thủy tinh (2t).

41- Cô gái miền Trung.

42- Con vật trung thành với chủ.

43- Tốt đẹp nhất, hay nhất (HV, 2t).

45- Chút nữa, lập tức, tức khắc (E).

46- Vùng đất được phù sa của sông bồi đắp cao lên, vùng đất mầu mỡ (HV, 2t).

49- * * phát tiết ra ngoài

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa (Kiều).

51- Nghèo khó, khổ cực như trong câu ca dao:

Cám thương con dế ở hang

Nắng mưa chẳng ngại, * * quản bao.

52- Tiền nước ngoài (HV, 2t).

54- Hơi e sợ, muốn lui bước (2t).

56- Chép lại.

57- Mở to ra.

58- Dữ tợn, dã man (2t).

59- Bộ môn lấy đấm đá, quyền cước làm căn bản (2t).

62- Đồng ý.

63- Người sáng tác thơ, phú (2t).

66- Mái nhà nối dài ra như trong hai câu Kiều sau đây:

* tà gác bóng chênh chênh

Nỗi riêng, riêng chạnh tấc riêng một mình.

67- Tán thán từ chỉ sự tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên hay đau đớn (E).

68- Cóng.

69- Một loại hột nhỏ màu đen, khi ngâm vào nước sẽ nở ra rất to, dùng làm thức uống giảm nhiệt.

70- Buồn rầu sầu thảm như trong câu ca dao:

Người buồn ta cũng * *

Sao bằng niềm nở, dã đề làm vui.

71- Lục địa nổi tiếng với các chú kangaroo.

72- Mùa hoa phượng.

74- Mũi đất tận cùng của Việt Nam (2t).

77- Người chỉ huy tài giỏi và có đầy đủ đức độ trong cuộc khởi nghĩa (HV, 2t).

80- Nhỏ hơn anh.

DỌC

1- Nam diễn viên nổi tiếng của làng sân khấu cải lương (2t).

2- Giáo huấn rất nghiêm túc (2t).

3- Giấu tên họ (HV, 2t).

4- Không đói.

5- Kín đáo, không thể tiết lộ được (2t).

6- Tôi (E).

7- Không lớn.

8- Sông biển, cũng còn có nghĩa là phiêu lưu (HV, 2t).

9- Lễ lớn của Hoa Kỳ vào ngày thứ Năm cuối tháng 11 hằng năm (2t).

10- Râu mọc ở môi trên (2t).

11- Giống như 67 ngang.

12- Để vật gì lên trên ngọn lửa.

13- Hình cụ tròng vào đầu tội nhân.

14- Danh tướng đã sử dụng thủy triều trên sông Bạch Đằng đánh tan quân Nam Hán và giết được tướng chỉ huy của Tàu là Hoằng Thao (năm 938) (2t).

17- Cái cung.

20- Lập mưu ngầm để gây thương tích hay khó khăn cho người khác (HV, 2t).

23- Hai từ trong câu ca dao sau đây:

Quạ kêu nam đáo nữ phòng

Người dưng khác họ đem lòng * *.

25- Ai Cập, Palestine, Jordan... thuộc khối này (2t).

28- Hình ảnh hay sự việc đặc biệt gây xúc cảm mạnh (HV, 2t).

30- Nơi An Dương Vương đóng đô năm Bính Ngọ (255 trước Thiên Chúa) (3t).

33- Nơi chứa chấp hay lưu giữ các vật cũ xưa (3t).

34- Nơi xưa kia có tên là Thăng Long.

37- Trò biến hóa nhờ hai bàn tay lanh lẹ (2t).

38- Ký hiệu hóa học của Vàng.

40- Tiếng cười phát lộ sự sung sướng (2t).

42- Thợ hát (2t).

44- Giúp đỡ người nào (HV, 2t).

47- Ca.

48- Kềm, bớt hay ngăn cấm một phần (HV, 2t).

50- Giục giã bằng áp lực hay khẩn nài để người khác làm việc gì đó nhanh hơn (2t).

53- Ăn (E).

54- Yếu (HV).

55- Răng sữa (HV, 2t).

60- Chín tầng gươm báu trao tay

Nửa đêm truyền * định ngày xuất chinh (Chinh Phụ Ngâm).

61- Buồn thảm, rũ rượi như trong câu ca dao:

Người buồn ta cũng * *

Sao bằng niềm nở, dã đề làm vui.

64- Số 1 La Mã

65- Thông gia.

68- 100 kí lô.

73- Nhỏ hơn anh.

75- Số 1,000 La Mã.

76- Sưng lên một cục.

77- Như 75 dọc.

78- Ký hiệu hóa học của Hydrô.

79- Mập.

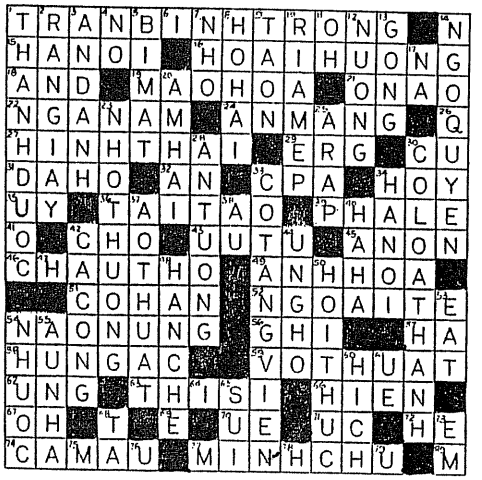

TƯ RÀ RÀ

Gần mực thì đen

Một du khách đi Nga về, kể chuyện trên đường phố Mát cơ va kinh tế thị trường đang nở rộ: ai có cái gì mang bán được thì bày ra đường mà bán. Cảnh đặc biệt nhất là có ông đứng bán những cái bóng đèn điện đã "cháy tóc", tức là đã hư, đã hết xài rồi! Hỏi tại sao ông lại đi bán mấy đồ hư như vậy, liệu có ai mua không, ông chỉ mỉm cười. Quả nhiên vẫn có người mua. Họ mua về làm gì? Lấy thủy tinh chăng? Lấy dây đồng chăng? Hay để làm kỷ niệm?

Điều tra mãi du khách mới biết: người ta mua bóng đèn hư để mang vào sở. Trên bàn giấy mỗi công nhân viên có một cái đèn, do cơ quan hay xí nghiệp cung cấp. Tháo cái bóng còn tốt ra, lắp cái bóng hư vào. Cái bóng đèn còn tốt mình mang về nhà. Hôm sau vào trong sở báo cáo cấp trên xin thay cái bóng đèn mới.

Kinh tế Nga là kinh tế thời kỳ quá độ, nghĩa lá quá độ từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản. Thị trường thay đổi, nhưng cái tánh ăn cắp của đời sống XHCN thì phải mất nhiều năm mới đổi được. Bác Hồ đã nhập cảng cái chủ nghĩa xã hội ở Nga về Việt Nam. Cái tật ăn cắp của công, lấy công làm tư theo lối XHCN cũng được nhập cảng đầy đủ. Phạm Xuân Đài kể chuyện khi anh còn đi cải tạo ở Thanh Hóa công an gác tù sai mấy người tù vào kho ăn cắp. Người tù cải tạo vẫn còn cái "tật xấu" là tánh lương thiện, có liêm sỉ mà nền giáo dục ở miền Nam dạy cho họ, từ chối không đi ăn cắp. Cán bộ giận, mắng rằng: các anh còn cái tánh tiểu tư sản đó thì không sống nổi ở cái xã hội này đâu!

Mini và rồi Micro

Người Việt ở xứ Mỹ mãi rồi mắc cái tật của dân Mỹ. Một tật là chế ra cái gì rồi lại tìm cách chế ra cái nó nhỏ hơn cho tiện dụng. Lúc đầu chế *computer* (đọc là Công piu tơ, chữ này là chữ Việt Nam mới, xin chị Chân Quỳnh chấp nhận cho). Sau chế ra cái *mini-computer*. Rồi thấy còn to quá, làm *micro-computer* để bàn, còn gọi là P.C. (cũng là chữ Việt gốc Mỹ nữa, đọc là pi-xi). Chế ra cái để bàn rồi lại chế ra cái "để lòng" (hay "để đùi" nếu nghe mà không nghĩ bậy). Rồi thế nào cũng đến cái "bỏ túi".

Đồng bào mình thấy Mỹ có cái đó hay bèn bắt chước. Và mình áp dụng cái "mô hình" đó vào lãnh vực chánh trị. Thử nhìn mà coi, mấy đảng phái của mình cứ càng ngày càng thu nhỏ lại. Ngày xưa một đảng có trăm, có ngàn người. Rồi sau thu nhỏ cho đỡ kềnh càng, mỗi đảng chỉ cần vài chục người. Có tham vọng cao hơn thì lập đảng chỉ vài, ba người thôi, càng nhỏ càng tiện dụng, mang đi chỗ này, chỗ khác nó đỡ tốn kém. Mang đi đâu để làm gì? Thì mang đi gia nhập mấy cái mặt trận, liên minh, liên hội, gồm nhiều đảng họp lại.

Rồi đến lượt các mặt trận và liên minh sản xuất ra cũng mỗi ngày một thu nhỏ. Dùng làm gì? Hoạt động chính là ký vào các kiến nghị, tuyên ngôn. Thí dụ bây giờ có một người nảy ra ý kiến lên án một tờ báo, một cửa hàng bánh cuốn, hay một loại tương mới sản xuất. Thử gán cho nó một cái tội như làm lợi cho Cộng Sản, hay là phản bội văn hóa dân tộc, hay là làm tay sai Xịa (tiếng Việt, gốc từ chữ CIA của Mỹ). Mình viết một cái nghị quyết, hay kiến nghị, hay thông cáo, vân vân, mời một Mặt trận, Liên Minh nào đó ký tên chung cho vui. Họ từ chối! Họ bảo liên minh của chúng tôi đông quá, những bảy người, phải hỏi ý kiến "anh em". Gọi điện thoại viễn liên tốn kém quá. Gửi *fax* cũng được (*fax*, lại một tiếng Việt mới nữa, nhiều người đọc là "phắc"), nhưng anh em họ nhận được fax rồi họ còn họp chi bộ để thảo luận.

Để giải quyết vấn đề trên, trong nền văn minh kỹ thuật hiện đại, chúng ta nên lập các đảng, ủy ban, mặt trận, cơ sở, lực lượng, liên minh, liên hội, tổng liên hội v.v..., càng nhỏ càng tốt. Lý tưởng, là lập ra các cơ sở, lực lượng, liên minh tổng liên hội v.v... chỉ có một người. Mỗi buổi sáng, đứng cạo râu (hoặc đánh phấn) là nhìn thấy toàn thể đoàn viên và ban lãnh đạo, ban chỉ huy, ban hành động, ban tuyên huấn v.v... Các quyết nghị có thể thông qua trong vòng một tích tắc.■

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

CÁC GIẢI TRÚNG:

Giải Nhất * Mitsubishi EX45-L Mini Van
Giải Nhì *Xe gắn máy - Honda Elite 80
Giải Ba * Máy giặt & Máy sấy - Whirpool
Giải Bốn * Tủ lạnh - Kennmore
Giải Năm * Tivi mầu - 27" Mitsubishi
Giải Sáu * Cassette CD PCX610
Giải Bảy * Microwave - G.E.
Giải Tám * 1 nồi cơm điện hâm nóng - Hiệu National SR-SA15N
Giải Chín * Nồi cơm điện như trên
Giải Mười * Nồi cơm điện như trên

SALE!

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- **Chợ lớn NHẤT**
- **Hàng nhiều NHẤT**
- **Thịt, cá, rau tươi NHẤT**
- **Đủ loại hàng thực dụng NHẤT**
- **Giá cả các loại hàng hạ NHẤT**
- **Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT**
- **Tiếp đãi ân cần NHẤT**
- **Địa điểm thuận lợi NHẤT**
- **Bãi đậu xe an toàn NHẤT**
- **Và đã được mọi người ưa thích NHẤT**

design by Ngọc Phu

ĐẶC BIỆT MÙA HÈ 92

- Mỗi lần đi chợ là Quý Vị có được một dịp may.
- Mỗi người đi chợ đều có một tấm giấy số.
- Để được dự cuộc xổ số mỗi cuối tuần và một lần độc đắc với nhiều Tặng Phẩm thiết dụng đáng giá như trên.

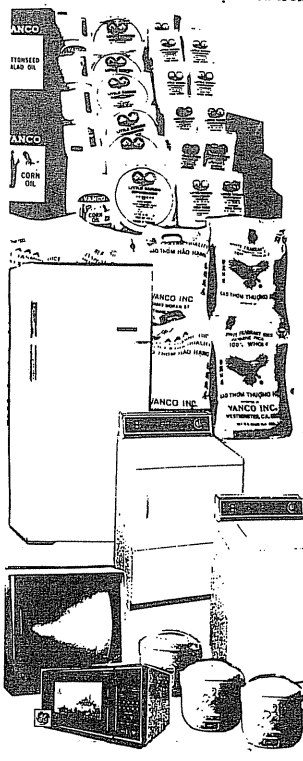

Vé Số của chợ* LITTLE SAIGON *được xổ nhiều lần vào mỗi ngày Chủ Nhật - Cuối tuần vào lúc 5 giờ chiều. Khi xổ xong được bỏ vào trở lại để tiếp tục xổ vào những lần kế tiếp - và sổ Độc Đắc.

LÔ ĐỘC ĐẮC ĐƯỢC XỔ VÀO **NGÀY 31-10-1992**

Rủ nhau đi chợ **Little Sàigòn** để được dự cuộc Xổ Số hào hứng nhứt của **Mùa Hè 92.**và được mua hàng trăm món hàng SALE khác.

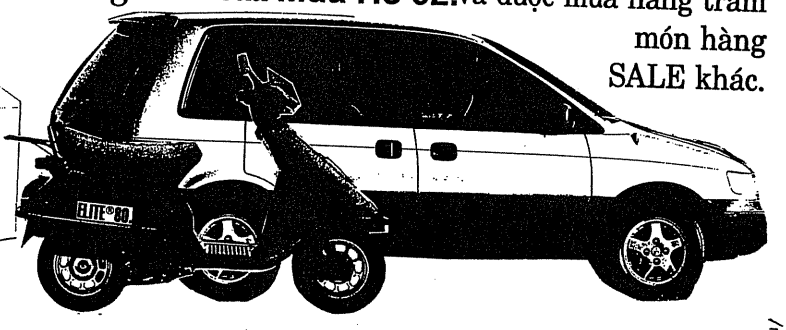

design by Ngọc Phu

100 NGƯỜI NÓI, 1000 NGƯỜI TIN, 100.000 NGƯỜI ĐẾN

9822 BOLSA AVE. ● WESTMINSTER, CA 92683 ● TEL: (714) 531-7272

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ◻ FACR ◻ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ◻ Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 ▪ 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.